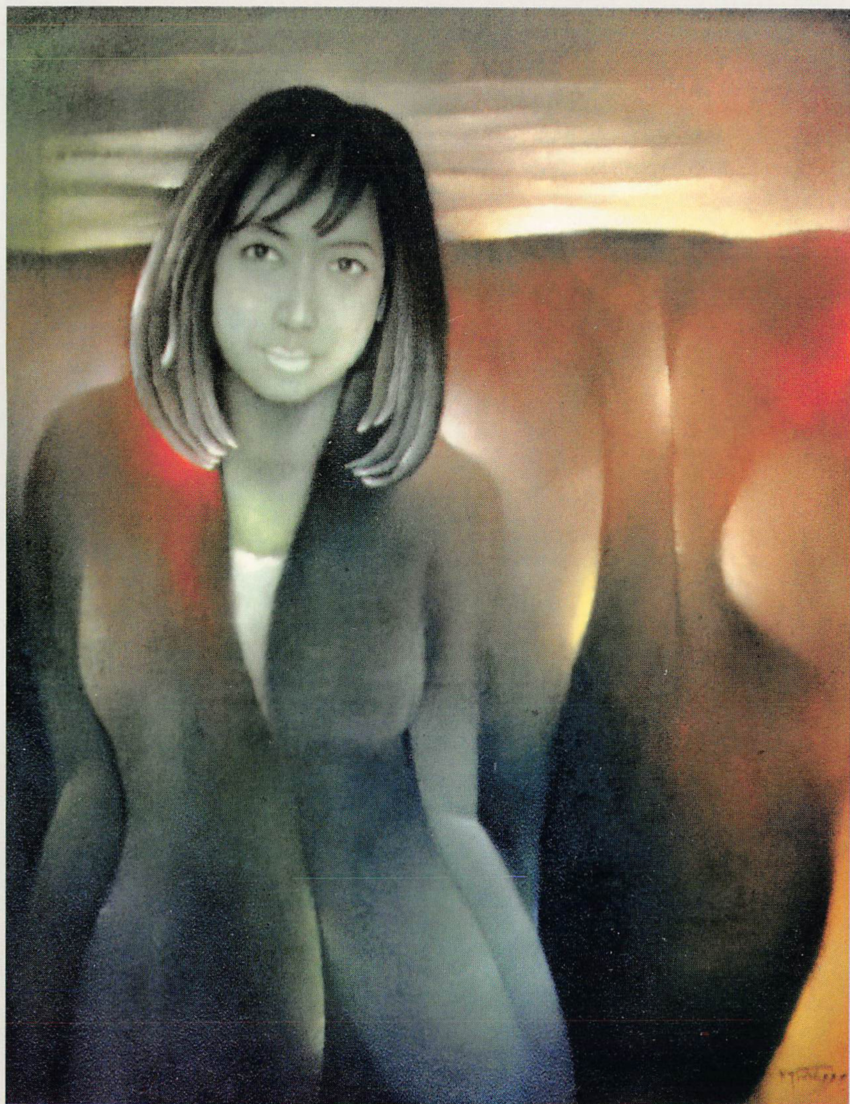
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

SỐ 48 THÁNG 8 & 9 NĂM 1999



khánh trường - tân tương tri - oil on carton



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com
http://www.kicon.com/hopluu

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 48 tháng 8 &9 năm 1999

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Chủ trương:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Phan Tấn Hải, Như Hạnh, Luân Hoán, Vũ Quỳnh N.H., Đỗ Kh., Thụy Khuê, Thân Trọng Mẫn, Trần Thị Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Hồ Đình Nghiêm, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ.

Chủ biên:

Khánh Trường

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Gửi bài qua email xin sử dụng địa chỉ hopluu@hotmail.com

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



HỢP LƯU
số 48, tháng 8 & 9 / 1999



MỤC LỤC

Tranh bìa:
Khánh Trường
"Tân Tương Tri"
(*chữ mượn của Ngngdung, Văn, số 31 tháng 7/1999, tr. 72*)
Sơn dầu trên carton



Thư tòa soạn



Hơn một lần, trên tạp chí này, chúng tôi có đề cập đến hiện tượng các cây bút nữ hình như đang.... làm chủ diễn đàn văn học hải ngoại. Họ viết mạnh, viết hay. Những tài năng mới xuất hiện đều, Lê Minh Hà, Nguyễn Hương, Miêng, Mai Ninh, Hồ Như, Hoàng Nga, và gần đây nhất, Phạm Hải Anh..., mỗi người một bản sắc, đã tạo cho khuôn mặt văn chương hải ngoại một sắc diện mới, phần nào thoát ra ngoài *"trò chơi bệnh hoạn đã cũ: ngồi thu lu ở chỗ khuất nẻo ngắm nghía vết thương của mình mà than thở, hối tiếc; lắng nghe tiếng thở dài của mình để ráng tìm một ý nghĩa rồi khuyếch đại thành một bản hợp xướng...* (họ) *không còn là tù nhân của bất cứ ghetto nào, bất cứ thứ mặc cảm nào, bất cứ hoang tưởng nào."* (Nguyễn Mộng Giác: Tựa cho Chân Mang Giầy số 6 của Song Thao). Có lẽ vì vậy, văn chương của các ngòi bút nữ rộng rãi hơn, thoáng đạt hơn, đề cấp những vấn đề vĩnh cửu hơn. Khác hẳn với một số các nhà văn nam giới, cho đến hôm nay, sau hai mươi bốn năm tàn cuộc chiến, vẫn còn "áo trận, nón sắt; đường hành quân nắng cháy da người", miệt mài xông pha trong trận đồ... bill, tiền, nhà, xe, job... ở Mỹ, ở Pháp, ở Úc, ở mọi nơi trên thế giới, để bảo vệ... quê hương! Loại văn chương này, nhìn từ góc độ nào đó, là những hài kịch, nhưng thảm thay, không tạo nổi một tiếng cười, dù chỉ cười gượng. Trái lại, nó đáng thương đến nao lòng, xót ruột.

Hợp Lưu đã định thực hiện một số đặc biệt về các nhà văn nữ

hải ngoại. Nhưng rất tiếc, do vài trở ngại ngoài ý muốn, số báo ấy chưa thể hoàn tất. Bù lại, trong số trước, cũng như số này, chúng tôi trân trọng gửi đến độc giả những sáng tác mới nhất của họ - các nhà văn nữ - để minh chứng cho nhận xét chúng tôi vừa nêu trên.

Sau đây, độc giả sẽ tiếp cận với thơ truyện của Phạm Hải Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Mai Ninh, Phan Huyền Thư, Lê Thị Thấm Vân. Trần Mộng Tú, NgngDung, Phạm Tường Vân, Nghĩa Hà...

Ngoài sáng tác của các nhà văn nữ, chúng tôi cũng trân trọng giới thiệu nhà văn Ngô Thế Vinh, cùng những ưu tư của ông qua loạt truyện liên quan đến con sông Cửu Long, huyết mạch của vùng Đông Á châu.

Nhà văn trẻ Đinh Linh, tuy không sáng tác được bằng tiếng Việt, nhưng qua các truyện ngắn Anh ngữ anh đã viết, tình tiết và bối cảnh Việt Nam vẫn là cốt lõi. Trong số này, độc giả sẽ thưởng thức truyện ngắn *Nhạc Tây* rất xuất sắc của anh, với bản dịch của nhà thơ trẻ Phan Nhiên Hạo.

Một nhà văn khác, Nam Dao, bằng vào kiến thức sâu rộng về lịch sử, cộng thêm nhiều hiểu biết khác trong mọi lĩnh vực, đã làm người đọc ngạc nhiên với loạt truyện xuất hiện đều đặn trên Hợp Lưu thời gian gần đây.

Phần thơ ca cũng đa dạng không kém qua sáng tác của Hà Quốc Huy, Đỗ Quyên, Đỗ Thì Kênh G, Nguyễn Tôn Nhan, Đức Phổ, Nghĩa Hà, Hoàng Xuân Sơn, Mai Y Tiến, Nguyễn Đức Sơn, Đỗ Kh., Nguyễn Đức Sơn, Phan Nhiên Hạo, Khoa Hữu, Phạm Việt Cường, Phan Ni Tấn, Đặng Hiền.

Phần biên khảo, nhận định, đọc sách kỳ này được viết bởi Nguyễn Văn Trung, Đoàn Xuân Kiên, Nguyễn Cung Thông, Nguyễn Hữu Lê, Nguyễn Vy Khanh, Lê Minh Hà.

Cuối cùng, Hợp Lưu thành thật xin lỗi độc giả, do bài vở tồn đọng còn nhiều, phải giải quyết bớt, nên mục *Ngày... Tháng...* do Kim Thi phụ trách tạm gác một kỳ.

HỢP LƯU

HÃY THAM GIA ĐÓNG GÓP BÀI VỞ NGAY TỪ BÂY GIỜ CHO HỢP LƯU XUÂN CANH THÌN, NĂM 2000



NGUYỄN VĂN TRUNG

Mối quan hệ giữa người đọc và người viết



Trong mối quan hệ giữa người viết và người đọc, về phía người đọc, thực ra có hai giới, giới người đọc chỉ đọc, không viết, ngay cả viết bày tỏ phản ứng trong báo mình đọc, cũng có một ít và trong số ít đó, có thể lại chỉ là người tòa soạn viết mang danh độc giả. Như vậy có mối quan hệ giữa người viết và người đọc *đồng thời* là người viết. Mối quan hệ này còn mang tính chất đặc biệt trong trường hợp người viết là giám đốc nhà xuất bản, chủ nhiệm tờ báo và người viết chỉ là cộng tác viên của nhà xuất bản hay của tờ báo. Tìm hiểu mối quan hệ trên, thiết tưởng nên đặt vào hoàn cảnh viết trong một chế độ chính trị xã hội ở một thời kỳ nhất định, dựa trên những bằng chứng (những con số thống kê, điều tra, phỏng vấn v.v...) có thể kiểm tra được.

Dưới đây, tôi ghi một vài nhận định gợi ý về ba hoàn cảnh viết: miền Nam Việt Nam thời kỳ 1864-1930; thời kỳ Việt Nam Cộng Hòa (1955-1975) và văn học hải ngoại hiện nay.

I. Thời kỳ 1864-1930 mà tôi gọi là Lục châu học

Trước bộ tiểu thuyết lịch sử "Gia Long tẩu quốc — Hoàng tử

Cảnh như tây — Gia Long phục quốc" gồm 11 tập, 835 trang, của Tân Dân Tử xuất bản vào những năm 1930; bản hiện có đề in lần thứ sáu, không rõ lần chót là lần thứ mấy, người đọc ngạc nhiên buộc phải tìm hiểu tại sao một cuốn truyện dài, mỗi lần in từ hai đến ba nghìn, tái bản lần thứ sáu, có một số lượng người đọc mà ngày nay cũng ít thấy? Tôi nhận ra một số dữ kiện sau:

1- Xã hội thời đó chưa phân hóa nặng nề về tôn giáo, ý thức hệ chính trị, chưa phân biệt rõ rệt về các giới xã hội ở thành thị, nông thôn, chưa phân loại thể văn hóa (tôn giáo, văn học, khoa học, kinh doanh...) có một đồng thuận: khát vọng độc lập, phát triển, lo ngại mất gốc vì miền Nam là vùng đất mới trước chính sách đồng hóa của người Pháp.

2- Trí thức, dù theo Tây học vẫn chịu ảnh hưởng Nho học, đều có thái độ dấn thân vào thời cuộc, lựa chọn làm những việc lợi ích cho quần chúng hơn là họ lập thân cho cá nhân. Bác sĩ Nguyễn Bính, một trong số "lương y bổn quốc" tốt nghiệp y khoa đầu tiên, viết sách về "Nam nữ hôn nhân sinh dục vệ sanh" và "Phong tình bệnh chứng" in lần đầu 3000 cuốn, tái bản, đồng thời viết tiểu thuyết mang tính chất "viễn mơ" phản ánh những ước mong của người dân qua những truyện đề cao "hành động đạo tặc mà không hại cho phong hóa" (theo lời giới thiệu của Nguyễn Kim Đính, tổng lý Công luận Báo) của các tướng cướp lấy của nhà giàu (Tây ta chủ đồn điền) cho người nghèo, như truyện "Kim thời dị sử" đăng trên Công luận hồi 1917 và in thành sách năm 1921, với bút hiệu: Biến-ngủ-Nhy. Truyện bán rất chạy vào thời điểm đó, người dân chưa thể làm cách mạng chống Pháp và cách mạng xã hội mà chỉ thấy thỏa mãn phần nào khi những ước mơ kể trên được thể hiện trong cái tổ chức đạo tặc "thế thiên hành đạo" mà cơ quan an ninh của người Pháp gọi là một "hiệp hội cho cái ác" (une mutualité pour le mal."

3- Cách ấn loát. Sách báo thời kỳ này chưa phân loại: văn học ra văn học, tôn giáo ra tôn giáo, không pha trộn lẫn lộn. Tờ báo đạo "Nam Kỳ địa phận" trong lời nói đầu số 1 (1908) chủ trương "Sự gì hữu ích thì đem vô hết," báo chỉ nói chuyện đạo một phần, phần lớn còn lại nói đủ thứ chuyện đời. Báo "Khoa học" đăng bài khoa học tây phương đăng cả bài về đông y, văn thơ, truyện tàu... Sách truyện thường đăng hình vẽ minh họa những điều mô tả. Sách báo đều đăng quảng cáo, không phải chỉ một loại, chẳng hạn báo văn học không chỉ

đăng quảng cáo sách văn hóa, mà đăng đủ loại quảng cáo; Quảng cáo đăng trước khi vào truyện xen kẽ trong các chương và sau kết thúc chuyện. Mở đầu truyện “Kim thời dị sử,” độc giả được đọc 8 quảng cáo về dầu Nhị thiên đường, sách thuốc của lương y Nguyễn Bính, tiệm bán đồ dùng bằng sắt, (tủ sắt, cửa sắt, hàng rào sắt), rượu Cognac, thuốc bổ thận hoàn v.v... Cuối tập 1, đăng 15 quảng cáo: bán đồ nữ trang, khách lâu, đèn bóng (măng-xông), hãng sửa xe, hiệu may, tiệm thuốc tây v.v... Thật lý thú đối với người đọc.

Bây giờ, nhìn lại sinh hoạt văn học thời kỳ đầu thế kỷ ở miền Nam, khi đọc “Cái án Cao Đài” của Đào Trinh Nhất. Ông là nhà báo nổi tiếng gốc Bắc vào Nam sinh sống viết biên khảo phê phán đạo Cao Đài vừa thành lập ở Nam Kỳ là tà đạo, nhảm nhí, một thứ tạp-pí-lù lẫn lộn đủ thứ đạo khác nhau. Ông theo quan niệm phân loại đã thành nếp ở miền Bắc, trong khi miền Nam trở lại thời kỳ chưa phân. Điều trớ trêu là thấy mở đầu sách biên khảo lập luận chặt chẽ này, người đọc phải đọc ba quảng cáo không dính líu gì tới văn hóa, tư tưởng, tôn giáo: quảng cáo crème bôi da, hãng môi giới công thương Trung, Nam, Bắc, hãng bán phân bón của người Pháp, và xen kẽ giữa các chương sách, đều có quảng cáo: dĩa hát pathé, rượu mạnh Cognac, Champagne, hàng nội hóa v.v... Ngoài bìa có ghi chú: *Sách nên đọc*, dưới có tên nhà in, năm in 1929 nhưng không ghi nhà xuất bản, sách bán ở tiệm sách nào, nghĩa là sách cũng được bày bán ở tiệm tạp hóa bên cạnh các thứ hàng linh tinh khác. Không rõ ông Đào Trinh Nhất có nhận ra tính cách trớ trêu kể trên; nhưng dù có nhận ra, nếu ông muốn in sách ở miền Nam, ông phải chấp nhận quan niệm làm văn hóa không phân của miền Nam thời kỳ đó.

4. Cách phát hành. Sách in, đặc biệt truyện, tiểu thuyết thường không in thành tập trang trọng mấy trăm trang, mà từng tập mấy chục trang, ít chú ý tới trình bày mỹ thuật, không bày bán ở tiệm sách mà ở các tiệm tạp hóa bên cạnh các đồ dùng khác, hoặc ở bến xe, bến đò, bến phà... vì thế, ngày nay rất khó sưu tầm được đủ các tập của một cuốn truyện.

Tóm lại, người viết trong thời kỳ này đã viết cho mọi người đọc, thuộc đủ mọi giới xã hội và về phương diện văn học, chỉ có một giới đọc, vì chỉ có một dòng văn học. Hơn nữa, lưu tâm tới cách viết, cách in ấn, phát hành làm sao cho thuận tiện đến tay được nhiều người đọc và dễ kiếm mua (không phải vào tiệm sách) để mua (giá rẻ, mấy chục xu một tập), dễ đọc, dễ hiểu (tránh dùng từ Hán Việt khi không cần

thiết): dùng từ nhà hàng, nhà in, nhà sách, đặc biệt theo trường phái Trương Vĩnh Ký và Nguyễn Háo Vĩnh, người phê phán Nam Phong về xu hướng sính dùng từ Hán Việt).

Về quan hệ người đọc, người viết *đồng thời* là người đọc, giữa người Nam với nhau, thường giữ được thái độ thanh thản hòa khí trong cái trao đổi ý kiến, tranh luận về tư tưởng văn hóa, chẳng hạn về khẩu hiệu "Chống chệc, chống chà, trả Thích Ca về Thiên trúc, trả Quan Công về Tàu" mà có người gọi là bom nổ trong làng báo, vào những năm 1907, 1908 khi các báo cổ động phong trào Minh Tân (tránh dùng từ Duy, tên vua Duy Tân). Nhưng giữa người viết miền Nam và miền Bắc, đã xảy ra nhiều va chạm, chọc giận do người Bắc vào Nam viết báo trong Nam hay vào Nam rồi về Bắc viết báo ngoài đó bày tỏ thái độ khinh miệt người Nam. Điển hình là vụ Phạm Duy Tốn (1916) vào Nam vận động các báo Nam thành lập ban quyên góp giúp người Bắc bị bão lụt, không được nhiều như ông tưởng, đã viết bài chê miền Nam không có văn minh, vụ Phạm Quỳnh vào Nam cho biết dân tình, về Bắc viết trong Nam Phong khinh chê người Nam mất gốc, kém văn hóa, chỉ sản xuất những người như Trương Vĩnh Ký, mới đủ trình độ viết sách cho con nít đọc, trong khi miền Nam suy tụng ông là "Ông thầy đạo lý của cả miền Nam." Vụ Phan Khôi chỉ trích các nhà văn nổi tiếng miền Nam viết sai chính tả, tên của mình cũng viết sai.

Nỗi bực bội đến chỗ thốt ra những lời trách móc: nhận cho sinh sống ở miền Nam mà lắm chuyện quá, tống cổ về Bắc, Trung cho rồi. Hậu quả là không nhận người Bắc viết báo của miền Nam như Tam Lang đã than phiền sau khi đến gõ cửa nhiều tờ báo đã bị từ chối: "Chân ướt chân ráo đến Saigon, sau khi hỏi thăm đường lối của hòn ngọc Viễn đông, chúng tôi xách cả khăn gói vali cuốc bộ đến chủ nhiệm là ông Nguyễn Văn Của, không có mặt, người tiếp chúng tôi là ông Lê Hoằng Mưu chủ bút. Vẻ niềm nở của ông đem lại cho chúng tôi hy vọng phen này đạt được chí lớn, nhưng ngay sau khi đó 10 phút, chúng tôi thất vọng khi ông cho biết: báo Nam kỳ không xài dân Bắc vì 99% độc giả là người miền Nam" (Cuộc đời làm văn làm báo. Nghiên Cứu Văn Học Saigon. Số 4-6-1971, trang 30). Nếu Tam Lang được biết Lê Hoằng Mưu, một nhà văn nổi tiếng của miền Nam đã bị "Phạm Duy Tốn châm chích" thế nào hồi 1915, 16 thì ông dễ chấp nhận hơn nỗi thất vọng của ông.

II. Thời kỳ Việt Nam Cộng Hòa (1959-1975)

Một số đông người cầm bút viết văn, viết báo, giảng dạy viết

sách giáo khoa từ miền Bắc vào Nam sau 54 đã tiếp tục viết theo quan niệm phân loại, phân biệt vốn đã trở thành nề nếp ở miền Bắc, quan niệm này chia thành hai dòng văn học: văn học bác học, trí thức của thiểu số ở đô thị và văn học bình dân. Người ta không đặt ra cho mình những câu hỏi: viết cho ai, tại sao viết, viết để làm gì, và nếu có nghĩ đến thường hiểu viết *cho mọi người* đọc trong khi thực sự người viết đã tự hạn chế người đọc vào một giới do những lựa chọn cách viết, cách in ấn, phát hành... Muốn có một hiểu biết khách quan, tương đối chính xác về điều này, cần có những thống kê, điều tra, phỏng vấn, thư mục, kê khai... tất cả những lối tiếp cận kể trên đa phần chỉ có giá trị tương đối, không phản ảnh toàn thể thực tế, nhưng ít ra đó là những chỉ dẫn tin cậy và có cơ sở trong thực tế. Chẳng hạn những tạp chí đăng ở trang bìa sau định giá mua báo dài hạn, tuy chưa cho biết số độc giả đọc không mua báo, nhưng ít ra cho biết số độc giả mua báo và vì mua nên chắc có đọc... và số lượng này cũng cho thấy độc giả ở vùng nào đọc; nếu so với tỷ lệ dân số, nói chung độc giả ở tỉnh đọc nhiều hơn ở Saigon, và ở tỉnh, các tỉnh miền Trung đọc nhiều hơn miền Đồng bằng sông Cửu Long.

Theo thuyết trình của Bộ Thông Tin về tình hình xuất bản và nhập cảng sách từ 1954 đến 1972 trong Hội thảo về hiện trạng và chiều hướng phát triển sáng tác Việt Nam, nhân năm Quốc tế phát triển sách 1972, người đọc có được một số hiểu biết dựa vào con số về số lượng sách nhập bằng các tiếng Anh, Pháp, Hoa, về các loại giáo khoa, biên khảo, sáng tác, tôn giáo, khoa học, văn học... và qua những con số, thấy được số sách nhập về thể loại thì phong phú (gồm nhiều loại, nhưng về số lượng nhập lại rất ít có cuốn chỉ nhập một hai đơn vị). Phía nhập cảng cho biết số nhà sách nhập và tại sao họ nhập nhiều thể loại, nhưng chỉ nhập vài chục hay vài cuốn một sách vì thiếu ngoại tệ. Phúc trình cũng cho thấy tình trạng bán sách theo 6 loại, và loại nào có nhiều độc giả hơn cả v.v...

Tình hình phát hành, bán sách báo, theo những vị phụ trách nhà xuất bản, tạp chí cho biết qua phỏng vấn; chẳng hạn Tràng Thiên (bút hiệu của Võ Phiến, nhà XB Thời Mới, cuốn sách bán hết (bán chạy vào thời điểm gọi là cao trào của Hiện sinh là của "Triết học hiện sinh" của Trần Thái Đỉnh (2500 cuốn). Bách Khoa số 289. 15/11/1969 trang 39). Theo Trần Phong Giao phụ trách Văn, Tân Văn, báo có lúc bán được 14, 15 ngàn số hồi 1967, sau Mậu Thân 68, xuống 8, 9 ngàn. Báo có 3 xu hướng: giới thiệu các tác giả nước ngoài, thơ văn hợp

tuyển trong nước, các tác giả Việt Nam..., thường những số giới thiệu các tác giả Việt Nam bán chạy hơn cả.

Hoặc có thể tìm hiểu cụ thể hơn, trong số người cầm bút sáng tác, biên khảo thuộc giới làm văn học bác học, những tác giả nào, những tác phẩm nào được đọc trong một thời điểm nhất định. Tạp chí "Hành Trình" dự định ra một số đặc biệt về 10 năm văn nghệ miền Nam (1954-1964) trình bày nhiều mục: 3 thế hệ văn học, Tự lực Văn Đoàn còn sót lại, những nhà văn 40 tuổi, lớp trẻ; Kiểm điểm thơ, tiểu thuyết, phê bình văn học, sân khấu, tạp chí, dịch thuật... Khuôn mặt: thân phận tác giả, tác phẩm, tổ chức sinh hoạt văn nghệ, vấn đề xuất bản, phát hành, các giải thưởng văn học, các vụ tranh luận kinh nghiệm viết văn (kỹ thuật), sự du nhập ảnh hưởng tây phương trong văn chương hiện đại, văn chương và chính trị. Ban chủ biên trao cho Thế Nguyên, Diễm Châu, Nguyễn Quốc Thái thực hiện một "Trưng cầu ý kiến bạn đọc về: Những tác phẩm văn học được nhiều người ưa thích nhất trong khoảng 10 năm trở lại đây (1954-1964) về 3 loại: Tiểu thuyết, biên khảo, thơ... Kết quả cho thấy có 21 tác phẩm (tiểu thuyết), 13 biên khảo, 11 tập thơ được đọc nhiều hơn cả, và 13 tác giả (tiểu thuyết), 10 tác giả biên khảo, 11 nhà thơ được nhắc đến. Điều bất ngờ là Mai Thảo, tác giả "Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời" không được nhiều người đọc hơn cả, mà chính là Nhật Tiến, người thuộc lớp "tàn dư" của Tự Lực Văn Đoàn còn sót lại và bị nhóm Sáng Tạo hô hào đào mồ chôn từ 1957.

Võ Phiến không được nhắc đến trong thể loại Biên khảo, mà chỉ trong thể loại Tiểu thuyết với tác phẩm Đêm Mưa. Còn Thơ, không phải Vũ Hoàng Chương, Thanh Tâm Tuyền mà Nguyên Sa được đọc nhiều hơn cả (1).

Các tác giả, tác phẩm được đọc ít hay nhiều cũng chỉ trong khuôn khổ văn học bác học, trí thức, và đem so với văn học đại chúng, thì thật là nhỏ bé, quá ít. Một điều tra ở một cư xá công chức đô thành cho thấy: Số gia đình mua tạp chí rất ít, song không có một nhà nào trong cư xá không có một hay hai tờ báo hằng ngày.

Kết quả điều tra: 50 phiếu trả lời thì cả 50 phiếu đều có mua báo, có gia đình mua hai ba tờ; chỉ có 4 phiếu mua tạp chí trong 50 phiếu trả lời. Như vậy chỉ có 4 gia đình đọc tạp chí văn học nghệ thuật. Ảnh hưởng của tạp chí thật khiêm tốn, mỗi tháng chỉ lên tiếng một lần, không bằng 1/4 số lượng nhật báo tiêu thụ mỗi ngày (Đoàn Thêm, Việc từng ngày, 1967, trang 308). Chính người viết tự hạn chế người đọc bằng cách viết chỉ cần thỏa mãn sở thích riêng, như những kiểu

viết làm dáng trí thức, chuộng hình thức chủ nghĩa, dùng nhiều từ tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức trong bài viết, hoặc viết khó hiểu, tối tăm vì cho rằng như thế mới cao siêu trong khi thực ra chỉ bày tỏ sự bất tài, bất lực của mình; bằng cách ấn loát dựa trên phân loại: tạp chí, sách văn học không bàn khoa học tôn giáo, không quảng cáo hoặc chỉ quảng cáo rất ít sách báo văn hóa thôi, sách báo in thành tập cho đủ nội dung bất kể số trang, trừ trường hợp quá nhiều từ 5, 6 trăm trang trở lên, chủ ý trình bày có mỹ thuật và chỉ bày bán ở tiệm sách.

Vào những năm 1966, 67 trở đi, miền Nam có nhiều biến đổi chính trị, xã hội như sự đảo lộn tầng lớp xã hội: nhất điếm, nhì sư, tam cha, tứ tướng, và về văn hóa đặc biệt đáng kể hơn cả là sự du nhập và phổ biến rộng rãi văn hóa đại chúng.

Những người viết trong khuôn khổ văn hóa đại chúng đều không tên tuổi, hoặc có thể tự họ và người đọc được kể là không. Họ như những thợ viết, thợ vẽ trong một cơ xưởng sản xuất theo những ước định có sẵn, theo đơn đặt hàng, cứ thế mà phóng tác. Ngay cả những người có tên tuổi trong giới viết văn thuộc dòng văn học bác học, trí thức có thể cũng bị lôi cuốn vào sinh hoạt văn học đại chúng khi đồng ý để truyện họ đã viết, hay phóng tác những trang feuilleton đăng trên báo hàng ngày, rồi in thành sách, trở thành truyện không phải bán trong nhà sách mà để cho thuê ở các sạp bên vỉa đường; Những Lê Xuyên, Chu Tử, Lệ Hằng, Nguyễn thị Hoàng v.v... đối với độc giả của văn học đại chúng, kể như vô danh vì người đọc trong giới này đâu cần biết họ là ai.

Người đọc văn hóa đại chúng chỉ là người đọc, không bao giờ *đồng thời* là người viết; Họ có thể là người con gái giúp việc trong nhà gia đình các nhà văn Vũ Khắc Khoan, Doãn Quốc Sĩ, Nguyên Sa, hay làm thuê cho người nước ngoài, làm me Tây me Mỹ, ngày thường vừa làm vừa coi tivi, đài riêng nghe cải lương, chủ nhật cũng ăn mặc son phấn, đi bát phố, sở thú, la cà chỗ nọ chỗ kia chẳng khác gì cô cậu học sinh sinh viên thuộc tầng lớp trung lưu, thượng lưu... Văn hóa đại chúng là chung cho mọi người không phân biệt giai cấp, chỉ có một giai cấp là giai cấp những người tiêu thụ, kẻ ít người nhiều thế thôi.

Để dẫn chứng cụ thể, có thể lấy trường hợp triết học hiện sinh là một triết học vốn rất khó hiểu đã chỉ phổ biến thời Đệ I Cộng Hòa ở giảng đường hay trong các tạp chí văn học, triết học chuyên môn, mà tôi gọi là triết học trong phòng; Được trưng dụng vào văn học đại chúng, triết học hiện sinh cũng xuống đường, trở thành một lối ăn mặc, một lối vui chơi, một lối yêu đương, được gán là Hiện Sinh cũng

có một vài từ ngữ khác, mà nghĩa không ăn nhằm gì tới nội dung thực sự của chúng trong triết học.

Để kết thúc mấy nhận xét kể trên, xin kể kinh nghiệm bản thân. Tôi là người viết đã ý thức được những lựa chọn viết không phân biệt văn học triết học, sáng tác và biên khảo, vừa là nhà giáo ở trường vừa là người giao du với giới văn nghệ ngoài trường, có những cuốn sách như Ca Tụng Thân Xác, in 5000 bán hết, các tập nhận định in 2000 đều tái bản, có tập như Nhận định I, tái bản lần thứ 4, năm 1969. Nhưng dù viết cách nào; vẫn không ra khỏi giới trí thức. Tôi tham gia các phong trào tranh đấu ở đô thị, phong trào của sinh viên học sinh thì tôi được biết là ai, nhưng phong trào quần chúng của giới bà con cô bác, làm công, buôn bán ở Bến Thành, không ai biết tôi là ai. Có phát biểu cũng không được hưởng ứng vì không thoát khỏi lối nói trí thức. Trái lại ông Hồ Hữu Tường được hoan hô nhiệt tình vì lối phát biểu, lối viết quen thuộc của ông thích hợp với quần chúng và lúc đó tôi cảm nhận tôi chỉ là một người thuộc giới văn học trí thức mà thôi.

Sau 75, các người cầm bút, cầm đầu văn hóa văn nghệ từ miền Bắc vào tập trung tố cáo, kết án, lùng bắt những người viết thuộc giới văn hóa trí thức, phần lớn người Bắc, Trung như mình, nghĩa là những người tuy coi nhau là thù địch, nhưng đều chung một lối làm văn học. Giả sử lúc đó, làm một điều tra xem họ có bao nhiêu người đọc, trong giới nào, và trong số người đọc, có chịu những tác động nào, nhất là về chính trị, chắc đã chẳng hiểu điều Tam Lang thú nhận khi được sinh viên Văn Khoa hỏi về "Phóng sự kéo xe" của ông: Xin cụ cho biết phản ứng của các giới lúc đó về cuốn phóng sự: giới chủ xe, cai xe, phu xe và người đi xe? - Họ chả có phản ứng gì, giới phu xe thì không đọc báo cho nên không biết mà phản ứng! Nhưng lúc đó cách mạng cần nói đến làm cách mạng, và làm cách mạng thì cần có kẻ thù, kẻ thù thực sự hay tưởng tượng. Như vậy những người cầm bút bị bắt tù đày, bỏ nước ra đi, đã được vinh dự trở thành những thánh tử đạo văn nghệ một cách miễn cưỡng, ngoài ý muốn của họ.

III. Người viết và người đọc ở hải ngoại

Không thể nói ra lời!

Biến cố 30-4-75 đã buộc một số đông người miền Nam bỏ nước ra đi. Đây là một đoạn tuyệt vĩnh viễn của một tập thể. Sau này, có người về nước, là với tư cách cá nhân; thường trở về rồi lại ra đi. Sự ra

đi càng thê thảm, mấy năm sau với hiện tượng "thuyền nhân." Những người sống sót định cư rải rác ở các nước ngoài. Họ đúng là những chứng tá hiểu theo nghĩa tôn giáo của từ ngữ. Họ làm chứng không phải cho những chính quyền Saigon gồm một số viên chức, tướng tá bất tài thất đức, mà cho chính thể Việt Nam Cộng Hòa, chế độ xã hội miền Nam có nhiều thể chế, giá trị tinh thần, đạo lý mà chính thể kế tiếp mong phục hồi. Ngay cả các chính quyền Saigon, những ông Diệm, ông Thiệu cũng không phải những nhà độc tài tương tự Pinochet, Suharto, Duvalier... như báo chí tây phương thường nói.

Hiện tượng "Thuyền Nhân" gây xúc động trong lương tri nhân loại, đã làm cho trí thức khuynh tả, khuynh hữu ngồi lại với nhau giúp thuyền nhân như trường hợp J. P. Sartre và R. Aron; nhóm bác sĩ Bernard Kouchnu trong "Hội những bác sĩ không biên giới." Họ ủng hộ miền Bắc, tiếp tục ở lại Saigon sau 75 làm việc ở bệnh viện Gia định; Sau đó họ nhận ra những ảo tưởng của họ khi bị trục xuất. Năm 1978, họ tung ra chiến dịch "Một cái tàu cho Việt Nam" (xem French Doctors, Olivier Weber, 1995). Những xúc động của thế giới, đặc biệt trong giới trí thức, kể cả khuynh tả về hiện tượng "thuyền nhân" tương tự trước cảnh "Exodus" và Holocauste, hay Shoah của người Do Thái. Từ trên 50 năm nay, đã có nhiều bàn luận, suy niệm về "Shoah," tuy không đồng ý hết với nhau, nhưng đều coi đó là tội ác, cái xấu tuyệt đối (lemalabsolu) nhưng cũng lại thấy cái xấu, tội ác đó mang tính tầm thường (banalité du mal) như Hannah Arendh, nổi tiếng về lý luận chế độ toàn trị, đã nhận định, vì những kẻ gây tội ác thường không phải hạng người điên khùng, độc ác, mà là những người bình thường như mọi người. Tuy nhiên đó là điều xấu triệt để khó hiểu, khó diễn tả, nói ra lời, không thể tha thứ vì cái đã mất không thể phục hồi, nhưng cũng không thể tố cáo mà không tự tố cáo...

Theo tôi, thân phận Việt Nam từ 45 đến nay, sự kiện thuyền nhân bi thảm hơn nhiều Exodus, Shoah, vì có hàng trăm Exodus. Thảm cảnh xảy ra trên biển cả là tự nguyện mặc dầu biết khó tránh khỏi cảnh chìm sâu trong biển cả, hoặc cảnh chết đói chết khát, cảnh chứng kiến vợ, con gái bị làm nhục, hãm hiếp... Những người ở lại Việt Nam, nhận được thư từ của người thân trong gia đình, họ hàng, bạn hữu tả cảnh vượt biên, chỉ có thể thương cảm mà không thể hình dung trong trí cảnh tượng đã xảy ra, càng không có lời nào nói lên được thảm cảnh. Những người ở lại trong nước trông chờ những người đã ra đi, sống sót làm nhiệm vụ chứng tá, không phải để nói *với nhau, chonhau* mà *thay người* ở lại, làm chứng cho Việt Nam, *với* người nước

ngoài, đặc biệt ở những quốc gia mình cư ngụ.

Chẳng hạn, gom các thư đã gửi về Việt Nam và dịch ra. Đây là một chứng từ có khả năng gây xúc động, thuyết phục vì người viết không có ý định nói công khai *với* người ngoài, mà chỉ nói *với* người thân; không tố cáo kết án ai, mà chỉ gắng diễn tả những gì đã trải qua mặc dầu biết không thể nói lên hết được. Hoặc giới thiệu những viên chức, tướng tá tự sát như Nguyễn Khoa Nam, Lê Nguyên Vĩ, Trần Văn Hai, Nguyễn Văn Phú v.v... Người nghe, bất kể là ai, không thể không xúc động, cảm phục khí tiết, thái độ bất khuất của những người cũng sinh vi tướng, tử vi thân, vị quốc vong thân. Làm sao những người chỉ huy như vậy lại có thể xuất thân từ một quân đội hoàn toàn chỉ là bù nhìn, tay sai lính đánh thuê cho ngoại bang? Đặc biệt trong vụ tướng Vĩ, ông đã hét lên khi cấp dưới báo cáo không còn dây thép gai vì Mỹ không cung cấp nữa: "Cái gì cũng Mỹ, Mỹ nó bỏ rồi anh không biết sao, thiếu gì tre tại sao không chặt để phòng thủ?" trong "Nước mắt trước cơn mưa," bản dịch của Nguyễn Bá Trạc cuốn "Tears before the rains" (1975) có đoạn: "Phi công Lê văn Hải kể lại: Sau khi chúng tôi nhìn Vũng Tàu lần cuối, một người lính trên tàu, rút khẩu súng, kê dưới cằm bóp cò tự sát; vài người nhảy ra khỏi thành tàu, biến mất dưới biển." Như vậy, không phải chỉ tướng tá tự sát, mà cả binh lính và trường hợp ghi trên chắc không phải là duy nhất.

*

Trước khi ra nước ngoài, tôi hỏi giáo sư Nho, em G.S. Nguyễn Văn Phú, dạy toán trường Trần Hưng Đạo, đi chữa bệnh một thời gian ở Canada, nhận xét về người Việt ở nước ngoài và có lời khuyên nào không, G.S. Nho mới qua đời đã nói: "Anh sang bên đó, đừng chơi với người Việt, chỉ chơi với Tây, và sẽ bị chụp cái mũ cộng sản tay sai sang công tác." Anh Lê Ngộ Châu, báo Bách Khoa cũng sang Hoa Kỳ một thời gian nói với tôi: "Trung sang đây sẽ được đọc tất cả những gì xấu xa, nhơ bẩn nhất của Saigon, miền Nam trước 75, được phơi bày trên sách báo hải ngoại."

Gần đây tôi ngỡ ngàng đọc báo Saigon Nhỏ số 24/01/97 tường thuật câu nói của thị trưởng Westminster nói với những người tổ chức diễn hành ngoài đường phố: "Nếu chúng mày là người Nam Việt Nam, hãy cút về Nam Việt Nam," hoặc cảm nghĩ của B.S. Ngô Thế Vinh trước vụ một đồng nghiệp bị chụp mũ thân cộng chỉ vì đón tiếp một nghệ sĩ từ Saigon qua: "...Từ 75 đến nay, lại phải nghĩ tới một cuộc di

tản lần thứ hai để trốn chạy khỏi làn đạn của chính những người bạn hướng tới từ phía sau lưng mình" (Sẽ rực rỡ mùa thu này, Thế Kỷ 21 số 70, tháng 11/94).

Không phải những lời nói ra mang tính chất tố cáo người khác hay tố cáo lẫn nhau là sai trái; tất cả đều có thể có lý. Những người khác đưa ra lập luận hay tố cáo khác cũng có lý. Thực tế vượt khỏi mọi lời nói về nó, tuy đều có thể có lý. Do đó, thực tế buộc mọi người bước sang lãnh vực cái nghịch lý, cái trớ trêu, cái oan trái, cái bi đát. Cái bi đát không *xóa bỏ* cái có lý, chỉ vượt khỏi nó. Rồi chính cái bi đát cũng có thể bị vượt qua, bước vào lãnh vực cái huyền nhiệm. Từ ngày Hitler tự sát, nhiều nhà nghiên cứu đi tìm hiểu con người này, không phải những gì Hitler đã làm, nhưng *làm sao có thể có* những việc làm như thể đưa ra nhiều giả thuyết giải thích dựa vào cái lối tiếp cận mới nhất của khoa học xã hội. Rút cục, có người đành nhìn nhận cái huyền nhiệm của một đời người. Sông sâu còn có kẻ dò, lòng người, ai dò được? Một vài người Việt Nam, có liên hệ mật thiết với ông Diệm, ông Hồ, nay ra nước ngoài viết sách báo, lôi cả chuyện đời tư ra tố cáo những người mà mình hay cha anh mình đã phục vụ... Thực tế đời một người lãnh đạo, của cả dân tộc Việt Nam trong 50, 70 năm qua đầy dẫy những chồng chéo cái có lý, cái nghịch lý, cái trớ trêu éo le, cái bi thảm, cái huyền nhiệm, không thể nói ra lời được. Cứ nói ra lời khó tránh khỏi xuyên tạc thực tại hay bị hiểu lầm vì người nghe, đọc không ở trong hoàn cảnh sống của mình, bên này hay bên kia.

Một người đã lập gia đình trước khi tập kết ra Bắc. Vì không biết ngày nào về, như nhiều người khác, ông đã lập gia đình với một người đàn bà khác. Sau 20 năm trở về Saigon gặp lại người vợ cũ vẫn chung thủy, chờ đợi. Người vợ lấy sau cũng hòa thuận chung thủy. Vậy bỏ ai chọn ai? Chỉ còn cách bày tỏ chung tình với cả hai là lên sân thượng một nhà thương nhảy xuống chết. Một nhân sĩ nổi tiếng trước 45, theo kháng chiến, sau 75 trở lại miền Nam, về hưu sống quá khó khăn như thể bị bỏ rơi. Vì tự trọng ông không bày tỏ bất mãn, phản kháng, càng không thể nghĩ đến gửi bài ra nước ngoài tố cáo chế độ mình đã tin theo, phục vụ, đành sống chịu đựng thầm lặng rồi tự vẫn... Lưu Hữu Phước, ở phía bên kia, có câu hát được phía bên này chọn làm quốc ca. Hồi 75, bài hát "Giải phóng miền Nam" quốc ca của MTGP do Lưu Hữu Phước sáng tác lại nhằm xóa bỏ bài hát đã được chọn làm quốc ca. Gần đây, gia đình Trương Vĩnh Ký có trao cho tôi một bài hát của Lưu Hữu Phước sáng tác cùng thời với bài "Tiếng gọi sinh viên" nhan đề: "Chant du lycée Petrus Trương Vĩnh Ký," nhạc Lưu Hữu Phước, lời

của M. Le Jeannie, proviseur du Lycée. Lời ca tương tự lời "Tiếng gọi sinh viên" kêu gọi học sinh trường noi gương ông Trương Vĩnh Ký phục vụ Nam kỳ. Sau 75, Lưu Hữu Phước với tư cách bộ trưởng TTVH, ký những quyết định về văn hóa cấm sách báo "ngụy" và do đó trường, đường mang tên Trương Vĩnh Ký bị đổi tên. Cho đến chết, không rõ Lưu Hữu Phước có nói lên tình cảnh trớ trêu, nghịch lý trong cuộc đời nghệ sĩ của mình?

Một viên chức miền Nam điều khiển một tổ chức an ninh thời đệ nhất Cộng hòa, sau 63, bị đưa ra tòa kết án đày ra Côn đảo vì những tội hiếp đáp giết người. Sau 75, ông tị nạn ở Mỹ, vẫn làm thinh cho đến nay cho đến khi chết. Ông không thể nói ra những lời oan ức trong một hoàn cảnh vẫn có sách báo mạt sát chế độ ông đã phục vụ, ở một nước đã nhúng tay vào lật đổ chế độ đó nhưng lại cho ông tị nạn chính trị. Trừ khi tình thế cho phép, những cựu tù nhân của ông, thuộc phía bên kia ra làm chứng cho những thành tích chống cộng tuyệt vời của tổ chức ông điều khiển, theo lời chính họ thú nhận trong một tài liệu nội bộ của nhóm cựu tù nhân kể trên. Cũng trong tài liệu này, có nói đến một cựu thành ủy viên Thừa Thiên, bị tổ chức an ninh của viên chức miền Nam điều khiển bắt giam, sau đó nhận phục vụ chế độ miền Nam, giữ chức trưởng ty an ninh một tỉnh. Sau 75, ông bị đi học tập cải tạo, rồi được Hoa Kỳ cho đi Mỹ theo diện H.O.. Các đồng chí cũ đề nghị ông tham gia lên tiếng vào việc soạn thảo tài liệu kể trên, ông đã từ chối vì cho rằng đời mình kể như bỏ đi, chỉ còn nghĩ đến tương lai đám con cháu: "Tôi phải mang chúng ra đi cho chúng học hành thành người, sau này tổ quốc mở rộng vòng tay chúng sẽ trở về."

*

Thường giới trẻ là độc giả đông đảo hơn cả. Giới trẻ hải ngoại hoặc sinh ra ở Việt Nam lúc hai ba tuổi, hoặc ở nước ngoài là con cháu cha ông họ từ 50 tuổi trở lên, có phải là người đọc của văn học hải ngoại không? Tôi chưa thấy một thống kê nào, nhưng có cảm tưởng họ ít đọc hay không đọc. Họ được đào tạo một cách nghiêm chỉnh, thấm nhuần lối nhìn khoa học nên dễ dị ứng với lối viết của cha ông họ chỉ lưu ý điều mình viết ra, mà ít hay không lưu ý mình viết *về* ai, để nói *với* ai, *cho* ai, và *tư cách* viết của mình dưới mắt người đọc. Nếu viết để nói lên sự thực với bất cứ ai, nghĩa là kể cả những người có thể có lập trường khác mình, cần tránh lối nói khẳng định võ đoán không

dựa trên những dữ kiện được trích dẫn xuất xứ để người đọc có thể kiểm tra và do đó bày tỏ thái độ trân trọng người đọc quyền nhìn nhận một sự thực chỉ dựa vào việc trình bày sự kiện của người viết.

Nếu viết để đưa ra giải pháp cho một vấn đề, người viết phải ý thức mình viết ra để nói *với* ai, nhất là với những người không đồng quan điểm, hơn nữa còn mong muốn cùng thực hiện chung với những người không đồng quan điểm giải pháp mình đưa ra. Như vậy người viết không thể lên mặt dạy đời, làm cha thiên hạ hoặc bày tỏ thái độ khinh miệt, phê phán những người mình muốn nói *với* họ, và hai nữa mong thực hiện chung giải pháp mình đề nghị.

Hoặc chỉ lên tiếng phê phán tố cáo những sai trái, vi phạm của những người ở xa nghìn vạn dặm, vì ít hay không gặp phiền hà, khó khăn nguy hại gì cho bản thân nhưng lại làm thinh những sai trái vi phạm xảy ra trước mắt, nơi những người bên cạnh. Đặc biệt im lặng trước những vi phạm không tôn trọng sự phân biệt việc phát biểu công khai trên báo chí, như trường hợp Phạm Duy bị đem câu chuyện trà dư tửu hậu lúc ăn nhậu vui đùa giữa bạn bè đưa lên báo, gán cho những phát biểu tầm phào trong chỗ riêng tư những tuyên bố chính trị. Sự vi phạm mang tính cách bỉ ổi của người vi phạm mang danh kẻ sĩ, sĩ phu. Thật dễ hiểu tại sao giới trẻ ít muốn đọc. Có lẽ họ chỉ *kính* cha ông đã sinh ra họ, nhưng không kính *trọng*, kính *phục* vì tư cách trí thức và trình độ kiến thức của cha ông họ.

Đọc những luận văn của các cháu ruột hay của bạn hữu, tôi thấy giới trẻ có trình độ nhận thức hiện đại, rộng rãi thế nào so với đàn anh cha chú của họ. Từ những luận văn đó, tôi tìm đọc những sách giáo khoa của họ. Chẳng hạn cuốn về xã hội học sáu bảy trăm trang: "Sociology" của Ian Robertson, 1987 Worth Publishers Inc. New York, có những bài đọc cho thấy một thanh niên 17, 18 tuổi đã có những kiến thức giải thích sự tàn ác và giải tỏa sự hận thù của cha ông họ, một hận thù mà họ không phải chịu đựng.

Philipp Zimbardo, một nhà tâm lý học đã tạo ra một nhà tù giả, đề nghị một số sinh viên đóng vai tù, cai tù để xác định vai trò, chức vụ tác động thế nào trên con người. Những sinh viên này được trả 15 đôla một ngày *biết* mình chỉ đóng vai thôi; nhưng khi vào cuộc, chỉ sau một tuần, họ quên hẳn họ đóng vai tù, cai tù và hành động như thể tù, cai tù thực sự. Cai tù đã hành hạ tàn bạo tù đến nỗi tù không chịu nỗi phải xin ngừng thí nghiệm. Một thí nghiệm khác của Stanley Milgram cho thấy con người dễ dàng tuân thủ quyền hành thế nào và vấn đề

nêu lên là: làm sao một người bình thường, tỉnh táo, lương thiện lại có thể trở thành những tên đao phủ độc ác tàn bạo với người dưới quyền trong một cơ chế phẩm trật. Thí nghiệm này biện minh cho luận điểm của Hannah Arendh về cái thường tình của điều xấu, tội ác (la banalité du mal).

Theo bà, những tội phạm Đức quốc xã như Eichmann không phải loại người vốn độc ác tàn bạo để có thể giết hàng trăm nghìn người một cách bình thản, lương tâm không thắc mắc, mà là những người cha, người chồng yêu thương vợ con, nhã nhặn với người quen biết, *ngoài phận sự* chức vụ của họ.

*

Thế hệ trẻ, con cháu cha ông họ, quay lưng lại cái quá khứ gần gũi còn nặng tính chất thời cuộc, mà cha ông họ đã sống và vẫn đang sống quá khứ đó bất kể ở bên này hay ở bên kia. Nhưng có lúc, do tình cờ hay vì một động lực nào đó, họ cảm thấy cần hướng về quê hương cũ của họ và họ đi tìm trong quá khứ văn hóa xa xưa hay về thăm Việt Nam. Họ khám phá ra gốc gác muôn thuở của con người Việt Nam tạo nguồn cảm hứng và niềm tin cho họ viết văn, làm phim, dựng kịch múa... bằng tiếng của các quốc gia họ đã nhận làm quê hương thứ hai. Họ được độc giả, khán giả các nước ngoài đọc, thưởng thức, đôi khi ca tụng, trao tặng giải thưởng này nọ. Xét theo cảm nhận Việt Nam, những công trình văn học nghệ thuật của họ chưa hẳn đã phản ánh trung thực, sâu sắc những gì được coi là Việt Nam, nhưng dù sao đó là những bước đầu, cho phép người ta nghĩ đến một nền văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại đang thành hình, không phải bằng tiếng Việt của cha ông họ chỉ quanh quẩn trong những ghetto văn học, tôn giáo, chính trị xã hội, ít được người nước ngoài biết đến. Đây là một nền văn học nghệ thuật hải ngoại của những thế hệ mồ côi vì những người cha tinh thần của họ không phải là cha mẹ đẻ của họ. Một văn học nghệ thuật không xử dụng tiếng Việt có thể gọi là Việt Nam không?

Roland Goetschel nêu vấn đề: "Có một nền triết học Do Thái không?" (2) trong hoàn cảnh lưu đày của dân tộc này? và ông trả lời là có với điều kiện những nỗ lực suy tư triết học vẫn gắn bó với truyền thống Do Thái, tuy buộc phải diễn tả bằng những ngôn ngữ có ưu thế của mỗi thời đại; chẳng hạn thời thượng cổ Hy Lạp với Philon ở Alexandre, thời trung cổ trong khuôn khổ văn hóa Ả Rập với Maimonide, và thời hiện đại với Emmanuel Levinas viết tiếng Pháp

hoặc Martia Buber, F. Rosenzweig viết tiếng Đức. Cũng vậy, có thể có một văn học nghệ thuật, một triết học, từ tiếng Việt ở hải ngoại, do những người gốc Việt Nam, mang quốc tịch các nước ngoài thực hiện.

*

Tiếp xúc với vài người chủ trương quay lưng lại quá khứ gần kề, có người nói thẳng với tôi: tôi chẳng hiểu gì những vấn đề đã nêu lên, khuyên tôi quên tất cả, bỏ hết đi, bắt đầu lại. Có người cho biết đã đánh giá, cùng với nhiều người khác trình độ hiểu biết và cách viết của Võ Phiến bằng cách căn cứ vào chính trị của người viết văn này. Tôi tự hỏi thái độ quay lưng lại, dị ứng với những lời nói liên quan đến quá khứ gần kề vì sao mà có? Có phải vì những người làm lịch sử thời kỳ này ở các bên đều giống nhau ở điểm thiển cận, ngu dốt? Hay có phải vì những người cầm bút, viết văn sáng tác hay nghị luận bên này bên kia cũng đều thiếu học, hay vô học? Hay tại chính bản thân thực tại lịch sử thời kỳ này!

Tôi nhận thái độ khinh chê, dị ứng không muốn nghe, đọc những gì hai lớp người kể trên nói viết vì ít học hay vô học. Nhưng thật tiếc nếu quay lưng lại với cả chính quá khứ gần kề để chỉ tìm một Việt Nam muôn thuở ở những thời xa xưa. Quá khứ gần kề đó là nguồn cảm hứng mà không thời kỳ lịch sử nào trước có thể có vì những gì đã xảy ra không phải chỉ liên quan đến Việt Nam, mà cả thế giới, đặc biệt đến những quốc gia hiện nay họ đã chọn làm quê hương thứ hai. Những mâu thuẫn, bế tắc, khát vọng của thế giới đều được bày tỏ ở Việt Nam và người Việt Nam lãnh đủ mọi hậu quả. Do đó Việt Nam thời kỳ này rất đáng, rất cần được giới trí thức sống lâu năm ở nước ngoài, không chia sẻ trực tiếp số phận khốn nạn, khốn khổ của đất nước, cả giới trí thức trẻ sinh ra lớn lên được đào tạo ở nước ngoài cảm nhận và giới thiệu với thế giới; hơn nữa họ đều có những thuận lợi: hiểu biết văn hóa, lịch sử các nước, họ định cư, nói rành những tiếng nước đó hơn tiếng mẹ đẻ, mà những người sống trong nước hay ngoài nước đã không có thể có.

Những người đã đọc Soljenitsyne trước 75, sau 75, chịu cảnh tù cải tạo thấy những gì nhà văn Nga này đã viết không thấm vào đâu so với những gì họ đã trải qua. "Bà mẹ can trường" của Bertold Brecht có hằng trăm khuôn mặt đau xót hơn nhiều ở Việt Nam. Nào là những bà mẹ cả 10 đứa con đều là liệt sĩ, nào là những bà mẹ đi thăm nuôi

chồng ở trại cải tạo ngoài Bắc, tần tảo xoay sở nuôi bầy con trong một tình thế muôn vàn khó khăn gian khổ. Bộ phim mới nhất của Steven Spielberg "Phải cứu binh nhì Ryan" gây xúc động vì quyết định tìm cho ra người lính là đứa con duy nhất còn lại trả cho gia đình. Câu chuyện thực sự có thể có thực ở Tây phương; nhưng ở Việt Nam, bất cứ bên nào đều không nghĩ đến một việc làm như vậy không phải vì thiếu tình người. Do đó bi kịch chiến tranh ở Việt Nam thảm khốc hơn nhiều. Quá khứ gần kề chờ mong có những Soljenitsyne, Bertold Brecht, Steven Spielberg xuất thân từ giới trẻ tây phương gốc Việt Nam?

Ngay cả thực tế Việt Nam ở hải ngoại cũng đáng được trân trọng tìm hiểu thay vì quay lưng lại, khinh miệt hay kính nhi viễn chi. Quá khứ gần kề VN để lại rất ít người điên trong thành phố. Tuy nhiên, có lẽ phải nhận những người đã sống trong giai đoạn này ít nhiều tâm trí không bình thường. Làm sao hiểu được một ông thạc sĩ luật, cựu khoa trưởng luật khoa trước 75 lại có thể viết hịch kêu gọi nổi dậy như Trần Hưng Đạo mang danh nghĩa sĩ phu?

Nhìn thực tại Việt Nam hải ngoại với con mắt trân trọng để tìm hiểu có thể nhận ra: những biểu lộ chống đối, hận thù thường được thực hiện bằng thứ ngôn ngữ, những kỹ thuật vận động, áp đảo quần chúng của chế độ là đối tượng của chống đối, hoặc trầm trọng hơn nữa, nơi những người tự nhận là con đẻ của chế độ đó, ngôn ngữ và lý luận chống đối ít nhiều vẫn xử dụng những lập luận, lực chọn ý thức hệ của chế độ mà bây giờ họ chém giết. Sự kiện này cho thấy tác động của chế độ sâu rộng như thế nào. Do đó rất đáng được coi như một chứng từ đem giới thiệu với tây phương làm cho tây phương, nhất là những quốc gia trực tiếp dính líu với quá khứ gần kề Việt Nam, nhận thức được trách nhiệm của họ không phải chỉ về chính trị, kinh tế, mà cả về tư tưởng, ý thức hệ đối với nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong nước ngoài nước.

Những gì xảy ra ở Việt Nam gần đây đều nằm trong ảnh hưởng Cách Mạng Pháp, nhưng khốn nỗi không phải xu hướng 1789 mà là xu hướng 1793 dựa trên chủ nghĩa khủng bố mang tính chất nhà nước. Cách mạng bôn-sô-vit hồi đầu thế kỷ hãnh diện tự nhận thừa kế truyền thống cách mạng 1793. Cách mạng bôn-sô-vit chống chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới. Do đó thực dân ở Việt Nam đã tố cáo chụp mũ cộng sản tất cả các phong trào quốc gia ngay cả *trước khi* có đảng C.S. ở Việt Nam. Bình luận cuộc khởi nghĩa Yên bái của VNQDĐ,

thành lập năm 1928, mục thời đàm báo Nam Phong, cơ quan tuyên truyền của Phủ Toàn Quyền đã viết: "Bọn cách mạng thuộc về đảng cộng sản, thông đồng với ít lính tập vào cướp đồn." Louis Marty, chánh sở Mật thám phủ Toàn quyền, giám đốc chính trị Nam Phong biết rõ VNQDĐ không phải C.S. và đã phê phán tổ chức VNQDĐ vì không phải C.S. nên sơ hở, yếu kém thế nào trong bộ sách viết về các phong trào chánh trị ở Đông dương (3).

Thực dân phải kết án VNQDĐ là C.S. vì không thể làm khác được. Sau 45 năm, luận điểm chụp mũ được gán cho một đảng viên QDĐ khác; Trong thư khiếu nại xin cho chồng là Trương Cam Vĩnh bị bắt giam với 17 ký giả vì tội C.S. nằm vùng, bà Vĩnh than thở: "Chồng tôi, ông Trương Cam Vĩnh là người quốc gia có thù với C.S., chống C.S. hết mình, vì thế cho nên khi được tin ông Vĩnh bị bắt và bị ghép vào tội C.S. nằm vùng, bè bạn thân thuộc và người quen ai cũng thốt ra câu: Ông Vĩnh mà là cộng sản, thì còn ai là quốc gia nữa" (Chính Luận 23-2-1975).

Sau 23 năm ở hải ngoại, vẫn còn người than thở như bà Vĩnh: "Nếu điểm mặt những người bị chụp mũ cộng sản, không còn ai là quốc gia" (Tôn Thất Thiện) hay "Việt cộng ở đâu ra mà lắm thế?" (Văn Thanh, tháng 4/98). Tâm trạng bắt nguồn từ sợ hãi, cái sợ hãi bất chính như của thực dân, hay cái sợ chính đáng của người dân. Đối với cái sợ sau, chỉ cần một chút ý thức chính trị, sẽ hết sợ.

NGUYỄN VĂN TRUNG

---

(1) Số đặc biệt này chưa kịp ra vì muốn nói nhiều đề tài khác được coi là cần thiết hơn... rốt cục không ra được sau khi buộc phải đình bản sau 10 số đã ra.
(2) Roland Goetschel, "Y a-t-il une philosophie Juive?" Reme de Métaphysique et Morale. No. 3. Juillet-Septembre 1985, p. 311-327.
(3) Trích dẫn trong "Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam. Nguyễn Văn Trung. Nam Sơn 1963, trang 213.



ĐOÀN XUÂN KIÊN

Xem lại một vấn đề ngữ âm tiếng việt: cấu trúc âm tiết



I

1

Trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta chỉ nói năng với nhau qua từng câu nói. Mỗi câu nói là một chuỗi dài ngắn những mẩu âm thanh cắt rời nhau, gọi là tiếng. Câu nói:

Cái bàn này hình bán nguyệt

có sáu tiếng. Mỗi tiếng như thế, đứng trên bình diện ngữ âm, là một *âm tiết*. Âm tiết là một cấu trúc cơ bản của một câu nói về mặt phát âm. Âm tiết là một khái niệm thuộc ngữ âm học phương tây để chỉ một đơn vị lời nói được phát ra. Trước kia, chúng ta chỉ gọi đơn vị này là một *tiếng*.

Một "tiếng" trong tiếng Việt được nói lên là một đơn vị ngữ âm, và cũng là một đơn vị ngữ pháp. Một "tiếng" là một đơn vị phát ngôn, và là một đơn vị cuả lời nói để tạo ra những kết cấu lời nói trong hoạt động nói năng giao tiếp. Đặc tính này cuả *tiếng* chính là một tính cách loại hình cuả tiếng Việt, trong đó mỗi đơn vị phát âm trùng khít với đơn vị ngữ pháp (*hình vị*, và *từ*). Khi xét trên bình diện ngữ âm, *tiếng* là một đơn vị cuả ngữ âm, tức là một âm tiết. Câu tiếng Việt sau đây là một tập hợp 6 âm tiết: "*trèo lên cây bưởi hái hoa*", và là sáu từ, mỗi từ là một hình vị -nếu nhìn từ cấp độ ngữ pháp.

Tính cách này cuả *tiếng* cuả tiếng Việt sẽ không tìm thấy

trong ngôn ngữ thuộc loại hình ngôn ngữ biến hình của Ấn-Âu, trong đó ba cấp độ đơn vị kể trên hoàn toàn không trùng nhau. Câu nói "*I climbed the grapefruit tree picking some of its flowers*" có 10 từ nhưng 13 âm tiết và 15 hình vị. Ba cấp đơn vị này được xem xét ở ba cấp độ ngôn ngữ khác nhau. Âm tiết / klaimd / có hai hình vị, và phải căn cứ vào hai hình vị đó mới hiểu đúng ý nghĩa của từ 'climbed'; do vậy, cấp bậc âm tiết trong ngôn ngữ Ấn-Âu là một cấp độ phân tích không đầy đủ. Trong các ngôn ngữ như thế, việc phân tích âm vị sẽ có vai trò khá quan thiết: âm vị / d / ở sau âm tiết vừa kể là một âm vị không thể bỏ qua, vì nó là cơ sở của phân xuất hình vị chỉ thì quá khứ của động từ 'trèo' trong tiếng Anh.

Vai trò của âm tiết trong loại hình ngôn ngữ Ấn-Âu không có ý nghĩa âm vị học đặc biệt, cho nên trong một công trình ngữ âm học về tiếng Anh trước đây, Chomsky và Halle (1968) đã không hề nhắc nhở gì đến âm tiết cả.

Vai trò của âm tiết trong tiếng Việt có khác với âm tiết trong các ngôn ngữ Ấn-Âu. Mỗi âm tiết tiếng Việt là một cấu trúc ổn định, và là cơ sở để phân xuất các thành phần cấu tạo trực tiếp. Trước khi tiếp xúc với phương tây, việc tìm hiểu "tiếng" của chúng ta theo truyền thống âm vận học Trung Hoa mà phân xuất một "tiếng" là hai thành phần: khuôn thanh (*thanh mẫu*) và khuôn vần (*vận mẫu*). Ví dụ: tiếng *bàn* gồm thanh mẫu là *b-* và vận mẫu là *-àn*. Việc chiết xuất một "tiếng" ra hai thành phần như thế có ý nghĩa rất lớn trong giáo dục từ hàn, vì kiến thức về vận mẫu là cơ sở để gieo vần trong thi (thơ ca) và phú (văn biền ngẫu).

Các nhà âm vận học Trung Hoa về sau còn chia khuôn vần thành các nhiếp và tứ thanh. *Nhiếp* là những vận bộ có âm cuối như nhau, có âm chính giống hoặc gần giống nhau. *Tứ thanh* là hệ thống thanh thuộc khuôn vần. Tứ thanh gồm có thanh "bình" (bằng), "thượng" (lên), "khứ" (đi), "nhập" (vào). Thanh "nhập" là những thanh đi với các âm cuối nhập (tức là các âm /-p,-k, -ch, -t/. Hệ thống tứ thanh lại chia hai bậc bổng trầm mà các nhà âm vận học Trung Hoa gọi là bậc "thanh" (trong) và "trọc" (đục). Hệ thống thanh có thể sắp xếp như sau:

	Bình	Thượng	Khứ	Nhập
Phù	thanh *ngang*	thanh *hỏi*	thanh *sắc* khứ	thanh *sắc* nhập
Trầm	thanh *huyền*	thanh *ngã*	thanh *nặng* khứ	thanh *nặng* nhập

Tuy vậy, việc tìm hiểu âm vận học Trung Hoa thời cổ chưa giải

quyết những mối quan hệ bên trong cấu trúc cuả các "tiếng".

Khi bắt đầu cuộc giao tiếp với phương tây, việc tìm hiểu ngữ âm tiếng Việt tiến sang một hướng khác. Hệ thống chữ viết theo mẫu tự Latin đã dẫn đến sự kiện là "chữ quốc ngữ" là một hệ thống chữ viết ghi âm là một thuận lợi, cộng thêm vào đó là những thuận lợi về những tiến bộ cuả việc nghiên cứu ngữ âm cuả phương tây.

Các nhà ngữ âm đã có những cố gắng mô hình hoá các quy tắc chung về hoạt động cuả âm tiết (Hyman, 1975: 189). Những quy tắc đó có thể được diễn giải khác nhau, nhưng chúng không ngoài một số tính cách chung sau đây: (a) âm tiết phải có tính vang; (b) mỗi âm tiết phải có bộ phận hạt nhân gồm ít nhất một nguyên âm; (c) âm tiết luôn có khuynh hướng tăng khả năng kết hợp cuả âm đầu, và khuynh hướng hạn chế khả năng kết hợp cuả âm phụ cuối.

Điạ vị cuả âm tiết trong phân tích âm vị học phương tây đã trải qua nhiều thăng trầm, với rất nhiều quan điểm khác biệt nhau. Ngoại trừ một trường hợp duy nhất là Chomsky và Halle (1968) trong đó âm tiết không hề được nhắc đến một cách minh nhiên, nhìn chung thì các khuynh hướng khác nhau đều có chú ý đến vai trò cuả âm tiết trong phân tích ngữ âm-âm vị học.

2

Âm tiết là một cấu trúc, nghiã là một tổng thể được cấu tạo từ các đơn vị âm thanh, gọi là *âm vị*. Mỗi ngôn ngữ có thể chọn lựa trong kho âm vị tự nhiên cuả ngôn ngữ loài người, để lập riêng cho mình một hệ thống âm vị phù hợp với lối phát âm của ngôn ngữ mình sử dụng.

Các âm vị trong tiếng Việt có ba loại: nguyên âm, phụ âm và thanh. Nguyên âm và phụ âm là những *âm vị tuyến tính,* nghiã là những âm vị kết hợp với nhau theo trật tự trước sau trong quá trình phát âm. Chúng là những âm vị có thể phân tách ra thành từng đơn vị nhỏ hơn, nên còn gọi là những *âm vị đoạn tính.* Trái với loại âm vị trên, thanh là *âm vị phi tuyến tính*, vì nó là một âm vị bao trùm toàn bộ âm tiết, và gắn liền với âm tiết trong suốt quá trình phát âm một âm tiết. Thanh không thể chiết ra khỏi âm tiết được, mà nhất thiết là nó phải gắn với âm tiết, vì thế nên thanh còn gọi là *âm vị siêu đoạn tính.*

Tóm lại, âm tiết , hay "tiếng" cuả tiếng Việt là một đơn vị cuả lời nói nhưng âm tiết tiếng Việt cũng là một đơn vị ngôn ngữ. Âm tiết là một chỉnh thể ngữ âm. Âm tiết là cơ sở phân tích cấu trúc kết hợp các âm vị, nhưng chính âm tiết là một chỉnh thể đơn vị nhỏ nhất cuả

phân tích lời nói.

II. Các quan điểm về cấu trúc âm tiết

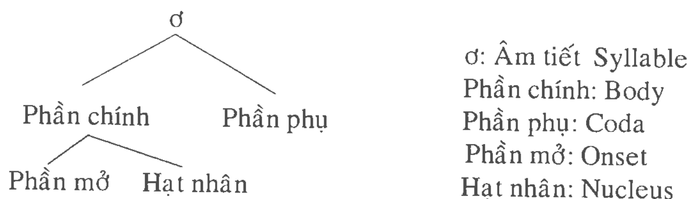
Cho đến nay, trong truyền thống phân tích ngữ âm phương tây, có ít nhất là năm quan điểm khác nhau về cấu trúc nội tại của âm tiết. Sau đây là phác hoạ các mô hình cấu trúc âm tiết:

(a) cấu trúc CV, nghiã là không có thành phần kết cấu theo tầng bậc, mà chỉ có các thành phần cấu tạo trực tiếp nên âm tiết, tức là các âm vị nguyên âm (V=vowel) và phụ âm (C=consonant). Điển hình cho quan điểm cấu trúc phẳng là mô hình các cấu trúc âm tiết gọi là phổ biến cho mọi ngôn ngữ, do Clements & Keyser (1983) đề nghị trong công trình quan trọng của hai ông:

Loại 1: CV
Loại 2: V
Loại 3: CVC
Loại 4: VC

Trong số các tác giả Việt Nam, có Lê Văn Lý (1948) cũng dùng công thức như vậy khi mô tả các âm tiết tiếng Việt.

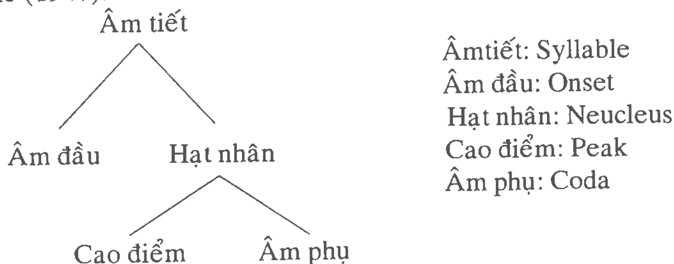
(b) cấu trúc phân nhánh, gồm có ba nhánh với các thành phần cấu tạo liên quan đến từng nhánh. Theo mô hình này, âm tiết cấu trúc như sau (theo McCarthy, 1979, Vennemann, 1984): phần chính của âm tiết là tổ hợp của phần âm mở đầu và phần hạt nhân của âm tiết, phần phụ là phần còn lại của âm tiết:



Hình 1: Mô hình âm tiết có cấu trúc tầng bậc

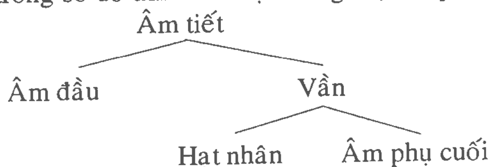
Mô hình cấu trúc phân nhánh còn được thể hiện theo chiều ngược lại: trước hết là phân lập giưã phần đầu của âm tiết và phần còn lại của nó là phần vần, kế đó là phân lập giưã hai thành phần của vần là phần hạt nhân và phần cuối vần. Đây là mô hình cấu trúc âm tiết được các nhà âm vận học Trung Hoa áp dụng, chẳng hạn các

học giả đời Tống khi biên soạn bộ *Đẳng Vận Thư*. Mô hình này được trình bày trong Chao (1948) và Karlgren (1954), Pike & Pike (1947), Halle & Vergaud (1978), Selkirk (1982). Dưới đây là mô hình của Pike & Pike (1947):



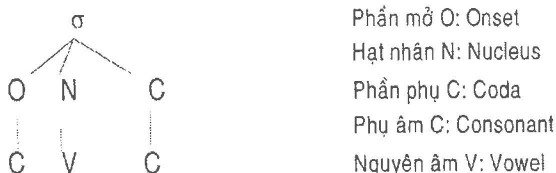
Hình 2 : Cấu trúc âm tiết theo Pike & Pike (1947)

Mô hình âm tiết này về sau đã trở thành một công thức quen thuộc trong các sách giáo khoa ngữ âm-âm vị học, với một vài thay đổi tên gọi. Chẳng hạn, thành phần gọi là "hạt nhân" trong sơ đồ cấu trúc của Pike đã chuyển thành "vần", và thành phần "cao điểm" nay thường gọi là "hạt nhân" trong sơ đồ âm tiết được dùng hiện nay.



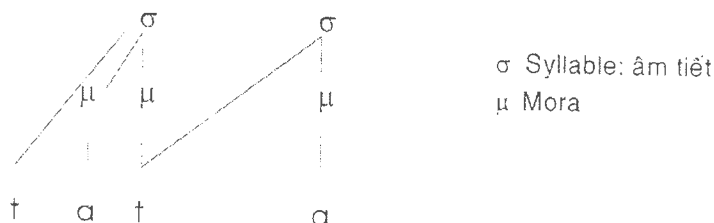
Hình 3 : Sơ đồ cấu trúc âm tiết đã điều chỉnh từ sơ đồ của Pike

(c) cấu trúc phân nhánh hình rẽ quạt: mô hình này đưa ra thành phần cấu thành âm tiết xếp hàng ngang nhau. Mô hình này cũng được nhiều nhà nghiên cứu áp dụng, như Hockett (1955), Haugen (1956), Davis (1985), Noske (1992), Hall (1992). Mô hình rẽ quạt thường được trình bày như sau:



Hình 4 : Mô hình âm tiết có cấu trúc rẽ quạt

(d) cấu trúc "Mora" (là các yếu tố có ý nghiã âm vị học trong âm tiết, xét từ quan điểm mệnh danh là ngữ âm học cân phương - metrical phonology). Các nhà ngữ âm học Hyman (1985), McCarthy & Prince (1986), Hayes (1989) đã dùng mô hình này để phân tích âm tiết cuả các ngôn ngữ có nhiều dấu nhấn (như tiếng Nhật, tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Phần Lan), mà những sơ đồ âm tiết quen thuộc xưa nay đều không biểu hiện được. Cấu trúc 'mora' sẽ làm nổi lên những yếu tố mang trọng âm hay kéo dài hơn so với những yếu tố khác. Dưới đây là một thí dụ về mô hình cấu trúc âm tiết với các 'mora' (Hayes, 1989):



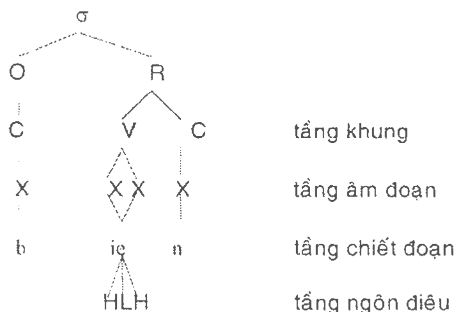
Hình 5: Mô hình âm tiết 'mora'

Những mô hình cấu trúc âm tiết trên đây dù có khác nhau chi tiết, nhưng đều có một điểm chung là: chúng chỉ nhằm mô tả các cách kết cấu âm vị trong âm tiết, và quan trọng hơn nữa là âm tiết trong những trường hợp này chỉ là một cấu trúc trung gian giưã các âm vị và các cấu trúc ở các cấp độ trên âm tiết, là "từ". Một điểm nưã là các mô hình cấu trúc âm tiết trên đây không có chỗ đứng cho các yếu tố kết hợp bên ngoài yếu tố liên hợp (chẳng hạn các mối quan hệ tiếp hợp trong âm tiết, hoặc là thanh điệu). Do vậy, các mô hình cấu trúc âm tiết này chỉ là mô hình cuả một loại hình ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ đơn tiết, trong đó âm tiết có vai trò trung tâm cuả phân tích âm vị học.

III. Điểm lại một số quan điểm về âm tiết tiếng Việt

Tiếng Việt và các ngôn ngữ thuộc loại hình cách thể, trong đó mỗi âm tiết là một đơn vị hoàn chỉnh đứng độc lập, và là một đơn vị cuối cùng trong việc phân xuất các đơn vị cuả lời nói. Một đặc tính quan trọng khác cuả âm tiết tiếng Việt là nó có thanh điệu -hiểu là một yếu tố có giá trị ngữ âm quan yếu trong việc phân biệt các âm tiết với nhau. Không thể có âm tiết tiếng Việt hoàn chỉnh mà không có

yếu tố thanh điệu. Thanh là một âm vị phi tuyến tính, nó xuất hiện cộng thời với các âm vị tuyến tính để làm thành một chỉnh thể là âm tiết tiếng Việt. Những mô hình cấu trúc âm tiết chỉ ghi lại các âm vị tuyến tính đều tỏ ra không phản ảnh đúng âm tiết tiếng Việt, trong đó thanh có vai trò rất khác biệt yếu tố điệu tính của ngôn ngữ Ấn Âu. Chẳng hạn, khi muốn đưa thanh điệu vào cấu trúc âm tiết tiếng Việt *biển* /biẻn/, quan điểm ngữ âm phi đoạn trình bày một mô hình nhiều lớp như sau: (a) lớp thứ nhất có thể gọi tên là *tầng khung*, trình bày mô hình âm tiết; (b) lớp thứ nhì đi vào chi tiết về mặt âm điệu của âm tiết, có thể gọi tên là *tầng âm đoạn* cho thấy các âm tố phân bố trong cấu trúc như thế nào; (c) lớp thứ ba ghi lại các âm tố xếp đặt theo trật tự tuyến tính của âm tiết, gọi là *tầng chiết đoạn*; (d) lớp cuối cùng là *tầng ngôn điệu*, thể hiện tuyến điệu của thanh trong âm tiết như thế nào.



Hình 6: sơ đồ âm tiết biển

Mô hình như trên cho thấy đường nét của thanh trong âm tiết là đường nét cao-thấp-cao (HLH), nhưng mặt khác lại không cho thấy được tính cách cụ thể của thanh 4 (thanh hỏi), và vị trí của nó trong toàn bộ sáu thanh của tiếng Việt ra sao. Nói cách khác, mô hình âm tiết như trên vẫn không thể hiện được thanh điệu của loại ngôn ngữ có thanh.

Từ những đặc tính trên đây của âm tiết tiếng Việt, việc xác định cấu trúc của âm tiết là một phần việc quan trọng không chỉ có ý nghĩa đối với nghiên cứu ngữ âm học, mà còn rất có ý nghĩa về mặt giáo dục, cụ thể là việc dạy học tiếng Việt cho trẻ ở giai đoạn đầu tiên.

1 Trong công trình nghiên cứu về tiếng Việt, Lê Văn Lý bàn về các cách kết hợp của âm vị tiếng Việt thành những âm hiệu có ý

nghiã, tức là một âm tiết (1948: 42). Và ông cho rằng có bốn loại âm hiệu tiếng Việt như sau (1948:123):

1. Chỉ có nguyên âm;
2. Nguyên âm + Phụ âm;
3. Phụ âm + Nguyên âm
4. Phụ âm + Nguyên âm + Phụ âm.

Mặc dù thừa nhận rằng mỗi âm hiệu tiếng Việt chỉ có thể mang một thanh (tr.126), tác giả vẫn cho rằng mỗi âm hiệu tiếng Việt không thể có quá ba âm vị. Sở dĩ thế là vì ông cho rằng thanh chỉ là một yếu tố ngôn điệu như trong ngữ âm tiếng Ấn Âu, và do vậy không phải là một âm vị gắn liền với âm tiết. Nói các khác, âm tiết tiếng Việt -theo như mô tả trong *Le Parler Vietnamien* - chỉ gồm ba âm vị tuyến tính như được ghi lại trên kia. Trong một công trình khác xuất bản hai mươi năm sau, Lê Văn Lý vẫn ghi lại đúng những quan niệm cuả ông như đã từng bàn đến trong tập trước. (Lê 1968: 21-24). Vì lẽ đó chúng tôi xếp quan điểm cuả ông vào quan điểm mô tả theo cấu trúc CV hiểu theo nghiã rằng quan điểm cuả tác giả là chỉ chú trọng đến các yếu tố tuyến tính mà bỏ ra ngoài các yếu tố phi tuyến tính:

Loại 1:	V
Loại 2:	VC
Loại 3:	CV
Loại 4:	CVC

Nguyễn Bạt Tuỵ cũng bàn về âm tiết, mà ông gọi là "vần". Tác giả định nghiã "vần" là một hay nhiều âm cùng phát ra một hơi mà lập thành một tiếng hay một phần tiếng. Ông cũng lưu ý độc giả là đừng nên lẫn với "vận" -là sự trở lại cuả cùng một âm ở cuối hai hay nhiều câu thơ. (Nguyễn 1949: XII). Khi mô tả các dạng kết hợp "vần", tác giả cho rằng "vần" tiếng Việt có ba loại lớn (*sđd* : 78-85):

1. vần chính là vần có toàn âm chính ghép thành;
2. vần bán là vần do âm chính và âm bán ghép thành;
3. vần phụ là vần do âm chính và âm phụ, hay âm chính, âm bán và âm phụ ghép thành.

Tác giả có bàn về việc ghép thanh vào mỗi "vần", nhưng quan niệm cuả ông không thật rõ ràng. Một đằng tác giả vẫn cho rằng thanh gắn liền với âm chính, và ông cho các âm chính mang thanh khi ghép "vần"; đằng khác, khi phân loại các "vần" thì ông lại chỉ nhắc đến ba thành phần âm vị là âm chính, âm bán, âm phụ mà thôi, nghiã

là các âm vị tuyến tính -nếu nhìn từ quan điểm ngữ âm học loại hình ngôn ngữ Ấn Âu.

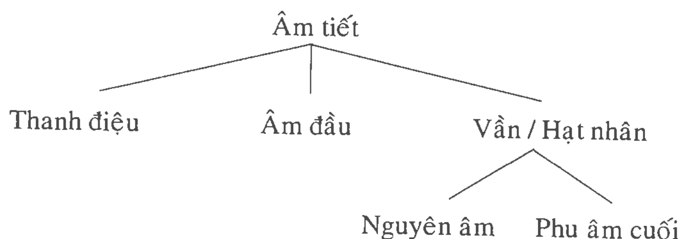
Trong những buổi đầu của ngữ âm học tiếng Việt, một tác giả khác cũng bàn về cấu trúc âm tiết tiếng Việt, là Emeneau (1951). Đáng chú ý là tác giả nhận ra là từ của tiếng Việt trong nhiều trường hợp đã trùng khít với âm tiết. Và vì thế, từ có thể là một hạt nhân chủ yếu gồm một trong nhóm của 11 nguyên âm , hay những kết hợp khác nhau của hai hay ba âm vị của nhóm đó. Trước phần hạt nhân này có khi không có gì, hoặc là có một trong 21 âm vị phụ âm. Sau phần hạt nhân có thể không có gì (một số tổ hợp nguyên âm không cho thêm gì nưã cả), hoặc là có một trong 8 phụ âm mà trong đó có 7 tương tự với nhóm 21 phụ âm đầu.

Tác giả cũng nhắc đến vai trò của thanh điệu, và cũng nhận thấy là các tổ hợp âm vị đều có một trong 6 thanh và trọng âm đặt ở nguyên âm đầu hay nguyên âm thứ nhì. Tuy vậy, sơ đồ cấu trúc âm tiết tiếng Việt được tác giả mô tả là một tổ hợp của "phụ âm + nguyên âm + phụ âm". Điều đó cho thấy quan điểm của tác giả vẫn không ra ngoài quỹ đạo của quan điểm ngữ âm Ấn Âu, xem âm tiết chỉ là một kết hợp của những âm vị tuyến tính mà thôi.

Laurence Thompson (1965) là người tiếp thu những biện giải của các tác giả trường phái Nga (như Andreev và Gordina) nhưng đã đẩy xa hơn mà nhìn nhận vai trò của thanh điệu như là một thành phần không thể thiếu trong kết cấu âm tiết tiếng Việt. Ông nhận ra cấu trúc âm tiết tiếng Việt chỉ đơn giản là một kết cấu gồm ba thành phần: âm đầu + hạt nhân + thanh điệu, trong đó hạt nhân là nguyên âm và bất kì âm vị nào đi theo sau nó. Ở điểm này, tác giả không nói thêm là "hạt nhân" của âm tiết có phải là một kết hợp bậc hai của cấu trúc, hay chỉ là sự mở rộng cấu trúc ba phần đó. Chỗ khác ông lại cho thấy rằng một âm tiết có ít nhất là một nguyên âm và một thanh. (Thompson 1965:45). Sau đó, khi mô tả cấu trúc của thành phần hạt nhân âm tiết, tác giả cho biết là hạt nhân âm tiết tiếng Việt có thể là gồm *một yếu tố* (một nguyên âm), hoặc *hai yếu tố* (bao gồm một nguyên âm và một bán âm hay một phụ âm cuối), cũng có thể là một kết cấu *ba yếu tố* (gồm một nhóm nguyên âm và một phụ âm cuối). Tác giả không trình bày thêm về mối quan hệ thứ bậc của các "yếu tố" vừa nêu đối với cấu trúc âm tiết.

Mặc dù vậy, đây là một bước tiến rất lớn trong việc tìm hiểu âm tiết tiếng Việt. Ít ra là cũng từ đây đã hình thành một quan điểm khác về cách nhìn cấu trúc âm tiết tiếng Việt. Các tác giả đi sau vẫn

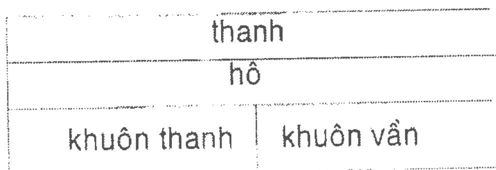
thường nối tiếp ông mà phát triển thêm quan điểm cho rằng âm tiết tiếng Việt là một cấu trúc hai bậc:



Hình 7: Cấu trúc âm tiết tiếng Việt theo tầng bậc

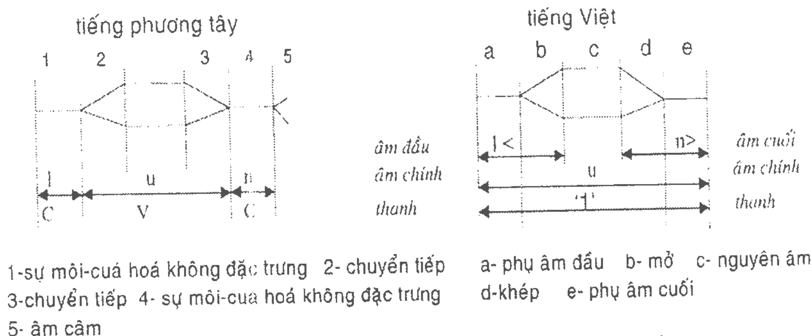
Cấu trúc âm tiết tiếng Việt được mô tả như trên tỏ ra rất khớp với khuôn mẫu chung của âm tiết mà Pike lập ra, chỉ khác chăng là ở mô hình Pike đưa ra trước kia không có yếu tố thanh điệu.

2 Trong số những tác giả người Việt nghiên cứu về âm tiết tiếng Việt có Nguyễn Quang Hồng chủ trương khác hẳn các tác giả khác. Trong một bài nghiên cứu dựa theo luận án đệ trình năm 1974, tác giả dựa trên cơ sở tiếng Việt và tiếng Hán mà chủ trương rằng tiết vị (syllabème) là đơn vị âm thanh cơ bản của ngôn ngữ. Ông có nhận xét về tính cách khác biệt của hai loại hình ngôn ngữ Ấn Âu và ngôn ngữ đơn tiết: trong khi ở các ngôn ngữ loại trên những đơn vị cơ bản của ngôn ngữ là âm vị, các ngôn ngữ loại dưới lấy âm tiết làm đơn vị phân tích cuối cùng. Ông theo truyền thống âm vận học Trung Hoa và các nhà đông phương học Nga mà xem âm tiết tiếng Việt là một cấu trúc chung, "đơn nhất" - hiểu theo nghiã của tác giả là một đơn vị phân tích ngữ âm nhỏ nhất, một tiết vị . Tác giả cho rằng âm tiết tiếng Việt chỉ gồm có hai yếu tố cấu thành, là khuôn thanh và khuôn vần, kết hợp nhau theo thế lưỡng phân. Khuôn thanh có thể vắng mặt, nhưng khuôn vần luôn luôn có mặt. Khuôn thanh và khuôn vần lại có thanh điệu là yếu tố siêu đoạn tính thực hiện chức năng khu biệt các hình tiết; ngoài ra, hình tiết tiếng Việt còn một dạng âm sắc rất đặc biệt, gọi là "hô". Tác giả cho một vài trường hợp thí dụ về "hô": sự đối lập rõ rệt về "hô" (khai khẩu/hợp khẩu) trong các cặp âm tiết như *kè-què, lan-loan, xiên-xuyên...* và nói thêm là thanh và hô chỉ là những yếu tố phụ trợ, khi thì gắn liền với khuôn vần, khi thì với khuôn thanh, có khi gắn với cả hai. (Nguyễn 1976: 36). Sơ đồ cấu trúc âm tiết tiếng Việt theo Nguyễn Quang Hồng là:



Hình 8: Sơ đồ cấu trúc âm tiết tiếng Việt (theo Nguyễn, 1976)

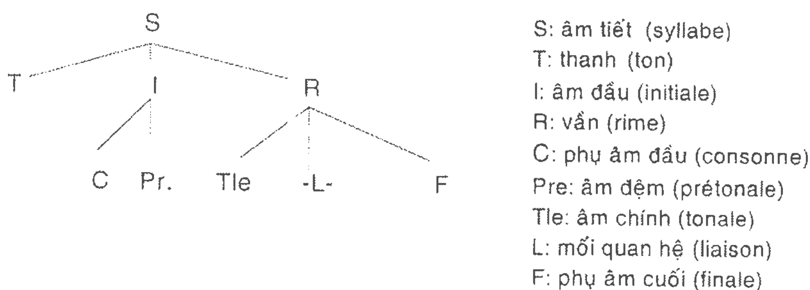
Quan điểm về âm tiết là đơn vị cơ bản cuả tiếng Việt thật ra đã được biết đến từ sớm hơn thế. Cao Xuân Hạo đã trình bày "quan điểm phi đoạn về âm vị và cấu trúc âm tiết tiếng Việt" (1965), trong đó ông đã khẳng định là "âm vị tự bản chất là phi đoạn". Tác giả đã nêu ra ba yếu tố cuả âm tiết phát sinh đồng thời: thanh điệu, âm chính và tính chất cuả mối quan hệ cấu âm. Sự kết hợp phi tuyến tính như vậy cho thấy là âm tiết tiếng Việt không phải là là một kết hợp cùng tính chất như trong các ngôn ngữ ấn âu. Trong một công trình quan trọng về cấu trúc âm tiết tiếng Việt ra đời mười năm sau, Cao (1975) lại khẳng định tính không phân lập cuả âm tiết tiếng Việt. Ông đưa ra một minh hoạ về tính cách phi đoạn cuả âm tiết tiếng Việt so sánh với âm tiết ấn-âu qua thí dụ về một âm tiết [lun] như sau:



Hình 9: sự khác biệt về cơ cấu cuả hai loại hình âm tiết

Trong bài nghiên cứu in trong tập san *Études Vietnamiennes* 40 (1975), Hoàng Tuệ & Hoàng Minh đưa ra một cấu trúc tầng bậc, trong đó đáng chú ý là tác giả đưa mối quan hệ kết hợp giưã âm chính và âm cuối vào trong sơ đồ cấu trúc. Khi thưà nhận vai trò khu biệt âm tiết cuả yếu tố tuyến điệu trong cấu trúc âm tiết (thanh điệu và quan hệ kết hợp) là thưà nhận những yếu tố phi tuyến tính bên cạnh những

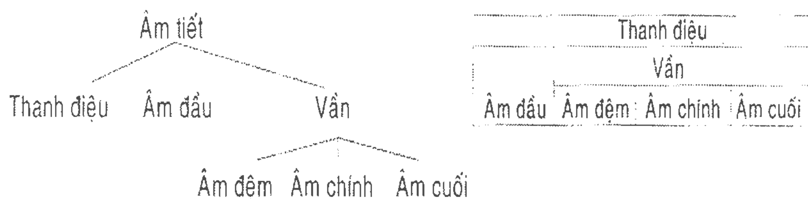
kết hợp tuyến tính của các âm vị tiếng Việt. Đây là một điểm mới trong nghiên cứu tiếng Việt.



Hình 10: Cấu trúc âm tiết tiếng Việt theo Hoàng & Hoàng (1975)

Quan điểm phi đoạn về âm tiết tiếng Việt được kết tập trong một công trình kí thuyết quan trọng của Cao Xuân Hạo, Phonologie et Linéarité (1985). Mặc dù những đóng góp quan trọng về lí thuyết ngữ âm học phi đoạn, cho đến nay, các nhà ngữ âm Việt Nam theo quan điểm này vẫn chưa giải quyết thoả đáng về bản chất của âm tiết tiếng Việt: nó là một cấu trúc -nghiã là một chỉnh thể kết hợp từ những thành phần- nhưng là một chỉnh thể có thể chiết xuất ra từng thành tố hay nó là một đơn vị không phân lập, phi đoạn.

3 Hiện nay quan điểm tầng bậc về cấu trúc âm tiết tiếng Việt vẫn còn đang là một thứ quan điểm "chính thống". Đó là quan điểm được trình bày trong cuốn sách giáo khoa về ngữ âm tiếng Việt của Đoàn Thiện Thuật (1977). Tác giả trình bày sơ đồ cấu trúc âm tiết trên dưới hai dạng: biểu đồ hình cây và hình hộp. Dưới dạng hình hộp, sơ đồ cấu trúc của tác giả cho thấy rõ tính cách bao trùm của thanh điệu lên toàn bộ cấu trúc âm tiết:



Hình 11: Cấu trúc âm tiết tiếng Việt theo Đoàn (1977)

Tác giả chỉ chú trọng lên sơ đồ các âm vị tuyến điệu và phi

tuyến điệu kết hợp thành âm tiết mà xem các mối quan hệ là một yếu tố bên ngoài thành phần âm vị. Trong sơ đồ cấu trúc của tác giả, những âm tiết khởi đầu bằng một nguyên âm như dạng dưới đây:

(a) nguyên âm + thanh: A ! Ồ ! Ơ ! Uả !

và (b) nguyên âm + thanh + phụ âm cuối: Ấy ! Ối !

được tác giả xem như là các âm tiết có "âm đầu zéro" về mặt biểu hiện ra chữ viết, nhưng tác giả lại cho rằng các âm tiết đó thật ra vẫn có âm đầu - ở đây là âm tắc hầu / Z / đứng làm âm đầu. Một nét khác biệt nưã là thành phần âm đệm của âm tiết nay đã trở thành một bộ phận vần của âm tiết. Quan điểm về cấu trúc âm tiết tiếng Việt trình bày trong quyển *Ngữ Âm Tiếng Việt* (1977) đã trở thành quen thuộc trong học giới trong vòng hai mươi năm qua. Quyển sách này được xem là một thứ "kinh điển" để tham khảo nghiên cứu và giảng dạy ở trong nước.

IV

Lướt qua những quan điểm khác nhau về mô hình cấu trúc âm tiết tiếng Việt của các tác giả trên đây, có thể thấy rằng chúng phản ảnh đà tiến chung của việc nghiên cứu âm tiết nói chung: sự phát triển việc tìm hiểu âm tiết tiếng Việt từ Lê Văn Lý đến nay ghi nhận một sự phát triển từ quan niệm chỉ mô hình hoá những kết hợp của các âm vị tuyến tính (nguyên âm và phụ âm), đến sự quan tâm đến những yếu tố phi tuyến tính (thanh, mối quan hệ kết hợp giưã nguyên âm và phụ âm cuối).

Tuy nhiên, cho đến nay, các sơ đồ cấu trúc âm tiết tiếng Việt kiểu tầng bậc đều tỏ ra còn lúng túng về một số điểm lớn, khiến cho việc mô tả cấu trúc âm tiết tiếng Việt chưa giàu tính thuyết phục. Những điểm còn cần tìm hiểu thêm có thể quy ra như sau:

1. âm tiết tiếng Việt là một cấu trúc, nghiã là một chỉnh thể kết hợp từ những thành phần. Nhưng có bao nhiêu thành phần kết hợp mà thành ? Cho đến nay, các tác giả có thể đồng ý với nhau về ba thành phần căn bản của âm tiết tiếng Việt, là thành phần đứng làm âm đầu, âm chính, âm cuối, và thanh điệu. Nhưng khi đi vào phân tích chi tiết, các quan điểm khác nhau là ở vấn đề dưới đây:
2. âm tiết tiếng Việt có thành phần gọi là âm đệm hay không ? Trả lời câu hỏi này không tránh khỏi việc xem xét lại bản chất của hai âm vị thường gọi là bán âm /-u-/ và /-i-/ .

3. Mối quan hệ giưã các thành phần trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt là mối quan hệ tầng bậc hay là mối quan hệ ngang hàng? Có thể mô hình hoá vị trí cuả các âm vị tuyến điệu được không ?

Dưới đây là một số đóng góp thảo luận về ba câu hỏi trên đây. Để trả lời câu hỏi 1, chúng ta sẽ thảo luận về vai trò cuả vần trong cấu trúc âm tiết. Câu hỏi 2 dẫn đến việc xem xét lại hệ thống nguyên âm tiếng Việt[1] - là loại âm vị đảm nhận vai trò âm chính trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt, và hệ thống phụ âm cuối cuả tiếng Việt. Câu hỏi 3 sẽ đặt trong phạm vi vấn đề vai trò cuả thanh điệu và mối quan hệ kết hợp bên trong âm tiết.

Vần cuả âm tiết ?

Khi đưa ra mô hình cấu trúc âm tiết hai bậc (Hình 7, 10 và 11), có tác giả đã lập luận rằng đây là một cấu trúc có thật trong cảm nhận cuả người bản ngữ, và như vậy nó là một cấu trúc tự nhiên (Cao, 1985). Việc nhận biết vần cuả tiếng Việt như vậy là sự nhận biết từ cấu trúc khái quát hoá trong tâm lí cuả người bản ngữ.

Bảo rằng *vần* của âm tiết tiếng Việt là một thành phần cấu trúc có thật trong tâm thức của mỗi người bản ngữ có nghiã rằng vần cuả âm tiết không phải là tính cách cuả chính tả, nếu nhớ rằng chữ viết ô vuông cuả tiếng Hán và kiểu chữ nôm cuả tiếng Việt trước kia cũng đều không cản trở việc gieo vần trong phép làm thơ phú; mà việc nhận ra vần là một việc cần thiết để có thể tập làm câu đối, làm thơ phú, nghiã là một phần rất quan trọng trong giáo dục trường quy.

Cảm nhận tự nhiên về 'khuôn vần' trong tâm lí người bản ngữ là một tri giác ngôn ngữ chung cho mọi ngôn ngữ. 'Khuôn vần' âm tiết loại hình ngôn ngữ đơn tiết thì đã được các nhà âm vận học quan tâm ở Trung Hoa và Việt Nam cổ đại. Khuôn vần là phần còn lại cuả âm tiết khi đã tách khỏi âm đầu. Dùng khái niệm ngữ âm ngày nay thì có thể nói: khuôn vần là tập hợp cuả âm chính, âm cuối (hai âm vị tuyến tính) và thanh điệu (âm vị phi tuyến tính) cuả một âm tiết. Sự nhận biết khuôn vần rất can hệ đối với việc gieo vần trong phép làm thơ, vì gieo vần chính là sự thực hành phép hoà phối ngữ âm trong nghệ thuật thi ca vậy. Khái niệm 'khuôn vần' như thế có phần khác với 'vần' trong thuật ngữ ngữ âm phương tây, vì vần cuả âm tiết các ngôn ngữ kia chỉ là kết hợp cuả hạt nhân âm tiết và phần âm cuối, là hai loại âm vị tuyến tính mà thôi.

Cho dù có đồng nhất hai khái niệm vần cuả âm tiết và 'khuôn vần' trong âm vận học cổ điển phương đông thì vẫn hãy còn một vấn

đề cần xem xét: đâu là lằn ranh phân cách khuôn vần và phần trước nó ? Chúng ta thường cho rằng khuôn vần là phần còn lại của âm tiết ở sau phần âm đầu. Ngay trong số các tác giả nghiên cứu ngữ âm loại hình ngôn ngữ Ấn Âu cũng đã thấy quan niệm khác về thành phần gọi là hạt nhân âm tiết. Sơ đồ cấu trúc âm tiết của họ đã đưa thành phần âm đầu và âm chính vào hạt nhân của âm tiết. Vậy thì cấu trúc vần có phải là một cấu trúc cố định, hay chỉ là những kết hợp lâm thời ? Nhưng những cứ liệu tâm lí ngôn ngữ cho thấy là 'khuôn vần' có thể có hơn một lằn ranh phân cách. Trẻ con không quan niệm học vần theo như những quy định truyền thống. Chúng tôi ghi nhận được một số cách ghép vần của một số cháu bé Việt Nam, theo những mô hình như sau:

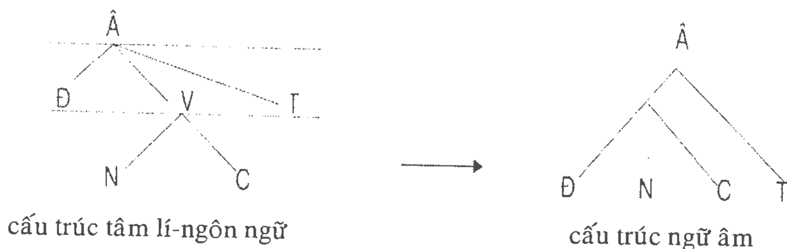
bà -------------> *ba* — @----------> bà
nhau -------------> *nha — u* ----------> nhau
tênh -------------> *tê — nh* ----------> tênh

Hoạt động ghép tiếng của trẻ trong trường hợp kể trên là từ một âm tiết mở tiến về một âm tiết khép, đúng theo tiến trình học tập phát âm tự nhiên của tâm lí ngôn ngữ.

Thừa nhận rằng ý niệm vần là một tri thức tự nhiên, thì cũng không vì thế mà bảo là vần của âm tiết tiếng Việt là khối cấu trúc chặt chẽ đối lập với thành phần âm đầu. Hiện tượng nói lắp khiến cho một người Việt có thể nói tiếng *lốp* thành chuỗi âm /lE-lE-lE-lop/, nhưng một người Nga nói lắp thì có thể nói tiếng *lob* thành một chuỗi /lo-lo-lo-bE-bE-bE/. Sở dĩ thế là vì lằn ranh phân cách các bộ phận của âm tiết không nhất thiết là cố định, và người nói không thể phát âm theo dạng phân xuất C+VC [C: phụ âm-V: nguyên âm] như một người Việt, mà lại phân xuất CV+C (Cao, 1985:194). Vậy thì sự nhận biết vần của âm tiết tiếng Việt là thuộc về nhận thức về mặt cấu trúc hay về mặt tâm lí ?

Khái niệm cấu trúc chìm và cấu trúc nổi của Chomsky cho đến nay vẫn chỉ dùng trong ngữ pháp tạo sinh. Nhưng nếu hiểu cấu trúc chìm quyết định ý nghĩa của câu và cấu trúc nổi hiểu như là yếu tố ngữ âm, thì hai tầng cấu trúc này là những tầng bậc không chỉ riêng gì cho cú pháp, mà là những phạm trù phổ biến cho cả các lĩnh vực khác của ngữ pháp. Khái niệm "yếu tố quyết định ý nghĩa của câu nói" trong ngữ pháp bao hàm ý niệm khái quát về những yếu tố được nhận thức trong hoạt động ngôn ngữ nhưng không minh nhiên biểu hiện trên cấu trúc vật lí của âm thanh. Vần là hạt nhân của âm tiết, là yếu tố quyết định tính âm tiết của âm tiết; do vậy nhận thức về vần

nằm ở cấu trúc tâm lí ngôn ngữ (cấu trúc chìm) cuả âm tiết. Trong khi đó, kết hợp âm vị cuả âm tiết dù có phân thành nhiều đẳng trật, vẫn là cấu trúc nổi cuả âm tiết, là những biểu hiện về mặt ngữ âm. Và chính cái cấu trúc nổi đó là đối tượng cuả phân tích ngữ âm-âm vị học. Âm tiết /bàn/ có hai bậc cấu trúc mặt cấu trúc: bậc 1 gồm có thanh huyền T + âm đầu Đ + khuôn vần V, bậc 2 là cấu trúc của vần gồm có âm chính làm hạt nhân N + một âm cuối C, Về mặt ngữ âm, cấu trúc của âm tiết / bàn / chỉ gồm có những thành phần Đ + N +C | T. Hai mô hình âm tiết dưới đây có thể cho thấy sự tương quan giữa hai cấu trúc này:



Hình 12: Cấu trúc tâm lí ngôn ngữ và cấu trúc ngữ âm cuả âm tiết

Để chứng minh bộ phận vần là một lớp cấu trúc có ý nghiã trong việc phân xuất âm tiết, các tác giả Việt Nam còn thường viện dẫn những phép thay thế thành phần âm vị cuả âm tiết trong các phép láy từ, phép nói lái, và phép tạo từ với vần /-iek/ mà họ gọi là phép - *iêc hoá* (Vũ 1976: 42, Đoàn 1977:84-85, Cao 1985: 194).

Cả ba phép tạo từ này đều dùng biện pháp thay thế các âm vị trong một âm tiết. Khả năng phân xuất âm vị ở cả mọi thành phần cấu tạo âm tiết trong phép láy từ và phép nói lái cho thấy âm tiết chỉ là một cấu trúc chứ không phải một khối đơn vị âm thanh bất khả phân. Một điểm khá quan trọng liên quan đến phép láy và phép nói lái, là: có thể láy và nói lái cả bốn thành phần cuả âm tiết chứ không chỉ chiết xuất âm đầu và vần theo dạng đối lập C|(VC) mà thôi như các tác giả trên vẫn thường biện luận (Võ,1982: 41-42).

Trước hết, hãy thử xét *phép láy từ*. Các sách ngữ âm thường dựa vào lối phân xuất âm đầu | vần để nói đến hiện tượng láy bộ phận âm đầu, láy vần, và láy thanh điệu. Trước hết, tách thanh ra khỏi khuôn vần là một thao tác không hợp lí, vì thanh là yếu tố gắn bó với khuôn vần này. Sau nưã là có nhiều từ láy không lấp lại toàn bộ vần mà chỉ một bộ phận của nó thôi: thòm thèm chẳng hạn, không lấp lại âm /e/ mà lại biến âm thành /o/. Xem vậy thì dùng khái niệm vần hay

khuôn vần trong khi phân tích hiện tượng láy từ không tránh khỏi lúng túng.

Quan sát các trường hợp láy từ sẽ dễ dàng nhận thấy không phải chỉ có một hai lối, mà có đến bốn cách láy:

-láy thành phần thanh điệu: *bâng quơ* (thanh - + -) , *lụng thụng* (thanh %+%)

-láy thành phần âm đầu: *đỡ* --------> *đỡ đần*

-láy thành phần âm chính: *lét* ---------> *leo lét*

-láy thành phần âm cuối: *chúm* -----------> *chúm chím*

Chúng tôi thấy phải phân xuất âm tiết làm bốn thành phần thì việc phân tích hiện tượng láy trở thành sáng tỏ và rất hệ thống. Bốn thành phần này chính là bốn thành phần cấu thành một âm tiết tiếng Việt vậy. Trong các phép láy từ có phép lặp một thành phần cho thấy rõ tính cách kết hợp bình đẳng cuả các thành phần âm tiết

Đến *phép nói lái* cũng vậy. Các tác giả giáo khoa ngữ âm tiếng Việt thường dựa trên sự phân xuất âm đầu | vần để phân tích hiện tượng nói lái.Và họ không cho rằng nói lái con vịt thành vin cọt là hiện tượng bình thường (Đoàn 1977). Thu thập các lối nói lái sẽ có thể nhận ra tính cách nhất quán và hệ thống của phép nói lái, theo đó thì có tối đa bốn cách nói lái, căn cứ trên sự hoán chuyển vị trí cuả các thành phần cấu thành cuả âm tiết. Chẳng hạn, có thể mượn lại hai ví dụ cuả Cao (1985:194) để thảo luận:

* *đi trốn* cố thể lái thành: *tri đốn* (lái âm đầu), *đô trín* (lái âm chính), *đin trố* (lái âm cuối), *trôn đí* (lái thanh điệu);

* *lính tây* có thể lái thành: *tính lây* (lái âm đầu), *lếnh ti* (lái âm chính), *lí tênh* (lái âm cuối), *tấy linh* (lái thanh điệu).

Cho nên, có thể nói một các chính xác rằng một ngữ đoạn hai âm tiết có thể láy bốn lối bằng cách chiết xuất một thành phần cuả âm tiết đó.

Tóm lại, tự thân chúng, hai phép láy từ và nói lái chưa đủ để bảo rằng vần có vai trò nào trội hơn trong cấu trúc âm tiết. Có chăng chỉ là dựa trên căn cứ này để nhận ra rằng âm tiết tiếng Việt là một cấu trúc gồm bốn thành phần mà thôi. Có nhìn nhận vấn đề như thế mới không lấy làm ngạc nhiên về hiện tượng lái *con vịt* thành *vin cọt* mà các tác giả thường trích dẫn, bởi vì đó chỉ là một trong bốn cách hoán vị bốn thành phần âm tiết mà thôi.

Phép *-iêc hoá* trong tiếng Việt là hiện tượng ngữ âm đáng chú ý. Trước hết, là sự kiện lắp nguyên vần *-iêc* để tạo một từ mới thì chỉ là một phép láy đặc biệt khác. Vần -iêc có khả năng ghép thành từ kép rất rộng, vượt khỏi lệ đối xứng về phát âm với các thành phần

khác, như âm đầu, âm chính, thanh, và phụ âm cuối, lại càng không có trở ngại nào đối với các từ âm tiết mở đi kèm trước nó. Lợi thế về phát âm và kết hợp chính là một lí do vì sao vần *-iêc* trở thành một vần đặc biệt trong phép tạo từ kép. Thật ra thì trên bình diện ngữ âm-âm vị học thuần tuý, chúng ta có hàng loạt đơn vị dưới bậc âm tiết như *-iêc,* nhưng không vì thế mà phải viện dẫn những phân tích hình vị để nhằm nêu ra tính cách độc đáo của hiện tượng *-iêc hoá* mà các tác giả trường phái Nga đã theo chân Gordina trong bao lâu nay. Một số thí dụ dưới đây có thể là những gợi ý cho những minh hoạ khác về khả năng kết hợp và hoán chuyển âm vị trong cấu trúc âm tiết: đơn vị *l-* trong "lùm xùm", "lí lắc", "lăng xăng"..., *k-* trong "cà chớn", "cà ngơ", "cà ẹo", *ba* trong "ba trợn", "ba buá", ba lăng nhăng", "ba bị"... trong những mô hình láy từ các phương ngữ miền trong. Khả năng kết hợp rộng của một số tổ hợp như tổ hợp -iêc chỉ có thể dẫn đến kết luận khiêm tốn là có một lằn ranh giữa thành phần âm đầu và phần còn lại của cấu trúc âm tiết. Nhưng như thế thì chưa đủ để xem thế đối lập giữa âm đầu và phần còn lại là có ý nghiã âm vị học cao hơn giữa thanh và ba âm vị khác, hoặc thế đối lập giữa các thành phần khác với nhau, như đã thể hiện trong hai phép láy từ và phép nói lái trình bày trên kia.

Tóm lại, xét trên bình diện ngữ âm-âm vị học, chưa có luận cứ nào có đầy đủ tính cách thuyết phục về vai trò lớn của thành phần gọi là vần trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt. Thực tế chỉ cho phép kết luận rằng: âm tiết tiếng Việt là một cấu trúc gồm bốn thành phần, trong đó hai thành phần làm nên âm tiết tính là không thể thiếu được, đó là âm chính và thanh điệu. Cả bốn thành phần này khi có mặt trong âm tiết thì đều có vai trò và chức năng ngang nhau trong âm tiết, mà phép láy từ và phép nói lái là những thể hiện các lối hoán chuyển vị trí các thành phần của cấu trúc âm tiết mà thôi.

Có âm đệm trong âm tiết tiếng Việt hay không ?

Các công trình mô tả ngữ âm tiếng Việt trước nay thường tranh luận nhiều về một đơn vị ngữ âm thường xuất hiện giữa âm đầu và âm chính của âm tiết. Qua sự phân tích trên đây thì có thể thấy cấu trúc âm tiết bao gồm bốn thành phần. Nếu như vậy thì chỗ đứng của một thành phần gọi là *âm đệm* thường được nhắc đến trong các sách giáo khoa trước đây là ở đâu? Vấn đề được đặt ra ở đây là: âm tiết tiếng Việt có một thành phần nằm giữa âm hai phần âm đầu và âm chính hay không ?

Đây là một vấn đề còn đương gây nhiều tranh cãi giữa các tác

giả khi miêu tả âm vị học tiếng Việt. Có thể ghi nhận được ba giải thuyết chính về vấn đề này.

(1) Hiện tượng thần âm hoá (môi hoá): Lê Văn Lý (1948, 1968) cho rằng hiện tượng chúm môi đi kèm với âm đầu là tính cách của âm đầu, và ông cho đó là hiện tượng "thần âm hoá" (labialisation). Tác giả cho rằng hầu hết các phụ âm đầu đều có hiện tượng thần âm hoá, và là một tính cách của phụ âm đầu chứ không phải là một nét khu biệt làm cho một phụ âm đầu có thể trở thành hai âm vị đối lập nhau về tính cách, chẳng hạn /t/ đối lập với /tw/.

(2) Âm /w/ là bộ phận của một thành phần âm tiết: Phần đông các tác giả đều cho hiện tượng chúm môi đó là hiệu quả của một bán âm / -w- / chen giữa phụ âm đầu và nguyên âm. Emeneau (1951) xem âm /w/ là một âm vị hẳn hoi. Tuy nhiên, ông cho rằng có thể xem vai trò của / w/ này là một vai trò nước đôi: hoặc là một phần của hạt nhân âm tiết, hoặc cũng có thể là một phần của cụm âm đầu.

Cũng xem hiện tượng chúm môi này là hiện tượng 'môi hoá', các tác giả khác (Hoàng *et al.*, 1962) lại kết hợp với quan điểm thứ nhì mà cho là chúng có tính cách nước đôi: có thể xem như là một tính cách của âm đầu, hoặc là một thành phần trước âm chính. Tác giả đưa ra công thức của âm tiết không có phụ âm đầu là WV, trong đó /w-/ là một âm vị đảm nhận vai trò như một âm đầu của âm tiết.

Bán âm này thuộc về âm đầu hay âm chính của âm tiết ? Ý kiến của các nhà nghiên cứu khá phân tán: có ý kiến cho bán âm /-w-/ thuộc về âm đầu (Thompson 1965); những người khác lại xem bán âm /-w-/ là một âm vị riêng kèm theo sau phụ âm đầu (Hoàng & Hoàng 1975).

(3) Âm chúm môi /-w-/ là âm vị độc lập, làm thành phần của âm tiết: một số các nhà nghiên cứu trường phái Nga (theo Đoàn 1977), cho rằng âm /w/ là một âm vị riêng, có chức năng vai trò riêng trong âm tiết tiếng Việt: đó là những âm đệm nằm giữa thành phần âm đầu và âm chính của âm tiết. Và vì vậy, những âm tiết nào không có âm đệm thì chỉ là vì chúng có 'âm đệm zero' (Đoàn 1977:187).

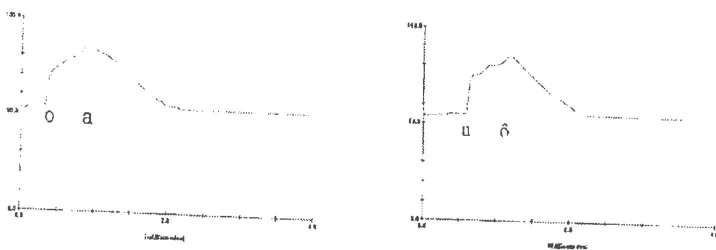
Xem thế thì ý kiến của các nhà ngữ âm về vấn đề bán âm (hay âm đệm) /w/ rất khác biệt. Mỗi giải thuyết đều để lại rất nhiều vấn nạn chưa có giải đáp.

Trước hết, xem /-w-/ là một hiện tượng thần âm hoá (môi hoá) mới chỉ là dựa trên sự cấu âm mà chưa giải đáp rõ hơn để xác định hiện tượng cấu âm này là hiện tượng chính hay chỉ là phụ thứ. Nếu là hiện tượng ngữ âm chính và là một nét khu biệt của âm đầu hay âm chính, thì chúng phải được đưa vào hệ thống phụ âm đầu hay nguyên âm;

nếu chỉ là hiện tượng ngữ âm phụ, một nét hoa mĩ cuả các âm đầu hay âm chính mà thôi, và như thế thì chúng không phải là thành phần âm tiết. Nói khác đi, giải thuyết thứ nhất không làm sáng tỏ vai trò cuả âm /-w-/ trong âm tiết.

Quan điểm ngược lại, xem /w/ là thành phần cuả âm đầu cũng không đủ sức huyết phục, vì lằn ranh giưã âm đầu và âm chính trong một số âm tiết cho thấy là hiện tượng chúm môi không nhất thiết thuộc về âm đầu: *b-âng kh-uâng, l-ay h-oay, s-ượng s-ùng, th-uế th-iếc, l-ẩnq-uẩn*.... Một luận điểm khác cuả quan điểm này là sự biện biệt giưã âm /-w-/ trong âm tiết " quá " / kuÁ / và "cuá " / kuó /. Tác giả cho rằng đó là hai âm vị khác nhau: âm /-u/ trong tổ hợp / -ua/ là một âm đệm, vì nó là một âm yếu hơn nguyên âm chính, và vì tính cách kết hợp cuả nó không bền vững mà có thể bị tách khỏi kết hợp (trong phép nói lái và *-iêc hoá*, âm /u-/ có thể tách khỏi tổ hợp /ua/). Trong khi đó thì âm / u-/ trong tổ hợp /uo/ là yếu tố cuả một âm đôi, vì nó có hai tính cách ngược hẳn: tính bền vững trong kết hợp, và là một âm tố mạnh cuả tổ hợp. (Đoàn 1977:186, 197).

Những biện giải về tính bền vững cuả các tổ hợp /ie/, /KC/, / uo/, và về tính mạnh yếu cuả âm /-u-/ trong các tổ hợp này và các tổ hợp âm chúm môi khác có thể là những ý kiến cần phải xem xét lại, vì không sát với thực tế. Thật ra, dữ kiện thực nghiệm đều xácnhận ý kiến cuả Lê Văn Lý là xác đáng: ông cho rằng yếu tố thứ nhì trong các tổ hợp /ie/, /KC/, /uo/ là những yếu tố cảm nhiễm thanh mạnh hơn (Lê 1948:44). Âm /-w-/ trong hai kết hợp /uA/ và /uo/ không có gì khác nhau cả: đường biểu diễn âm tiết đều cho thấy đỉnh cao cuả âm tiết là nguyên âm thứ nhì, trong khi âm /-w-/ chỉ là một đỉnh thấp hơn. Những cứ liệu thực nghiệm do chúng tôi thực hiện không cho thấy nét khác biệt về tính cách đệm hay tính cách âm đôi cuả âm /-w-/ này (Hình 13).



Hình 13: Đường biểu diễn phát âm hai âm "oa" & "uo^'

Bảo rằng kết hợp cuả /-u/ trong các tổ hợp /ie/, /KC/, /uo/ là bền vững hơn các tổ hợp hai nguyên âm khác cũng thiếu cơ sở: trong

phép láy, phép nói lái, phép -iêc hoá đều cho thấy là âm /u/ có thể bị tách ra khỏi tổ hợp như trong các tổ hợp khác:

* phép láy: *lẩn quẩn = luẩn quẩn, lay hoay = loay hoay;*

* phép nói lái: *qua đấy-------> quây đá - ca đuấy... ;*

cua đa-------> ca đuá - qua đố

* phép -*iêc* hoá: *thuế thiếc - * thuế thuyếc, nước niếc - * nước nuyếc, cua kiếc - *cua quyếc*

Tính cách tương đồng này không chỉ giưã hai âm /-w-/ đang bàn ở đây, mà còn

phổ biến ở mọi tổ hợp hai nguyên âm tiếng Việt (xem mục bàn về nguyên âm đôidưới đây). Tất cả các cứ liệu thu nhặt được đều cho phép chúng tôi xem xét lại bản chất cuả âm thường gọi là bán âm /-w-/ và cả /-i-/ nưã.

Những luận điểm trên đây cuả các tác giả đi trước hầu hết đã bị ảnh hưởng cuả lối nhìn nhận cuả ngữ âm học phương tây, mà ý kiến cuả Emeneau (1951) đã phản ảnh một cách đầy đủ. Tuy vậy, ít ra Emeneau còn tỏ ra phân vân nước đôi, mặc dù ông đã cố gắng nhiều để thoát ra ảnh hưởng cuả lối nhìn nhận âm tiết tiếng Việt theo quan điểm tây phương. Ông vưà nhận ra tính cách trượt từ âm đệm /w/ sang một nguyên âm thứ nhì ở vị trí trọng âm (các âm xếp vào loại từ âm sau-cao-tròn sang âm sau-không tròn- hay âm trước-không tròn: /u~DC~, u~A%, u~i, u~e, u~BF~/, hoặc các âm ông gọi là âm ba lên-xuống / u~Dj, u~Aj, u~A%j, u~Au~, u~iu~, u~Bu~/, nhưng ông lại cho rằng âm/ -w-/ trong các tổ hợp / uD~, KD~/ là một âm mạnh. Chỉ có thể cắt nghiã rằng việc cảm nhận phát âm cuả một người nước ngoài đã dẫn tác giả đến những mâu thuẫn này.

Một điểm vướng khác cuả lối nhìn hiện tượng /-u-/ như là một bán âm cuả phương tây, là các tác giả đều cố ý bỏ sót một 'bán âm' khác:/-i-/. Một nhược điểm khác nưã là các tác giả Việt Nam đều bị ảnh hưởng cuả lối phân tích nguyên âm kép (dipthong) theo nhãn quan phương tây, vốn xuất phát từ tập quán ngôn ngữ Ấn-Âu. Chính lối nhìn khiên cưỡng như thế đã hơn một lần dẫn nhà nghiên cứu đến một thủ pháp khiên cưỡng khác là xem những hiện tượng lạc ra ngoài mô hình cuả họ là 'âm vị zero'!

Chúng tôi căn cứ trên cứ liệu thực nghiệm để đề nghị một giải thuyết mới về vai trò cuả các 'bán âm' (hay 'âm đệm')[2]. dựa trên một lối nhìn nhận khác với tập quán ngôn ngữ phương tây. Vì thế mà cấu trúc âm tiết tiếng Việt trong tập này đã không có thành phần thứ năm là các âm đệm. Chúng tôi xem hiện tượng gọi là bán âm hoặc phụ âm cuối tròn môi / u-/ hoặc bẹt / i-/ không phải là một đơn vị âm vị học

độc lập với hệ thống nguyên âm và hệ thống phụ âm cuối, và do đó không thể xem là một thành phần riêng rẽ cuả cấu trúc âm tiết tiếng Việt. Các âm này chính là một yếu tố làm thành một nguyên âm kép trượt tăng dần. Trong âm tiết, các nguyên âm trượt tăng dần này hoàn toàn có giá trị một âm vị làm thành âm chính cuả âm tiết.

Thành phần âm chính có bao nhiêu âm vị ?

Một vấn đề đáng đặt ra cho ngữ âm tiếng Việt, là: tới chừng mức nào thì nguyên âm được thừa nhận là một âm vị ? Nói cách khác, những tổ hợp nhiều nguyên âm trong một âm tiết là một âm vị hay nhiều hơn ? Để trả lời câu hỏi đặt ra trên kia, trước hết cần lưu ý một điều là rất nhiều ngôn ngữ trên thế giới đều có hiện tượng nguyên âm ngắn và nguyên âm dài. Về mặt âm học, thì một nguyên âm dài dài xuýt xoát gấp đôi một nguyên âm ngắn, cho dù là tính cách cuả sự khác biệt còn tuỳ thuộc vào các yếu tố ngữ âm khác trong lúc phát âm.

Nếu vấn đề dài/ngắn cuả một nguyên âm là hiển nhiên, thì vấn đề nguyên âm đơn hay nguyên âm kép sẽ có được nhìn nhận cùng một cách ? Nguyên âm kép - hay có tác giả gọi là nhị trùng âm (Lê, 1968)- thường được hiểu là "hai nguyên âm đi liền nhau, phát âm cùng lúc như là một nguyên âm". Hiểu như thế thì mỗi nguyên âm trong tổ hợp nguyên âm kép là "một nưả" nguyên âm. Một điểm rất đáng chú ý khác là nguyên âm thứ nhất thường chuyển nhanh sang nguyên âm thứ nhì. Một phần tử cuả tổ hợp nguyên âm kép luôn luôn ở vị trí mạnh hơn phần tử kia. Nếu yếu tố đứng trước mạnh hơn , như trong các tổ hợp / aj / trong tiếng Anh, thì người ta gọi là nguyên âm kép *giảm dần*. Tuy vậy, cũng có những ngôn ngữ lại có nguyên âm kép *tăng dần*, như tổ hợp / iA /, trong đó yếu tố / A / mạnh hơn. Tưởng cũng nên ghi nhận sự kiện này nưã: có một số ngôn ngữ (tiếng Icelandic chẳng hạn) phân biệt nguyên âm kép dài và nguyên âm kép ngắn. Đó là những tính cách riêng cuả từng ngôn ngữ mà thôi.

Nhìn chung thì nguyên âm kép vẫn được xem là một nguyên âm đơn dài, nghiã là vẫn chỉ là một một âm vị trong âm tiết. Những tổ hợp như / Ai / và / AY / trong tiếng Anh là những nguyên âm kép. Nhưng những tổ hợp như / Aj / và / Aw / , hay là các tổ hợp âm trượt giưã một âm vẫn thường gọi là phụ âm / j- / và / w- / với một nguyên âm để làm thành một nguyên âm kép tăng dần (chẳng hạn / jA / hay là / wA /) thì có được nhận là nguyên âm kép không ? Các nhà ngữ âm tiếng Anh hãy còn lúng túng về vấn đề này.

Tình hình nghiên cứu về những kết hợp nguyên âm với hai âm /w/ và /i/ ở trước hay ở sau nó cũng có nhiều giải thuyết khác nhau.

Đối với kết hợp /w/ và /i/ ở sau nguyên âm, chúng tôi xem chúng là hai phụ âm cuối, dựa trên tính cách phụ âm rõ rệt cuả chúng. Đối với những kết hợp trước nguyên âm khác, chúng tôi nhất loạt xem hai âm này là nguyên âm thứ nhất trong tổ hợp nguyên âm kép. Chúng tôi căn cứ vào sự phân bố thống nhất cuả các kết hợp */ w / + nguyên âm* trong tiếng Việt là một hiện tượng nằm trong quy luật hoạt động phổ biến cuả nguyên âm trong mọi ngôn ngữ: hiện tượng tổ hợp *nguyên âm (kép) trượt-tăng dần*, và cho rằng nét khu biệt cuả những kết hợp này khá thống nhất trong phần âm chính cuả âm tiết. Các tổ hợp nguyên âm tăng dần có cùng tính cách và giá trị âm vị học như nhau cuả một nguyên âm kép, từ mô hình kết hợp đến trường độ phát âm. Chẳng hạn, cứ liệu thực nghiệm không cho thấy khác biệt nào giưã các tổ hợp hai nguyên âm / ie, KC, uo /, và các tổ hợp khác mà các nhà ngữ âm thường xem là một bán âm + nguyên âm: / uA, ue, uie / (Hình 14). Tất cả những đường nét cuả các nguyên âm kép đều cho thấy phần mang âm tiết tính đều có hai đỉnh cao: một đỉnh cuả nguyê nâm thứ nhất, và một đỉnh cao hơn tiếp ngay sau đó là cuả nguyên âm thứ nhì. Khi đến đỉnh cao thì âm tiết bắt đầu khép lại.

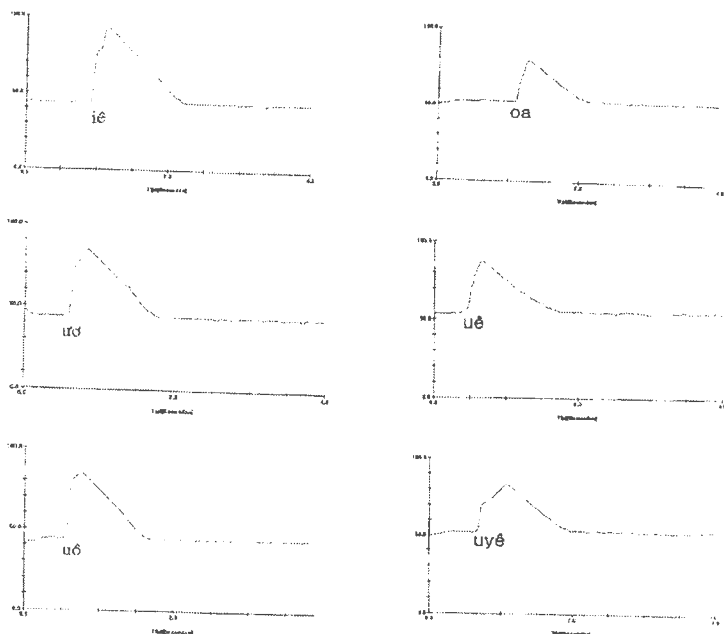
Để thấy thêm tính cách đơn nhất cuả tổ hợp các âm chúm môi (nghiã là có âm /u/) đi kèm với một nguyên âm khác, chúng ta hãy xem xét một số từ láy tiếng Việt, trong đó có hiện tượng âm chính là một nguyên âm đơn láy với một nguyên âm kép chúm môi cùng bậc hay cùng hàng với nó: *bâng khuâng, sung sướng, ngượng ngùng, lúng liếng*... Các từ láy này đều có mô hình cấu trúc như sau:

âm đầu + { âm chính } + âm cuối + thanh

{nguyên âm đơn / nguyên âm kép}

Trong tất cả các thí dụ về loại từ láy dẫn trên, những âm tiết có chúm môi chỉ có một đường ranh dứt khoát giưã âm đầu và âm chính: *kh-uâ-ng, s-ướ-ng, ng-ượ-ng, l-iế-ng*. Nghiã là hiện tượng chúm môi cuả âm / u / là hiện tượng thuộc về âm chính, vì đó là một yếu tố cuả các nguyên âm trong phần âm chính. Cho nên đưa tất cả những tổ hợp hai nguyên âm vào nhóm các tổ hợp nguyên âm kép là một việc hợp lẽ.

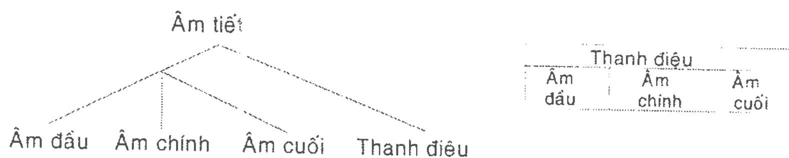
Một kết luận khác rút ra từ những thảo luận trên đây, là: dù là nguyên âm đơn hay nguyên âm kép, nguyên âm ngắn hay dài, các âm vị này chỉ là một âm vị duy nhất đảm nhận thành phần âm chính trong cấu trúc âm tiết.



Hình 14: Đối chiếu đường nét phát âm
của "iê", "ươ" "uô" và ""oa", "uê", "uyê"

Kết luận thứ ba là: vì không có loại âm vị gọi là bán âm trong tiếng Việt nên cũng không có thành phần gọi là âm đệm trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt. Sơ đồ cấu trúc âm tiết đề nghị trong tập này không có đơn vị gọi là âm đệm độc lập, hoặc xem là tiền âm chính - hiểu như một tính cách của âm đầu.

Tóm lại, mỗi âm tiết tiếng Việt gồm có bốn thành phần âm vị học. Bốn thành phần của cấu trúc âm tiết tiếng Việt sẽ có giá trị âm vị học như nhau. Âm tiết tiếng Việt được sắp xếp theo cấu trúc như sau:



Hình 15: Sơ đồ tổng quát cấu trúc âm tiết tiếng Việt

Mỗi thành phần của âm tiết sẽ do *một âm vị* đảm nhận:

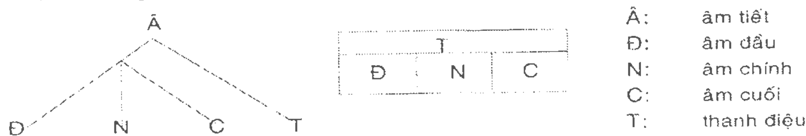
* thành phần âm đầu: do một *phụ âm đầu* đảm nhận;

* thành phần âm chính làm nên phần hạt nhân của âm tiết, do một *nguyên âm* đảm nhận;

* thành phần âm cuối do một *phụ âm cuối* đảm nhận;

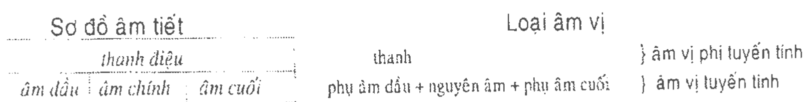
* thành phần thanh điệu: do một *thanh* đảm nhận.

Có thể lập lại sơ đồ trên dưới dạng công thức như sau, trong đó các thành phần âm tiết được biểu hiệu bằng các nhánh hình cây và một ô trong sơ đồ hình chữ nhật:



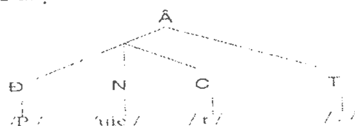
Hình 16: Công thức cấu trúc âm tiết tiếng Việt

Sơ đồ cấu trúc âm tiết tiếng Việt trên đây cho thấy bốn thành phần có vai trò chức năng ngang nhau trong việc xác định âm tiết. Trong bốn âm vị thì ba âm vị: phụ âm đầu, nguyên âm và phụ âm cuối là những âm vị tuyến tính, nghiã là phát âm tương đối theo trật tự trước sau, và khi phân tích âm tiết, chúng cũng được phân cách theo thứ tự cấu thành âm tiết. Ngược lại, thanh là một âm vị phi tuyến tính, vì nó có mặt ngay lập tức cùng với khi phát ra âm tiết, và do vậy tính cách cuả thanh là bao trùm toàn thể âm tiết. Sơ đồ cấu trúc âm tiết trong hình 17 dưới đây là một cách thể hiện khác, có thể cho thấy sự phân biệt hai loại âm vị đảm nhận thành phần âm tiết.



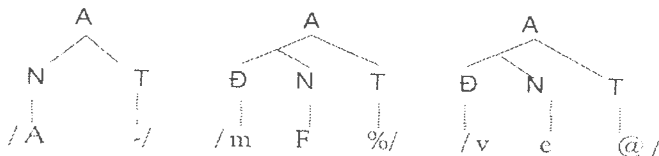
Hình 17: sơ đồ cấu trúc âm tiết tiếng Việt

Âm tiết tiếng Việt không thể thiếu hai thành phần chính yếu làm nên âm tiết tính cuả nó, là: âm chính, và thanh điệu. Âm chính có thể gồm ít nhất một nguyên âm, hoặc là một tổ hợp nguyên âm. Âm tiết "nguyệt" / Puiẹt / có sơ đồ cấu trúc như sau :



Hình 18: Cấu trúc âm tiết của tiếng "nguyệt" /Puiẹt/

Câu:' A ! *Mẹ về* ! ', khi phát ngôn, cho ba âm tiết như trong đồ hình dưới đây:



Hình 19: Phân tích cấu trúc âm tiết cuả câu nói 'A ! Mẹ về !'

Như thế, trong một âm tiết tiếng Việt có bốn thành phần âm vị. Đó là một cấu trúc phổ biến và ổn định.

Các kiểu cấu trúc âm tiết tiếng Việt

Sơ đồ cấu trúc như trình bày ở Hình 17 trên kia được xem là mô hình cấu trúc đầy đủ nhất. Trên thực tế thì một âm tiết tiếng Việt có thể biểu hiện ra dưới một trong bốn dạng thức:

(a) *âm tiết gồm âm chính + thanh*: đây là một dạng âm tiết mở, trong đó âm chính không bị phụ âm cuối cản trở làn hơi;

(b) *âm tiết gồm âm chính + âm cuối + thanh*: đây là dạng âm tiết khép, trong đó phụâm cuối có mặt để khép làn hơi nói ở cuối mỗi âm tiết.

(c) *âm tiết gồm âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh*: đây là một dạng âm tiết mở khác bắt đầu với một phụ âm đầu trước khi phát ra âm chính;

(d) *âm tiết gồm âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh:* đây là dạng âm tiết khép với đầy đủ bốn thành phần cuả một âm tiết tiếng Việt.

Trong tất cả bốn kiểu kết hợp trên đây, âm chính và thanh là thành phần bắt buộc phải có để âm tiết có âm tiết tính. Tiếng Việt không có dạng âm tiết cấu tạo toàn phụ âm -dù là phụ âm vang như tiếng Tiệp chẳng hạn.

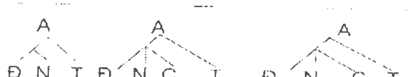
Theo như bốn mô thức thể hiện âm tiết tiếng Việt trên đây, chúng ta có thể thấy là, tuỳ theo vị trí quan sát, âm tiết tiếng Việt có hai loại cấu trúc lớn.

Bốn dạng âm tiết tiếng Việt có thể tóm tắt trong hình dưới đây:

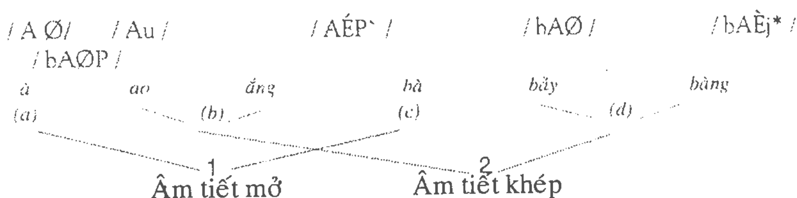
I/ Âm tiết không có âm đầu



II/ Âm tiết có âm đầu



Ví dụ:



Hình 20: Các dạng cấu trúc âm tiết tiếng Việt

Nếu xét tiêu chí có hay không có âm đầu, âm tiết tiếng Việt có thể có hai loại cấu trúc:

I/ **Âm tiết không có âm đầu**: loại cấu trúc này bao gồm các dạng cấu trúc (a) và (b) trong hình 20.

II/ **Âm tiết có âm đầu**: loại cấu trúc này bao gồm các dạng cấu trúc (c) và (d) trên kia.

Nếu xét tiêu chí có hay không có âm cuối, âm tiết tiếng Việt lại có thể có hai loại cấu trúc như sau:

1. **Âm tiết mở**: là những âm tiết không có thành phần âm cuối, và bao gồm cạc dạng (a) và (c) trong hình 20.
2. **Âm tiết khép**: là những âm tiết có thành phần âm cuối, và gồm các dạng cấu trúc (b) và (d) trên kia.

VI

Quan hệ kết hợp giưã nguyên âm và phụ âm cuối

Âm tiết tiếng Việt không chỉ là sự kết hợp cuả các âm vị tuyến tính, mà còn các yếu tố phi tuyến tính cũng làm nên nét đăng trưng có ý nghiã cuả âm tiết. Hai âm tiết / tAn/ và / tA*n~/ đều có bốn âm vị giống nhau. Trong trường hợp này, mối quan hệ kết hợp giưã nguyên âm /A/ với phụ âm cuối / n/ làm nên sự khác nhau giưã hai âm tiết này.

Quan hệ giưã nguyên âm và phụ âm cuối có thể là mối quan hệ chặt hay lỏng mà cho âm sắc khác nhau cho âm tiết. Hai âm tiết lùm xùm / lùm sùm/ (kết hợp lỏng), mà cũng có thể phát âm thành / lùm~ sùm~ / (kết hợp chặt). Cả hai kết hợp đều là kết hợp có ý nghiã trong tiếng Việt, vì nó tạo hai âm sắc khác nhau cuả hai phương ngữ bắc và nam. Có khi hai kết hợp tạo nên hai âm tiết khác nghiã hẳn: tám / tÁm/ và tấm / tÁ'm~ / là hai âm tiết khác hẳn nhau chỉ từ một yếu tố quan hệ

kết hợp - là yếu tố phi tuyến tính. Đây chính là lí do khiến Hoàng & Hoàng (1975) đưa quan hệ kết hợp vào sơ đồ cấu trúc âm tiết tiếng Việt, xem như là một âm vị điệu tính có ý nghiã, bên cạnh các âm vị tuyến tính và thanh điệu.

Sơ đồ cấu trúc âm tiết mà chúng tôi trình bày ở đây không đưa quan hệ này thành một yếu tố cấu tạo âm tiết, vì lẽ rằng trong nội bộ âm tiết tiếng Việt, có nhiều mối quan hệ khác nưã: quan hệ giưã thành phần âm đầu và thành phần âm chính, quan hệ kết hợp trong nội bộ thành phần âm chính, quan hệ giưã phụ âm cuối và thanh. Những yếu tố phi đoạn này cuả cấu trúc âm tiết có tính cách khác với thanh điệu, là yếu tố phi đoạn khác có ý nghiã âm vị học nổi bật. Vả chăng, các mối quan hệ này đều đã được biểu hiện bên cạnh các yếu tố đoạn tính: chẳng hạn quan hệ chặt giưã nguyên âm và phụ âm cuối thường biểu hiệu qua một nguyên âm ngắn hay một phụ âm cuối chặt. Âm tiết anh /F'Pk~/ khác âm tiết eng / FP / qua phát âm và qua các đồ vị khác nhau.

Vì thế sơ đồ cấu trúc âm tiết bốn thành phần đã chỉ ghi nhận thanh là một yếu tố phi tuyến tính có ý nghiã ở cấp âm tiết mà thôi.

Vị trí của thanh điệu trong cấu trúc âm tiết

Cho đến nay có thể nhận ra hai cách nhìn nhận vai trò cuả thanh điệu trong âm tiết: hướng thứ nhất xem thanh điệu là một yếu tố ngôn điệu, tạo âm sắc cho âm tiết nhưng không phải là một thành phần cấu thành âm tiết. Lối nhìn nhận thứ hai xem thanh điệu là yếu tố phi tuyến tính cuả âm tiết bên cạnh các yếu tố tuyến tính khác, và như thế thì thanh là một thành phần cấu tạo cuả âm tiết tiếng Việt. Hai hướng nhìn nhận sẽ dẫn đến hai quan điểm khác nhau về cấu trúc âm tiết.

Quan niệm rằng thanh là yếu tố ngôn điệu là căn cứ trên tính cách tạo âm sắc cho âm tiết. Đây là nét đặc trưng cuả âm tiết loại hình ngôn ngữ đa tiết, trong đó các âm vị tuyến tính kết hợp với nhau. Đó là những kết hợp ổn định và làm nên nét khu biệt cuả âm tiết này với âm tiết khác. Trong khi đó thì yếu tố ngôn điệu như trọng âm câu nói có thể thay đổi tuỳ theo ngữ cảnh, cho nên chỉ được xem là yếu tố tạo âm sắc cho âm tiết mà thôi. So sánh ba lối nhấn trọng âm trong cùng một câu nói ngắn dưới đây:

1 How are you ?   2 How are you ?   3 How are you ?

Thanh của tiếng Việt không thế. Mỗi âm tiết chỉ có thể mang một thanh ổn định, tạo nên nét khu biệt của âm tiết. Thanh là một yếu tố gắn liền với âm tiết, và không thể tuỳ tiện thay đổi nó mà không làm mất nét khu biệt của nó bên cạnh các âm tiết khác.

Nhìn lại các sơ đồ cấu trúc âm tiết trên kia, có thể thấy những cố gắng để làm bật lên tính cách riêng của thanh trong âm tiết tiếng Việt, từ chỗ nó chỉ là yếu tố bên lề, thanh đã được nhìn nhận như một âm vị của âm tiết, có chức năng âm vị học rõ rệt.

Một đặc trưng khác của thanh là nó gắn vào yếu tố âm tiết tính của âm tiết, tức là nguyên âm. Và cũng là một sự kiện có ý nghiã khi hệ thống chữ viết tiếng Việt hiện nay đánh dấu thanh lên nguyên âm -là đỉnh âm tiết. Tuy vậy, định vị trí cho nó trong cấu trúc âm tiết lại đang còn là một vấn đề chưa ngã ngũ. Có ít nhất là hai giải thuyết chính về vai trò thanh điệu trong âm tiết tiếng Việt:

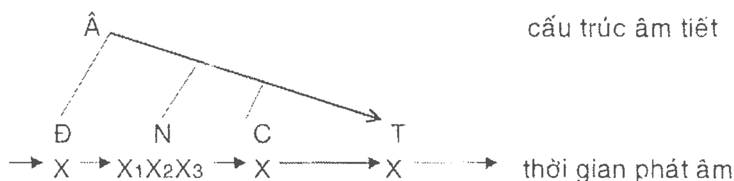
(a) Thanh là yếu tố của âm chính: Nguyễn Bạt Tuỵ (1949:63) cho rằng thanh là yếu tố của âm chính. Ông cho rằng thanh nhiễm vào phần âm chính của âm tiết, hơn nưã vào nguyên âm mạnh của âm chính.

(b) Thanh là yếu tố của âm tiết: Lê Văn Lý (1948) cho rằng thanh điệu là yếu tố thuộc về ngôn điệu, và mỗi âm tiết chỉ có thể mang một thanh như là một yếu tố quyết định tính cách thoả đáng của một âm tiết, vì nó làm nên ý nghiã của âm tiết. Lê Văn Lý cũng là người có đóng góp quan trọng khi ông khẳng định là thanh nhiễm mạnh trên nguyên âm mạnh trong các tổ hợp nguyên âm kép tăng dần. Do đó khi viết dấu thanh phải đặt trên nguyên âm mạnh. Tưởng cũng cần ghi nhận là trong Lê (1968), tác giả lại xem thanh là yếu tố cảm nhiễm vào thành phần âm chính của âm tiết mà thôi.

Các nhà nghiên cứu khác (Cao 1975, Đoàn 1977, Nguyễn 1978) đều theo chủ trương là thanh là yếu tố của âm tiết chứ không phải chỉ là yếu tố của âm chính.

Những cứ liệu thực nghiệm ngữ âm cho thấy là thanh nhiễm vào phụ âm đầu rất yếu ớt so với phần còn lại của âm tiết. Thanh "nhiễm" mạnh nhất ở đỉnh âm tiết và còn gắn vào cả âm cuối nưã. Khi phát âm một âm tiết nào đó, chỉ số đo độ cao của phần cuối âm tiết trước khi dứt âm tiết xác nhận điều đó. Điểm này có ý nghiã hơn khi đối chiếu với những phân tích xác đáng dựa trên cứ liệu ngữ âm lịch sử (Haudricourt 1954, in lại trong 1972): thanh của tiếng Việt hình thành khi âm tiết tiếng Việt cổ rụng các phụ âm cuối tắc hầu/ Z /, âm xát / s /, và âm hầu / h /. Có thể căn cứ trên hiện tượng chuyển đổi phụ âm cuối sang thanh để tìm hiểu tính nhiễm thanh của phụ âm cuối

không ? Võ Bình (1982:42-44) đưa ra một giải thuyết về tính nhiễm thanh tăng dần từ thành phần âm đầu sang âm cuối, như diễn tả trong sơ đồ dưới đây:



Hình 15 : âm sắc của thanh trong âm tiết (phỏng theo Võ Bình)

Tác giả có viện dẫn sự hiệp vần trong thơ (với sự biệt loại "vần thông" và "vần chính") chứng tỏ trật tự tăng dần các kiểu kết hợp các thành tố đứng cuối âm tiết nếu đi từ "vần ép" đến "vần thông", rồi "vần chính". Thiết tưởng dựa trên phụ âm cuối để so sánh giá trị hiệp vần thi ca để nói về trật tự tăng dần các kiểu kết hợp các thành tố đứng cuối âm tiết chỉ là một cách nhìn, bởi vì cũng có thể từ hiện tượng này mà nói đến vai trò chủ đạo của âm chính, bởi vì sự hiệp vần trong thi ca phải là sự hoà phối của khuôn vần -nói theo thuật ngữ âm vận học thời cổ điển. Tác giả cũng dựa trên một lí luận giả định để cho rằng các phụ âm cuối cổ rụng đi để trở thành thanh, rồi thanh lại tác động lại các âm vị tuyến tính gần nó (?), và ông cho rằng thanh nhiễm mạnh dần từ thành phần kết hợp tuyến tính từ đầu đến cuối âm tiết. Tuy vậy, chính tác giả cũng thấy rằng sơ đồ như trên thích hợp nhất với âm tiết khép; đối với các âm tiết mở thì còn cần xem xét thêm. Nói cách khác, cách giải thích của tác giả về mối quan hệ giữa thanh và các thành phần âm vị tuyến tính chưa đủ tính thuyết phục về cái trật tự tăng dần sự kết gắn giữa các thành tố cuối âm tiết.

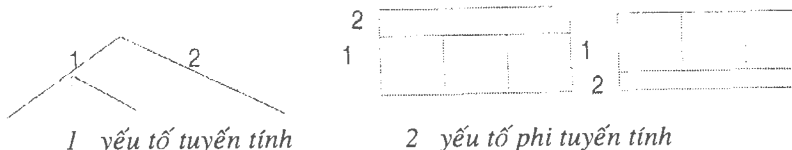
Tóm lại vai trò của thanh trong âm tiết là một vấn đề chưa được giải quyết cặn kẽ. Nghiên cứu thực nghiệm ngữ âm có thể là cơ sở để có những kết luận rõ ràng thêm nữa về chức năng của thanh trong kết hợp âm tiết. Là một âm vị tuyến tính, thanh không chỉ tác động lên một âm vị tuyến tính nào mà là yếu tố tạo âm sắc chung cho cả âm tiết. Tuy vậy, âm chính vẫn là thành phần âm tiết "nhiễm" thanh ở mức độ cao nhất. Âm đầu và âm cuối không có đầy đủ âm lượng để có thể "nhiễm" thanh mạnh hơn âm chính được. Khi kéo dài một âm tiết, có hiện tượng thanh gắn rõ nét ở âm cuối nếu so với âm đầu. Nhưng âm lượng ở giai đoạn khép âm tiết đã giảm rất nhiều rồi, khó mà có thể nói đến sự kết hợp chặt dần ở phía cuối âm tiết với hàm ý rằng thanh nhiễm mạnh vào âm cuối. Thanh nhiễm mạnh nhất là ở

đỉnh âm tiết, và chỉ ở đỉnh mà thôi. Nếu âm tiết khép có các phụ âm cuối /p, t, k/ chỉ mang thanh sắc và nặng, là vì những phụ âm đó phát ra đều kèm theo hiện tượng nghẽn thanh hầu, như hai thanh sắc và nặng.

VII

Cấu trúc âm tiết tiếng Việt đã được mô tả theo nhiều quan điểm khác nhau, từ quan điểm phân lập chỉ chú trọng đến yếu tố tuyến tính đến quan điểm không phân lập, rồi quan điểm phân lập theo tầng bậc có bao gồm yếu tố điệu tính là thanh. Xem xét lại các quan điểm mô tả cấu trúc âm tiết, chúng tôi đã chọn mô hình bốn thành phần đẳng lập.

Sơ đồ cấu trúc âm tiết tiếng Việt mà chúng tôi đề nghị ở đây bao gồm trước hết là có cả hai yếu tố đoạn tính và phi đoạn tính, thể hiện sự phân nhánh trong sơ đồ hình cây. Trong sơ đồ hình chữ nhật, yếu tố phi tuyến tính được trình bày ở một ô riêng biệt đặt trên hoặc dưới tổ hợp tuyến tính:



1 yếu tố tuyến tính *2 yếu tố phi tuyến tính*

Hình 21 : sự phân lập yếu tố tuyến tính
và phi tuyến tính trong giản đồ cấu trúc âm tiết

Trong sơ đồ cấu trúc âm tiết tiếng Việt trên có tối đa ba thành phần âm vị tuyến tính: âm đầu, âm chính và âm cuối. Vị trí của các âm vị được sắp xếp theo thứ tự chúng xuất hiện trong cấu trúc âm tiết. Sắp xếp theo hình cây như thế thì chưa làm bật lên được vai trò của âm chính trong cấu trúc âm tiết. Sơ đồ cấu trúc hình chữ nhật thể hiện sự kiện này rõ hơn, khi đồ vị thanh được đặt trong một khung trải dài suốt trật tự các âm vị tuyến tính, ngay vị trí đồ vị nguyên âm.

Mô hình âm tiết đề nghị ở đây thể hiện được tính hệ thống nhất quán của cấu trúc âm tiết tiếng Việt, và đồng thời tỏ ra đơn giản hơn những mô hình tầng bậc trước đây. Cũng là điều thú vị khi nhận ra rằng khoa học thật ra cũng không phải là đối lập với giản dị.

ĐOÀN XUÂN KIÊN

Chú thích:

1 Xem Đoàn Xuân Kiên (1999) *"Xem lại một vấn đề ngữ âm tiếng Việt: nguyên Âm"* in Hợp Lưu số 45 (th.2 &3.1999), tr. 5-31.

2 Xin để ý là chúng tôi dùng hai thuật ngữ này với hai nội dung khác nhau: bán âm là để chỉ một loại âm vị, và âm đệm là để chỉ một thành phần chức năng trong cấu trúc âm tiết.

Thư mục

Về tiếng Việt

Cao, Xuân Hạo (1975) "Le problème du phonème en vietnamien" in *Études Vietnamiennes No: 40: Essais Linguistiques.* Hà Nội: Xunhasaba. pp. 98-127.
Cao, Xuân Hạo (1985) *Phonologie et Linearité.* Paris: SELAF.
Đinh, Lê Thư (1982) *"Bàn về âm tắc thanh hầu mở đầu âm tiết tiếng Việt"* Ngôn Ngữ số 3 (1982), tr. 47-51.
Đoàn, Thiện Thuật (1977), *Ngữ Âm Tiếng Việt.* Hà Nội: Nxb. ĐH & THCN.
Emeneau, M.B. (1951) *Studies in Vietnamese (Annamese) Grammar.* Berkeley & Los Angeles: University of California Press.
Hoàng, Tuệ (1962) *"Hệ thống ngữ âm và ngữ pháp tiếng Việt"* trong Hoàng Tuệ et. al.(1962), Giáo Trình về Việt Ngữ (sơ thảo), tập I. Hà Nội: Nxb. Giáo Dục.
Hoàng, Tuệ & Hoàng Minh (1975) *"Remarques sur la structure phonologique du vietnamien"* in Études Vietnamiennes No: 40 : Essais Linguistiques. Hà Nội: Xunhasaba, pp. 66-98.
Lê, Văn Lý (1948) *Le Parler Vietnamien. Paris:* Hương Anh Imp.
Lê, Văn Lý (1968) *Sơ Thảo Ngữ Pháp Việt Nam.* Saigon: Trung Tâm Học Liệu.
Nguyễn, Bạt Tụy (1949) *Chữ và Vần Việt Khoa Học* . Sài Gòn: Ngôn Ngữ.
Nguyễn, Bạt Tụy (1959) *Ngôn Ngữ Học Việt Nam.* Sài Gòn: Ngôn Ngữ
Nguyễn, Phan Cảnh *(1978) " Bản chất cấu trúc âm tiết tính của ngôn ngữ: dẫn luận vào một miêu tả không phân lập đối với âm vị học Việt Nam"* in Ngôn Ngữ số 36 (2.1978), pp. 5-18.
Nguyễn, Quang Hồng (1976) *"Âm tiết tiếng Việt, chức năng và cấu trúc của nó"* in Ngôn Ngữ
số 29 (3. 1976), pp. 29-36.
Thompson, Laurence (1965) *A Vietnamese Grammar.* Seattle: Uni. of Washington Press.
Võ, Bình (1982) *"Vài ý kiến bàn thêm về âm tiết tiếng Việt"* in Ngôn Ngữ số 52(2.1982), pp. 38-48.
Vũ, Bá Hùng (1976) *"Vấn đề âm tiết của tiếng Việt"* in Ngôn Ngữ số 29 (3.1976), pp. 37-45.

Các sách khác

Blevins, Juliette (1995) "The syllable in phonological theory" in Goldsmith, John (ed.) (1995) *The Handbook of Phonological Theory.* Oxford: Blackwell, pp. 206-

244.
Bloomfield, Leonard (1935), *Language*. London: George Allen & Unwin.
Chomsky, N. & Halle, M. (1968) *The Sound Pattern of English*. New York: Harper & Row.
Clements, Georges & Keyser, Samuel (1983) CV *Phonology - A Generative Theory of the Syllable*. Cambridge, Mass.: M.I.T.
Hall, Tracy Alan (1992) *Syllable Structure and Syllable-Related Process in German*. Tubingen: Niemeyer.
Hayes, B. (1989) 'Compensatory lengthening in moraic phonology', *Linguistic Inquiry* 20 : 253-306.
Hulst, Harry van der & Smith, Norval (1984) (eds.) *Advances in Nonlinear Phonology*. Dordrecht: Foris Publications.
Hyman, Larry (1985) *A Theory of Phonological Weight*. Dordrecht: Foris.
McCarthy, J.(1979) *'Formal problems in Semitic phonologyand morphology'*. PhD Dissertation, MIT.
McCarthy, J. & Prince, A. (1986) *'Prosodic morphology'* MS, Uni. of Massachusetts.
Noske, Roland Gabriel (1992) *A Theory of Syllabification and Segmental Alternation - With Studies on the Phonology of French, German, Tonkawa, and Yawelmani.* Ph.D. Dissertation, Uni. of Brabant.
Pike, Kenneth & Pike, Eunice Victoria (1947), " Immediate Constituents of Mazateco Syllables"
International Journal of American Linguistics, XIII (Apri. 1947), pp. 78-91.
Troubetzkoy, N. (1939) *Grundzuge der Phonologie* (bản dịch tiếng Pháp *Principes de Phonologie* cuả J. Cantineau , 1949. Paris: Klinseck.)



NGUYỄN CUNG THÔNG

Vài lời bàn thêm về từ láy - tổng luận
(Hay là một cách giải thích hiện tượng m)



Với một số bài viết đã được đăng tải trên tạp chí Hợp Lưu gần đây về từ láy trong tiếng Việt, và các sách đã được xuất bản về cùng chủ đề đã cho tác giả cơ hội suy nghĩ, đóng góp cũng như để ghi nhận vài điều về vấn đề này trong ngôn ngữ dân tộc. Ngoài ra, từ láy có thể là một trong những cách soi sáng hiện tượng *m* (hiện tượng mà các từ chỉ bộ phận trên mặt người ta có cùng âm *m* như *mặt, mũi, miệng/mồm/mõm, má, môi, mụn, mày, mí, mi...* xem trên tài liệu tham khảo số 1).

Bài viết này góp nhặt vài nhận xét và kinh nghiệm cá nhân qua các phương diện ngôn ngữ tổng quát hơn, điều mà ngày nay khá dễ thực hiện vì tài liệu tra cứu về ngôn ngữ khá được phổ biến khắp nơi.

Như vậy tại sao có từ láy?

Nguyên nhân sâu xa có thể là con người có trí nhớ ngắn hạn khi nói chuyện (hay chỉ thâu nhập một số dữ kiện giới hạn vào não bộ, trong một thời gian ngắn, trước khi chúng trở thành lộn xộn). Thành ra lặp lại một phần hay toàn phần là cách tổ chức tiếng nói cho dễ nhớ và

dễ dùng mà thôi. Ngoài ra, càng ngày thế giới càng tiến bộ và nhiều sắc dân chung đụng cùng những hoạt động khác nhau: thành ra số vốn từ càng phải gia tăng để truyền thông hữu hiệu hơn. Nếu thiếu chữ viết, như trường hợp tiếng Việt xưa kia, thì con người phải dùng nhiều cách rất sáng tạo để tăng cường số vốn từ khi giao thiệp và truyền lại tiếng nói dân tộc cho hậu thế. Do đó vay mượn âm hay tiếng đã dùng trước là một phương cách, và ta có từ láy.

Óc sáng tạo còn được thấy trong phạm vi thi văn, ca nhạc... mà âm điệu không những của một từ đơn, mà cả một nhóm từ chung quanh, trở nên quan trọng: đấy cũng là một nơi chứa chấp và phát triển hệ thống từ láy thêm phong phú. Mỗi khu vực văn hóa đều có những phát triển riêng vì lý do xã hội, lịch sử, địa lý v.v... thành ra có những ngôn ngữ dùng từ láy nhiều hơn. Thêm vào đó là hệ thống từ láy có thể là tàn tích của một ngôn ngữ đa âm trong quá trình đơn âm hóa, cũng như một số lớn các từ láy trong tiếng Việt tiếng cổ gần với dân gian hơn - đây không phải là chủ đề của bài viết nhỏ này. Nên nhắc ở đây là một số từ láy không được công nhận bởi một số tác giả, cũng như một số từ láy đã trở nên lỗi thời không còn dùng nữa hay không được nhận ra gốc láy của chúng nữa trong quá trình phát triển tự nhiên của ngôn ngữ. Thêm vào đó là các lớp vỏ âm vay mượn làm sự truy nguyên thêm khó khăn.

Một trong những cách tạo từ mới trong ngôn ngữ con người là dùng lại âm của từ đã sẵn có (bắt chước, nhái, lặp lại một phần hay láy bộ phận, còn gọi là partial reduplication như *đẹp đẽ, nhỏ nhoi, lạnh lùng, xinh xắn*) hay dùng lại nguyên một từ trước (lặp lại toàn phần hay láy hoàn toàn, còn gọi là full reduplication như *xinh xinh, vui vui*) - đây cũng chỉ là các cách xếp đặt hay tổ chức lại các âm và từ để não bộ ta có thể thu nhận và khuếch trương ý nghĩa một cách dễ dàng hơn (nhớ dễ hơn và chế tạo ra các từ mới nhanh hơn bằng cách lặp đi lại lại). Ta thấy trong tiếng Anh có các từ *goody-goody* (người giả bộ "hay," lừa lọc), *pooh-pooh* (đuổi đi, đi đi), *booboo* (lỗi lầm, trật lất), *boogie-woogie* (một loại nhạc blues, lúc lắc), *wishy-washy* (không chắc chắn, lơ tơ mơ), *willy-willy* (gió lốc, xoáy xoáy), *willy-nilly* (hỗn loạn, tùm lum), *teeny-weeny* (rất nhỏ, tí ti) v.v... Còn trong tiếng Mã Lai ta có *chu chu* (chắt, con của cháu - để ý trong tiếng Việt ta có *cháu chắt, cháu chít* và *chút...*; Tiếng Chao Bon có *cíh, céec...*), *tiap-tiap* (mỗi một), *buku-buku* (nhiều sách, từ buku lấy từ tiếng Anh nhưng số nhiều dùng cách lặp lại từ đó), *mata-mata* (cảnh sát), *hari-hari* (ngày ngày hay hằng ngày, mỗi ngày - *hari* nghĩa là ngày), *puteh-puteh* (trăng trắng hơi trắng, *puteh* nghĩa là trắng - cách dùng giống tiếng Việt).

Tiếng Bella Coola ở Bắc Mỹ có từ *s-tn* (nghĩa là cây), từ *s-tntn* (nghĩa là nhiều cây, cây cối) - để ý trong cách viết tiếng Trung Hoa chữ *lâm/* rừng có chữ cây lặp lại; Tiếng Hausa ở trung bộ Nam Phi có từ *suna* (tên) và từ *sunana-ki* (nhiều tên).

Theo một số học giả thì ta nên phân biệt giữa quá trình lặp lại, hay lắp láy chỉ là một phần của quá trình ghép chữ (tiếng đôi) tổng quát hơn. Bài này chỉ bàn về từ kép thay vì các từ láy ba *lung tung beng, sạch sành sanh, tẹo tèo teo...* hay láy tư như *nhí nha nhí nhảnh, ấp a ấp úng...* Hơn thế nữa, các tiếng đôi hay kép lại là một phần của nhiều ***cách thành lập từ mới*** được tóm tắt sau đây:

-- thêm tiền bố (gọi là prefixation, tiếp đầu ngữ hay tiền tố là prefix) như trong tiếng Anh *happy* là vui, tiền tố *un-* nghĩa phủ định, do đó *unhappy* là không vui hay buồn. Tương tự như vậy, ta có *wise* là thông thái, *unwise* là dại dột. Một số quá trình tiền tố hóa quá xưa không thấy rõ ràng như từ *atom* (nguyên tử) gồm có tiền tố *a-* (nghĩa là không) và *tomos* (nghĩa là cắt) gốc tiếng Hy Lạp - nguyên tử theo khoa học khi xưa là những thành phần hóa học không thể cắt ra nhỏ hơn được nữa (bây giờ thì ta biết rằng trong nguyên tử còn có những hạt nhân nhỏ như dương điện tử, âm điện tử, trung hòa tử, quarks v.v...)

-- thêm tiếp tố (gọi là suffixation, tiếp vĩ ngữ hay tiếp tố là suffix) như *-ness* để chỉ trạng thái trong tiếng Anh, do đó *soft* (mềm) cho ra từ *softness* (sự mềm mại); *happiness* là sự vui vẻ. Một số tiếp tố quá xưa và đã thay đổi nhiều làm ta khó nhận diện được như *width* (chiều rộng) là *wide+th* và *breadth, warmth, leghth...; wisdom* và *wise+dom* là sự thông thái... Rất có thể tiếng Việt cổ là đa âm (*) và cách thành lập từ như dùng tiền tố, trung tố (infix), tiếp tố đã biến dạng và rất khó nhận ra. Vài vết tích của từ đa âm vẫn còn thấy như *cà chớn, bồ kết, mắc-cỡ, cà-thọt, cà-lăm, mồ-hôi, cù-lần* v.v... một số từ đa âm liên hệ tới các tiếng dân tộc khác thấy rõ hơn như *tắc kè* (tiếng Indô có tiếng kadal là kỳ đà, *tók-kée* là tắc kè), mã tà (tiếng Indô *mata-mata* là cảnh sát), *sà lỏn,* áo *cà sa, bồ đề* (qua tiếng Phạn và Trung Hoa) v.v... Theo Phan Ngọc trong tài liệu số 8 thì ta còn thấy những cặn của tiếng Việt xưa như *rối ren (runh* là tiếng Khmer nghĩa là rối), lơ ngơ (*ingơơ* là tiếng Khmer nghĩa là ngốc, ngố), kềnh kàng (*crokiêng* tiếng Khmer nghĩa là kềnh càng), thè lè (tlee tiếng Khmer có nghĩa là nhô ra)...

-- đổi (thêm hay bớt) cách dùng: như mặt để chỉ mặt hay cơ thể con người trở nên mặt bàn, mặt nhà. Bao là cái bị để đựng đồ vật trở thành động từ bao (bọc lại) - hiện tượng mở rộng cách dùng rất thường

xẩy ra trong ngôn ngữ loài người như trong cách dùng nghĩa đen và bóng; Ta thấy tiếng Anh có danh từ *cover* (cái bao) cũng dùng làm động từ là bao hay gom lại v.v...

-- ghép hay hợp các từ riêng lẻ thành từ mới: rất thường thấy trong ngôn ngữ con người như *mực đen, chó mực* (chó đen), *ngựa ô, gà ô, mèo mun* (mèo đen), *đũa mun, bò hóng, khăn thâm, môi thâm*... hay trong tiếng Anh ta có *blackbird* (chim đen), *postman* (người đưa thư) *girlfriend* (bạn gái), *babysister* (người giữ em) v.v... ghép nhiều chữ thành câu văn, theo âm điệu thành thơ và nhạc - xem bảng cấu trúc từ ghép trang cuối

-- lặp lại các âm hay từ đã dùng: một cách thành lập từ rất đơn giản và dễ hiểu, dựa trên cấu trúc âm thanh, rất tự nhiên (từ lúc con người mới ra đời đã bặp bẹ nói...) và thường nhận thấy trong các ngôn ngữ đơn lập ra hay phân tích như tiếng Việt chẳng hạn. Quá trình thành lập từ mới bằng cách lặp lại âm thanh thường xảy ra cho các tiếng Đông Á như Đại Hàn, Nhật Bản, Mã Lai... cũng như các ngôn ngữ trong vùng ít người nói hơn như Chao Bon (thuộc hệ Môn-Khme) v.v... Với các khảo cứu gần đây về các từ tượng hình và tượng thanh trong tiếng Lào, Đại Hàn, Nhật (qua các luận án Tiến Sĩ về ngôn ngữ) như cho tiếng Lào của Arthur Grayson Crisfield (đề tài "Sound symbolism and the expressive words of Laos"), cho tiếng Nhật (như S. Hamano với đề tài "The Sound-Symbolic System of Japanese" năm 1986 đại học Florida), hay Jin-Seong Lee (1992) với đề tài "Phonology and Sound Symbolism of Korean ideophones" đại học Indiana) v.v... cho thấy một chiều hướng phân tích khác hơn với các ảnh hưởng môi trường chung quanh trở nên quan trọng hơn trước. Giáo sư Hồ Lê trong tài liệu số 16 cũng ghi nhận rằng có hơn trăm sách và tài liệu viết về từ tượng thanh với các tác giả Anh và Nga.

Các kết quả khảo cứu trên làm thế đứng trong ngôn ngữ học của các từ tượng hình và thanh trong ngôn ngữ từ xưa đến nay thiên nhiều về tiếng Anh, Pháp... (hay hệ Ấn Âu), và làm kiến thức con người về ngôn ngữ thêm đầy đủ chính xác hơn. Một thí dụ cho thấy cách tạo từ mới bằng cách lặp lại nhưng đổi thanh điệu âm chính là từ *đây* (ở đây, đằng nầy), nhưng từ *đấy* (ở đấy, đằng đấy, và các từ *chia/chìa/chỉa, hôm kia, hôm kìa/kỉa, qua/quá, quăn/quắn/quặn, trôi/trổi/trồi* đều cho chúng ta cái hình ảnh sự vật theo nghĩa từ dùng v.v... và trong tiếng Lào có thanh điệu ra thấy các từ *gay* (1) (gần) thanh điệu rất thấp so với *gay* (5) (xa), trong tiếng Thái ta thấy từ *glai* nghĩa là xa so với từ *glâi glâi* nghĩa là gần v.v...

-- nói tắt (giảm bớt số vần trong một từ) như trong tiếng Anh ta có *ad* (tắt của từ advertisement là quảng cáo), *Rick* (tắt của tên con trai (Richard), *Liz* (tắt của tên con gái Elizabeth), *telly* (tắt của từ television là vô tuyến truyền hình, ta nói là Ti-Vi) *gents* (tắt của từ gentlemen hay các ông), *flu* (tắt của từ influenza hay là bệnh cảm), *fax* (tắt của từ fascimile, máy fax), *intercom* là hệ thống liên lạc giữa các phòng với nhau (tắt của từ intercommunication) v.v... các chữ viết tắt thường thích hợp với nhóm từ chuyên môn, nhất là trình độ kỹ thuật càng ngày tiến bộ và số từ gia tăng rất nhanh cần phải được sắp xếp sao cho dễ nhớ

-- nói nhập lại (nói ríu là một cách nhập các âm) như trong tiếng Anh ta thấy từ *brunch* là kết hợp của từ breakfast (bữa ăn sáng) và *lunch* (bữa ăn trưa), *motel* là do từ hotel hợp với hotel, từ *pixel* để chỉ một đơn vị truyền hình (tắt của từ picture và element) v.v... Trong tiếng Việt ta thấy cô ấy nói nhập lại thành cổ, bà ấy thành *bả*, anh ấy thành *ảnh*, bằng này thành *bây*, bằng nào thành *bao,* con mẹ ấy thành *con mẻ*, cây cỏ (có người đề nghị) thành *cỏ*, bí-tất hay bít-tất (có người đề nghị) cho ra từ *vớ* v.v...

-- khuynh hướng mới từ ngày có mặt chữ viết con người với nền văn minh tiến bộ là từ mới được tạo ra từ các mẫu tự đầu tiên của từng chữ: như l*aser* (tia lase, lấy từ các mẫu tự đầu của nhóm từ light amplification by stimulated emission of radiation), *radar* (hay rađa lấy từ các mẫu tự đầu radio detection and ranging), *USA* (Mỹ hay Hợp Chủng Quốc, tắt của nhóm từ United States of America), *OK (*hay ô kê, có thể lấy từ nhóm chữ Old Kinderhook, tên hiệu cũng như nơi sinh ở New York của một ứng cử viên tổng thống Mỹ năm 1840), *VIP* (một nhân vật rất quan trọng, các mẫu tự đầu của nhóm từ Very Important Person), *AIDS* (mẫu tự đầu của Acquired Immune Deficiency Syndrome là một bệnh nan y tìm ra trong nhóm đồng tính luyến ái từ năm 1981 và đang lan rộng ra các nhóm khác trong xã hội), v.v... Đây cũng nằm trong khuynh hướng tổng quát hơn là đơn giản hóa ngôn ngữ (từ cách thành lập từ mới tới cách phát âm để làm cho ngôn ngữ con người thêm phong phú)

-- các từ kỹ thuật do công ty chuyên môn chế tạo thành ra được dùng để chỉ món đồ đó: như tác giả còn nhớ khi xưa bộ chia điện được gọi là *đen-cô* (vì hãng Delco chế tạo và thông dụng lúc đó, bây giờ không thấy dùng nữa), viết *"bít"* hay viết nguyên tử, *mica, săm banh*

(rượu), *samsonite*... ở Úc thì ta thấy có *kleenex* (giấy lau sạch, hay tissue), vải *ni lông* (nylon), *teflon* (lớp bọc các nồi hay chảo để không dính đồ nấu... đều từng là các nhãn hiệu nổi tiếng

-- mượn toàn phần hay một phần tiếng dân tộc khác: *cao bồi* (từ tiếng Anh qua tiếng Pháp), *măng cụt* (từ manggastan tiếng Mã Lai có liên hệ tới tiếng Ấn Độ. Theo Lê Ngọc Trụ thì tiếng Trung Hoa gọi là *mã cật*, vua Minh Mạng đặt là Giáng Châu Tử), *bồ-đề* (từ tiếng Phạn của Trung Hoa), *sám hối* (Phạn và Trung Hoa) v.v... nên nhớ rằng từ lắp láy cũng chỉ là một hình thức vay mượn âm có sẵn mà thôi. Nếu ***vay mượn âm*** tự nhiên như tiếng gà gáy, tiếng chó sủa... thì ta có các âm tượng thanh vậy. Như tiếng Quechua ở Nam Mỹ có từ láy *wawa* nghĩa là con nít (nhái giọng khóc con nít - như trong tiếng Việt ta có *oa-oa*, hay *oe-oe*...)

Trong bài viết về quá trình lắp láy của tiếng Việt (trong cuốn "Paper from the first annual meeting of the Southeast Aisan Linguistic Society" in năm 1991 với tựa đề bài viết là "Consonant copying and tone harmony in Vietnamese reduplicatives"), tác giả Vũ Thế Thạch đã phân tích các cách cấu tạo và đưa ra nhận xét là thanh điệu láy dựa vào hai âm vực cao và thấp (có tác giả gọi chúng là series 1 và series 2, có người dùng những từ upper register và lower register để diễn tả hai nhóm thanh điệu này).

Nhiều tác giả cũng đưa ra nhận xét trên, ngay cả Maspero cho rằng cách cấu tạo lắp láy không riêng tiếng Việt có, mà hầu hết các ngôn ngữ đơn lập ở Á Đông đều có. Ông ngờ rằng tiếng lắp láy có quy luật riêng, không theo những âm luật thông thường: theo thiển ý của tôi thì khuynh hướng (hay trở thành quy luật nếu trình bày với đầy đủ dẫn chứng) dùng từ tượng hình và tượng thanh đã chi phối cách hình thành các từ lắp láy. Khi lặp lại một từ hay âm tức là ta muốn làm cho nó dài ra: từ dài có âm *ai* gợi cho ta hình ảnh kéo dài ra, như *dai/dãi, mai* (kéo dài ra tới ngày hôm sau), *mãi* hay *mãi mãi, lai* (lan ra), *lây*... Không những thế, ta còn thấy âm kéo dài ra như *bay/bày* (đều có nghĩa liên tục kéo hay dời ra), và các biến âm của *ai* như trong *bơi/nới/dời/khơi* so với *bôi/trôi/lôi* cho ta hình ảnh những hoạt động liên tục và kéo dài ra hay cần thời gian (mắng cho một *thôi*, cơm *ôi*...). Do đó ta mới có các từ đệm vào với âm *ai/ơi/ôi/ui* trong từ lắp láy như *lẻ loi, xa xôi, lui hui, lúi húi, lui cui, lúi cúi, lay hoay, lay nhay, lải nhải, lai nhai*... mà ta không nói ngược lại được (như loi lẻ, cúi lúi...). Ta hãy phát âm các từ cụt, ngắn (hay Hán Việt là đoản), gọn và để ý các phần sau vòm lưỡi đóng lại do với các âm của từ *dài/dai* đã nói ở trên, và so

sánh *lắp bắp, ấp úng* (âm cuối tắc hay "ngắn/cụt") với *ba hoa, lai nhai, nhai nhải*... Các tiếng tận cùng bằng nguyên âm *a/e/u/i/o* đều có thể làm cho âm kéo dài ra. Thêm vào đó, để ý các âm ít so với nhiều.

Dầu rằng có nhiều tác giả cho rằng sự suy luận và dữ kiện về các âm tượng hình trên không chắc chắn và tin tưởng được vì "(1) chỉ bó hẹp trong phạm vi một số từ quá ít, (2) không được xác nhận qua thái độ của người bản ngữ..." theo Đoàn Thiện Thuật trong cuốn "Ngữ Âm Việt Nam" in năm 1977; Nguyễn Kim Thản cũng thận trọng nêu lên các tương ứng trong "Tiếng Việt của chúng ta." Trong trường hợp trên, ta còn thấy các ngoại lệ như từ *lớn* (so với *ngắn*), *to* so với *nhỏ, minh* (hay *mênh*, tiếng Hán Việt và các từ láy liên hệ như *mông/mang* trong *mênh mang, mênh mông*... trong các nghĩa có thể là sáng và ngược lại là tối!) v.v...

Ta có thể đi sâu hơn về các thanh điệu của giọng Hà Nội, rõ ràng nhất trong các tiếng địa phương, và chia ra như sau (theo cuốn "Tiếng Việt - Phục Vụ chương trình cải cách giáo dục" Trường Cao Đẳng Sư Phạm Thành Phố HCM và Long An năm 1988):

Âm điệu / ***Âm vực***	***Bằng Phẳng (thanh bằng)***	***không bằng phẳng (thangh trắc)***	
		Đổi hướng	***Không đổi hướng***
Cao	Ngang	ngã	Sắc
Thấp	Huyền	Hỏi	Nặng

Một số tác giả đề nghị hệ thống âm vực cao *(hệ thống cũ*, còn gọi là phù, bổng hoặc thanh) là ngang, hỏi, sắc so với trầm (hay trọc) là huyền, ngã, nặng. Có tác giả thêm vào hai âm điệu nữa là sắc nhập (những tiếng có c, ch, p, t ở cuối - để ý không có thanh ngã và hỏi vì cùng âm tắc, giống như tiếng Đại Hàn) và huyền nhập (như trên). Âm vực cao bây giờ gồm có các thanh ngang, ngã và sắc. Các biến âm hầu như đều theo đúng âm vực của chúng - như các từ có liên hệ tiếng Hán như trong các cặp từ sau đây:

Can/cản (cho ra gan) *Khá/Khả (cho ra xá)*
Úy/ủy *Báu/bảo (bửu/báo)* *Tứ/tư* *Đấu/đẩu* *Ghế/kỷ*
Gần/cận *Vần/vận* *Hè/hạ* *Mồ/mộ (mã)* *Lời/lợi* *Kề/kế (ghẻ)*
Vì/vị *Nghề/nghệ* *Nhì/nhị* *ường/nhượng* *Từ/tự (chữ)*

Nhưng có những ngoại lệ như *lý/lẽ, miếu/miễu, dáng/dạng, kế/*

kề, kiệt/kiết, hạn/hãn, xiệc/xiết (gốc tiếng Pháp - để ý âm cuối tắt)... trộn lẫn hai âm vực với nhau. Rất nhiều tác giả đã viết về các phối âm như trên: điển hình như Nguyễn Kim Thản trong cuốn "Tiếng Việt của chúng ta" năm 1983 đã ghi nhận một câu vè để dễ nhớ:

Thằng Huyền mang nặng, ngã đau
Anh Ngang sắc thuốc, hỏi đau chỗ nào

Nguyễn Hiến Lê, Trương Văn Chình, Doãn Quốc Sỹ, Đoàn Quốc Bửu, Lê Ngọc Trụ v.v... đã viết nhiều về các biến âm trên. Trong cuốn "Việt Nam gấm hoa" năm 1997, tác giả Thái Văn Kiểm cũng ghi nhận luật âm thanh tiếng Việt được nghiên cứu từ thời Henri Maspéro (1912), Tế Hanh với câu "Hỏi có mà sắc không, thằng Huyền nó ngã nặng," hay luật Nguyễn Đình (1940) là "không sắc hỏi, huyền nặng ngã." Cụ Đào Trọng Đủ gọi chúng là đồng điệu (cuốn "Ca Dao Toán Học," 1952), còn Lê Ngọc Trụ thì phát triển luật đối xứng tương đồng v.v...

Trở lại với hiện tượng *m*, ta thấy đủ sáu thanh điệu tiếng ta trong các từ trên mặt như trong tóm tắt sau:

Thanh:	***nặng***	***sắc***	***huyền***	***ngang***	***ngã***	***hỏi***
	mặt	*mắt*	*mày*	*mi*	*mũi*	***mở** (nghĩa bóng*
	mụn	*mí*	*mồm*	*môi*	*mõm*	*chỉ miệng)*
	miệng	*má*	**mâu*			
		mép				

* mâu chỉ con ngươi, không thấy dùng nữa
** mỏ dùng một cách gượng ép ở đây, cho thấy sự không đều đặn của thanh hỏi/ngã phản ánh qua âm vực cũ/mới nói trên. Số từ dùng âm vực cao là 8, dùng âm vực thấp là 7 (chia khá đều).

Nếu ta xem hiện tượng *m* như một cách thành lập chữ bằng cách lặp lại âm *m* (láy một phần) và dùng hết các thanh điệu tiếng Việt cũng như các nguyên âm chính, thì đây quả thật là một bài học (hay tập đọc) tóm tắt, rất đơn giản (ngay trước "mặt"/visual cues) nhưng hoàn hảo để dạy cho dân ta duy trì tiếng dân tộc một cách dễ dàng. Từ khía cạnh tạo từ, thì quá trình thành lập từ đơn *mặt* chẳng hạn, đi ngược chiều với cấu trúc từ láy hay từ ghép (xem bảng trang cuối) - thí dụ như **mắt-mũi* biến thành **mặt-mũi* và cuối cùng thành từ đơn (ta vẫn còn

thấy tàn tích từ lắp láy **mặt-mũi* hay **mũi-mặt* như là từ *hmót-mat* của tiếng Môn Chao Bon hay tiếng Rhadê có từ *muh mat* đều có nghĩa là mặt hay mặt mũi...).

Ta cũng thấy một sự cố tình hơn là ngẫu nhiên khi hiện tượng *m* qua góc cạnh của cách thành lập âm thanh như trên. Một số tác giả đề nghị ta nên phân biệt sự khác nhau giữa từ láy (dựa trên các từ có âm thanh giống nhau một phần hay toàn phần) và từ ghép như nhà cửa, gia đình, xe gắn máy, ý thức hệ... (được thành lập từ những tiếng đơn hay phức vận).

Các từ ***láy toàn phần*** có thể là:

-- tượng thanh như *ầm ầm, rầm rầm, hả hả, đùng đùng, bùng bùng, bình bình, oe oe, két két, tách tách* v.v... có lẽ là gần với thiên nhiên nhất và có thể tìm thấy được trong hầu hết các ngôn ngữ con người (để diễn tả lại hiện tượng tự nhiên). Một số sách về ngôn ngữ cho rằng tiếng nói con người không liên hệ gì tới vật hay sự việc được diễn tả (tính chất bất định hay võ đoán của ngôn ngữ) - điều này cho thấy ảnh hưởng của ngôn ngữ học Tây phương rất còn mạnh mẽ: tính chất phân tích độc lập rất lớn (theo lý) so với các ảnh hưởng của môi trường chung quanh (theo tình). Xem bản phân loại từ láy và từ ghép: một số từ ghép có thể được coi là từ láy như *xa xưa* (*xa* và *xưa* đều có nghĩa, nhưng từ chính là *xưa* chỉ về thời gian), *chậm chậm* (có thể là *chầm chậm* để vẫn có hài thanh. Hài thanh giống đồng điệu, như theo luật trầm bổng: *vun vút, vùn vụt;* Ta thấy ngay trong các từ mượn trực tiếp từ nước ngoài gần đây như *cà vạt* hay *crà-vạt, cra-vát, phú-lích...* đều có khuynh hướng hài thanh)

-- để diễn tả những hoạt động liên tục (lập đi lập lại) như *gật gật, thùng thùng* (trống đánh liên hồi), *rung rung, chớp chớp...* có liên hệ tới sự vật hay hoạt động * các từ kép liên hệ tới thời kỳ con nít mới tập nói (như *măm măm, ba ba, má má, choo choo...* thường thấy qua nhiều ngôn ngữ loài người các âm điệu lập đi lập lại và đơn giản) - giai đoạn quan trọng liên hệ tới khả năng nói và tạo lập ngôn ngữ loài người. Ta không nên quên vai trò của "con nít" trong giai đoạn hình thành tiếng nói! Lúc mà cấu trúc âm thanh và phản ứng tự nhiên chưa bị giới hạn và trình độ sáng tạo còn rất là cao, ảnh hưởng hỗ tương với các người chung quanh (người "lớn") trong quá trình gây dựng tiếng nói dân tộc (xem thêm cuốn "Tiếng Việt tuyệt vời - hiện tượng *m* trong tiếng Việt" cùng tác giả

-- được dùng nhiều thành ra coi như là một từ đơn (theo một số tác giả) - nhất là để chỉ các loài động vật nhỏ hay nhiều: ta còn thấy hiện tượng này ở các ngôn ngữ Nam Á như trong tiếng Việt ta có *ba ba, le le, cào cào, còng còng, chuồn chuồn, bìm bìm, chi chi, vò vò, ve ve, thia thia, kên kên, đa đa, tê tê, cuốc cuốc* hay các loại cây như *chôm chôm, bo bom, bìm bìm*... một số từ kép này ta thấy bây giờ chỉ dùng một từ đơn như con ve, con chim *cuốc*... hay đã đổi để hài thanh hơn như *đom đóm, nhền nhện, bươm bướm, bong bóng, đu đủ, lìm kìm, liu điu*... Nên để ý thêm là tiếng Indô có các từ *labah-labah* nghĩa là con nhện, *kura-kura* là con ba ba, *rama-rama* là con bướm, *kupu-kupu* là con mối...; tiếng Chao Bon có các từ *mongmong* (con ruồi), *chongchong* (còn trâu), *thongthong* (con lươn), *chokchok* (thằn lằn)...

-- được dùng để giảm mức hay cường độ như *xanh xanh* (là hơi xanh), *đen đen* (hơi đen) so sánh với cách dùng trong tiếng Indô (*lama* là cũ xưa, *lama-lama dalulu* là xưa lắm rồi); Tiếng Trung Hoa (để chỉ sự giảm hay có thể nhấn mạnh như *kàn* là nhìn, như *kàn kàn* là quan sát, *màn* là chậm và *màn màn* là một cách chậm chạp, *rèn* là người hay tiếng Hán Việt là *nhân*, *rèn rèn* là mọi người hay tiếng Hán Việt là *nhân dân*); Ta có câu "chữ gia nghĩa giảm" để nhắc ta nhớ cách dùng trên. Tiếng Karok có từ *go* là nhìn thấy, *go go* là quan sát v.v...

Trong tiếng Nhật, Shibatani (1990) còn chia các từ láy hoàn toàn ra làm ba loại: giseiko (hay phonomime) như *wan-wan* (hay tiếng Anh là *bow-wow,* tiếng chó sủa "gâu, gâu") bắt chước âm thanh tốc; Còn loại hai là gitaigo (hay là phenomime) là các từ chỉ tính chất ngoại cảnh như *yobo-yobo* (hay tiếng Anh là *wobbly*, tiếng Việt là *lung lay, lúc lắc*); Cuối cùng là gizyogo (hay psychomime) là các từ chỉ trạng thái tinh thần như *ira-ira* (tiếng Anh là *nervously*, tiếng Việt là *ngài-ngại, sờ-sợ*...).

Do đó quá trình lắp láy có thể mang nhiều ý nghĩa, trong đó có hiện tượng m vậy. Còn các ***từ láy một phần*** có mặt nhiều hơn trong tiếng Việt, từ cách láy dùng thanh điệu (hài thanh) tới cách láy dùng phụ âm đầu, phụ âm cuối, nguyên âm v.v... như một số trường hợp tiêu biểu sau đây:

-- có thể đã từng là từ láy toàn phần, nhưng thay đổi theo thời gian và trở nên láy một phần như nhóm từ *nho nhỏ*: có thể nguyên thủy là *nhỏ nhỏ* (như được ghi trong "Từ Điển Việt Nam" của Việt

Nam Văn Hóa Hiệp Hội năm 1954), nhưng từ từ *giai điệu nho nhỏ* dễ nghe hơn và trở nên thông dụng hơn. So sánh với *đo đỏ, đu đủ, long lổng, nhan nhản...* và *trắng trắng* trở thành *trăng trắng, phơi phới, thơi thới, len lén...* Ta còn thấy các từ chỉ động vật với âm điệu giống vậy: *bươm bướm, se sẻ, châu chấu...* và các từ khác như *bong bóng, chong chóng, nhền nhện...* các âm điệu vẫn còn hài thanh (theo luật ngang với sắc hay hỏi, huyền với nặng hay ngã) - tuy nhiên có những ngoại lệ như tiếng *xốp* cho ra *xôm xốp*, như *xốp xộ*p không hài thanh cũng như *rít rịt, nhớt nhợt...*!

-- cách láy ***ở-an(g)*** (đồng điệu hỏi-ngang) thay đổi nguyên âm nhưng duy trì phụ âm đầu như *hở hang, dở dang, mở mang, nở nang, quở quan*g (không thấy dùng nữa) - nhưng khi đổi âm điệu đầu thành ngã thì kéo theo âm điệu sau thành huyền là ***ỡ-àng*** hay *ỗ-àng, ỹ-àng, ũ-àng, õ-àng như ngỡ ngàng, lỡ làng, sỗ sàng, kỹ càng, phũ phàng, rõ ràng*. Một biến thế khác là ***ẹ-àng*** và *ẽ-àn* như *nhẹ nhàng, lẹ làng, bẽ bàng, dễ dàng* theo đúng điệu đã nói trên - để ý *thở than* (từ *than* có nghĩa chính nhưng vì theo "giai điệu Việt" nên *thở than* dễ nghe hơn, hay *than thở*). Tuy nhiên, khi âm điệu đầu là ngang thì ta có điệu ***a/i-án(g)*** như *lai láng, xinh xắn, lênh láng, may mắn, ai oán...*

--cách láy nguyên âm như ***u-i*** mà vẫn giữ các phụ âm như *tủm tỉm, mũm mĩm, đủng đỉnh, trùng trình, thùng thình, xúng xính, xùng xình, chùng chình...* đổi *u* ra *ô* thì ta có điệu ***ô-ê*** hay ***o-e*** như *cồng kềnh, bồng bềnh, ồ ề, gồ ghề, ngô nghê, vỗ về* (có lẽ gốc từ **vỗ vễ* biến thành *vỗ về* cho dễ nghe), *ó é, cò kè, mon men, hom hem, nhỏ nhen* (có lẽ gốc là **nhỏ nhẻn* biến thành *nhỏ nhen* cho dễ nghe)

-- cách láy phụ âm giữ nguyên âm như các cặp âm bắt đầu bằng *l* (lưỡi cong sẵn lên dễ láy hay lái sang âm khác) như ***l-l, l-m, l-k, l-kh, l-x, l-s, l-t, l-th<D> và <B>l-đ*** (vì *t* và *đ* tương ứng với nhau trong vị thế phát âm) như *lăm le, lơ láo, tơ mơ, lò mò, lẩm cẩm, lắc cắc, lù xù, lăng xăng, lù khù, leo teo, linh tinh, lung tung, lôi thôi, lảo đảo, lờ đờ, lục đục, lác đác...* cho thấy các biến âm tiêu biểu trong tiếng Việt. Ta còn thấy nhóm ***l-k*** như *lục cục, lủng củng, lỉnh kỉnh, lính quýnh...* Các cặp âm ***b-l*** hay ***b-r*** (l và *r* tương ứng với nhau) như *bặng lặng, bông lông, bẽn lẽn, bủn rủn, bịn rịn, bối rối, bứt rứt, bưởi rưởi* (không thấy dùng

nữa) v.v... cho thấy vết tích các nhóm phụ âm cổ Việt *kl-*, *bl-* hay *br-* và có thể sự thay đổi của các nhóm âm này thành từng đơn âm (như *câu lạc bộ* và *club* nhập vào tiếng Việt qua tiếng Trung Hoa: *câu* là cùng, *lạc* là vui và *bộ* là khu vực; tiếng Indô có từ *kelab*, tiếng Đại Hàn có từ *k'ul-rop*, tiếng Nhật là từ *kúrabu*...; *Cà-rem* hay *cà-lem*, đơn âm hóa thành *kem* là *crème* tiếng Pháp trực tiếp, so với tiếng Trung Hoa/giọng Bắc Kinh là *bing-xi-lin*: *bing* là băng hay đá, *xi-lin* đọc từ *cream* ra - và so với tiếng Nhật là *kurimu*, Đại Hàn là *k'uriim*, Lào là *ga:lam*...)

-- cách láy từ giữ phụ âm nhưng đổi nguyên âm như ***an(g)-ác*** và ***àn(g)-ạc*** như *tang tác, mang mác, bàng bạc.*

Các cung điệu trên cho ta rất nhiều cách để thành lập chữ mới - cũng như đã có thể điệu mà ta chỉ cần thêm lời (nghĩa hay cách dùng) vào mà thôi - cũng như một bài nhạc đã có sẵn âm điệu, chỉ chờ chúng ta lắp chữ vào mà dùng! Tùy theo khách thưởng ngoạn mà từ láy trở nên thông dụng hay sẽ từ từ biến mất. Ta hãy xem hai trường hợp nghĩa đối nghịch nhau là ***nhanh*** và *chậm* - với các lối lặp lại như trên, ta có thể diễn tả nhiều trường hợp với nhiều mức khác biệt như *quá nhanh, thật nhanh, rất nhanh, nhanh nhiều, nhanh chóng, nhanh nhẹn, hơi nhanh, nhanh nhẩu*... đối với *chầm chậm, hơi chậm, chậm chạp, chậm nhiều, thật chậm, rất chậm, quá chậm* v.v... thêm vào đó là các nhóm từ tương đương như ***mau***, *mau mắn, lanh* (âm *l* tương ứng với âm *nh* như trong *lăm, lớn, lờn, lỡ*... ta vẫn còn thấy vài miền ngoài Bắc đọc là *nhăm, nhớn, nhờn, nhỡ*...), *lanh lẹ, nhanh như cắt, nhanh như thỏ*... So với từ ***lẹ*** như *lẹ làng, lè lẹ*. Thêm vào đó là từ ***chóng*** để chỉ sự nhanh nhẹn để cho ra *chong chóng, chóng váng*... hay tiếng Hán Việt là **tốc** như trong câu "dục tốc bất đạt" hay "chạy tốc về nhà," *tức tốc*... Theo cụ Đào Trọng Đủ thì *mau chóng* có gốc Hán Việt là *mã thượng* (điều này rất có thể đúng: *mã* đọc là *mai*, và *thượng* đọc là *chiơng* theo giọng cổ Trung Hoa/Early/Miđle Chinese theo Pulleyblank (1991); Ta còn thấy sự tương đồng trong cách biến âm như *cựu* cho ra *cổ, mão* cho ra *mũ*... và *chợ* là âm cổ của *thị, chịu* cho ra *thụ*...). Các hoạt động liên hệ với người Quảng Đông cho ta từ ***play*** (*làm liền, sốt dẻo* từ tiếng Quảng Đông nghĩa là *nhanh*) như *ăn phay, thịt phay, gà xé phay*...

Sự hỗn hợp các từ cổ Việt có sẵn và vay mượn thêm làm cho tiếng ta súc tích hơn, cũng như cách ghép từ và láy từ có thể dùng để diễn tả nhiều trường hợp khác nhau nên ngôn ngữ dùng uyển chuyển hơn. Bài viết này giới hạn vào cách thành lập từ láy với hai tiếng, và khi những nhóm từ gồm nhiều tiếng có âm láy hay giống nhau thì ta

bắt đầu bước vào phạm vi của vần (hay vận) trong thơ. Theo thiển ý tác giả thì tất cả các liên hệ hay *mẹo* này là để thành lập từ mới, giải thích được nhiều sự việc xẩy ra hơn và gia tăng hiệu năng truyền thông của ngôn ngữ con người.

NGUYỄN CUNG THÔNG

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH VÀ PHÊ BÌNH THÊM

(*) Một số tác giả đã đưa ra nhiều bằng chứng và lý do tại sao tiếng Việt cách đây 2000 năm có thể còn đa âm và không có thanh điệu (Haudricourt, Andreép v.v...).

Từ *lắp láy* hay *lấp láy* (kép), láy một phần hay láy bộ phận dùng cùng một nghĩa trong bài trên. Tác giả không thêm gạch nối giữa một số từ láy, ngoại trừ một số từ đã dùng quen hay vay mượn.

1. **"Tiếng Việt tuyệt vời - âm *m* trong tiếng Việt"** bàn về hiện tượng *m* chỉ các bộ phận trên mặt con người trong tiếng Việt. Tác giả Nguyễn Cung Thông xuất bản năm 1998 ở Melbourne (Úc). Hiện tượng *m* cho thêm một gạch nối giữa các ngôn ngữ Nam Á (Mon, Khmer, Mã Lai...) cũng như biểu lộ một tiềm thức dân tộc (*măm* và *mớm cơm, mớm tiếng...*) và có thể liên lệ tới quá trình *lắp láy.*

2. **"Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam"** tác giả là Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê - NXB Đại Học Huế in năm 1963. Trang 71 tới trang 117 bàn về tiếng điệp âm và các vấn đề liên hệ.

3. **"Văn Phạm Việt Nam"** Thanh Ba Bùi Đức Tịnh viết năm 1966 - bản đầu tiên được xuất bản năm 1948. NXB Xuân Thu in lại. Tiết 3 từ trang 149 tới trang 165 - viết về sự phát triển của tiếng Việt qua ba cách: ghép, nói trại và đổi nghĩa.

4. **"Tiếng Việt phục vụ chương trình cải cách giáo dục"** - Trường Cao Đẳng Sư Phạm TP HCM và Long An - in năm 1988.

5. **"A Vietnamese Reference Grammar - Mon-Khmer Studies XIII-XIV** chủ biên Stephen O'Harrơ. Tác giả là giáo sư Laurence C. Thompson - NXB đại học Hawaii in năm 1987 (bản đầu tiên in vào năm 1965 đại học Washington). Tác giả viết về từ ghép và láy trong chương 7, trang 139 tới trang 178, cho rằng các từ mượn của tiếng Trung Hoa làm cho vấn đề giải thích hiện tượng láy thêm phức tạp; Các từ láy của các tiếng láng giềng cũng liên hệ tới cách láy trong tiếng Việt và

cho ra nhiều dạng láy khác nhau v.v...

6. **"The Cambridge encyclopedia of language"** tác giả David Crystal soạn năm 1987, tái bản năm 1986. NXB Cambridge University Press. Tác giả ghi nhận lại vài dữ kiện về các cách thành lập từ như lái, từ tượng thanh và tượng hình của những tiếng không liên hệ trên thế giới v.v...

7. **"Lược khảo về ngữ Pháp Việt Nam"** tác giả là Doãn Quốc Sỹ và Đoàn Viết Bửu - NXB Trường Sư Phạm Sài Gòn.

8. **"The languages of Japan"** tác giả là Masayoshi Shibatani soạn - NXB Cambridge University Press in năm 1990. Tác giả phân tích các loại từ lắp láy trong tiếng Nhật và các ý nghĩa liên hệ - cách giải thích dựa trên âm thanh học; Ta thấy hiện tượng lắp láy không chỉ có trong tiếng Việt mà thôi.

9. **"Những vấn đề ngôn ngữ học về các ngôn ngữ phương Đông"** - Viện ngôn ngữ học Ủy Ban KHXH Việt Nam in năm 1986. Gồm có nhiều bài viết về từ láy từ góc cạnh cách nhau như "Góp phần luận giải về cách cấu tạo từ láy các ngôn ngữ Môn Khmer" của Hoàng Văn Hành, "Bước đầu tìm hiểu về hiện tượng láy tiếng Brù Vân Kiều" của Hồ Xuân Kiều, "Mối quan hệ giữa láy đôi và ghép song song" của Nguyễn Thị Hai, "Một số từ Việt cùng gốc với từ Khmer" của Phan Ngọc, "Về một hiện tượng láy trong phương ngữ miền Nam" của Trịnh Sâm, "Từ tượng thanh trong tiếng Việt" của Vũ Thế Thạch, "Bước đầu tìm hiểu phương thức thể hiện từ láy trên chữ Nôm" của Nguyễn Nam.

10. **"Consonant copying and tone harmony in Vietnamese reduplicatives"** bài viết của tác giả Vũ Thế Thạch trong sách "Paper from the first annual meeting of the Southeast Asian Linguistics Society - 1991" chủ biên là Martha Ratliff và Eric Schiller. Tác giả đề nghị hai loại láy: láy cơ bản (primary reduplication) và láy phụ thuộc (secondary reduplication), sau đó phân tách các loại láy cơ bản với sự hòa hợp thanh điệu. Trong cuốn này có bài viết của Norie Sanchez và Alan M. Stevens về các cách láy và mũi hóa (nasalisation) trong tiếng Mã Lai đáng được chú ý: có loại láy dùng tiếp tố meN - nay peN - ở các vị trí khác nhau.

11. Các sách đã xuất bản của Nguyễn Kim Thản như **"Cơ sở ngữ**

pháp tiếng Việt" (Nhà Xuất Bản TP HCM in năm 1981, **"Tiếng Việt của chúng ta"** (Nhà Xuất Bản TP HCM in năm 1983) v.v...

12. **"Ngữ pháp tiếng Việt"** tác giả Nguyễn Tài Cẩn - NXB Đại Học Quốc gia - Hà Nội (tái bản lần ba năm 1996, lần đầu năm 1975). Chương ba về từ láy âm và các cách cấu tạo (trang 109 tới trang 137) cho thấy một số lớn từ lắp láy đã đổi nghĩa mà ta không có thể biết chắc gốc chúng là gì.

13. **"Tiếng Việt hiện đại (Ngữ âm, ngữ pháp, phong cách)"** tác giả Nguyễn Hữu Quỳnh. Trung tâm Biên Soạn từ điển Bách Khoa Việt Nam - Hà Nội (1994).

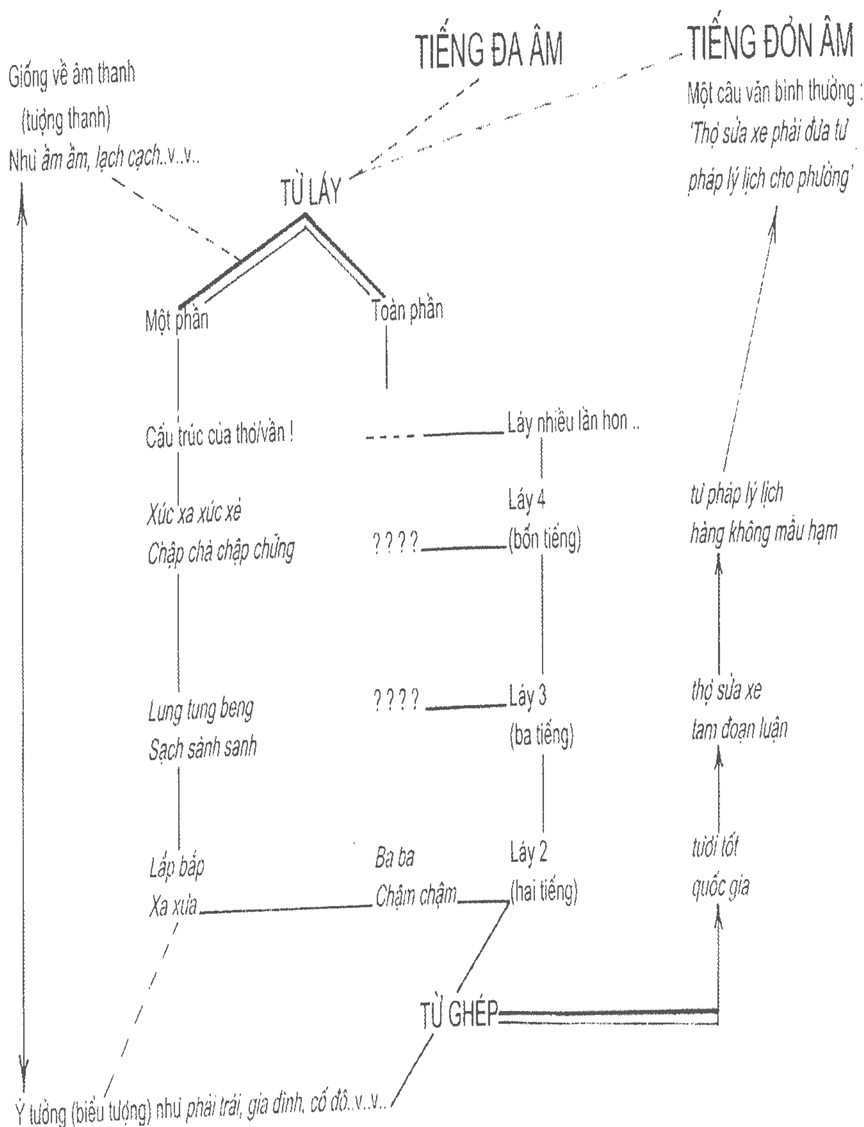
14. **"Nyah Kur (Chao Bon) Thai - English Dictionary"** giáo sư Therephan L. Thongkum viết năm 1984 - NXB đại học Chulalongkorn (Thái Lan). Nyah Kur thuộc hệ Môn Khmer và có nhiều từ căn bản liên hệ với tiếng Việt (như hiện tượng *m* chẳng hạn). Trang 213 tới trang 234 ghi nhận lại các từ láy và ghép - cấu trúc tương tự với tiếng Việt từ thứ tự chữ cho đến âm thanh như *háa-háa (hà hà, ha hả, hô hố, hắc hắc...* - tiếng cười người ta), *kạp kạp* (tiếng vịt kêu), *tầng tầng, (tùng tùng, đùng đùng* - tiếng trống đánh), *cáw cáh (cháu chắt*) v.v...

15. **"Từ điển từ láy tiếng Việt"** Chủ biên là Hoàng Văn Hành - Trung Tâm Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn - Viện Ngôn Ngữ Học, NXB Đại Học Quốc Gia - Hà Nội, in năm 1998 (in lần đầu năm 1994).

16. **"Vấn đề cấu tạo từ và tiếng Việt hiện đại"** tác giả Hồ Lê - NXB Khoa Học Xã Hội Hà Nội (1976). Cách cấu tạo và các nhận xét rất chi tiết về từ ghép và từ láy được ghi nhận từ trang 157 tới trang 232. Các từ tượng hình và thanh đều đóng góp quan trọng trong quá trình lắp láy. Tác giả chia từ tượng thanh làm hai loại: thật (như *ào, bịch...*) có gần 200 từ và giả (như *ấp úng, eo éo...*) có khoảng 500 đơn vị; ngoài ra những cách nhìn bao quát hơn cũng được bàn đến: như một vấn đề lý thú là có nguyên nhân cho các liên hệ giữa từ láy với các tiếng Đông Nam Á, Thái Bình Dương và Châu Phi hay không?

17. Các bài viết đã được đăng trên tạp chí Hợp Lưu và Thế Kỷ 21 về từ láy của những tác giả như Đoàn Xuân Kiên (ảnh hưởng địa phương và phương thức liên tưởng ngữ âm trong quá trình thành lập từ láy), Thạch Các (đề nghị ba loại từ láy và ảnh hưởng xã hội cho từng loại), Võ Xuân Trang (với bốn mẹo đưa ra để nhận biết từ láy), Nguyễn Xuân Quang (liên hệ từ láy với các tiếng nước ngoài).

MỘT CẤU TRÚC CỦA TỪ LÁY/TỪ GHÉP





NGUYỄN HỮU LÊ

Logic và phản logic của tâm lý xã hội-lối sống, trong cuộc sống và trong tư duy nghệ thuật.



Sự xuất hiện của chủ nghĩa hiện thực với tư cách là phương pháp sáng tác với những thành tựu khổng lồ của nó đã khiến cho các nhà nghiên cứu văn học một thời ngộ nhận chủ nghĩa hiện thực như là đỉnh cao tuyệt đối cuối cùng của tiến trình nghệ thuật nhân loại. Ngoại trừ trường phái lý luận Mácxít với cái công thức lắp ghép quái thai "Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa", hiện tượng sùng bái chủ nghĩa hiện thực có căn nguyên lịch sử sâu xa của nó.

Chủ nghĩa hiện thực trong văn học có hậu thuẫn vững chắc của nền tảng duy lý trong triết học cận đại.

Chính nền tảng duy lý này cũng làm các nhà văn cùng trường phái tin tưởng một cách sâu xa là văn học phải phản ánh các quy luật phát triển xã hội loài người. Hiện tượng chuyển dịch cách thuật ngữ như logic, quy luật, hạt nhân duy lý v.v... của các khoa học khác vào

nghiên cứu nghệ thuật với một tần số xuất hiện khá cao đã nói lên điều đó. Chủ nghĩa hiện thực trong văn học, theo đó phải có nhiệm vụ phản ánh những quy luật thực tại như khoa học, chỉ có điều nó không bằng vào các công thức khô khan trừu tượng mà là bằng hình tượng nghệ thuật hấp dẫn, phong phú.

Từ một lời bình đề cao Banzac của một vị lãnh tụ vô sản, người ta tin rằng bộ Tấn Trò Đời của ông phản ánh quy luật thậm chí đúng hơn, sâu sắc hơn toàn bộ các công trình khảo cứu của các nghành khoa học xã hội đương thời cộng lại. Hàng loạt các công trình lý luận văn học cần mẫn khảo sát các mốt y phục của các nhân vật, cách cấu trúc các tòa biệt thự, căn ke đối chiếu tính chính xác của các sự kiện lịch sử... Nghiên cứu văn học đồng nghĩa với việc nghiên cứu tính chính xác của các quy luật được phản ánh trong tác phẩm văn học. Cũng từ đó, coi chủ nghĩa hiện thực và duy lý như một thước đo thẩm mỹ, người ta bắt đầu nghiên cứu văn học quá khứ cũng dưới nhãn quan này. Lịch sử văn học theo đó, là sự phát triển từ mức độ thấp đến mức độ cao của sự phát triển lý tính, duy lý của con người trong xã hội loài người.

Thực ra khi đề cao hạt nhân duy lý của chủ nghĩa hiện thực, các nhà lý thuyết đã phản ánh đúng một phần sự thật.Chủ nghĩa hiện thực đã làm khuynh đảo thị hiếu thẩm mỹ coi văn học nghệ thuật như là những hư cấu hoặc ước lệ xa vời với thực tại. Người ta bàng hoàng thích thú trước những khám phá mới của chủ nghĩa hiện thực. Nếu như trước đây, những đôi đũa thần, con ngựa thần, niêu cơm Thạch Sanh chẳng hạn từng làm cho công chúng thưởng ngoạn vui sướng vì sự kết thúc có hậu của cuộc chơi thiện ác thì ngược lại trong chủ nghĩa hiện thực, hành vi giết Bá Kiến và tự hủy diệt sự sống của chính mình của chú Chí Phèo của Nam Cao đã gieo vào lòng bạn đọc nỗi bàng hoàng day dứt khôn nguôi. Người ta đã làm quen và thích thú lối phân tích nghiệt ngã. Trong thơ, những ước lệ dễ dãi được thay bằng các cách quan sát đầy cá tính của nhân vật trữ tình.

Cái duy lý mà các nhà văn chủ nghĩa hiện thực tôn thờ cũng chỉ là một thủ pháp nghề nghiệp. Nhà văn chủ nghĩa hiện thực coi phản ứng tâm lý, cách hành xử của nhân vật trước "tình huống có vấn đề" quan trọng hơn bản thân tình huống. Chính cái nghiệt ngã của logic không thể làm khác được trong cuộc sống (Trước đây người ta có thể dùng yếu tố kỳ diệu hoặc ngẫu nhiên để "giải vây" cho nhân vật) đã buộc nhân vật phải đối đầu với thử thách. Đó là điều kiện để cá tính nhân vật được bộc lộ. Khái niệm logic thực tại ở đây được hiểu như là tính hợp lý của cách nối kết các sự kiện, và logic tâm lý cũng được

hiểu như là cách phản ứng tâm lý hoặc hành xử của con người được sự thừa nhận của số đông trong cùng cộng đồng văn hóa. Như vậy từ đây sẽ xuất hiện cặp đối lập: Logic hoặc phản logic. Cặp khái niệm này được dùng khá phổ biến trong đời sống văn học cũng như lý luận phê bình nhưng cách hiểu về chúng không dễ dàng giản đơn. Sự đánh đồng giữa logic trong khoa học như là sự thể hiện của các quy luật khách quan bất di bất dịch với tính tương đối của cái gọi là logic trong đời sống tâm lý xã hội và trong nghệ thuật là nguyên nhân của sự ngộ nhận văn học nghệ thuật phản ánh các quy luật xã hội khách quan. Nghiên cứu tính tương đối của cặp khái niệm đối lập logic và phản logic của tâm lý xã hội-lối sống, trong cuộc sống và trong tư duy nghệ thuật sẽ cho phép chúng ta nhận ra thực chất vấn đề của sự khác biệt căn bản đó.

*

Logic và phản logic trong tâm lý xã hội-lối sống:

Trước hết, khái niệm logic cuộc sống có giới hạn ý nghĩa trong một cộng đồng văn hóa nhất định. Ngay trong cùng một cộng đồng văn hóa cũng có sự phân hóa, phân cực để cùng một hành vi ứng xử hoặc trạng thái tâm lý, tập hợp người này coi là hợp lý, là logic và ngược lại tập hợp người khác thì không thừa nhận, lên án. Một trong những nhà mỹ học Mácxít có công mở đầu trong việc phát hiện ra sự khác biệt này là Plekhanov. Tuy nhiên, ông cũng như các nhà mỹ học Mácxít sau ông không nhìn nhận sự khác biệt dưới góc độ văn hóa mà chủ yếu là vạch sâu lằn ranh giai cấp.

Thực ra lằn ranh giai cấp và lằn ranh văn hóa- ý thức hệ là hai vấn đề không hoàn toàn trùng khớp lên nhau. Một bên lấy tiêu chí sở hữu tài sản và bên khác lấy tiêu chí ý thức hệ-văn hóa.

Nhân vật Vú Ngò của Lỗ Tấn vốn nghèo rớt mồng tơi, nhưng không vì thế mà thị không kiên cường cố thủ cho “tam tòng, tứ đức” giềng mối lễ nghi. Trong cuộc sống, kiểu người như Vú Ngò nhan nhản ra đấy. Phân hóa đẳng cấp theo tiêu chuẩn chiếm hữu tài sản trên thực tế không sâu sắc bằng phân hóa ý thức hệ-văn hóa. Các bài phân tích về những câu ca dao nhại Đồ Chiểu kiểu: "Vân Tiên ngồi dưới gốc môn. Chờ cho trăng lặn sờ l... Nguyệt Nga” là một kiểu phản ứng lại của đạo lý hồn nhiên dân gian đối với những ứng xử cứng nhắc của đạo lý học thuyết trong tác phẩm Đồ Chiểu. Cách hành xử “Khoan khoan ngồi đó chớ ra. Nàng là phận gái ta là phận trai” hoàn toàn có thể coi là cách hành xử hợp logic của những ai tôn thờ đạo lý

học thuyết phong kiến. Chỉ có chúng ta, những con người thời nay, hoặc những kẻ cùng thời nhưng chịu ảnh hưởng nền tảng ý thức hệ đối lập là đạo lý hồn nhiên dân gian thì coi đó là hành vi phản logic, là giả tạo, cải lương. Ngược lại những kẻ đứng trong lằn ranh của đạo lý học thuyết thì xem hành vi: "Yêu em anh nắm cổ tay, anh hỏi câu này có lấy anh không" là hành vi của bọn "mất dạy", sàm sỡ, vô luân.

Logic hành xử hoặc thái độ ứng xử của con người trong chế độ phong kiến được viết cặn kẽ thành sách. Nó không phải là kiểu dạy con người một cách hành xử mà là sự cưỡng bức, bắt buộc. Các phong tục lễ nghi ấy đã rơi rụng dần theo thời gian và cái gọi là logic cuộc sống cũng đã chứng kiến bao lần cảnh thay bậc đổi ngôi. Rốt cuộc cái gọi là logic hay phản logic chỉ là những ước lệ văn hóa mà khi có nền văn minh khác đồng hóa, xâm lược thì những đảo lộn chuẩn mực sớm muộn rốt cuộc cũng xẩy ra.

Điều này cũng nói rằng khi văn học phản ánh những kiểu loại logic cuộc sống khác nhau kể trên không đồng nghĩa với cách hiểu văn học phản ánh những quy luật khách quan của thực tại. Hay nói cách khác, những "quy luật" được lặp lại ở một mức độ nào đấy của lịch sử tư tưởng của xã hội loài người là những "quy- luật-chủ -quan" của cái gọi là ý -thức- hệ-tư tưởng. Nó không bền vững tuyệt đối trong không gian và trong thời gian. Nó chỉ là quy luật trong ngoặc kép, vì chịu nhiều những giới hạn của hoàn cảnh lịch sử và không ai lấy gì để đảm bảo được rằng sau một nạn hồng thủy giả định có thể xẩy ra, một văn minh khác của loài người một lần nữa lại lặp lại các chu trình văn hóa của con người thời đại chúng ta. Còn việc tìm ra những quy luật khách quan của xã hội (dân tộc học, lịch sử, xã hội học...) có trong bộ Tấn Trò Đời hoặc Chiến Tranh và Hòa Bình chẳng hạn, lại không phải là thước đo bắt buộc của tác phẩm văn học. Nhà văn có thể tôn trọng các quy luật xã hội, có thể không, tùy theo thủ pháp nghệ thuật mà anh ta tuân thủ để rủ rê bạn đọc nhập cuộc.

Logic và phản logic của tâm lý xã hội-lối sống của con người trong tư duy nghệ thuật.

Trong tác phẩm nghệ thuật, cái gọi là logic và phản logic của tâm lý xã hội-lối sống của con người vừa là đối tượng mổ xẻ quan sát của nhà văn, vừa là thủ pháp nghệ thuật. Với tư cách là đối tượng mổ xẻ quan sát, nhà văn thường phân thân, cố gắng tiếp cận tha nhân để xây dựng tác phẩm nghệ thuật. Trong trường hợp này, khái niệm logic

và phản logic là cặp khái niệm tương phản. Nhà phê bình thường lấy tiêu chuẩn tương phản này để đánh giá cái hay và cái dở của tác phẩm. Khi bình về truyện Cô Giáo Minh của Nguyễn Công Hoan, Vũ Ngọc Phan viết:"...Minh có những tư tưởng như thế mà về sau trúng số một vạn, nàng lại không lo tự lập với chồng, nàng lại đem những món tiền rất lớn quyên vào việc cứu tế, mà lạ nhất là lại đề tên mẹ chồng là người lúc nào cũng rất ác nghiệt với mình. Cái tư cách ấy là "tư cách" rất hèn, vì Minh không biết nghĩ đến nhân phẩm của mình. Người đàn bà có học thức và biết suy nghĩ như Minh tuy có thể vẫn kính nể người mẹ chồng ác nghiệt chỉ vì người ấy là mẹ người bạn trăm năm của mình, nhưng một khi có tiền trong tay, cần phải biết lo ngay đến sự tự lập để giữ lấy nhân phẩm của mình mà vẫn không hại gì đến gia đình.

Cái thái độ kỳ quặc ấy là thái độ mà người tân tiến không thể có. Người ta thấy ngòi bút của Nguyễn Công Hoan quá đáng, không đúng trong sự thực."(Nhà Văn Hiện Đại Quyển năm. Đại Nam xuất bản.Tr1055).

Như vậy theo Vũ Ngọc Phan, trong cô giáo Minh, Nguyễn Công Hoan miêu tả tính cách nhân vật cô giáo không hợp với logic thực tại. Ở đây chưa bàn đến chuyện đúng sai của nhận định này. Điều mà tôi muốn nhấn mạnh là phê bình văn học Việt Nam đương đại vẫn không trượt xa hơn lối mòn mà Vũ Ngọc Phan đã đi, nghĩa là vẫn lấy thao tác so sánh logic của cuộc sống và lo gíc tâm lý hoặc phương pháp ứng xử của nhân vật để phân định hay và dở. Điều đáng ngờ là ở chỗ, không phải lúc nào nhà phê bình cũng cảm nhận đúng cái gọi là logic cuộc sống trong thao tác so sánh. Hợp logic hay phản logic là vấn đề cách nhìn và điểm nhìn. Đứng trên vị thế này thì hay, là hợp logic nhưng đứng ở vị thế khác chưa chắc đã hay, thậm chí là không hay, nếu không muốn nói là dở. Hồi còn là sinh viên khoa văn, tôi nhớ có ông giáo dạy văn rất tâm đắc với cái đầu đề sau:"Lưỡi dao của bà Cà Xợi; cây mã tấu của anh du kích; cái chết của thằng Xăm". Đề luận này có xuất xứ từ tập tiểu thuyết có tên Hòn Đất của Anh Đức bây giờ đã bị lãng quên. Tuy nhiên thời tôi đi học, có vị phê bình có tiếng tăm còn "kê" Hòn Đất thành "Hòn ngọc".Hình ảnh bà mẹ giết con (dù mượn tay người khác) được ngợi ca là hợp logic, là điển hình. Thời đó tôi tin vào cách hiểu này. Sau đó khi có điều kiện học thêm và nhìn lại, tôi lại thấy nó là cái thứ logic đáng kinh tởm và phỉ nhổ. Tuy nhiên nếu bây giờ cho tôi luận lại, tôi lại vẫn tin vào cái Logic ghê tởm kia.Vì sao? Đứng trong điểm nhìn của những kẻ sẵn sàng "tử vì đạo" thì cái logic giết đứa con "phản bội" không có gì là khó hiểu. Nhiều cuộc "thánh chiến" của nhân loại đã chà đạp lên trên các mối liên hệ

huyết thống thiên liêng.Cái logic đó chỉ đáng phỉ nhổ và lên án khi ta đứng trên điểm nhìn của nhân văn và văn hóa. Nhưng đó lại là một cách nhìn khác, bị ém nhẹm trong môi trường ý thức hệ chính thống ở miền Bắc thời đó.

Ranh giới giữa logic và phản logic không bao giờ tuyệt đối và nó luôn luôn tiềm tàng khả năng chuyển hóa. Hành động ném trả hòn ngọc vô giá của bà lão già nua trong phim Titanic về biển cả chỉ là phi lý đối với lẽ thường của người đời nhưng lại hoàn toàn hợp logic của người đứng trong cuộc, một kẻ ôm trong lòng trọn đời tình yêu oan nghiệt cho đến cuối đời. Những kẻ mở đường về tư duy tư tưởng bao giờ cũng cô đơn trước số đông. Cách hành xử hoặc suy nghĩ của họ thường bị số đông cùng thời dị nghị. Trong khi chờ độ chênh về thời gian đủ để số đông thừa nhận cái phản logic lại trở thành logic, người mở đường thường bị nhiều thiệt thòi, thậm chí có nơi có lúc, họ còn bị người đời coi là điên, là gàn dở.

Logic và phản logic với tư cách là thủ pháp nghệ thuật trong văn học:

Với tư cách là thủ pháp nghệ thuật, logic và phản logic là phương tiện để chủ thể sáng tạo xây dựng các kiểu loại tư duy nghệ thuật trong văn học. Trong truyện cổ tích, sự kết hợp yếu tố ngẫu nhiên và yếu tố kỳ diệu để làm khuynh đảo các bước ngoặt của số phận nhân vật chính là sự kết hợp giữa logic và phản logic. Một mặt, nhân vật trong truyện cổ tích bị các logic cuộc sống thông thường chi phối: Họ thường đơn độc, bị các thế lực ác dồn vào thế không có lối thoát. Các lực lượng phù trợ như Tiên, Bụt, gậy thần, niêu cơm thần, cây tre thần v.v... chỉ thực sự can thiệp vào cốt truyện khi các nhân vật thiện bị thế lực ác dồn đến ngõ cụt. So với logic thông thường của cuộc sống, mọi yếu tố kỳ diệu, ngẫu nhiên xuất hiện để hỗ trợ người thiện là giả, là phản logic... nhưng trong thế giới nghệ thuật của truyện cổ tích cái phản logic đó lại hoàn toàn phù hợp với một kiểu logic khác được đo bằng chuẩn đo khác: Người thiện bao giờ cũng thắng cuộc. Triết lý "ở hiền gặp lành ở ác gặp dữ" vừa là tín ngưỡng tôn giáo vừa là chuẩn mực của đạo lý. Làm trái với điều này đối với công chúng truyện cổ tích mới là phi lý, là khó chấp nhận mặc dù trên thực tế mọi xung khắc giữa cái thiện và cái ác dường như đều có kết cục ngược lại. Như vậy, ở đây có logic của thực tại thứ nhất (hiện thực) và của thực tại thứ hai, thực tại ảo (huyền thoại) cùng lên sân khấu, cùng trà trộn vào cuộc

chơi . Nhờ bàn tay dàn xếp của nghệ sỹ dân gian, chúng chung sống với nhau rất hòa bình, không cãi cọ tay đôi rằng như thế là hợp lý hay phi lý mặc dù mỗi phía hiển nhiên đều có chuẩn mực riêng của mình.

Trong bài báo ngắn có tựa đề "Tật huyền hồ sáo hủ" của Nguyễn Văn Vĩnh xuất hiện đầu thế kỷ này có đoạn viết: "Xét trong văn chương, sảo kỵ nước Việt Nam điều gì, cũng toàn là huyền hồ giả dối hết cả, không cái gì là thực tình.

Người làm thơ thì ngâm những cảnh núi Thái Sơn, sông Hoàng Hà, trời cao bể rộng. Núi Tản Viên, sông Nhị Hà sờ sờ trước mắt thì cảnh không ứng bao giờ. Có cao hứng mà vịnh đến thì cũng phải viện cái gì đâu xa, chưa biết, chưa trông thấy.

Thời tiết nước mình thì không biết một chút chí chi, tả đến tứ thời thì xuân phải phương thảo địa, hạ phải lục hà trí, thu phải hoàng hoa tửu, đông phải bạch tuyết thi. Họa may có điều gì cảnh mình hợp với cảnh Tàu thì nó ra hay, nhưng thỉnh thoảng đưa những ngô đồng với bạch tuyết, lá rụng hoa rơi, đều là hão huyền cả, chớ mùa thu ta lá nào thấy rụng, mùa đông ta tuyết nào thấy sa."(Xét Tật Mình. Nguyễn Văn Vĩnh. Đông Dương tạp chí, số 15, 21-8-1913. Đăng lại trên Tuyển Tập Phê Bình Việt Nam tập 1, Nhà xuất bản văn học; Tr70)

Đoạn trích lời bình về văn học cổ trung đại Việt Nam của cụ Vĩnh Tây học có thể coi là một ví dụ thú vị về quá trình hoán vị giữa cái được coi là logic và phản logic trong lịch sử các loại hình tư duy nghệ thuật trong văn học. Tuy nhiên nếu có cuộc "hội nghị bàn tròn giữa các cụ từ Lý Bạch, Đỗ Phủ, Nguyễn Du với các cụ Tây học thời cụ Vĩnh thì rõ là chưa hẳn đã ai chịu phục ai .

Trong văn học hiện đại, các quan niệm về logic và phản logic như là thủ pháp nghệ thuật vẫn được các nhà văn có ý thức sử dụng, kể cả trong trường phái hiện thực chủ nghĩa.Các vị Tiên, Phật không còn lý do để trở lại chính trường nghệ thuật nhưng bóng dáng của họ không mất hẳn. Một mặt nhà văn ra vẻ riết róng tôn trọng logic cuộc sống và tỏ ra khổ tâm khi buộc phải để cho nhân vật tâm đắc của mình phải sa cơ lỡ vận, nhưng mặt khác nhà văn lại tỏ ra "láu cá" khi họ sử dụng một cách kín đáo các yếu tố ngẫu nhiên để lái ý đồ nghệ thuật theo hướng mà họ muốn "gửi gắm". Bằng chứng rõ rệt là các nhân vật chính của thể loại truyện hiếm khi chết bất đắc kỳ tử khi cốt truyện vẫn còn dang dở. Anh chàng Ngữ, nhân vật chính trong Mùa Biển Động của Nguyễn Mộng Giác chẳng hạn, mặc dầu cũng xông pha qua bao hòn tên mũi đạn và nhiều lần chết hụt, vẫn cứ phải kiên nhẫn chờ đến lúc vượt biên cuối tác phẩm mới chịu ngã xuống trước làn đạn của công an tuần tra cộng sản. Nếu Nguyễn Mộng Giác không quá mệt

mỏi sau khi viết bộ Mùa Biển Động, cứ để cho Ngữ sang Mỹ, biết đâu anh bây giờ là một chủ quán hàng ăn châu Á trong bộ Hậu Mùa biển động. Logic nghệ thuật vừa dung nạp logic cuộc sống vừa phản logic. Hình tượng những nhân vật "phớt đời" vứt cả nắm tiền vào lửa làm điên đầu bao kẻ trắng tay đối với logic thông thường xem ra khó tin, nhưng nó lại hoàn toàn hợp lý trong những tình huống đặc biệt của những bước ngoặt đặc biệt trong tư duy nghệ thuật. Vấn đề là cách lý giải phân tích của nhà văn có đủ độ tin cậy không? Cái giả trong nghệ thuật thường xuyên chuyển hóa với cái thật của cuộc sống để công chúng nghệ thuật được tắm mình trong một thế giới thực thực ảo ảo. Biết là mê lộ mà vẫn không sao dứt ra được, vẫn bị ma lực của nghệ thuật ám ảnh. Đó chính là sức mạnh của thế giới nghệ thuật mà không một quy luật thực tại nào có thể thay thế được.

NGUYỄN THẾ VIỆT



ĐỖ QUYÊN

Kịch bản

1a

Báng súng ghếch lên vai cặp tình nhân đang làm tình
Nhả đạn
Hủy - Sinh
Một - Một

2a

Dọc đường hoa
Nhà thơ già trốn bỏ em điếm trẻ -
trốn bỏ các câu thơ cũ của mình -
Em là con gái ngài Thị trưởng ký sắc lệnh đuổi-các-nhà-thơ-ra-khỏi- thành-phố

1b

Thiếu nữ được thành người bên nòng súng
lấy con trai người tử trận
không bánh cưới, xe hoa, nhà thờ -
Thế hệ cưới xin qua Internet
không nhận hận thù và hân hạnh từ cha mẹ

2b

Nhà thơ già gục chết trên một nấm mồ
Bản thảo tươi màu cấp tiến nóng bàn tay lạnh
Em điếm thành bà chủ nhà xuất bản
in cuốn sách đầu tiên
và đẻ con so.

(Đảo Vancouver, 20-04-1997)

Song ngữ

Nhún nhẩy trong phong bì
Nhìn
    Bốn phương trời đất -
                                        Các bản thảo.

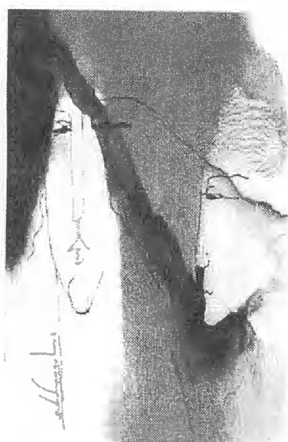
Những tờ nháp
            Không khóc
                        Trong sọt rác.

Đảo Vancouver, 16-11-1996
ĐỖ QUYÊN



PHẠM HẢI ANH

Tôi và nó



Nghe đâu cụ tổ tam đại nhà tôi làm quan tuần phủ. Chúng tôi là con cháu của ông bà và các cụ kỵ danh giá. Đến đời bố mẹ tôi thì mất "giá", nhưng cái danh hờ còn lại cũng đủ nuôi dưỡng bố mẹ tôi thành những nhà giáo dục đáng kính nể, còn tôi thành đứa trẻ rất biết vâng lời.

Thực ra mẹ vẫn bảo tôi bướng ngầm ngay từ thủa lọt lòng. Lặng lẽ, từng chút một, tôi trườn qua cơn đau sinh nở của mẹ. Người tôi tím tái đi vì nhịn khóc. Mắt mở thao láo, tôi túm chặt lấy cái áo choàng của bà đỡ, mười ngón tay bé nhỏ, riết róng như sau này tôi đã khao khát túm chặt lấy cuộc đời. Bà đỡ nhấc bổng tôi lên như con mèo con, phát mạnh vào mông tôi, giải thích :"Nó bị ngạt đấy!" Rốt cuộc, tôi đã gào lên hết cỡ giọng. Cú phát đầy thiện chí vào mông dạy tôi rằng nếu không khóc, người ta không thể sống được vì nghẹt thở. Còn cười đã có bà mụ dạy. Tôi nằm trong nôi, u ơ nhoẻn cười với những gương mặt ghé xuống gần mình. Sau này lớn lên, tôi đã bắt gặp hàng trăm kiểu cười khác nhau, nhưng chưa thấy người lớn nào cười đúng cách bà mụ dạy. Nếu là bà, hẳn tôi đã thất vọng lắm. Nhưng bà mụ vẫn kiên nhẫn dạy từng đứa trẻ sơ sinh cách nhoẻn cười với cuộc đời.

Mẹ thương tôi mới nứt mắt ra đã bị đòn, lại lo vì tôi chậm biết đi. Trong vòng tay mẹ, tôi đứng rất vững, nhưng cứ rời mẹ ra là ngã sấp

ngã ngửa. Cha bảo chân tôi non nớt nên yếu. Nói chung tôi tin cha tôi là người uyên bác và có thể lí giải cặn kẽ nhiều điều. Nhưng mớ lí thuyết của ông không giúp ông hết ngạc nhiên khi thấy tôi thỉnh thoảng lại vấp ngã lăn ra giữa con đường bằng phẳng. Chỉ có mẹ là người đầu tiên không cần giải thích, chạy ra đỡ tôi lên. Bà đánh đất, đổ tội cho nó đã làm tôi ngã. Mẹ không biết rằng tôi đang bí mật mò mẫm bài học thứ hai để làm người: học ngã. Cái này tự tôi dạy tôi thôi.

Bài học thứ ba cha đã vô tình dạy tôi khi ru ngủ. Ông đặt tôi nằm như con nhái bén trên ngực, vừa vỗ nhẹ vào lưng tôi, vừa ngâm thơ bằng giọng ngái ngủ. Không hiểu sao , bao giờ ông cũng chỉ ru độc bốn câu Kiều, và ru mãi làm tôi đâm nghiện:

Trăm năm trăm cõi người ta
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.
trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng...

Sau này tôi mắc cái tật cứ nghe ai đọc mấy câu ấy là lập tức thấy buồn ngủ. Tôi đã lăn ra ngáy khò khò trên lớp khi thầy giáo đang giảng rất xúc động về "cuộc bể dâu" và thuyết "tài mệnh tương đố". Thầy tức giận đuổi tôi ra khỏi lớp vì đã vô cảm trước nỗi đau khổ lớn lao của con người. Tôi không thể giải thích với thầy được. Tôi biết thầy đã dồn nhiều tâm huyết và những nỗi bất đắc chí trong cuộc đời để truyền bài học cay đắng ấy cho chúng tôi. Nhưng tôi đã trót học theo cách khác. Tôi không biết trên thế gian này bao nhiêu kẻ khốn cùng chỉ có thể ngủ được khi tự an ủi rằng lắm người còn khổ hơn mình.

Bài học thứ tư là vào một buổi chiều, tôi chạy bổ ra khỏi lớp, đũng quần dầm dề nước, xấu hổ ê chề. Tôi đã tuân thủ tuyệt đối kỷ luật cấm ngọ nguậy trong lớp, cho đến lúc bất lực thấy dòng nước âm ấm xối ra hai bắp đùi mình. Cái đũng quần sũng nước dạy tôi rằng đôi lúc, người ta phải vi phạm nguyên tắc để kêu to lên những nhu cầu thiết yếu của con người. Bài học này tôi ít khi thực hành. Nó mâu thuẫn về cơ bản với lý thuyết "cá không ăn muối cá ươn" mà cha mẹ vẫn trộn vào bữa cơm hàng ngày thay cho gia vị...

Bài học thứ năm...

Bài học thứ sáu...

Rồi đến lúc tôi không buồn đếm những bài học đường đời nữa. Chúng tới tấp rơi xuống tôi như mưa, nhiều đến mức cha mẹ không còn thì giờ để nhắc "Con đã thấy chưa?" Tôi chẳng thấy gì ngoài sự cô độc khủng khiếp. Tôi trốn vào góc nhà, thì thầm với con chó già về giấc mơ của tôi:

Tôi mơ, thung lũng mờ sương, rừng đào đỏ thắm, suối hoa đào mênh mang đưa tôi về miền xa thẳm,

Tôi mơ, con ngựa ô dũng mãnh hý dài, yên cương không người cưỡi,

Tôi mê, chiếc cầu bện bằng quần áo người chết, cờ phướn ngả nghiêng, rền rĩ,

Tôi mê, lọ lục bình cổ men rạn nứt, hương trầm bay, xương ông bà tan mủn thành bụi đất,

Tôi mê, tóc rụng từng mảng, kính gương vỡ vụn, người đàn ông không rõ mặt vùi đầu vào đôi vú trinh nữ ủ hương

Tôi mê, nhà xi măng, quan tài xi măng, đèn nến nhựa, mắt thủy tinh không nước mắt,

Tôi mê, sớm xuân nào áo trắng tóc bím đi trong cỏ, ôm giấc mơ và hát...

Tôi mơ,... những giấc mơ trốn chạy khi mắt vừa mở, mười ngón tay trống trải...

Con chó già nguẩy đuôi, bỏ đi. Nó chán tôi. Tôi sợ mình không có gì để chán. Ngoài trời mưa nước lên tầm tã. Tôi hứng nước mưa, lau mốc xanh trên những bài học cũ, những giấc mơ cớm nắng. Tôi chờ...

*

Nó. Tóc tỉa kiểu con trai, ngắn trụi. Điềm nhiên xẹt qua như một tia chớp môđen xanh đỏ, nhanh đến nỗi những lời bình luận của các bà trông xe tầng một rơi lả tả phía sau, không bám được vào người. Cũng chẳng hề gì. Các bà đem chuyện về nó thân mật phát miễn phí, kèm cái vé trông xe giá một nghìn đồng. Ai bảo các bà không biết gì về khuyến mại! Chỉ thiệt bà hàng nước ở xế bên, thông tin nghèo nàn hơn nên ít khách. Bà này một hôm sà vào hàng phở, gặp nó , bèn ân cần rỉ tai rằng bên ấy họ nói cháu tệ lắm, thế này, thế nọ... Nó tươi cười đáp "Thế ạ", rồi xúc thêm ít ớt thả vào bát phở, ăn ngon lành. Bà bán nước lập tức muốn đoàn kết trở lại với các bà trông xe. Nó mất luôn đồng minh cuối cùng trong liên minh các bà.

Cửa sổ buồng tôi trông thẳng sang nhà nó. Tối tối, dù không muốn, tôi cứ phải nhìn những lưng áo thay nhau che khuất từng mảng sáng ở khung cửa sổ nhà nó. Lưng áo con trai, vai ngang và rộng. Mẹ tôi lườm nguýt bảo bọn con trai bây giờ mù cả. Thứ con gái răng thưa, mắt ướt, dáng đi õng ẹo như thế là đa dâm, nhà tử tế không ai dám rước. Anh Lương tôi cãi lại, bảo nó có tiếng cười sang. Giọng trong vắt, vang ngân như tiếng chuông bạc, khác hẳn điệu cười ré lên như mèo

cái của bọn con gái khu tập thể này. Tiếng cười ấy hiếm lắm, chỉ bắt gặp ở những trinh nữ, những người có tâm hồn thánh thiện. Vợ anh bĩu môi, khinh miệt :"Cái ngữ ấy tôi đã mấy lần thấy vác mặt tới phòng hút nạo thai, vô phúc dây vào nó...". Mắt chị tối sầm lại. Đã vài lần chị bắt gặp cái nhìn của anh mắc kẹt giữa cặp chân dài mê hồn của nó. Chị dâu tôi chân chữ bát, đẻ được hai cô con gái chân cong y như mẹ. Chị vẫn nghiêm nghị dạy chúng nó là :"Cái nết đánh chết cái đẹp". Mỗi lần nói như thế lại cao giọng lên, liếc qua nhà hàng xóm đầy ngụ ý.

Lúc nào nó cũng đeo trên cổ một túi bùa nho nhỏ, nghe đâu là kỷ vật mẹ nó để lại. Người đàn bà má hồng chân cao, lấy đời chồng thứ ba mới sinh ra nó, rồi hậu sản mà chết. Cặp mắt bà ta trong tấm ảnh cũng đen rợp và ướt át y như mắt nó. Bọn con gái trong khu tập thể thì thào rằng túi bùa nó đeo trên cổ chính là bùa yêu, chả thế mà đàn ông cứ mê muội lăn xả vào. Con bé hàng xóm chuyên rình ngoài cửa quả quyết đã nhìn thấy những ông đầu hai thứ tóc, những anh thắt cà vạt, những cậu đeo dây chuyền vàng hoặc chẳng đeo gì... tất thảy cuối cùng đều quỳ xuống, gục đầu vào chỗ ấy của nó mà khóc, rồi đi. Các bà, các cô ở khu tập thể nghe thế cứ rấm rứt như bị rôm cắn, vừa hả hê, lại vừa tiêng tiếc. Sau mỗi cuộc chia tay, sân khu tập thể vắng hẳn, cửa nhà nó đóng im ỉm vài ngày, rồi bật mở. Nó hiện ra, đẹp lộng lẫy hơn bao giờ, túi bùa rung rinh trên bộ ngực vươn cao thách thức, giọng cười ngân vang như chuông bạc. Và sân khu tập thể lại đông chật các loại xe dập dìu.

*

Trong lúc ấy, tôi vẫn kiên nhẫn bên cửa sổ, tay phải cầm những bài học, tay trái ôm những giấc mơ. Tôi không có bùa yêu, nhưng tôi biết chờ đợi...

Đó là một ngày chớm xuân, mưa giăng mù trời. Gốc mai già nhà tôi mấy năm không hoa chợt nảy nụ xanh biêng biếc. Đúng bữa ấy, chuông cửa reo. Mẹ tôi cuống quít dọn dẹp nhà cửa, giục tôi trang điểm. Nhưng tôi biết không cần thiết. Tôi nhận ra anh ngay lập tức. Gương mặt ẩn hiện trong những giấc mơ của tôi. Ngực tôi ngủ yên sau lần áo mỏng lần đầu tiên chợt căng lên, tròn đầy. Tôi nghe tóc mình dào dạt chảy, óng mượt, dài, dài mãi. Tôi mỉm cười, đưa tay cho anh...

Đúng lúc ấy, nó bước qua. Cặp chân dài, bùa yêu rung rinh trên ngực. Họ nhìn nhau. Trong một thoáng, tôi thấy bàn tay anh khựng lại, và mắt nó mở to đến dại khờ. Nhưng có thể tôi đã nhầm. Chẳng có gì xảy ra cả. Nó bỏ đi. Tôi vịn vào cánh tay anh ấm áp, vững chãi. Đêm đó, tôi mơ. Anh bọc tôi trong chiếc lá sen xanh thơm mát, ru tôi bồng



ĐỖ THÌ KÊNH G

Tình nghèo

Cô về tôi đánh trần, gian
nhà tranh vách đất củi than nhọ, nồi
niêu, xoong, chảo, của, tôi
cũnh là xoong, chảo, niêu nồi, của, cô.

Chân quê

Nhà! tôi thú với nhà, quê
tôi nghèo lắm, nhà chê không? nhà
Không chê tôi đợi ơn, nhà
xuống thuyền tôi rước nhà về nhà quê

ĐỖ THÌ KÊNH G

bềnh. Tôi không còn là tôi nữa. Tôi là cô bé Tí Hon, là người đẹp thiếp ngủ trên thuyền lá sen chờ nụ hôn của chàng hoàng tử. Nhưng chẳng nụ hôn nào chạm xuống môi tôi. Hôm sau, anh không đến. Hôm sau nữa... Và cả mùa xuân đi qua! Thế giới cổ tích của tôi không cầm chân anh được. Ngày ngày, tôi phấp phỏng nhìn sang khung cửa sổ nhà nó. Không thấy bóng anh. Cửa đóng im ỉm. Sân khu tập thể vắng ngắt, chẳng ai đến gửi xe. Chiếc lá sen xanh trong mơ của tôi héo dần...

Rất lâu sau, một lần tình cờ tôi gặp nó. Tóc nó vẫn cắt cao y như thế, cổ áo hở rất rộng. Ngực nó phô ra, trống trải, túi bùa yêu đã biến mất. Chúng tôi nhìn thẳng vào mắt nhau. Lần đầu tiên, tôi nhận thấy ở đáy sâu đôi mắt đen ướt át của nó có cái gì như thể đau đớn và hoài nghi. Chúng tôi cứ đứng thế, đối diện nhau, giữa trời nắng chang chang. Không có Anh. Chỉ có tôi và nó. Tôi và Nó...

PHẠM HẢI ANH
Hà Nội, tháng 9/1997



PHẠM TƯỜNG VÂN

Đừng nghĩ nữa...

Gió chẳng xanh bằng lá
Người đi trống một khoảng không
Ta rồi cũng thua không khí...

Nhớ thì về
Thương thì tìm...
Tơ tình đôi ba sợi

Sợi vắn sợi dài
Tơ tình chẳng dai hơn tơ nhện
Nào buột được ai...

Thanh âm

Hương gọi hoa...
Những móng chân côn trùng bấu vào đất ẩm
Một giọt sương thầm một giọt mưa...

Chiếc saxo cong hồi hộp
Cầm tù bởi một sợi tơ...

Ngày hôm qua

thăm thẳm thăm thẳm...
ngày nấp sau ngày
bỗng rời xa
như hai đốt ngó sen

thăm thẳm thăm thẳm...

người nấp vào ngày hôm qua
đã rời xa
hơn hai đốt ngó sen

thăm thẳm thăm thẳm...

PHẠM TƯỜNG VÂN



NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Chuyển mùa



Mùa lạnh đến và cô hốt dưng lo sợ.

Mọi sự quan trọng trong đời cô thường xảy ra khi thời tiết trở mình. Năm nay mùa lạnh lại đến sớm hơn mọi năm. Đường đột, bất cần sự mời gọi của cô.

Cô lại không thể ngồi yên nổi, khi ngoài kia trời đang oằn oại. Hết mưa rồi gió đang bời bời trên mặt đất. Cây cỏ trong vườn rạp mình chịu trận. Một nỗi gì đó căm căm cơ hồ quất vào trái tim cô. Cô bay ra khỏi nhà hệt một cành lá hoang dại tả tơi.

Quả thật cô cũng cần phải đến đó. Sẽ cùng một nhóm bạn thiện nguyện chạy lòng vòng quanh phố. Cô và họ sẽ thay phiên nhau phân phát những chiếc mũ len, găng tay, chăn mền... hoặc nếu cần thì tải một số "ngài" nghiện ngập về "shelter". Đại khái đây là một công việc khá bổ ích, làm dịu đi những cơn hứng bất tử lái xe băng băng không mục đích trong tuyết giá của cô. Nói chung cô thích công việc này vì ít ra cũng giúp được cái đầu cô ấm lại đôi chút. Hóa ra ở chốn giang hồ trần thế này, chưa chắc cô đã là người cô đơn âm u nhất.

Khi cô đến đó, bóng tối vừa sụp xuống thật nhanh. Thiên hạ đang chờ cô đến để phân chia công tác. Thời khắc cô có mặt vừa vặn, nên không thể nhẩn nha nhâm nhi từng ngụm bóng tối. Cầm ly càphê

trong tay, cô nhấp vội một miếng thật tròn và bỗng có cảm tưởng như muốn rót cùng chút bóng tối trên cao xuống đáy hồn mình. Mọi người vội vàng như muốn bắt đầu ngay công việc, nhưng lại nhượng bộ nhìn cô như có vẻ muốn nấn ná một điều gì. Trông cô như bé, mảnh dẽ nhất trong đám, nhất là khi cô chun mũi hít hà và đưa tay kéo cao cổ áo càng làm cho cô có vẻ lãng mạn sao đâu. Ờ phải rồi, cô chỉ muốn nấn ná đôi chút với bóng tối.

Khoảng thời gian vừa chuyển đổi từ vạt áo chiều nhạt nhòa sang tấm áo đêm huyễn hoặc bao giờ cũng đẹp đến náo nức thèm yêu.

Quả thật lúc này cô muốn quên tất cả những ràng buộc hệ lụy, những bổn phận trong đời sống. Đêm xuống và trời đang nhã từng cụm tuyết như từ trong mộng ảo làm trái tim cô nhức nhối không đâu.

Cô vốn hay vớ vẩn như thế, lắm khi thèm yêu mà rồi cũng chẳng biết yêu ai, hoặc thèm khóc một trận rồi lại không rõ vì sao...

Một người đàn ông ốm o nhất trong nhóm nhìn cô toan nói một câu gì bỗng bị một mụ đàn bà mập căng người kêu lên the thé:

- Thôi chúng ta bắt đầu đi chứ. Cái thân mập của tôi sắp muốn đòi về nhà lục lạo cái xó bếp rồi đó. Phần vụ của tôi là cái công viên trước mặt này nhé. Nào, có ai muốn làm chung với tôi không.

Cô dơ tay lên tỏ vẻ hưởng ứng:

- Cho tôi đi với. Gớm, không hiểu sao mấy ông thi sĩ, nghệ sĩ trái mùa cứ thích nằm vạ ở những cái ghế đá lạnh tê người như thế.

Bà mập cười dòn:

- Dù sao cũng đỡ hơn mấy đấng nát rượu ở cuối phố này là cái chắc. Thôi tụi này đi trước nhé kẻo tuyết sắp ngập ngụa tới nơi rồi.

Cô bị người đàn bà kéo đi thật nhanh, bất chấp mọi người có đồng ý hay không:

- Kìa, đi chứ cô nương. Gọi tao là Janet nhé. Tao không có nhiều giờ đâu đấy.

Cô bỗng tỉnh táo hẳn, nửa đùa nửa thật:

- Còn tôi là Kim. Nhỡ gặp mấy ông thần say rượu là chị ráng vác họ lên xe đấy nhé. Lỡ đêm tuyết xuống nhiều nguy hiểm lắm.

- Cũng dễ thôi. Chỉ sợ mấy đấng lè nhè cứ nhất định đòi ngủ lại công viên thì vừa tội cho cái thân của họ, vừa tội cho cái miệng mình mắc công năn nỉ.

Janet xuống giọng:

- Gặp loại này thì mình chỉ việc đắp vội cho họ mấy tấm chăn... tình ái là xong thôi. Khỏi ỉ ôi cho mệt, họ lì lắm không đi theo mình về "shelter" đâu.

Rồi thì chiếc xe van của Janet cũng mang cô đến đó, nơi có

những chiếc ghế đá xám tro trăm năm phơi mình cùng tuyết gió, nơi muôn vàn nhánh cây đã trơ ra những bàn tay mùa đông xương xẩu. Công viên, ở một nơi mà chỉ những kẻ không nhà mới thấm thía tận cùng nỗi lạnh cóng của riêng mình. Cô vụt nhắm mắt lại, mường tượng đến những chiếc bóng xiêu đổ trong chiều hôm nơi một công viên quạnh vắng nào đó.

Tiếng của Janet vẫn bắng nhắng bên tai cô:

- Tới rồi đó. Mày lo mấy "trự" ở trên ghế đá. Còn tao sẽ quì mọp xuống với mấy ngài nằm bựa trên đám cỏ đằng kia.

Cô mở mắt ra. Tuyết vẫn phất phơ và cuộc đời ngoài kia vẫn tràn lan bóng tối. Hình như cô nhận ra có tiếng "harmonica" kỳ diệu vừa len lỏi qua ngõ đêm làm vỡ tan mảnh hồn cô - Hay và buồn muốn khóc - Một người nào đó chắc phải bị phân thây cùng cảm xúc mới có thể tấu được những âm hưởng như thế. Cô biết cô khó lòng yên nguôi với tiếng "harmonica" như vọng lên cả trời xanh ấy. Lại là một bài hát thân quen trong cái tịch mịch của đêm làm cô càng dễ bị nhận chìm, mất tăm, sâu lắng... Cô mỉm cười, bâng quơ đi về phía có thứ ánh sáng vàng vọt nhã ra từ cột điện. Trông kìa, hắn chẳng hay biết gì đến sự hiện diện của cô. Vẫn cứ say sưa thả mình theo tiếng thổi, hai mắt nhắm lại như mặc kệ cuộc đời ngoài kia ra sao thì sao, cũng chẳng hề liên lụy đến mình. Hình như cô cũng lặng người theo tiếng thổi của hắn đến quên cả đất trời đang lạnh buốt tuyết rơi. Cuối cùng chính cô là người buột miệng trước, khi hắn vừa dứt:

- Trời ơi, sao không thổi tiếp cho tôi nghe với.

Hắn choàng mắt. Đôi mắt ngơ ngác như sực bừng tỉnh. Cô hơi giật mình. Đôi mắt hắn buồn quá. Cô chưa bao giờ đụng phải đôi mắt nào buồn như vậy. Vào một đêm tối cô liêu như vậy, cô rất kị phải nhìn thấy một đôi mắt rười rượi dường ấy. Nhất là hai con mắt của hắn vừa đẹp vừa lạnh, lại vừa biết thôi miên cô.

Hắn ngước lên, khuôn mặt thoảng chút ngạc nhiên:

- À thì ra cô cũng là người Việt à. Tôi nghĩ mình vừa đoán đúng phải không.

Cô gật đầu, vẫn xổ Anh ngữ:

- Còn anh không có vẻ gì là Việt Nam cả, nhưng sao lại chơi đúng bài của một nhạc sĩ Việt Nam mà tôi thích.

Hắn cười, một nụ cười không mấy vui:

- Cô tưởng tôi là một gã da đen hơn là một gã da vàng chứ gì.

Và hắn nhún vai, nói tiếp bằng tiếng mẹ đẻ của mình:

- Quê tôi là Việt Nam mà. Đất nước đã sinh ra và dưỡng nuôi tôi lớn lên là Việt Nam. Mẹ tôi là người Việt Nam và cũng có mái tóc

thẳng dài đen mượt như cô vậy. Không ngờ cô cũng thích nhạc T.C.S. à. Tôi chơi lại bài đó cho cô nhé.

Môi cô nở hoa, đáp lại hắn bằng tiếng cười thích thú:

- Vậy tuyệt quá. Có điều có "Gọi Nắng" suốt cả đêm nay thì tuyết vẫn xuống như thường. À mà anh tên gì nhỉ. Ồ không, đâu phải lịch sự thái quá như vậy. Đáng ra tôi phải gọi ngay là em, xưng chị mới đúng vì tôi biết mình lớn hơn cơ mà. Như vậy mới "fair" chứ.

- Sao cũng được. You you, I I, me me cũng xong.

Hắn nhếch môi, vẻ Bô-hê-miêng ngang ngạnh hiện lên từ khóe miệng:

- Tôi tên Huy. Nếu cô muốn, tôi sẽ kêu chị cũng chẳng có gì quan trọng.

Rồi hắn đổi giọng, giả vờ xuống "tông" tiếng Huế và giả vờ chớp chớp hai hàng mi cong vút cỏ rối:

- Phần cô... í quên phần chị cứ tùy ý hỉ. À mà chị tên chi rứa? Trời lạnh và tối như ri mà khi không lại đi mô lạc đến đây vậy hả.

Cô nhìn hắn, cũng làm một màn giả vờ nghiêm mặt và nhăn mặt:

- Gọi tôi là Kim. Răng mờ thích nhại tiếng Huế của tui rứa tề. Nói thật nghe, tôi không thích Huy hay mấy ông say rượu ở đằng kia nằm ngủ dưới công viên lúc trời tuyết giá như ri mô đó. Chết chớ không phải giỡn chơi. Nguy hiểm lắm.

Hắn lại nhún vai, ánh mắt xuyên thấu vào tim cô:

- Cùng lắm là chết cóng như cục đá chứ gì. Chị Kim đừng lo, những người thất nghiệp không nhà như tụi này ở Mỹ không nhiều. Mà một khi đã thất nghiệp, đã không nhà thì sợ gì chết chóc. Dằm dò chi ba cái lẻ tẻ.

Cô lắc đầu chưa biết đối đáp ra sao với hắn, thì hắn cũng lắc đầu nhìn cô ngờ ngợ:

- Chị ạ, cái lạnh ở bên ngoài sức mấy thấm với cái lạnh ở trong... Thành ra cái nguy hiểm mà chị lo thì chả nghĩa lý gì cả.

Cô lẩm bẩm: "Cái lạnh của những âm hưởng "harmonica." Cái lạnh của bên trong...

Hắn cũng lẩm bẩm tiếp theo cô:

- Bi kịch và cái nguy hiểm là chỗ ấy. Ở chỗ mặc tới mười cái áo ấm mà vẫn thấy bị rét run như thường. Chị Kim à, có nhiều đêm... Huy lạnh lắm, lạnh đến nỗi chỉ biết cười ngớ ngẩn mà không thể có thứ rượu mạnh hay một con mụ đàn bà nào có thể làm ấm được.

Tự nhiên cô thấy tội nghiệp hắn quá. Thảo nào hai mắt của hắn lúc nào cũng có vẻ xa vắng như ở tận đâu đâu. Cô hỏi thật nhẹ:

- Điều gì làm Huy không tài nào ấm nổi?

Hắn cười, một nét đẹp của não nùng sương tuyết:

- Chắc là Huy bị mắc bệnh lạnh, chị ạ. Con người lúc nào cũng thấy lạnh, cứ thấy mình bị băng giá hoài thôi. Lạnh từ kẻ tóc lan dài đến khắp châu thân. Lạnh từ trong ra ngoài, từ ngoài vô trong. Chẳng biết xuất phát từ đâu ; cả người nhiều lúc cứ run lên bần bật như thế và làm cái quái gì cũng không hết lạnh là nghĩa làm sao chứ.

Cô muốn để yên cho hắn nói. Đôi môi hắn có vẻ hay hay, cong cớn, gợi tình ; dù đôi khi có vẻ lạnh băng làm sao ấy. Biết đâu lâu rồi hắn cũng không được nói, không có dịp gặp một người đối diện chịu nghe như cô. Cô lại để ý thấy hắn cũng quá đẹp, đẹp như vũng tối của đêm và màu da thịt mướt mịn man rợ của hắn. Đàn ông ở tuổi hắn lẽ ra mọi điều không nên lạnh. Phải làm thế nào để thổi vào đời sống của mình một luồng khí nóng đam mê chứ.

Cô nhìn hắn, thèm bộc lộ hết mọi ý nghĩ trong đầu nhưng rồi cô lại nói khác đi:

- Hay là Huy thử đi bác sĩ xem sao.

Hắn húc hắc cái đầu nguầy nguậy, hệt như cậu bé bị mẹ bắt uống thuốc:

- Thôi chẳng chơi với mấy ông bác sĩ nữa đâu. Ai cũng đinh ninh Huy bị cảm mạo thương hàn sơ sài vậy thôi. Khám nghiệm khá hơn thì cho rằng Huy bị bệnh hoang tưởng. "Bipolar" là cái quái chi Huy cóc thèm biết và cũng chẳng bao giờ thèm uống thuốc cho mệt.

Hình như cô vừa đọc thấy điều gì đó bất ổn trong giọng nói của hắn. Cô cũng vậy, tiếng nói như lạc đi, êm đềm:

- Huy còn trẻ, không thể cứng đầu như vậy được. Nghe tôi hỏi nhé, điều gì đã khiến Huy không còn màng đến mình nữa như thế?

Hắn đưa vội cái "harmonica" lên miệng thổi, dáng điệu lấp liếm, đau đớn. Âm thanh run rẩy cơ hồ không ủ kín hết nỗi lòng cô độc. Cô thấy lòng mềm đi như những sợi nước mắt long lanh.

Hắn ngừng thổi khi thấy cô cứ ngó hắn đăm đăm:

- Vậy là chị muốn nghe tâm sự của Huy phải không? Lâu rồi Huy cũng chẳng buồn nói với ai vì cũng chẳng có ai để nghe Huy nói. Vả lại chỉ có một người Huy muốn được chia sẻ thì cứ như bịt tai lại không thèm nghe Huy nói và không bao giờ còn muốn hiểu Huy nói điều gì.

Hắn nuốt nước bọt, nói tiếp:

- Huy nản lắm ; nhiều lúc cứ ước gì mình được chết phắt đi cho rồi. Tuyệt vọng đấy chị ạ.

Cô tròn mắt ngạc nhiên:

- Bộ Huy thất tình à? Một người mà Huy muốn được chia sẻ có

phải là một cô gái Việt Nam xinh đẹp lắm không.

Hắn gật đầu lia lịa. Cái đầu lúc lắc trông hệt như mấy ông thầy pháp bị nhập thần khi lên đồng:

- Đúng ; đúng rồi ; đúng lắm. Cô ta làm Huy bây giờ chỉ còn sống nửa người. Nửa kia tha hồngập ngụa trong hụt hẫng, chao đảo, xót xa.

Cô cắt ngang:

- Huy phải làm sao thì cô ta mới bỏ Huy chứ.

Hắn nói như khóc:

- Làm sao là làm sao hả chị. Thật tình Huy chẳng biết làm sao để giữ cô ta vì cô ta có bao giờ là của Huy đâu. Như chị biết, Huy qua Mỹ theo diện con lai. Cô ta không hề và không bao giờ yêu Huy cả. Chỉ có Huy khờ khạo nên bị gia đình cô ta gài bẩy. Tụi Huy lấy nhau chỉ đơn thuần trên giấy tờ. Qua tới Mỹ cô ta tìm đường dọt ngay. Dù sao Huy cũng chỉ là thứ cặn bã của xã hội ngay cả ở bên nhà cơ mà.

- Huy đừng nghĩ vậy. Đâu phải ai cũng nghĩ về những thành phần con lai như thế.

- Không, Huy biết chứ. Bây giờ đến đất nước tự do này, Huy có cảm tưởng mình giống con chim lạc. Bay hoài và bay hoài vẫn không biết tìm đâu nguồn cội. Thảm não ghê chị nhỉ. Chẳng lẽ Huy là gã Mỹ đen khi khả năng Anh ngữ chỉ ù ù ạc ạc? Mất cô ta là Huy mất luôn cả phương hướng. Phương hướng của một lối về. Huy mang giòng máu Mỹ đen trong người nhưng Huy, có biết gì đâu về người đàn ông đã bỏ lại giọt máu ấy. Huy sống và lớn lên trong tình yêu của quê mẹ nên bây giờ Huy cô đơn lắm chị ạ.

Hắn bụm tay, làm thành một cú đấm vào mặt hư không:

- Không ai chấp nhận Huy đúng nghĩa một con người, một tên đàn ông có quyền yêu và đòi yêu bất cứ đứa con gái nào. Cô ta bảo Huy chỉ là thằng lai Mỹ đen mà dám đèo bồng, trèo cao nên té nặng thì cũng đáng đời thôi. Chị cũng thấy như vậy nữa phải không?

Cô loay hoay, tìm cách an ủi hắn thì hắn bỗng phá lên cười:

- Thủy là một cành hồng, một cành hồng tuyệt đẹp. Có điều ai dại dột rớ vào là chỉ có nước bị gai đâm.

Cô trả lời bâng quơ:

- Có những người đàn bà con gái, Thượng Đế sinh ra quá đẹp, quá thơ mộng đến nỗi bất cứ người đàn ông nào đến với họ cũng đều dễ trở thành những tên thô lỗ.

Hắn chép miệng:

- Những người đàn bà con gái như thế chỉ để nhìn ngắm, nhưng Huy là người đàn ông thô tục nên chỉ muốn cắn nát họ ra.

Khi hắn vừa thở dài thườn thượt và cô vừa đề nghị đưa tặng hắn

một ít chăn mền, găng tay... thì từ đâu xuất hiện một người đàn bà cũng đáng gần tuổi mẹ hắn. Phải công nhận bà ta là một phụ nữ có nhan sắc, thứ nhan sắc đang ở vào độ chín muồi nhất. Một loài hoa vào thời kỳ bừng nở mãn khai. Bà ta ngồi sệt xuống, ỏn ẻn đưa ly cà phê vào miệng hắn:

- Uống đi cưng. Coi chừng nóng. Em phải đi hết cả khu phố này mới kiếm được ly cà phê ngon lành này cho cưng đó. Tin không?

Tự nhiên cô thấy sự hiện diện của mình có vẻ thừa thãi sao đâu, nhưng cũng may hắn vừa kịp ý nhị được điều ấy:

- Vậy mà tôi tưởng ai đã bắt cóc em rồi chứ. Cảm ơn em. Thôi được rồi cứ để đó cho tôi. Này đây là bạn mới của chúng ta, chị Kim. Một người mà tôi đoán không lầm là ở trong toán thiện nguyện, vừa đòi phát chẩn cho tôi một ít đồ ấm đó mà.

Người đàn bà có đuôi mắt đã dài với năm tháng mệt mỏi, đảo nhanh về phía cô:

- Chào cô Kim, tôi là Connie. Mẹ kiếp, thành phố gì mà mới trở lạnh chút xíu đã rủ nhau trốn tiệt đâu hết.

Cô cũng gật đầu chào lại:

- Chắc lạnh quá ai cũng lo đóng cửa sớm. Chết cha, bây giờ tôi phải đi lo phân phát đồ và kêu gọi mấy anh chàng ở đằng kia nữa. Hai bạn có muốn theo tôi về "shelter" không thì chờ đi lên xe với tôi nhé.

Thật tình tứ, người đàn bà quay sang ôm chặt lấy hắn như muốn phủ trọn những hơi ấm còn lại:

- Chúng tôi là cái lò sưởi của nhau, bạ đâu ngủ đó lo gì nhà với cửa.

Hắn cười héo hắt. Nụ cười làm hắn già hẳn ra:

- Huy cần hơi ấm, cô ta phả vào Huy chút hơi ấm. Cô ta cần tiền, Huy nhã vào tay cô ta chút bạc cắc rủng rỉnh. Đời là thế. Ai cũng phải nương vào nhau mà sống. Và như thế cũng là điều công bằng, không ai nợ nần ai điều gì cả. Đơn giản, thật đơn giản chị Kim ạ.

Cô nhìn hắn thật lâu như chưa bao giờ cô muốn nhìn hắn kỹ càng và gần gũi như thế. Hai mắt hắn ươn ướt, hàng mi dài lóng lánh những cọng tuyết, thăm thẳm những điều cô khó lòng đào sâu được. Đôi mắt và màu da hắn là thứ sắc màu của những vực tối, màu bóng tối của đời hắn.

Cô rùng vai vì lạnh và nghe hơi thở mình bốc hơi:

- Vậy sao còn rên là lúc nào cũng thấy lạnh với lạnh?

Tiếng cười của hắn rú lên man dại:

- Không ai giữ ấm được cái đầu của tôi cả, chị biết không? Cô ta là cái thá gì, chỉ là một khối thịt của hoan lạc. Như vậy mà chị cũng

không hiểu nổi sao chị Kim.

Cô bỗng càu nhàu trong cuống họng:

- Không hiểu hay không muốn hiểu thì cũng thế thôi.

Dù sao tôi cũng chỉ gặp Huy có một lần và chắc chắn chỉ có lần này thôi, vậy Huy có muốn chỉnh đốn lại đời của Huy không thì tùy ý. Tôi làm gì được để giúp Huy khi Huy không tự giúp lấy mình trước đã.

Hắn lại cười ngoặc ngoẽo:

- Chắc chắn Huy sẽ còn gặp chị lần nữa chứ. Biết đâu chị là người sẽ giúp Huy hoặc chỉ cho Huy cách giữ ấm được cái đầu mình cũng nên. Và như thế Huy sẽ không còn phải sống lất thất lếch thếch để đi tìm Thủy.

Người đàn bà xoe đôi mắt bi ve nhìn hắn rồi nhìn cô:

- Anh chàng Huy này bị cái gì vậy. Mấy người ở đây nói cái gì tôi không hiểu. Phải dùng Anh ngữ cho tôi nhờ với chứ.

Hắn chợt nổi giận vô cớ. Đôi mắt rát bỏng:

- Im đi, cô biết gì mà hỏi với hiểu. Cô chỉ giỏi theo làm phiền tôi bấy lâu nay thôi. Bây giờ tôi mệt và tôi chán cô, chán hết mọi người thì đã sao.

Tội nghiệp người đàn bà bán hương phấn. Hình như bà ta cũng đã quá quen với những cơn điên bất tử của hắn hoặc quá thuộc lòng về thân phận của mình. Nụ cười nhàu nát những ế ẩm hoan lạc vẫn cố gượng nở đáp lại hắn. Một cách khá đĩ thỏa, khá cầu tình. Thứ tình bạc lẽ mà loài thú hoang dã trong hắn đã ban phát và bà ta đã hơn một lần rã rời đón nhận:

- Thôi mà cưng, khi không lại phụng phịu như con nít. Anh bị đời đá lên, tôi bị đời đá xuống, vậy sao còn chưởi bới nhau làm gì. Cho tôi xin đi ; đêm nay ngoài trời lạnh lắm đấy không thấy sao?

Hắn hơi ngỡ ngàng, một điều gì ảm đạm đã không thể khỏa lấp:

- Đúng rồi đêm nay trời lạnh lắm. Thôi chị lo đi với công việc của chị đi. Họ đang cần chị kia kìa. Ngày mai em vẫn đến đó ở con đường trước mặt, với tấm bảng "homeless" đưa lên để chờ xin ân huệ của khách qua đường. Bằng cách này em kiếm được rất nhiều tiền và dễ dàng như vậy đó chị. Chỉ cần một chút mặt dày là đủ. Có gì chị nhớ ghé qua để cho Huy xin một ân huệ nhé.

Cô chưa kịp trả lời, hắn lại bồi tiếp một câu xanh rờn:

- Nếu chị không đến có lẽ sẽ có ngày Huy đâm đầu vô xe cũng nên.

Cô bàng hoàng:

- Đừng gieo tiếng ác cho người ta. Huy muốn chết hay muốn tu bổ lại đời mình là quyền của Huy chứ. Còn nếu tôi yếu bóng vía

muốn tìm cách thương hại Huy, liệu Huy có chịu nghe lời tôi không.

- Nghĩa là ngày mai hay ngày mốt chị sẽ tìm gặp Huy lần nữa phải không?

- Ờ... coi như tôi muốn giúp Huy sống lại đàng hoàng một chút, như dẫn Huy đi kiếm việc làm chẳng hạn hoặc tìm "agency" nhờ họ kiếm giùm Thủy cho Huy.

Hắn vờ nhăn mặt khổ sở:

- Cứ coi như vậy đi. Huy sẽ cố gắng làm lại tất cả để được gặp chị. Chị giúp Huy kiếm được việc, Huy sẽ trả công chị bằng cách này nhé. Huy... Huy sẽ hát cho chị nghe. Chị không biết chứ Huy hát hay lắm ; giải nhất cuộc tuyển chọn ca sĩ miền Đông năm rồi đấy. Còn vụ kiếm Thủy thì thôi để kiếp sau vậy ; lúc này Huy "lạnh" rồi.

Cô cười nửa miệng:

- Thôi được rồi mọi chuyện sẽ tính sau. Một người rắc rối bất thường như Huy không hiểu tại sao tôi lại phải dính vào làm chi cho mệt.

Hắn che miệng ngáp dài:

- Cám ơn chị mớ đồ lạnh. Huy nhường ly cà phê cho chị nghe. Ồ, con đĩ ngựa Connie mới đó mà ngủ rồi. Coi vậy chứ có nó nhiều khi cũng đỡ một đêm dài.

Cô lắc đầu tỏ vẻ ngao ngán và lập tức bước nhanh. Đêm ấy cô thức trắng cùng tuyết trắng. Những bài thơ cô làm trong đêm nhốt đầy những rét mướt và cô đoán chắc mình sắp bị cảm lạnh tới nơi.

*

Đúng là cô bị cảm lạnh. Có lẽ như thế thật. Những bài thơ như những giọt lạnh nhỏ xuống hư vô của lòng cô. Sáng hôm sau cô chạy lòng vòng đi mua thuốc và thấy mình dừng xe lại trước bộ điệu ngơ ngác của hắn:

- Leo lên xe đi, tôi chở Huy đi kiếm việc làm ngay bây giờ.

Hắn cười thật tươi, mở cửa xe lao vào như một cơn lốc:

- Hi chị, Huy không ngờ chị đến.

- Người khỏe mạnh như Huy đứng cầm tấm bảng "homeless" coi không giống ai cả.

- Nhưng bây giờ Huy có đủ tiền để mời chị đi ăn sáng bất cứ nhà hàng nào chị muốn. Vụ việc làm chị cho Huy từ từ được không.

- Tôi không có nhiều thì giờ đâu Huy à. Tánh tôi hay áy náy nên phải đến đây hôm nay.

- Vậy thì đi ăn sáng với Huy, rồi tiện thể xin cho Huy một chân

rửa bát hay bồi bàn ở mấy tiệm Việt Nam trong vùng này luôn cũng được.

Cô dẫn hắn đến một tiệm ăn khá sáng sủa nhưng rất vắng khách. Hình như thiên hạ chỉ biết đến nhà hàng này như một vũ trường chỉ rộn ràng về đêm.

Hắn kéo ghế cho cô ngồi xuống, như một tình nhân trân trọng với một tình nhân. Hắn nói nhỏ nhẻ khi người bồi bàn mang tấm thực đơn đến:

- Chị "đi chợ" hộ Huy nhé.

- Đâu biết Huy thích gì mà gọi.

- Thích... chị... í lỡ mồm nói bậy, thích bất cứ cái gì chị gọi.

Bất ngờ mắt hắn nhìn sâu vào mắt cô đăm đắm:

- Chị hú hồn nhé. Trông mặt chị chưa gì đã tái mét. Để Huy nói thật cái này nghe. Hôm nay trông chị quyến rũ hơn hôm qua nhiều.

Cô lúng túng thấy rõ. Hình như cô thoáng hối hận mình đã lỡ mặc một chiếc áo màu tím bó sát người. Cô lại đánh mắt vẽ môi màu tím thứ màu sắc làm cô có vẻ lãng mạn, như hồn cô cũng cả một màu tím lịm:

- Tôi ăn ít lắm. Hay là mình gọi đại cái gì ăn chung cũng được. Có điều Huy nhanh chân lên nhé. Tôi ngồi đây lâu sợ không tiện.

Hắn đúng là một cậu bé khờ khạo, ngốc nghếch. Thảo nào cô Thủy nào đó không thể yêu hắn nổi:

- Tại sao... tại sao lại không tiện hả chị. Lâu lắm Huy mới được mời một người đàn bà đàng hoàng đẹp đẽ như chị đi ăn. Chị biết không.

Cô nhăn mặt và bắt đầu thấy "sờ sợ" hắn. Ở tuổi bốn mươi, trái tim cô vốn bọc áo giáp hơi kỹ. Cô sợ những cái nhìn đầy âm mưu hớp hồn kẻ đối diện. Cô sợ mình phải yêu một người nào đó và không được yêu lại. Cô sợ mình là nỗi đơn điệu lập lại nhàm chán. Cô sợ những phút giây yếu đuối của riêng mình...

Vậy, mà tình cờ cô bỗng gặp hắn, lại ngồi lơ ngơ với hắn trong một quán ăn vắng lặng như thế này. Hắn lại hát nho nhỏ một bài hát buồn muốn khóc: "kiếp nào có yêu nhau thì xin hẹn đến mai sau. Hoa xanh khi chưa nở. Tình xanh khi chưa lo sợ..." Cô nhận ra hắn đang cố tìm ở cô một chút dịu dàng ấm áp nào đó để nương tựa. Đời sống ở đây buồn quá, ở một nơi không ai muốn làm quen với ai...

Tự nhiên cô mỉm cười vu vơ. Cười và cũng chả biết tại sao mình cười:

- Vậy sao. Vậy ra tôi là một người đàn bà đàng hoàng. Huy có biết đi chơi với một người đàng hoàng quá, đời sẽ mất vui không?

Đến phiên hắn ngoác miệng ra cười:

- Đồng ý. Vậy chị có dám giả vờ không đàng hoàng một hôm xem đời tới đâu chăng.

"Có dám không", sao hắn lại cả gan thách thức cô. Có - dám - không là một nỗi rủ rê đầy khiêu khích. Chắc hắn thừa biết sự nhẹ dạ của những con đàn bà thường phát xuất từ tiếng kêu của loài thú hoang dại. Vẫn có những lúc cô nhận ra mọi sự trên trời này đều phi lý. Tại sao cô phải hoài hủy biến mình thành một cái máy đẻ, tại sao cô cứ lo lắng ba chuyện tiền bạc trên cuộc đời vốn dĩ phù du này, tại sao cô luôn luôn gồng mình hầu hạ bếp núc cho mọi người, tại sao cô không thể an nhiên lang thang dưới những cơn mưa tuyệt đẹp não nùng... Đến một lúc nào đó người ta sẽ già nua và càng bị mắc vào những trói buộc đến không thể nào được sống vô ưu, nhạy cảm như những ngày mới lớn.

Như bây giờ, đôi mắt hắn dẫu man dại dẫu đa tình cách mấy cũng không thể chạm được vào đời cô. Cô thì lúc nào cũng chỉ có thể thấy mình sắp chết và không thể chết được. Vậy là đột ngột cô la toáng lên:

- Không, người ta thường chỉ giả vờ làm kẻ đàng hoàng mà thôi.

Hắn chợt hốt hoảng theo cô:

- Huy chỉ hỏi đùa thôi mà, chị đừng giận Huy nhé. Cho Huy xin một ân huệ: chị không cần phải tỏ ra là cái gì gì hết trơn với Huy. Đàng hoàng hay không đàng hoàng chỉ là một cách nói và tùy theo định nghĩa của mỗi người.

Cái cung cách nói chuyện của hắn thật ngộ ; cô như vừa được hắn van xin vừa ngấm ngầm bị hắn ra lệnh và cuối cùng cơ hồ bị cuốn phăng đi không kịp trở tay. Chính cái cung cách này đã giúp hắn chinh phục bà chủ nhà hàng ba mươi giây đầu gặp mặt. Hắn được giao ngay một chân bồi bàn ngay và hát hỏng giúp vui hộp đêm khi chiều xuống. Khổ một điều hắn là một tên vô gia cư thứ thiệt nên cô phải đứng mũi chịu sào giùm hắn. Cô ghi đại cho bà chủ hắn số điện thoại và địa chỉ của cô, như thể hắn và cô vốn "thân thiết" tự bao giờ, hoặc ít ra hắn cũng đóng được vai là người thuê phòng sòng phẳng.

*

Một buổi tối, dễ chừng cũng hai tháng sau lần gặp hắn ; cô nằm trên giường nghĩ lẩn thẩn đến sự lập lại của ngày tháng. Hôm nay với hôm qua lại giống nhau và rồi ngày mai chắc cũng chẳng có chi khác.

Vẫn với những sáo mòn cũ càng của đời sống.

Đêm mướt như nhung. Những ngôi sao nhấp nháy như nhận ra sự có mặt phi lý của chúng trên nền trời thăm thẳm. Cô cũng không còn buồn thắc mắc sự hiện hữu vô tích sự của mình nơi đây: lý do cô có mặt ở chốn nhân gian bụi bặm này cũng đâu còn là một dấu hỏi mới mẻ, duyên dáng gì mà chính tại sao cô chưa bỏ đi mới là điều đáng đặt vấn đề. Cô có mặt và không có một sự lựa chọn khác ; một sáng một chiều hay một đêm không may nào đó ba mạ cô bỗng hứng tình nhau thế thôi.

Gió lạnh nhưng cô thèm mở tung hết mọi cửa sổ để được sống với cảm giác được thấy mình thốc lên, bay lên. Gió ngập ngụa trên những thân cây trần trụi. Chừng như cô nghe rõ từng tiếng trở mình rên xiết của những đốt xương cây mảnh dẻ. Đêm gợi gợi những mê cung của gió. Tiếng của hắn ở đầu dây kia nghe mơ hồ như đang ở một nơi xa xôi hẳn trái đất:

- Chị Kim, biết ai đang ở đâu gọi chị không.

- Ủa, Huy. Sao biết số "phone" của tôi mà gọi vậy hả.

Hắn cười phá lên, âm thanh rơi vỡ từng tín hiệu trao gởi:

- Gọi chị là được rồi, còn làm sao biết đâu có quan trọng. Huy còn biết nhiều về chị lắm mà chưa có dịp tuyên bố ra thôi. Kể ra chị cũng khá nổi tiếng đấy.

- Ok. Vậy thì gọi tôi có chuyện chi hay chỉ buồn buồn phá chơi?

Hắn đâm ra nghiêm nghị nhưng tiếng nói đã mười phần đậm đà, bớt pha giấm hơn:

- Buồn nhiều thì có, nhưng buồn buồn phá chơi thì không, tuyệt đối không ; nhất là với chị. Chị biết điều đó cơ mà.

- Huy này lộn xộn quá, có gì cần tôi cố vấn thì khai mau lên. Tôi đã nói với Huy rồi ; tôi bận lắm không thể tào lao thiên địa lâu được đâu.

- Huy biết rồi. Chị lúc nào cũng bận lắm... vô tâm lắm... ốc đảo lắm... mặc áo giáp kỹ lắm... Thì ra số "phone" và địa chỉ chị ghi cho nhà hàng hôm dẫn Huy xin việc mà chị cũng đâu ngờ Huy nhớ lẹ vậy phải không.

- Vậy sao. À còn công ăn việc làm, đã tu chỉnh đời mình kha khá chưa?

- Tưởng là như vậy mà không phải vậy. Đố chị đoán đúng Huy đang ở đâu gọi chị?

- Ở đâu là ở đâu?

- Huy đang chán đời. Hình như Huy đang trên đường tới nhà xác hoặc có thể Huy vừa trốn ra khỏi nghĩa địa để gọi chị đấy.

- Nói bậy. Lại định dở trò gì nữa đây.

- Huy nói thật. Khi không chẳng muốn sống nữa.

Đời có gì vui đâu mà bắt Huy sống phải không.

- Đừng nhảm nhí. Chết một mình như Huy bây giờ chắc cũng chẳng có chi vui đâu mà ham.

- Chị có thể gặp Huy lần cuối được không? Rồi Huy chết, chết nhắm mắt đàng hoàng và không bao giờ còn có dịp làm phiền chị nữa.

- Đừng cải lương nữa, Huy à. Ai cũng chán đời cả nhưng chẳng có ai dám chết đâu. Hãy ráng kiếm cho mình một lý do để sống đi chứ.

- Chị nói hay ghê nhưng thật tình là Huy không còn muốn nghe chị nói. Vậy mà chả biết sao lại đi gọi chị. Huy đâu muốn cà rỡn thêm một ngày nào nữa với đời sống. Thêm mệt.

- Đáng ra Huy không nên gọi tôi làm gì. Tôi thì giúp được gì cho Huy chứ. Khi một người hoàn toàn không còn thiết sống thì may ra chỉ có đời mới cản họ được.

- Chị nói đúng, nhưng Huy chỉ muốn được gặp chị một lần nữa rồi thôi.

- Cũng tàm tạm đúng thôi. Ít ra khi Huy cho tôi biết "ý đồ" ấy tức là Huy chưa hoàn toàn muốn đầu hàng cuộc đời. Có điều tôi chỉ cản Huy khi biết đó là một lời khuyên hữu hiệu.

- Thôi Huy cúp máy nhé. Chị đừng giết người không gươm dao chứ. Huy cũng không còn muốn gặp chị hay bất cứ ai nữa.

Tự nhiên cô nghĩ: "lỡ may hắn tự tử thật thì sao chứ. Không khéo mình lại mang tội thách thức hắn."

Cô càng bối rối hơn trong thoáng ý tưởng cô là chiếc phao duy nhất của hắn bây giờ:

- Dù sao Huy cũng lỡ gọi tôi rồi. Không gặp Huy cũng không được. Có điều Huy phải tự vặn lấy nút an toàn trong bộ óc xám xịt của mình lại. Nghĩ cho cùng không ai thương mình bằng chính mình đâu.

- Huy cám ơn chị. Khi không chị gặp Huy làm chi cho lãnh nợ.

*

Hang động của hắn là một không gian đầy gió và bóng tối. Gió đem hoang vu đến cho một mình hắn đi đi về về từng đêm trong những ngơ ngẩn của một tên không nhà đúng nghĩa.

Đó là một căn phòng ở tầng trên cùng của một ngôi nhà bỏ hoang đã cháy tự lúc nào không biết. Hắn trú ngụ ở đó tự bao giờ cô cũng không không được rõ, chỉ biết rằng khi vừa đụng phải căn

phòng của hắn, cô đã rùng mình vì vẻ ma quái nhưng quyến rủ đặc biệt của nó. Hắn bảo căn nhà này có ma, nên chủ nhân cũng không buồn xây lại những tàn tro đã bay. Hắn cần gì để ý đến mùi mốc xông lên từ đám tro tàn ấy. Chỉ có cô không dưng rót vào người cảm giác gợi gợi, buồn buồn như vừa đối diện với những thành quách kỷ niệm nào đó đã đổ. Những vết cháy đen đuốc, những tàn tro ẩm mốc, cơ hồ tích tụ hương hơi của những đôi mắt đã bỏ đi tự trăm năm.

Bây giờ chỉ còn cô và hắn. Cô ân hận mình đã nhận lời hắn đến đây. Tấm màn voan trắng phờ phạc trong một góc phòng no gió của hắn làm cô như bị trôi hút theo những mê cung kỳ dị nào đó. Cô nói như không thể cưỡng lại được:

- Ồ, tấm màn trắng trong màu đêm trông lại càng... trắng thêm. Đẹp, đẹp diễm ảo không thể nào ngờ nổi. Cũng vừa có vẻ ma quái như phim truyện Huy há. Thật ra trong đầu cô vừa mọc lên ý nghĩ dị hợm. Một căn phòng căng gió và một tấm màn mỏng mảnh màu trắng thốc tung lên từng hồi gợi hẳn những thơ mộng dục tình nơi người đàn bà biết mấy.

Hắn cười nửa miệng, vừa đẹp vừa đểu:

- Huy cũng chịu tấm màn trắng này lắm. Chủ nhân chắc cũng là một vị lãng mạn. May mà nó chưa bị cháy kể cũng lạ. Cả căn phòng nữa, nó chỉ cháy xém đi thôi và hình như nó có ý chờ Huy đến tá túc chăng.

- Màu trắng cộng với mùi ẩm mùi mốc làm cõi không gian của Huy... ghê ghê.

- Phải, làm Huy hệt như một kẻ vừa trốn ra từ nghĩa địa để gặp chị.

- Huy đừng hù tôi chứ. Tôi dạn gan lắm đấy.

- Chị không sợ Huy thật sao? Cái đèn "manson" này Huy lục lọi được trong nhà này thế mà tiện. Chị có thấy ấm lên chút nào không hay để Huy lấy thêm mấy cây đèn cầy cho vui.

- Vậy ra Huy cũng đâu hẳn đã muốn chấm dứt cuộc sống phải không.

Hắn cười rùng rợn trong thứ ánh sáng nhờ nhợ ma trơi:

- Huy chờ chị đến nên chưa chết đấy thôi.

- Cũng được, hay lắm. Coi bộ Huy đã hết cơn hứng sảng rồi. Vậy thì bây giờ tôi có quyền chấm dứt sự việc phải lo vẩn vơ cho một người hết sức vớ vẩn như Huy. Tôi về.

Hắn vụt nắm tay cô lại, bất thần lao người tới chụp lấy bàn tay cô lạnh lẽo:

- Không, chị không được đi đâu hết. Đến rồi thì phải ngồi lại đây

nghe Huy nói cho hết đã.

Hắn đẩy cô ngồi xuống trên cái "sleeping bag" gần đó, một cách khá êm ấm. Cô mơ hồ đọc thấy trên mặt kính của tủ đựng quần áo hàng chữ hắn hí hoáy: "Cuộc đời hãy cút xéo hết đi. Tôi yêu nàng". Cô cười thầm trong ý nghĩ hắn cũng có vẻ kỳ quái như mình. Trong hắn vừa toát ra những nét đam mê háo hức vừa mệt mỏi chán chường. cô cũng vừa yêu loài người vừa muốn được quyền phép thu nhỏ loài người lại trong một ống nghiệm cho đỡ đau đầu và buồn buồn chỉ thích vô rừng chơi với muôn thú thiên nhiên.

Hắn bỗng nhìn chầm chặp vào mặt cô rồi nói miên man về mình. Về những hoài bão tưởng chừng mới mẻ nhưng cơ hồ đã ấp ủ trong tâm tư hắn từ kiếp nào.

Thuở nhỏ hắn đã rất mê vẽ, hễ cầm bất cứ cái gì trong tay như cục gạch, viên phấn, cái que, cây viết... là hắn cũng đều nguệch ngoặc cho được mấy đường nét. Điều này một hôm đập vào mắt một nữ họa sĩ hàng xóm. Thế là không những cô ta chỉ bảo cho hắn một vài căn bản hội họa mà còn dạy thêm bài học vỡ lòng tình yêu. Từ đó, hình ảnh người nữ trong tranh của hắn luôn luôn mang bóng dáng của thứ tình yêu một chiều ấy. Dù sao đó cũng chỉ là câu chuyện của ngày xưa.

Những bức tranh của hắn bây giờ không còn những dấu vết mềm mại ấy. Khi hắn hất tấm "drap" trắng gần bờ tường ra, cô như bị đẩy ngay xuống một vực thẳm tím bầm những máu me. Cô khóc. Trên những khung vải câm lặng là tiếng rên rỉ của một trái tim đau đớn, cùng với tiếng thét phẫn nộ của những con người sinh ra trong một đất nước chiến tranh. Tuy nhiên phải công nhận cô thích nhất là bức họa cầu vồng ; xuất hiện mơ màng trong một góc trời bồng bềnh. Kỹ thuật pha màu của người vẽ trên dáng dấp của người đàn bà tóc dài đang đứng ngẩn ngơ trên một dốc đồi làm nàng như cuốn hút trong bảy màu diễm ảo.

Chưa hết. Tài chơi ánh sáng của hắn khiến cô còn có cảm tưởng nhân vật nữ trong tranh nửa như lướt trôi theo cầu vồng trên lưng đồi, nửa như tan chìm xuống đáy vực của màu bóng tối dưới chân đồi. Đỉnh trời và vực thẳm. Mộng và thực. Thiên thần và ác quỷ. Tình yêu và nỗi chết. Hình như hắn đang vẽ giùm tâm trạng của cô chăng?

Hắn hỏi cô rất khẽ:

- Sao chị khóc?

Cô đáp lí nhí, cố tình nói khác đi những gợn sóng u uẩn trong lòng mình:

- Tranh Huy buồn quá. Những bức họa về chiến tranh ngập đầy

máu và nước mắt. Màu sắc của Huy mạnh mẽ, mãnh liệt quá làm lột tả hết thảy sự tàn bạo của nó. Huy biết không?

Hắn gật đầu:

- Thật ra Huy chỉ vấy vào khung vải những vũng tâm tư bệnh hoạn của mình. Những tảng màu đen đuốc xám xịt mà chị thấy chẳng qua cũng chỉ là những cảm xúc bất thường của Huy thôi.

- Thì vậy. Có điều tôi không ngờ Huy có vẻ nhạy cảm về màu sắc như thế.

Hắn chớp mắt lia lịa:

- Nếu chị thích, Huy tặng hết đống tranh này cho chị nhé ; mỗi tên gọi tùy chị đặt và ráng giữ kỹ giùm là Huy vui rồi. Biết đâu một ngày nào đó Huy chết đi, chắc Huy sẽ ra đi trước sinh nhật ba mươi bảy tuổi như ông Van Gogh chị ạ, lúc đó chị tha hồ giàu to vì đem những loạt tranh này ra bán đấu giá.

- Như ông Picasso với ba mươi hai bức tranh để lại cho Dora Maar đó hở?

- Vâng, cái bà người mẫu vừa chết năm ngoái. Dù sao Picasso cũng hạnh phúc hơn Huy là còn có một mối tình sâu đậm như thế để vẽ tặng.

- Tranh của Huy giao cho tôi sợ uổng phí mất. Chắc tôi đem ủ hết dưới "basement" chứ làm gì có tiền mà ký thác ở ngân hàng.

- Chị muốn làm gì cũng được. Huy khoái bức họa "Đêm Trắng" Huy mới vẻ này nhất. Chị thấy những tròng mắt dã hoang của nhân vật trong tranh như đâm suốt vào trời đêm phải không.

- Huy khéo tưởng tượng. Dù sao chị cũng phải công nhận tranh của Huy có vẻ chứa đựng khá nhiều chất thơ. Khổ đấy Huy à.

- Chị là nhà thơ nên tự ý phô diễn ra đó nhé.

Thật ra thuở đó, những ngày mới lớn, Huy vẫn ôm mộng một ngày nào đó tranh của mình sẽ được treo ở viện bão tàng này nọ.

- Loạt tranh miêu tả nỗi kinh hoàng, sự tàn khốc của cuộc chiến dám được quốc hội Mỹ chiếu cố lắm. Đặc biệt khi vẽ những đứa trẻ bụi đời lai Mỹ trên những vĩa hè Việt Nam, tôi thấy hình như Huy muốn rạch trên khung vải những vết đau nào đó của lòng mình.

- Vâng, chắc chị cũng biết xã hội mình vốn bạc đãi với thành phần con lai như thế nào rồi. Mẹ Huy bị cả gia đình dòng họ từ luôn đó chị.

- Bây giờ qua Mỹ rồi Huy đừng nghĩ như vậy nữa.

- Qua đây thì có nỗi chán ở đây chị ạ. Nhất là mình không tài nào ấm áp được.

Hắn vừa nói vừa nhìn vào cô như muốn áp chế một điều gì. Cô

đứng dậy, biết mình không thể là nỗi ấm áp của hắn. Một nỗi ấm áp quá sức chịu đựng của trái tim không còn khốc liệt của cô.

*

Vài ngày sau hắn đến. Cô đoán chắc hắn vờn qua vờn lại chùi bụi thật kỹ cái lề đường của nhà cô, trước khi bạo dạn bấm chuông. Bao giờ cô cũng là người phải nghe tiếng cầu cứu của hắn:

- Gì nữa đây Huy.

Hắn nói nhanh như một làn gió thoảng:

- Huy đến để từ biệt chị. Ngày mai Huy đi Calị rồi.

Cô vẫn không muốn mời hắn vào nhà. Lỡ hắn vác súng đến tự sát trong nhà cô thì nguy to. Chắc hắn muốn tự sát để sau này dễ nổi tiếng như Van Gogh. Cô thấy mình vô tội vạ. Cô là người thích cứu người, chứ không thích giết người. Cô không tin mình là cục nam châm bất ngờ hút lấy hắn. Hắn không thể đâm sầm vào đời cô một cách bất trật tự như thế.

Cô thấy tội nghiệp hắn:

- Ở Calị chắc chắn ấm áp hơn. Có gì nghe nói Thủy của Huy cũng ở đó cơ mà.

- Không phải vì Thủy. Người tình vẫn viễn chinh của mẹ Huy ở đó. Của không tội ông bố của Huy vẫn chưa quên giọt máu của mình, chị ạ. Ông ta có phòng mạch ngon lành ở Calị, cũng vừa góa vợ nên Huy tính ghé về thăm ổng một chuyến vậy thôi. Huy muốn gởi chị cái này làm "quỉ liệm."

- Một chồng tranh của Huy chưa đủ kỷ niệm sao?

- Có cuốn nhật ký nhỏ của Huy muốn đưa chị đọc chơi. Nghe chị khoái viết lách, Huy định tặng chị chút chất liệu thật. Có gì chị ráng viết vì ở một nơi nào đó... Huy sẽ được gặp chị qua những dòng viết.

Cô nhìn hắn. Thấy hắn mới đó đã trở thành một bức tượng im lìm bất động:

- Về Calị vui lắm. Rồi Huy sẽ hát hỏng nổi đình nổi đám cho coi.

Hắn nhún vai, bỗng giật thót vì một tiếng nói từ trong nhà vọng ra. Cô xoay người nói lớn vào:

- Được rồi, không sao đâu. Em vào ngay mà.

Hắn cúi đầu lí nhí:

- Thôi chị vào đi nhé. Chị không mời Huy vào thì nhớ cho Huy gởi lời thăm ông xã chị nhé. Hồi nãy lang thang qua đây nhìn vô bên trong nhà chị thấy đầy những đèn vàng ấm áp, Huy thèm ghê. Nghĩ



CAO XUÂN TỨ

Mãi

Có những dòng sông chưa hề hội tụ
Có những dòng đời mãi rẽ khúc quanh
Có những bứt đi vẫn còn rớt lại
Những dòng đời bám mãi một dòng sông

Có những con sên bám bờ thế kỷ
Lụi cụi mần tình trên những xác ma
Có những chiều đất va trời bật ngửa
Bụi hồng già gai nín thở đâm hoa

Có con mắt đui từ từ nhớ lại
Những bãi bồi tắc mãi một đường kênh
Có cặp môi cười ruồi trong bóng tối
Để bàn tay nguýt mãi một bàn chân

CAO XUÂN TỨ

mình đứng ngoài này mãi lạnh lắm.

- OK,, "good luck" nghe Huy. Ở trong đó mấy nhóc ồn ào lắm rồi. Chắc chị phải "bye" thôi.

- Có bận con cái cách mấy cũng đừng bỏ viết chị nhé. Thôi Huy đi.

Cô nói với theo:

- Vâng, dĩ nhiên tôi sẽ tiếp tục viết chứ...

Cô định thêm: "dù có khi chỉ là những bài viết dang dở Huy ạ" ; nhưng nghĩ sao cô chỉ mỉm cười đóng sầm cửa lại. Một cách vội vã, như bước chân của hắn trong bằn bặt đêm.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH



NGUYỄN HƯƠNG

Những biến cố rực rỡ



Dậy. Tôi có thể vùng dậy thật nhanh, nhúng đầu vô lu nước. Chỉ cần mở mắt. Những con lăn quăn sẽ lặn nhanh xuống đáy lu theo chiều dọc. Những con trùng chỉ đỏ sẽ lượn lờ theo chiều ngang. Nếu tôi không vùng dậy thật nhanh, tôi sẽ không bao giờ dậy nữa. Nắng sẽ xế mãi thế này. Chợ chiều sẽ nhóm mãi, không tan. Và tôi sẽ không làm bữa ăn chiều.

Nội nói thức mà như ngủ, không dậy được là bị mặt trời đè. Cha nói đó là ma đè. Nội hỏi: Ai biểu mày? Cha nói: Vú già.

Tôi đang nằm trong căn nhà không người. Trước hàng ba có hai cây bàng và một cây ngọc lan. Tối mưa, rắn rớt xuống hàng ba đồm độp. Nhà có ba dàn cửa sơn xanh. Ba gian trước ba gian sau với mười vuông cửa sổ. Trên gác chứa cái nôi cũ bằng mây sơn trắng, một bàn gỗ chạm với mặt đá mài, và mớ ghế lưng cao. Tất cả đều bị mối ăn từng đường ngoằn ngoèo thông vào nhau. Từ hồi hiệu thuốc tây đóng cửa, Nội mang số tồn kho về chất trên gác. Nhiều loại pommade mát lạnh với cách dùng: thoa ngày hai lần tối sáng vào vết xước trên da.

Trước khi ngủ trưa, tôi đã đi tắm trong nhà tắm có ba mươi tám ổ

cửa sổ hình chữ thập chạy quanh đầu tường. Tôi không nhớ chắc mình có trở gối chưa trước khi đi nằm. Trưa nắng rắn hay khoanh dưới gối.

Tôi có thể liệt kê các giống rắn trong vùng: rắn lục, mái gầm, hổ hành, tàm quạp, vân vân. Nhưng bây giờ thì tôi đang xách giỏ ra chợ.

Lê Tâm đang đứng trên đống dưa cao. Tôi đang ra chợ. Nó chờ tôi. Nó sẽ lăn xuống cho tôi một trái. Tôi sẽ chụp và sẽ không để như hôm đầu. Hôm đầu gặp Lê Tâm tôi không chụp. Trái dưa bể đôi, ruột đổ ra trộn vào đất, đỏ đen nhèm nhẹp. Nhưng hôm nay thì tôi sẽ chụp, cho vào giỏ, rồi đi thẳng. Đến góc tường, tôi sẽ đập quả dưa, bẻ đôi, đưa phân nửa cho Lê Tâm. Và tôi sẽ ụp mặt vào phân nửa còn lại.

Chỉ cần mở mắt, tôi sẽ thấy ruột dưa màu đỏ.

Gốc tường này là chỗ hôm đầu chúng tôi ụp mặt vào nhau. Lê Tâm đẩy tôi vào tường. Tôi đẩy nó vào tường. Và bây giờ thì chúng tôi phải gặp ngày một. Có khi còn chưa đủ. Mấy ngày đầu, chúng tôi không nói gì nhiều. Sau chúng tôi kể chuyện ông bà cha mẹ. Cũng không nhiều. Tôi nói mẹ tôi đi mất, không nhớ gì. Cha tôi đi trại cải tạo. Và Nội tôi thì ngồi yên trên ghế được một ngàn tám chục ngày, khô đi thành xương mà không chết. Tối xương Nội sáng lên màu lân tinh, nhàn nhạt.

Lê Tâm kể: Một Tháng Năm năm 1975, mẹ nó ra vuông sân sau nhà râm ran cảm ơn trời phật đã khiến đất nước hòa bình: Nhờ trời, thằng Tâm không phải vào Nam. Lê Tâm còn nhớ mẹ thắp nén hương. Khói cuộn nhẹ, bạt đi.

Lê Tâm nói: Đù, rồi Tâm cũng vào Nam. Họ nhà nó là dân mới. Họ trưng dụng đất nhà tôi. Nội nói đất nhà tôi đã ba đời, từ hồi Nội mở hiệu thuốc Catinat ở phố Chợ Cũ. Mẹ nói đất nhà tôi mênh mông. Đất nhà tôi đất cát. Họ tổ chức hợp tác xã trồng dưa. Năm nay được mùa, nắng to, dưa ngọt. Họ vượt chỉ tiêu, cho Lê Tâm mang ra chợ bán.

Bây giờ thì Lê tâm đang đứng đây, dựa tường, ăn dưa hấu với tôi. Nhưng năm sau thì nó sẽ bị bắt lính đi Campuchia.

Công việc của toán quân Lê Tâm chỉ là đào xương, sọ người, chất đống. Người chết thời Pol Pot, người chết vì bom Mỹ trong chiến dịch Arclight, vòng sáng. Tôi nghe ai kể và tưởng tượng hàng triệu quả đèn bóng, thả chồng chất dọc đường cong, đụng đất vở nát thành vòng sáng. Nhìn từ trên máy bay, ánh sáng nở như bông, lung linh trong đêm tối.

Hoặc giả phi công thả bom vào giữa ngọ? Thế biết vòng sáng họ có vẫn rực rỡ không?

Lê Tâm đào, chất, đào, chất. Sọ người chồng lên sọ người. Bọn nó chất hết đống này thì sang đống khác. Nó sẽ viết thư về cho tôi:

"Ban ngày bọn Tâm đào tối mắt. Chỉ còn thấy sọ người. Thằng Linh gánh từng gánh xuống trạch kỳ cọ. Ban đêm xương người sáng lên thành vòng sáng giữa ruộng đồng bỏ khô.

"Mìn nổ hằng ngày. Máu thịt văng tung tóe. Xương nát, mảnh trắng hơn xương cũ đào từ đất. Nhưng xương cũ lại sáng hơn. Cả cánh đồng lân tinh. Có khi trời mưa mấy ngày mấy đêm không dứt. Bùn vùi lấp xương mới quật. Mưa lòi ra xương thịt mới chôn.

"Đù, thằng Linh tối ngủ hay nằm xán vào Tâm. Tâm ôm lưng nó. Hai thằng ngủ cong như tôm."

Chỉ cần mở mắt ra tôi sẽ thấy nắng xế xuyên qua ba dàn cửa hình chữ nhật, mười vuông cửa sổ, và ba mươi tám ổ chữ thập. Tôi sẽ thấy mình nằm ngửa, dạng tay dạng chân trên bộ ván có trãi chiếu. Tôi nghe hơi nóng mặt trời chạy từ đầu ngón tay, quận trên người, xuống đầu ngón chân và trở lại. Tôi nghĩ mình nên bỏ thói nằm gối là hơn. Mẹ nói rắn hổ hành đi rồi vẫn để lại mùi hành ta.

Căn nhà không còn đồ đạc gì ngoài bộ ván của tôi và cái ghế lưng cao của Nội. Tôi đã bán đi từng món một, lấy tiền đi chợ chiều mua cá mỗi ngày về làm một bữa ăn. Lê Tâm và tôi vẫn ăn với nhau bữa chiều trên bộ ván. Xong chúng tôi trãi chiếu lên nằm.

Cả đêm, chúng tôi nằm ngủ như thế, cong như tôm, tôi ôm lưng nó. Thân thể chúng tôi cùng kích thước khi đè lên nhau, giữa mùi cá khắng sâu xuống thớ gỗ, tanh tanh, như mùi kim loại.

Cả ngày, chúng tôi mang theo mình cùng mùi kim loại. Lê Tâm đi gánh dưa, chất dưa thành đống, hết đống này sang đống khác. Và tôi lui cui trên gác chắc mót những lọ thuốc viên, những ống thuốc nước, những túp pommade vừa quá hạn không lâu. Buổi sáng người ta đến tìm thuốc nhức đầu, rắn cắn, sốt rét, vết đứt vết trầy. Có người mua có người xin. Tôi không biết gì nhiều, đọc lỏm bỏm toa thuốc đi kèm. Nội vẫn ngồi yên trên ghế, ngày thứ bảy trăm bảy mươi bảy, bảy trăm bảy mươi tám, vân vân, khô đi thành xương mà không chết. Những tên thuốc, liều lượng, cách bào chế trị liệu, khô đi thành xương mà không chết.

Nếu tôi không dậy, nắng sẽ xế mãi, tôi sẽ không làm bữa ăn chiều, và Lê Tâm sẽ không đến. Tại sao Lê Tâm lại không đến? Chúng tôi phải gặp nhau ngày bữa kia mà. Lê Tâm không đến vì nó bị bắt lính sang Campuchia. Nó sẽ viết thư về cho tôi như thế này:

"Đù, thằng Linh tối ngủ cứ nằm xán vào Tâm."

Tôi nói nhỏ vào tai Nội là tôi sắp bán nhà của Nội và tất cả những gì trong nhà: cái nôi sơn trắng, bàn ghế mối đùn, bộ ván mùi kim loại, cái ghế và bộ xương khô của Nội sáng màu lân tinh. Đợi trời

tối, tôi sẽ lẻn ngỏ sau, trút hết mớ thuốc quá hạn xuống ao. Chúng sẽ nổi lềnh bềnh, sáng lên màu lân tinh.

Tiền bán nhà tôi sẽ mua một chiếc ghe, đủ để vòng biển sang Campuchia. Tôi sẽ tìm Lê Tâm. Thân thể chúng tôi cùng tầm kích và chúng tôi phải gặp nhau ngày bữa.

Tôi đặt tên ghe là Catinat. Những người thường ngày đến mua thuốc gạ theo tôi vượt biên. Họ trả tôi mỗi đầu hai cây vàng.

Tôi lót tám mươi cây vàng dưới đáy ghe. Chúng lấp lánh, tanh tanh mùi kim loại. Tôi lắp gỗ lên trên, ngồi nghe tiếng nước vỗ nhẹ vào mạn thuyền. Mẹ nói đi biển phải biết phương hướng. Mẹ dạy tôi lái ghe, mẹ dạy tôi chống thúng. Mẹ bảo đừng sợ, người ta không chết trên biển mà chết trên đất liền, trói thúc khủy, máu thấm xuống cát. Chúng tôi chạy ghe sang cù lao hàng tuần. Không làm gì. Chỉ đến rồi quay về. Chỉ tôi với mẹ. Mẹ biểu đừng nói ai. Mẹ treo ngọn đèn măng-xông ở mũi ghe. Đêm chòng chành, mênh mang tối.

Nhưng Nội biết. Hôm tôi với mẹ về nửa khuya, Nội ngồi trên ghế ngoài hàng ba nói trong bóng tối: Muốn thoát phải đi cho tới. Nội nói ngày xưa Nội vượt biển trên tàu Catinat đi học thuốc. Mẹ nói ngày xưa chiến thuyền ngoài cửa biển Đà Nẳng cũng tên Catinat. Nội nói mọi tàu chiến đều tên Catinat và mọi tàu vượt biển đều tên Catinat. Mẹ hỏi Nội đi tới chưa. Tôi nhích vào mẹ. Rắn buông mình xuống hàng ba đồm độp.

Chúng tôi hơn bốn mươi người trên chiếc Catinat đi dọc bờ biển, vòng sang Campuchia. Sang ngày thứ hai, thằng con trai tuổi nghĩa vụ nắm tóc tôi. Nó hỏi: Mày đi đâu? Tôi nói đi vượt biên. Nó hỏi: Mày để vàng đâu? Tôi nói: Mày vô làm tài công, muốn lái tới đâu thì lái.

Sang đêm thứ ba tôi neo thuyền ngoài xa, lội vào đất liền đi tìm Lê Tâm. Chúng tôi sẽ vượt biển trên chiếc Catinat đáy lót bằng vàng. Thân thể chúng tôi giống nhau khi đè lên nhau, đè lên tám mươi cây vàng, tanh mùi kim loại.

Tôi đội mưa, lội bùn qua những cánh đồng tối thui. Tôi không thấy bóng đèn vỡ ra thành vòng sáng. Tôi không thấy những bãi đào sáng lên màu lân tinh. Tôi mất phương hướng.

Tôi thấy Lê Tâm ngồi quạt lửa nấu cơm. Tôi gọi Lê Tâm, Lê Tâm. Nó đứng dậy nhìn tôi. Tôi nghĩ đó là Lê Tâm. Nó cao lớn, bắp thịt rắn lại vì đào đất. Thân thể chúng tôi không cùng tầm kích. Đã lâu lắm rồi chúng tôi không gặp nhau ngày bữa, không ăn cá trên bộ ván. Hơi thở Lê Tâm mùi xương mục.

Tôi nằm ngủ giữa cánh đồng nắng xế. Rồi tôi sẽ phải dậy, lội ra chiếc Catinat và chúng tôi sẽ vượt biển.

Nếu tôi không dậy, nắng sẽ xế mãi thế này. Nắng xế trong nhà Nội, rọi qua ba dàn cửa sơn xanh, mười vuông cửa sổ, ba mươi tám ổ chữ thập trên đầu tường. Nắng xế trên đồng không Campuchia, có hay không có Lê Tâm với thân thể cùng kích thước, cùng mùi kim loại. Nắng xế trên biển, quanh chiếc Catinat. Và tôi sẽ không làm bữa cơm chiều.

Thằng tuổi nghĩa vụ kéo tôi lên ghe. Nó hỏi: Có tìm thấy không? Tôi nói: Không, nhổ neo bây giờ.

Sang ngày thứ năm, người trên ghe nhốn nháo la: Cướp, kia kìa. Tôi xả máy. Không ai bắp kịp mẹ trên biển. Mẹ chạy ra xa, vòng sau cù lao, mất dấu. Mẹ không nhớ gì. Không ai giữ được mẹ. Kể cả cha. Cha nói mẹ đừng ra cù lao nữa, để con Tâm ở nhà đi học. Cha mua cho mẹ rổ cà-na, trái nhọn hai đầu, màu vàng nhạt. Mẹ ngâm muối cà-na, đổ ra phơi trên bễ nước sau hè. Nắng vàng chóa. Tôi với mẹ lên ghe chạy ra xa, vòng sau cù lao, mất dấu.

Người trên ghe vui vẻ cho tôi ăn với họ. Cơm sấy cá khô. Mùi mặn. Thằng tuổi nghĩa vụ nói: Mày giỏi đó, nhưng bây giờ phải kiếm tàu lớn. Không thì bỏ mẹ.

Chúng tôi thả trôi trên biển. Ghe chòng chành. Mênh mông nước. Chúng tôi hết dầu. Chúng tôi sẽ hết nước hết đồ ăn. Chúng tôi sẽ trôi mãi trên chiếc Catinat. Chúng tôi sẽ chóa mắt, môi khô đi dính vào nhau, da mỏng lại, trong suốt. Chúng tôi sẽ chết khô đi mà không rữa. Tôi thấy tôi nằm ngủ trưa trên chiếc ghe chòng chành đầy xác chết, đầy vàng, tanh mùi kim loại. Tôi sẽ không dậy. Nắng sẽ nung, sẽ đốt, sẽ xế mãi trên biển.

Đến ngày thứ bao nhiêu đó thì thằng tuổi nghĩa vụ sẽ reo lên: Tàu chở hàng treo cờ Đan Mạch, bà con. Tôi nghĩ không biết thế giới có bao nhiêu màu cờ. Làm sao nhận ra cho đúng. Lỡ đó không phải tàu Đan Mạch? Tôi nhớ chú Thức hôm đầu giữa ngọ đi treo cờ Giải Phóng. Năm đó chú hay đến tìm cha giải thích chánh sách mới. Cha vào trại (trại hè? trại lính? trại tập trung?), chú đến tìm mẹ. Mẹ đem cà-na muối ra mời chú. Chú vừa uống nước vừa nói chiếc ghe của mẹ nên đóng góp cho hợp tác xã Xóm Lưới để biểu lộ tinh thần yêu nước của gia đình ta. Một năm sau người ta treo cờ đỏ. Chú đến tìm Nội. Nội chỉ ngồi im trên ghế. Tôi bảo: Nội cho chú tiền và gạo. Chú không lấy. Tôi bảo: Nội nói không ai cần chú nữa. Chú tần ngần trước hàng ba vài phút rồi quay đi.

Chúng tôi sẽ leo thang dây lên tàu Đan Mạch. Chiếc ghe đáy lót vàng sẽ trôi đi. Chúng tôi sẽ nhìn theo xác mình khô đi mà không rữa. Chúng tôi sẽ đi chân trần trên boong tàu cao vọi. Nắng xế thốc vào mí

mắt. Họ sẽ phát cho chúng tôi bánh mì và sữa. Chúng tôi không đói không khát. Hơi thở của chúng tôi mùi xương mục. Hơi thở họ mùi bạc hà. Chúng tôi sẽ không nói được gì vì da môi chúng tôi khô dính vào nhau và chân chúng tôi không mang dày dép.

Chỉ cần mở mắt ra đi là tôi sẽ nói được. Môi tôi sẽ hết khô dính vào nhau. Tôi sẽ phát âm nhiều tiếng nghe rực rỡ. "Lê Tâm" chẳng hạn. Hay "hiện đại," và "cách mạnh." Hoặc giả "Arclight" và con số phi vụ thả 257.465 tấn bom xuống Campuchia từ tháng Hai đến tháng Bảy năm 1973.

Tôi sẽ kêu "Lê Tâm," và sẽ bắt đầu quên.

Nếu mở mắt, tôi sẽ thấy nắng xế xuyên qua hai cửa trước sau có lưới chắn ruồi và năm cửa sổ lắp kiến. Ba đứa con tôi sẽ chạy xuyên từ cửa sau ra cửa trước mỗi bốn phút. Chồng tôi sẽ tóm bọn chúng lại và nói để yên mẹ ngủ. Tôi sẽ cười với chồng và nói em phải dậy đi chợ mua cá về làm bữa ăn chiều. Tôi đi dọc đường xe lửa. Bụi dậy lên giữa trưa. Ba đứa con tôi chạy theo sau, thêm ba đám bụi. Ở supermarket, cô tính tiền phát âm chậm rãi từng con số: số trọng lượng, số hộp, số chai, số đô la, số xu. Tôi đã bỏ lại chiếc ghe dát vàng, nhưng tôi vẫn là thuyền nhân. Không có gì bảo đảm tôi sẽ hiểu điều cô nói trên đất liền.

Nhưng ba đứa con tôi hiểu hết những điều cô nói. Chúng sẽ hiểu hết thế kỷ hai mươi, hết lục địa, hết đại dương, hết sự liên đới giữa độ sáng của bom và độ sáng của lân tinh. Chúng sẽ kẻ đường tên trên bản đồ thế giới để chỉ hướng di dân, từ vùng này sang vùng khác, từ lục địa này sang lục địa khác, từ thập kỷ này sang thập kỷ khác. Chúng sẽ chú thích bằng màu những ngôn ngữ không ai quên nổi.

Hoặc giả cũng không cần. Con tôi chẳng cần hiểu gì cả. Chúng chạy đằng trước, khệ nệ bưng mỗi đứa một bao đồ chợ. Tiếng chúng cười vẳng lại. Dọc đường xe lửa.

Và tôi thật ra cũng không cần ngủ trưa, dù chỉ trưa chủ nhật. Cứ dậy đi, tôi sẽ thấy nắng xế trên ba dàn cửa sơn xanh. Cứ dậy đi, tôi sẽ thấy nắng xế trên cánh đồng của Lê Tâm. Cứ dậy đi, tôi sẽ, vẫn, là thuyền nhân. Nắng sẽ xế mãi trên biển, quanh chiếc Catinat.

Tôi có thể làm thuyền nhân mãi vì tôi không cần đi tới cả chỗ supermarket dọc đường xe lửa. Có thể tôi sẽ nằm đè lên thằng quá-tuổi-nghĩa-vụ và sanh con đẻ cái trên chiếc Catinat. Đầu con tôi ướt

nhèm nhẹp, từng đứa, sẽ bật ra sau những đợt nở xương thất bụng. Tôi và bầy con sẽ đi qua Kinh đào Panama, Kinh đào Suez.

Chúng tôi không cần tới. Chúng tôi làm thuyền nhân mãi, hơn bốn mươi người trên chiếc Catinat. Chúng tôi cứ trôi, trong dư quang của những biến cố rực rỡ. Chúng tôi sẽ sinh sản, chúng tôi sẽ chết đi. Năm này sang năm khác, số con nít và số xác chết trên ghe càng đông. Số người già càng ít.

Mỗi ngày chúng tôi cãi nhau đỏ mặt về màu sắc, làm thế nào để phân định màu cờ. Tôi mong mọi người không nhầm lẫn như chú Thức. Cờ của chú chỉ thừa một màu xanh chánh ngọ. Mỗi ngày, hai nhà lãnh tụ ngồi hục hặc chia nhau số ghế trong nội các lưu vong. Mỗi ngày, một nhà thi sĩ ngồi chép tay bài thơ Xanh. Bao nhiêu thi sĩ, bấy nhiêu bản sao. Xanh màu nhớ. Xanh màu căm hờn. Xanh màu hy vọng. Vâng vâng. Nắng cứ xế thế này.

Tôi và bầy con sẽ ngồi giữa số xác người càng lúc càng nhiều, khô đi mà không rữa. Chúng tôi đi qua Kinh đào Panama, Kinh đào Suez. Chúng tôi đi ngang vịnh Cochin và khí hậu bắt đầu quen thuộc. Tôi chỉ cho bầy con tôi thấy ông cố nội của chúng đang đứng trên bờ vẫy khăn mùi-xoa trắng. Paul-Michel Bernard với năm trăm năm hải lý kiếm tìm thuộc địa. Nội thì khăng khăng Phan thị Phụng Hảo đã không đợi Paul-Michel từ năm trăm năm và mối tình của bà năm mươi chín tuổi là một cuộc phục kích không sòng phẳng. Vậy mà Nội vẫn ngâm nga: Tàu Catinat thuốc Catinat/Paul-Michel/Paul-Michel Bernard. Tôi biết vì tôi áp tai lên môi Nội, lâu sau khi Nội thấy những tia mỏng màu vàng cam dưới đáy mắt Paul-Michel xanh lơ trong suốt, lúc Nội đang khô đi thành xương mà không chết.

Paul-Michel vẫy vẫy khăn mùi-xoa trắng trước khi bầy con tôi trôi hút vào thế kỷ của chúng. Chừng đó xác chết trên ghe sẽ rữa hết còn xương. Tôi sẽ gọi: Lê Tâm. Nắng sẽ không xế mãi. Vào đêm, tám mươi cây vàng và hơn bốn mươi bộ xương sẽ sáng lên màu lân tinh, tanh mùi kim loại.

NGUYỄN HƯƠNG



NGNGDUNG

Bắt đầu hôm qua,
Bắt đầu hôm nay,

em đã bắt đầu yêu anh rồi đó
mỗi ngày mỗi giờ
em đi ra đi vào
nhấp nha nhấp nhổm,
mỗi giờ mỗi phút
em đứng lên ngồi xuống
thấp tha thấp thỏm,
lúc nào cũng loanh quanh luẩn quẩn với cái computer
cứ khoảng nửa giờ
em bật máy tắt máy
sign in sign out
log on log off
không biết đến bao nhiêu lần

em đã bắt đầu yêu anh rồi đó
khi phải rời nhà
trong lúc tô son hồng
vẽ đậm đôi mắt phượng
(anh đã từng khen
hết sức lóng lánh thông minh)
em cũng nhất định bấm nút
vào America OnLine một phút,
may ra đâu đó
biết đâu, biết đâu được
trên hộp sơn xanh
có cánh thư vàng bật ra
(như trái tim em bừng lên rộn rã
ôm choàng lấy tình yêu anh vừa nở)
với giọng báo tin vồn vã
"you've got mail"

mà em đã cố tình
bật volume thật nhỏ
chỉ vừa đủ em nghe

hạnh phúc khi nhận thư anh
không thể chung đụng với bất cứ thứ gì khác trong đời
cho dẫu đó là
mưa sớm bụi hoa
nguyệt thắm sen vàng
mây chiều liễu biếc

em đã bắt đầu yêu anh rồi đó
mỗi ngày lái xe đến sở làm
em hay mủm mỉm cười
nhớ lại những mẫu đối thoại
trên phím chữ của hai ta
âu yếm nũng nịu
bới móc xỏ xiên
ghen tuông hờn lẫy
du côn du kề
dao găm lựu đạn
ba que xỏ lá
đá cá lăn dưa
trèo me trèo sấu
hai đứa mình nếu song kiếm hợp bích
thì nghiêng trời lệch đất
em với anh mà phối hợp âm dương
thì đá lở núi tan.

em đã bắt đầu yêu anh rồi đó
ngày hôm nọ
trong tiệm sách
khi nhìn thấy nét chữ anh
mạnh mẽ vũ lộng
như đôi cánh chim bằng
chim bằng vạn dặm
lao vút vào đời sống em.

NGNGDUNG



NGÔ THẾ VINH

Nụ cười khmer và hoàng hôn trên sông mekong

Gửi nhóm bạn Cửu Long



Là mạch sống, con sông Danube Á châu ấy không chỉ có thắm đỏ phù sa mà còn đẫm máu người ta nữa

Khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu tiểu thuyết

Sắp tới phi trường quốc tế Pochentong,theo trạm không lưu vì lý do kỹ thuật phi công chưa được phép đáp. Chiếc máy bay lại nghiêng cánh đảo một vòng lớn, bay qua *Biển Hồ* _ với bao nhiêu hình ảnh ví von khi thì giống như một *thùng đàn vĩ cầm* khi thì giống như *túi diều khổng lồ của loài nhai lại* với con sông Tonlé Sap đổi dòng qua hai mùa khô lũ nhưng bây giờ thì cái biển hồ nước ngọt lớn nhất châu Á ấy hiện ra nguyên hình là *con số 8 _ chiếc còng* cùm chân giam hãm hơn một nửa triệu người Việt từ bao năm sống yên trên vựa cá và lúa ấy.

Qua ô kính loáng loáng ánh nắng, con sông Mekong trải ra như một dải lụa đào, cả *Quatre Bras* _ tiếng Miên gọi là *Chamean Mon* _ nơi tụ lại của 4 dòng sông cũng hiện ra rồi mau chóng biến mất để chỉ còn lại cái nhìn mắt chim của một thủ đô Nam Vang với những đỉnh chùa tháp và điện đài hoàng cung như trên tấm *carte postale* trước khi

máy bay đáp xuống một phi đạo trống trải.

Cánh cửa máy bay vừa mở ra là bước vào một thế giới hoàn toàn khác. Một phi trường Nam Vang vắng lặng và xám ngắt. Chỉ có nghi thức ngoại giao tối thiểu. Vài lời chào đón và bắt tay xã giao, một phút đứng chụp hình bên những nụ cười *Khmer lạnh lẽo.* Chỉ thấy chông gai mênh mông ở phía trước.

Cùng với đám nhà báo, ông Khắc theo chân phái đoàn Ngoại Giao cao cấp từ Sài Gòn sang Nam Vang để bàn về việc tái lập mối quan hệ bang giao bị gián đoạn từ 63 thời Sihanouk, đồng thời cũng để công khai lên tiếng yêu cầu chính phủ Cambốt *"phải bảo vệ sinh mạng và tài sản"* cho thiểu số Việt Kiều đang bị khủng bố trên đất Miên.

Vẫn những tháng năm soi bóng bên dòng sông Mekong, con sông lịch sử, con sông thời gian và cũng là con sông cuối cùng ấy, trong khoảng hơn 300 năm, lịch sử bang giao Việt Miên là một tích lũy thù hận, luôn luôn là những bước thăng trầm, đầy bạo động và những thảm kịch tái diễn. Những người Việt di dân, từng đợt khác nhau tới Miên, sống quần tụ hay rải rác thì thảm họa *cáp duồn* vẫn luôn luôn là *lưỡi gươm Damoclès* treo trên đầu trên cổ họ.

Không kể những vụ chém giết thanh toán lẻ tẻ thì rất sớm từ đầu thế kỷ 18 _ theo ký giả Lê Hương, những đợt *cáp duồn* người Việt đều được ghi lại trong Niên giám Hoàng gia Miên.

1730_ Một nhóm Miên ở vùng Banam gần Lào nổi dậy tàn sát tất cả người Việt khiến chúa Nguyễn phải gửi quân sang giải cứu.

1769_ Nhóm Miên khác từ đất liền đi thuyền ra đánh cướp đảo Thổ Châu /Hòn Đất , phá nhà của giám mục Bá Đa Lộc, lùng giết các con chiên và chủng sinh người Việt.

1778_ Toán người Miên khác tràn qua biên giới sang Hà Tiên phá nhà thờ Pinha-Leu hãm hiếp các bà phước và giết chủng sinh người Việt.

1818_ Nhóm người Miên cuồng tín trong tỉnh Baphom nổi dậy tàn sát người Việt. Vua Miên lúc đó là *Ang Nom II* cũng rất thù ghét người Việt và có dự định giết tất cả Việt kiều sống trên lãnh thổ Miên.

1834_ Tướng *Trương Minh Giảng* đổi tên đất Miên là Trấn Tây Thành, bảo hộ với hai bàn tay sắt, độc tài chuyên quyết càng gây thêm nỗi thù oán, khiến vua Miên phải cầu cứu quân Xiêm La và Việt Nam phải rút về sau đó.

1863_ Pháp bảo hộ Đông Dương với chính sách chia để trị gây thêm mâu thuẫn Việt Miên.

1945_ *Cáp duồn* không chỉ xảy ra ở lãnh thổ Miên như ở Preyveng, Takeo, Svayrieng... mà còn lan rộng sang các tỉnh miền Tây đồng bằng sông Cửu Long như Trà Vinh, Sóc Trăng, Châu Đốc dọc theo bờ sông Tiền. Những người Miên họ kéo theo từng đoàn với dao phảng và gậy gộc đi vào các ấp xa xôi tìm cho được người Việt để giết rồi cướp của đốt nhà. Người sống sót chạy thoát thì chỉ còn 2 bàn tay trắng.

1970_ Lon Nol liên kết với Sirik Matak theo Mỹ đảo chánh Sihanouk. Khác với Sirik Matak dòng vương tôn, Lon Nol xuất thân giới bình dân không nhiều tài năng nhưng lại đầy tham vọng, leo lên đỉnh quyền lực qua ngả binh nghiệp và những năm tháng trung thành với ông hoàng Sihanouk trước khi trở mặt phản trắc.

Tự nhận là người Khmer thuần chủng _ *pure Khmer*, rất hãnh diện về nước da đặc biệt ngăm đen khác hẳn với bọn Việt, Lon Nol rất thích được lính tráng thuộc cấp gọi là *"Bố Đen"* và không dấu tham vọng qua việc trưng dụng một tòa lâu đài cũ từ thời bảo hộ Pháp _ thời kỳ mà Francis Garnier cách đây hơn 100 năm thì muốn gọi đó là *sứ mệnh khai hóa /mission civilisatrice* của nước Pháp đối với Đông Dương _ để sáng lập ra *Học Viện Khmer-Môn* nhằm phục sinh nền văn minh Angkor Khmer một thời huy hoàng nhưng lại mang đầy thương tích vì *bọn Thmils _ ngoại bang phản bội.*

Tự đưa ra *huyền thoại về con cá sấu trắng* _ vật thần thoại của dân tộc Khmer, xuất hiện trên khúc sông Mekong gần Nam Vang, lại được thêm phó tổng thống Mỹ Spiro Agnew tặng cho một *con voi trắng* biểu tượng cho vật linh, Lon Nol tự cho là được Trời Phật giao sứ mạng lãnh đạo nước Cambốt, thay vì hướng về tương lai, Lon Nol bám vào quá khứ, trở về với những đền đài, tìm lại những sấm ký viết trên lá thốt nốt để đánh thức thần thánh phải trở dậy. Với ảo tưởng ngông cuồng về sự vĩ đại ấy _ mà một nhà báo Pháp gọi đó là *"mégalomanie _folie des grandeurs"* _ để làm lại lịch sử, chánh quyền mới Nam Vang chỉ có khí giới võ trang là *tinh thần bài ngoại* thể hiện bằng *cuộc thánh chiến chống Việt Nam.*

Chưa đầy một tháng sau khi nắm hết quyền bính, đầu tháng 4, 1970 Lon Nol ra lệnh cho quân đội khẩn trương lập các trại tập trung trên toàn quốc để giam giữ tất cả ngườiViệt.

Nam Vang như đang lên cơn sốt không phải vì thủ đô ngày càng bị cô lập vây hãm do tình hình chiến sự trên khắp chiến trường Đông

Dương ngày càng tồi tệ, mà là do chiến dịch công khai "bài Việt" mới được phát động.

Điều nghịch lý là trong khi Cambốt ngày càng phụ thuộc vào quân đội miền Nam Việt Nam _ cả việc phải gửi các tân sĩ quan sang huấn luyện ở Việt Nam, như từ bao giờ, *không sao có hòa khí giữa những đồng minh bất đắc dĩ ấy*. Họ đem từ Việt Nam về những câu chuyện tồi tệ về kỳ thị _ *thật hay không thật*, nhưng chỉ tăng thêm sự giận dữ của chánh quyền Nam Vang, cộng thêm với các bài báo nói về những đám lính Việt _ *cộng sản hay không,* thì vẫn hành xử như đoàn quân viễn chinh không kể gì tới cảm xúc của người dân Miên khi mà họ vẫn chưa quên được *nỗi chua chát đắng cay* trong quá khứ.

Trước đó từ Sài Gòn, nơi văn phòng hãng thông tấn AFP, ông Khắc đã được thấy trên trang nhất các báo phát hành ở Nam Vang kể cả tờ *Le Courier Phnompenois* luôn luôn cho chạy các *khẩu hiệu bài Việt* rất quá khích:

"Việt Cộng là kẻ thù và Người Việt là kẻ thù truyền kiếp của nhân dân Cambốt".

Đó cũng là chủ đề được tận tình khai thác dòng dã trên đài phát thanh Nam Vang bắt nghe được từ Sài Gòn. Người ta đang cố tình xóa nhòa ranh giới phân biệt giữa Việt Cộng và những Việt kiều hiền lành đang sống an phận ở Cambốt.

Cao điểm của phong trào bài Việt phải kể là từ khi có cuộc *meeting* khổng lồ tại *Olympic Stadium* ngay giữa thủ đô Nam Vang. Giữa tiếng nhạc hùng xông trận và cả những tiếng phèng la chói chang là luân phiên các bài diễn văn xách động nhắc lại những trang sử đấu tranh sống còn của dân tộc Khmer chống lại các cuộc xâm lăng chiếm đất và đô hộ hà khắc của *bọn rợ Bắc* hay *Yuon* tức là người Việt _ điều đáng lưu ý là Thái Lan không hề bị đả động tới. Và tựu chung tất cả cùng đi tới kết luận là *bao nhiêu tang thương bất ổn của đất nước Cambốt hiện nay đều do bọn Việt kiều gây ra cả* - thời bình thì gian thương bóc lột trong thời chiến thì là hang ổ bao che cho Việt Cộng xâm nhập vào đất Miên.

Tiếp theo câu hỏi phải làm gì để *cứu đất nước Cambốt và bảo tồn nền văn minh Angkor Khmer một thời huy hoàng*. Câu trả lời muôn người như một là *"giết! giết !"* phải truy lùng thanh toán hết bọn *Yuon* tức người Việt.

Cuộc biểu tình rầm rộ diễn ra sau đó được mệnh danh là cuộc

"Diễn Hành Toàn Quốc Đồng Tâm" với tham dự của tướng Lon Nol, hoàng thân Sirik Matak, Long Boret và toàn thể nội các. Cả một rừng người bừng bừng khí thế, ít súng đạn nhưng lại dư thừa giáo mác dao búa xiên và gậy gộc và cả hừng hực lửa căm thù.

Và cái gì phải đến đã đến. Ngay giữa thủ đô Nam Vang đồng loạt xuất hiện trên các bức tường là những *khẩu hiệu bài Việt* không chỉ bằng tiếng Miên mà còn có cả tiếng Pháp tiếng Anh. Họ muốn công khai với thế giới. *We must kill all Viets in Cambodia.* Và cả những bích chương vẽ *hình các quan lại triều đình Việt Nam xưa* mặt dữ dằn tay ôm cô gái Miên và hai chân đạp lên trên những chồng đầu lâu của người Cambốt. *The worst is over _ Điều tệ hại nhất đã qua rồi.* Trên khắp đường phố họ nói với nhau như thế.

Bước vào hành động, khởi đầu là *kế hoạch khai quang cho Nam Vang*. Trước sự chứng kiến của các nhà báo Tây phương, cảnh sát và các toán lính Miên nhiều tên mới được tuyển mộ qua đêm còn trẻ măng, trang bị thì không giống ai, súng AK chế tạo ở Trung Quốc bên cạnh khẩu M16 của Mỹ cả những cây súng carbine cũ từ thời Pháp; nhưng họ giống nhau ở chỗ *cổ người nào cũng đeo bùa và cả tượng Phật* _ như bộ áo giáp vô hình thiêng liêng bảo vệ họ trước làn tên mũi đạn.

Lon Nol đang xây dựng *một đạo quân* thay vì phải qua đoạn đường chiến binh đổ mồ hôi nơi quân trường thì lại *tin vào sức mạnh siêu nhiên phù thủy*. Niềm tin bán khai ấy đem rao giảng đã lôi kéo rất nhiều nông dân kể cả những người Việt gốc Miên *Khmer Krom* từ Việt Nam ồ ạt trở về.

Và **cuộc thánh chiến** bắt đầu bằng mặt trận Tonlé Sap, thắng lợi chắc chắn nhưng yên tĩnh vì vắng bóng hỏa lực đối phương.

Đám lính cộng hòa Lon Nol được mấy chiếc xe nhà binh Molotova cũ của Liên Xô và cả xe vận tải dân sự Coca Cola chở tới bờ sông Tonlé Sap ngay sát thủ đô, họ chia thành toán đi tới từng *căn nhà nổi* của các gia đình *bạn biển* người Việt _ vốn đã sống nghèo nàn nhưng yên ổn ở đó từ bao thế hệ. Họ hăng say chặt giây giật sập từng căn nhà. Họ cười hả hê _ *những nụ cười Khmer vô cảm lạnh tanh và cả nhuốm vẻ ngây dại* . Những căn nhà ọp ẹp ấy khi vừa đổ xuống thì chỉ còn là những mảnh gỗ ván cũ mục cùng với đồ gia dụng bằng nhựa cứ thế mà cuốn trôi theo dòng.

Địa chỉ mới của các gia đình nạn nhân sẽ là các khu nhà giam tập trung. Lý do giải thích từ miệng viên tư lệnh cảnh sát _ cũng là người

em của Lon Nol, thật giản dị là *phải dẹp sạch những hang ổ Việt Cộng ấy để bảo vệ cho thủ đô Nam Vang.*

Tiếp đó, còn *kinh hoàng hơn cả cái chết tức khắc*, người ta bắt đầu chứng kiến ngay giữa đường phố Nam Vang, những cảnh man rợ bộ lạc diễn ra. Nơi này, dăm ba đàn ông Việt đi riêng lẻ bị đám đông người Miên xúm lại hành hung đến ngã quỵ, nếu cố bỏ chạy thì bị hô hoán là Việt Cộng và rồi cũng bị các toán người Miên khác rượt đánh cho tới chết. Nơi góc phố khác, là cảnh một lũ thanh niên Miên cười hô hố khi lột truồng được cô thiếu nữ Việt đem bêu khắp phố rồi đem đi hãm hiếp tập thể trước khi giết.

Đã có lệnh giới nghiêm áp dụng riêng cho người Việt từ 6 giờ chiều tới 6 giờ sáng hôm sau. Nam Vang ban đêm như trở lại thời kỳ Trung Cổ, không đèn đường hoang vắng chỉ có những bầy chuột đói dạn dĩ ma quái sẵn sàng nhào ra cắn vào chân người đi đường. Nhưng ngay cả giữa ban ngày cũng ít ai dám bước ra khỏi cửa để rước lấy cái chết. Vậy mà ở một số khu họ cũng không tránh được bị các toán lính Miên lôi ra khỏi nhà cả đàn bà trẻ con, riêng đàn ông thì bị dẫn đi giữa tiếng la khóc van lậy của vợ con họ. Và dĩ nhiên không một người nào trở về.

Trừ một số rất ít gia đình người Việt thật khá giả sống trong những khu sang trọng thượng lưu với biệt thự kín cổng cao tường thì chưa bị đụng tới _ *như bác sĩ Henri Nhiều bạn ông Khắc*, nhưng họ cũng rất thức thời để biết rằng sẽ tới *cái ngày không thể tránh* nên họ đang tung hết tiền và vàng ra hối lộ các viên chức cao cấp Miên sao cho có được những tấm giấy thông hành đi bất cứ đâu miễn là được thoát ra khỏi xứ sở oan nghiệt phản bội và đầy chết chóc này.

Kamm một nhà báo Mỹ gốc Do Thái, chứng kiến cảnh tượng thiểu số người Việt bị truy lùng và sát hại đã không thể không nhớ lại những kỷ niệm thời thơ ấu với những đợt *pogrom* mà gia đình anh đã trải qua dưới thời Đức Quốc Xã khi Hitler lên nắm quyền.

Lon Nol, Sirik Marak thì muốn rầm rộ quảng cáo với thế giới về *một đất nước Cambốt đang hồi sinh* nhưng ông Khắc thì lại thấy rất khác, giữa rất nhiều *giận dữ và tiếng động* ông thấy xứ Chùa Tháp như đang lạc đường lịch sử đi vào bất trắc, vật vã trong cơn hấp hối, và đang chết dần.

Pour certains le Cambodge renait, d'autres le voient mourir. Trong số những người khác đó có ông Khắc.

Những ngày tiếp theo sau cuộc biểu tình tuần hành, kết quả nhãn tiền là nơi bến phà phía nam thủ đô Nam Vang người ta bắt đầu thấy nổi dềnh lên những xác chết với y phục thường dân trên suốt dọc một khúc sông Mekong: xác nằm úp, xác nằm ngửa, xác không đầu, cả chùm xác bốn hoặc năm người bị cột tay cột chân vào với nhau bằng lạt tre sắc hay cả dây thép. Một linh mục người Pháp nói trong nước mắt với đám nhà báo: _ *Chỉ hai ngày nay thôi tôi đã đếm được con số lên tới cả ngàn, có bao nhiêu là con chiên của tôi trong đó kể cả các chủng sinh thì cũng không làm sao mà biết được.*

Giữa cảnh dầu sôi lửa bỏng ấy, phái đoàn Sài Gòn và cả các nhà báo được mời tham dự buổi trình diễn *Vũ điệu Cổ truyền của Cambốt* tại *Học Viện Khmer-Mon* mà lẽ ra ông Khắc rất thích. Nhưng quả là không phải lúc khi mà tin tức từ các nơi đổ về toàn là những thảm cảnh cho những cộng đồng thiểu số người Việt, và đường lộ thì mất an ninh và cũng là cái cớ cấm nhà báo không được ra khỏi Nam Vang.

Trong một thính phòng lớn, chỉ có những chiếc quạt trần quay những vòng chậm không đủ sức khuấy động bầu không khí nóng hực và cả như đặc quánh của thứ khí hậu Á châu gió mùa. Tấm phông lớn làm nền cho sân khấu là *cảnh đổ nát huy hoàng của khu đền đài Angkor* giữa một rừng cây với những khối đá vô tri. Và nhóm vũ công là đám trẻ gái Miên điêu luyện trong một vũ điệu uốn lượn nhịp nhàng và thật mềm mại từ cổ tay cổ chân uốn cong theo các ngón nhưng sao lại vô hồn.

La culture Cambodgienne est finie. Bác sĩ Henri Nhiều ngồi cạnh quay sang nói với ông Khắc như vậy. Nghệ thuật có còn chút giá trị hay ý nghĩa nào không trong giai đoạn chuyển mình lịch sử và giữa cảnh sống hỗn mang này.

Với người dân Khmer lầm than, thì tên *Angkor như một phép mầu*, là cây cao bóng cả cho họ trú mát, giúp họ hy vọng tìm lại được những thiên đường đã mất.

Đang giữa buổi trình diễn điện phụt tắt, một *entracte* bất đắc dĩ. Trong thứ tranh tối tranh sáng, không khí như đặc thêm và oi nồng. Nam Vang thời gian gần đây luôn luôn bị tắt điện vì thiếu nhiên liệu nhưng ngoài chợ đen thì dư thừa. Cambốt từ thời Sihanouk đã tham nhũng, nhưng còn tệ hai hơn khi chuyển sang chánh quyền Lon Nol _ *From bad to worse !* Một cô ký giả Mỹ đã mỉa mai nói như vậy. *Đó phải chăng cũng là một khía cạnh văn hóa khác của con sông Mekong.*

Trong khi người ta đang cố khởi động chiếc máy phát điện Honda

chạy săng. Ông Khắc và bác sĩ Nhiều bỏ ra về trước.

Đối với ông Khắc nhà báo thì bác sĩ Nhiều _ người bạn cũ bấy nhiêu năm của tuổi thanh xuân ở Hà Nội _ *có một trang tiểu sử khá hấp dẫn*. Người gốc miệt Hậu Giang, hậu duệ của các thế hệ tiên phong Nam Tiến, tổ đình vốn là quan to triều đình Huế. Mà theo Nhiều thì *"chắc tại kinh đô Huế ổng phạm tội chọc ghẹo mấy bà cung phi sao đó nên bị nhà vua nổi giận mà đầy tuốt vô trong Nam, vậy mà ổng cũng trở thành khai quốc công thần sau đó!"* Diễu cợt thì như vậy nhưng không phải Nhiều không hãnh diện về cái gốc cái ngọn ấy, bởi vì cứ mỗi lần *công tử Henri Nhiều* về thăm quê tuổi tuy còn ít nhưng khi nào cũng được sắp cho ngồi nơi chiếu trên chiếu giữa với mấy vị trưởng lão chứ ít sao.

Được học *Chasseloup Laubat* cùng thời với Sihanouk, sau đó ra Hà Nội học Y khoa rồi đi Pháp, làm *interne des hôpitaux de Paris* chuyên về nội khoa và các bệnh nhiệt đới. Sau một chuyến viếng thăm Angkor, Henri Nhiều quyết định ở lại Nam Vang hành nghề thay vì trở về Sài Gòn. Ông rất được mọi giới trọng vọng kể cả người Pháp và cũng rất ư thân thuộc với Hoàng gia Miên.

Nhiều là điển hình cho *mẫu trí thức bách khoa* được đào tạo ở Âu Châu. Không chỉ giỏi về chuyên môn y khoa, ông uyên bác về mọi phương diện. Nhiều đã từng được so sánh như một cuốn *Tự điển sống*. Ông có thể say sưa nói về Angkor như một chuyên viên của *Trường Viễn Đông Bác Cổ*.

Sống trên xứ Chùa Tháp nhiều năm nên rất am hiểu tình hình, chỉ trong ít phút bằng thứ tiếng Pháp từ Paris, ông không chỉ vẽ ra một *hoạt cảnh chánh trị của Cambốt _ topopolitique sur le Cambodge*, mà cả phân tích được động lực sâu xa của các diễn tiến phức tạp ở đây. Khi được hỏi nghĩ sao về người dân Miên nói chung, bác sĩ Nhiều nói với ông Khắc:

_ Họ mặc cảm ngay cả trong cảnh nô lệ: cùng bị Pháp đô hộ, trong khi bọn Việt được người Pháp đánh giá là *cần cù chịu khó* thì riêng bọn Miên, Lào thì bị chê là *kém thông minh và lười biếng*... Đó cũng là lý do công cụ bộ máy cai trị kìm kẹp của thực dân Pháp ở cả ba xứ Đông Dương đa số là người Việt.

Nhiều nói tiếp nhưng ở lần này với nhãn quan của một nhà phân tâm học theo Freud:

_ Lẽ ra dân tộc Khmer và cả đất nước Cambốt sẽ dễ dàng sống hạnh phúc hơn và họ không đáng phải chịu *cái đau của mặc cảm hiện tại nhỏ nhoi* như vậy nếu không có cái quá khứ choáng ngợp của nền văn minh Angkor.

Bác sĩ Nhiều tiếp:

_ Như Alfred Adler nhà tâm lý học Áo đã phát biểu: *"Khi mà mặc cảm tự ty càng lớn thì nhu cầu chinh phục càng mạnh và sự khuấy động càng thêm khốc liệt."* Lon Nol là tiêu biểu cho người Khmer, với cái vẻ bề ngoài tự hào và kiêu căng chủng tộc nhưng ẩn dấu đằng sau lại là *cái mặc cảm tự ty và cả sợ hãi nữa _ lại được cộng thêm với lòng thù hận thì sự hung bạo mù quáng tăng gấp 3.*

Người thầy thuốc tài ba ấy đã đưa ra được một *chẩn đoán định căn* của con bệnh Cambốt:

_ Nền văn minh Angkor Khmer với những kỳ quan kiến trúc và cả những công trình dẫn thủy tân kỳ đã làm kinh ngạc cả thế giới, thì nay một lần nữa họ cũng làm bàng hoàng cả thế giới bằng cách hành xử như những nhóm dân bộ lạc của thời kỳ đồ đá đồ đồng, lùi xa trước triều đại Angkor hàng nhiều thế kỷ. Họ như bị quỷ ám, đang rơi vào một cơn mê hoang tưởng _ *paranoia*, và cả đầy mặc cảm tự ti, nhìn bất cứ người Việt nào cũng là kẻ thù.

Không tìm ra Việt Cộng thì đám Việt kiều đương nhiên trở thành những *con dê tế thần _ bouc émissaire.* Phải chém hết bọn đồng chủng với tụi nó, *giận cá chém thớt.* Tâm lý học gọi đó là *sự đổi chỗ _ déplacement.*

Nam Vang là kinh đô đầu tiên trên bờ sông Mekong với cung điện đền đài nhìn ra *Quatre Bras* _ nơi mà tàu bè lớn từ ngoài biển Đông có thể ngược dòng sông Cửu Long lên tới tận Nam Vang hoặc xa hơn. Nơi mà cứ sau mỗi mùa mưa, phù sa từ 4 dòng sông đổ về bồi cao mở rộng thêm cho hòn đảo nhỏ đối diện với khách sạn Cambodiana, nơi mà nhóm doanh nhân Singapore *"Agressive Hotel Group"* dự trù xây thêm một khách sạn 5 sao mới.

Nam Vang cũng như những thành phố lớn khác ở Đông Dương vẫn còn nhiều dấu vết kỷ niệm từ thời đô hộ Pháp. Từ bờ sông Mekong đi vào vẫn là những con đường thẳng tắp với hai hàng cây xanh và những biệt thự kiến trúc đẹp đẽ dĩ nhiên là nay đã cũ kỹ và cả dơ bẩn hơn. Chỉ còn những người công chức Miên già còn nói được tiếng Pháp. Bánh mì *baguette* thì đã không xa lạ gì với cả giới bình dân.

Khi mà chủ nhân ông là những người Pháp đi rồi vẫn còn các tiệm ăn Pháp sang trọng máy lạnh bên bờ sông Mekong như *L'Ambroise, La Taverne* với những trang dài thực đơn đủ các món Pháp: *Chateaubriand aux échalotes, crème de volaille*... khách sành điệu còn có thể kêu cả món *Coquille Saint-Jacques* gợi tên bãi biển Vũng Tàu bên Việt Nam nơi nghỉ mát của các ông Tây bà Đầm thời thuộc địa cũ

và dĩ nhiên không bao giờ thiếu những chai rượu vang thật hiếm quý hảo hạng. Cho dù đất tới đâu vẫn được giới thượng lưu bản xứ ưa chuộng. Và nếu chủ quán là một gia đình người Pháp thì không khác gì một quán ăn sang trọng ở Paris, sẽ có một ông Tây rất sành sỏi đứng hầu rượu và dĩ nhiên cả chọn chai rượu nào ngon và hợp ý với khách hàng nhất. Đa số khách bây giờ là *những chủ nhân da vàng mới của đất nước Cambốt* như Nhật, Đại Hàn, Singapore, Đài Loan... Mà theo Henri Nhiều thì không phải chỉ ở đây mà ngay tại Âu châu trên đất nước Pháp đã có một sự *đổi chỗ* khá mất mặt cho các *ông chủ cũ da trắng*.

Chỉ có điều những *tụ điểm sang trọng 4-5 sao ấy* lẻ loi tồn tại như những ốc đảo giữa một đại dương nghèo đói là đất nước Cambốt. Chỉ cần bước ra khỏi cánh cửa máy lạnh từ một khách sạn người ta đã vị vây quanh bởi một lũ ăn mày: đám đàn bà bế con, đàn ông cụt chân và cả những cụ già _ những người dân thực sự của đất nước Cambốt. Đa số là những nông dân bỏ hết nhà cửa ruộng vườn đổ về thủ đô và các thành phố để trốn chạy chiến tranh.

Người nhạy cảm và còn chút lương tâm thì cũng chẳng thấy vui gì. *Nhưng việc gì mà mặc cảm phạm tội.* Ai cũng tới đây với một ý hướng tốt, kể cả khách du lịch, tới ăn chơi hưởng thụ cũng là góp phần vào sự phát triển của đất nước này.

Lưu vực sông Mekong, tả ngạn hay hữu ngạn thì vẫn là cái *cấu trúc xã hội hình tháp* với những người dân đen ở dưới đáy.

Trên đường trở về khách sạn, qua các đại lộ trống trải bên bờ *con sông Mekong*. Trong cuộc đời làm báo, ông Khắc đã hơn một lần đặt chân tới Nam Vang, vẫn với con sông ấy của nhịp điệu ngàn năm, nơi mà từ những thập niên 40-50 người ta đã nói tới *tiềm năng thủy điện lớn lao*. Không kể những con đập lớn bậc thềm Vân Nam, Thái Lan và Lào, thì chỉ riêng Cambốt đã có ba dự án Sambor, Strung Treng và Tonlé Sap, còn thêm cả dự án trên phụ lưu sông *Thốt Nốt _ Prek Thnot* khởi nguồn từ rặng núi Đậu Khấu phía tây chảy sang đông trước khi đổ vào sông Bassac. *Prek Thnot* là dự án đầu tiên dã được khởi công từ những năm 60 phải bỏ dở vì chiến tranh. Nếu các con đập nếu được hoàn tất như dự trù thì sẽ dư thừa điện không chỉ để điện khí hóa toàn xứ Chùa Tháp mà còn xuất cảng sang Việt Nam. Hoàn thành các công trình ấy chỉ có thể diễn ra trong thời bình *mà đến bao giờ có hòa bình* thì chẳng ai có thể biết khi mà súng đạn vẫn cứ rền vang trong ngót nửa thế kỷ suốt dọc theo lưu vực con sông Mekong.

Sổ Tay Ký Giả.

Prasot, 10-04-70. Các toán Thám Sát của Sư Đoàn 9 Bộ Binh tiến vào Prasot một thị trấn gần biên giới Việt Miên, trong không khí tang tóc và vắng lạnh tới rợn người. Khắp nơi là mùi tử khí tanh tưởi của máu và la liệt những xác chết với các vũng máu đã khô. Xác đàn ông đàn bà và trẻ em. Họ đã bị lính cộng hòa Kampuchia của Lon Nol tàn sát man rợ trước khi chúng vội vã rút đi chưa kịp vứt xác họ xuống con sông Mekong. Không tìm ra được một người Việt nào sống sót, con số đếm được là 89 xác chết. Khi bị các nhà báo quốc tế hỏi gay gắt, Nam Vang chỉ đưa ra một lời giải thích dối trá: *họ là nạn nhân giữa cuộc giao tranh với Việt Cộng.*

Chrui Changwar, 20-04-70. Là một cù lao trên sông Bassac _ một trong hai nhánh của con sông Mekong, mang tên sông Hậu khi chảy vào Việt Nam với đối diện với bên kia sông là Nam Vang. Nguyên là một làng Việt kiều theo đạo Thiên chúa đã lập nghiệp sống ở đó từ bao nhiêu đời. Giữa nửa đêm, các toán lính cộng hòa KPC của Lon Nol đổ bộ lên đảo, bắt đi hơn 800 người đàn ông giữa tiếng khóc la van lậy của vợ con họ. Tất cả bị trói lại từng chùm và đưa xuống các tàu Hải quân Miên sau đó nhổ neo kéo ra giữa sông và toàn thể bị bắn chết bằng súng máy, xác bị ném hết xuống sông Bassac và nổi dềnh lên nơi bến phà Neak Luong mấy ngày sau đó.

Thị trấn Takeo 05-70. Ba tuần lễ sau, tại Takeo khoảng 50 dặm phía nam Nam Vang, nguyên là một thị trấn nhỏ nhưng sinh động với các hoạt động thương mại của người Việt sống chung hài hòa với người Miên từ bao nhiêu năm. Nhưng rồi cũng không khác được với số phận của Việt Kiều trên cả nước, trường học được sử dụng để làm trại tập trung cho khoảng 150 người đàn ôngViệt, từ mấy ngày trước đó. Họ bị giam không được nuôi ăn và cũng chẳng bị ai lôi ra thẩm tra hay có ai ngó ngàng tới. Họ sống bằng thức ăn do vợ con đem vào một lần buổi chiều mỗi ngày. *Rồi thảm họa bất chợt đổ tới như cơn lốc.* Các toán lính Miên khác nhau không biết từ đâu ghé qua, chẳng cần hỏi han hay ngó ngàng gì, chúng đứng từ ngoài sân xả súng bắn như mưa vào các lớp học rồi bỏ đi giữa tiếng kêu la của những người bị thương còn sống. Chẳng có ai quan tâm để mà tới cứu họ. Toán này bỏ đi rồi tới toán lính Miên khác, mấy đợt như vậy. Đạn lỗ trỗ đầy tường, cả những tử thi chết trước đó rồi cũng lại lãnh thêm những loạt đạn mới.

Khi các nhà báo ngoại quốc tới nơi thì tấn thảm kịch đã diễn ra

một ngày trước đó. Giữa ngổn ngang các tử thi một số được đậy chiếu, còn ít nạn nhân sống sót và vợ con họ, tất cả chỉ còn biết chắp tay vái lậy, mà vái lậy ai đây. Cả những người bị thương kiệt sức trong ánh mắt đã lạc thần vẫn là thoi thóp vẻ van cầu tuyệt vọng.

Cũng vẫn Kamm nhà báo Mỹ gốc Do Thái, nhân chứng tới sớm nhất thuật lại:_ *Mặc cho những tiếng rên rỉ từ bên trong các lớp học đứng ngoài sân là một tên lính Miên trẻ thật trẻ, tóc cuộn xoăn da ngăm đen, cổ đeo bùa lẫn với tượng Phật, tay lăm lăm cầm khẩu súng AK mới tinh với băng đạn cong đen bóng lẫy, vẻ mặt thì hoàn toàn vô cảm. Hắn chỉ làm nhiệm vụ đứng canh nhưng là canh ai đây bởi vì chẳng còn một ai đủ sức để mà thoát ra được cái khung cửa hẹp ấy. Trước mặt các nhà báo, không được hỏi nhưng hắn vẫn nói như cái máy qua thông ngôn "Bọn khác bắn đó!" nói xong rồi hắn ngửa mặt lên khoảng trống không cười một mình để lộ ra hàm răng trắng hếu xen giữa óng ánh là một chiếc răng vàng. Một nụ cười Khmer có cái lạnh lẽo của chết chóc.*

Khi mà hai tòa đại sứ của Hà Nội và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ở Nam Vang đã bị các toán người Miên đốt phá. Khi mà những phản đối ngoại giao không có chút hiệu quả gì, cả cộng sản Bắc Việt và Cộng hòa miền Nam chẳng có ai bảo vệ cứu được họ, thì tất cả bắt đầu nhốn nháo như bầy kiến chạy quanh chiếc chảo nóng và ngọn lửa thì như đang gặp cơn gió lớn.

Chỉ còn một con đường sống là họ nhào xuống những bờ sông chờ cho các con tàu của Hải Quân miền Nam sau khi trút hàng xuống Nam Vang trên đường về sẽ cứu đưa họ trở lại miền Nam, nơi cũng đang ở giai đoạn khốc liệt của cuộc chiến tranh, *nơi chẳng có thân nhân gia đình nào đang chờ đón họ và cả không cửa không nhà.* Có những gia đình đã chạy qua Miên từ thời cấm đạo trải qua bao thế hệ *họ chẳng còn biết đâu là nguyên quán ngoài cái tên Việt Nam mà họ gọi đó là quê nhà.*

Ngụy Văn Thà ngay từ đầu đã tham gia cả hai chiến dịch ấy: nhiệm vụ của anh và các đồng đội phải làm sao chế ngự các lực lượng Việt Cộng thường xuyên phục kích hai bên bờ sông Mekong, phải làm sao cùng với các tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến bạn tái chiếm cho được bến phà Neak Luong đang bị cộng quân kiểm soát và cả trấn áp các toán quân Khmer Đỏ bám dai như đỉa, để không chỉ bảo vệ những "đoàn voi" tiếp tế cứu nguy cho Nam Vang _ *cứu nguy cho một chế độ đang tàn sát đồng bào mình* _ mà còn lo cả an ninh trên đường

về cho những con tàu quá tải chật ních những Việt Kiều thường là chẳng còn một gia đình nào nguyên vẹn.

Hàng ngàn người đàn ông đàn bà cụ già và trẻ con từ các khu bị tập trung bị xua ra những nơi được gọi là bãi bốc đứng lố nhố nơi bờ sông vẻ mặt khốn khổ, chỉ mong sao có *tàu há mồm hải quân* đi qua để được di tản. Vì mạng sống, dĩ nhiên họ phải ra đi với tay không. *Đã tới với hai bàn tay không thì khi ra đi cũng phải với tay không*. Của cải nhà cửa do bao mồ hôi nước mắt tạo dựng được thì *phải trả lại cho những công dân Khmer xứng đáng hơn*. Lý lẽ của chánh quyền Miên là như vậy.

Ông Khắc chọn đường về thay vì bằng máy bay cùng phái đoàn thì lại xuôi dòng con sông Mekong trên một con tàu vốn đã chật ních và đầy ứ các gia đình nạn kiều di tản.

Do trận địa thì cứ lan ra như *vùng da beo*, giữa các đội quân chánh quy cộng sản Bắc Việt, quân đội chuyên nghiệp miền nam Việt Nam, quân Khmer Đỏ và đội quân hỗn tạp thần thánh của chánh quyền mới Nam Vang. Đường bộ thì đã hoàn toàn mất an ninh, gần như vô phương để có thể đưa tàu tới di tản những Việt kiều đang sống ở phần lãnh thổ phía tây Cambốt.

Một số liều mạng chạy thoát qua được biên giới Thái Lan nhưng lại bị lính biên phòng Thái đuổi về. Họ bị kẹt lại và là nạn nhân cuộc *"tẩy sạch chủng tộc - ethnic cleansing"* trong những năm sau đó, cộng thêm với 2 triệu người Miên cũng bị Khmer Đỏ giết vì là *"bọn xác Miên hồn Việt"*.

Đã từng chứng kiến nhiều cảnh trí đẹp kỳ diệu khác nhau của con sông Mekong nhưng chưa bao giờ ông Khắc đứng trước *cảnh tượng kinh dị* đến như thế chỉ trên một khúc sông ngắn gần nơi bến phà trên trục lộ từ Nam Vang xuống Sài Gòn.

Khi đó là bình minh trên sông lẽ ra rực rỡ mà sao cứ như mặt trời đang soi bóng lúc hoàng hôn. Không khí buổi sáng thay vì mát dịu đã lại có cái oi nồng vương sót lại của một cuối ngày nắng gắt. Những đám mây hồng mà cứ như là ráng chiều, dòng nước thấm đẫm phù sa nhưng đỏ hơn vì có thêm máu từ những chuỗi xác chết bập bềnh chậm rãi trôi về phía hạ lưu. Chỉ trong khoảnh khắc, ông Khắc đã đếm được hàng trăm xác: những thân xác rất nhỏ của trẻ thơ và cả những xác người lớn với chùm tóc dài hẳn là phụ nữ. Ông Khắc tự hỏi phải chăng

đó là số phận dành cho mấy trăm ngàn người Việt ruột thịt của ông đang sống ở Miên và *con đường hồi hương định mệnh* của họ lại là *con sông Mekong.*

Những thảm cảnh gây kinh hoàng cho toàn thế giới ấy đã và đang xảy ra giữa thế kỷ 20 giữa thanh thiên bạch nhật không cần che dấu, được thu cả vào ống ảnh của nhà báo ngoại quốc. Bạo động vẫn gia tăng và lan tràn. Thế giới giận dữ lên án. Giới chức cầm quyền Miên giữ im lặng không một lời xin lỗi, giới trí thức Miên có học nếu không trực tiếp tham gia bạo động thì thái độ của họ là sự lạnh lùng thờ ơ gần như vô cảm.

Người Miên thường là chia rẽ nhưng lòng thù hận chống Việt Nam luôn luôn đoàn kết họ làm một.

Một nhà giáo người Miên từng học trường Chasseloup Laubat ở Sài Gòn đang dạy học cho một trường Dòng ở Nam Vang đã nói với đám phóng viên ngoại quốc:

_ Nhà báo các ông đâu có hiểu thấu được lịch sử giữa hai nước Cambốt Việt Nam, các ông đâu có biết trong hàng bao thế kỷ bọn *Yuon* đã đầy đọa chúng tôi như thế nào. Còn khủng khiếp hơn cả những điều mà ông đang chứng kiến mấy ngày hôm nay.

Rồi cũng vẫn cái giai thoại mà lại do người Pháp ghi lại là tướng Trương Minh Giảng vị quan hung thần triều đình Huế đã từng chôn sống người Miên, cả dùng đầu họ để làm lò đun bếp.

_ Chừng nào mà còn bọn *Yuon* _ người Việt sống trên đất nước Cambốt thì chúng tôi chưa thể nào sống yên. Các ông biết có bao nhiêu Cộng sản xâm nhập trong các cộng đồng Việt kiều sống trong thủ đô Nam Vang không? Phải tát ao bắt cá, thứ cá đầu rắn sẵn sàng ăn thịt chúng tôi. Không lẽ cứ khoanh tay chờ cho bọn nó tới chặt đầu hay chôn sống chúng tôi. Để sống còn người dân Khmer chúng tôi phải tự vệ, không còn chọn lựa nào khác. Rồi ông ta nói thêm như một xác tín

_ *Tuer les Yuon-ennemies pour ne pas être tué soi-même!*

Ngay lúc đó không phải ông Khắc mà là một ký giả báo Le Monde nói:

_ Điều đó không có nghĩa là các ông có tự do chặt đầu cả những người Việt thường dân hiền lành và vô tội ...

Cuối cùng thì con tàu cứu rỗi chở ông Khắc và những người sống sót cũng cặp bến Sài Gòn.

Riêng đội quân thần thánh của Lon Nol, sau thắng lợi dễ dàng tàn sát Việt kiều không một tấc sắt trên tay, nay họ bắt đầu thực sự ra trận _ một mặt trận có hỏa lực súng đạn thật của đối phương _ và nghiễm nhiên trở thành những tấm bia tập bắn rất tốt cho quân cộng sản Bắc Việt. Hết tiểu đoàn này tới trung đoàn khác đeo bùa chú tượng Phật hay không thì cũng vẫn cứ chết như rạ cho tới khi tan hàng.

Cũng tại *Olympic Stadium* nơi phát động cuộc thánh chiến chống Việt Nam, chưa đầy 5 năm sau, *"Bố Đen"* Thống chế Lon Nol thì leo lên máy bay bỏ chạy trước, Sirik Matak và Long Boret thì chọn ở lại và bị chính những người lính Khmer Đỏ _ đồng bào ruột thịt của ông đem ra hành quyết, mở màn cho cuộc *diệt chủng tự sát - suicidal genocide* trong vòng 4 năm sau đó. Các cánh đồng xanh bên những hàng cây thốt nốt biến thành những cánh đồng chết trải đầy sọ người và xương trắng.

Hai lần *con cá sấu trắng xuất* hiện trên khúc sông Mekong gần Nam Vang, hai lần có biến cố trọng đại xảy trên đất nước Cambốt. Lần thứ nhất 1970, Lon Nol đảo chánh chấm dứt chế độ quân chủ Sihanouk. Lần thứ hai 1975, Khmer Đỏ tiến chiếm thủ đô Nam Vang chấm dứt chế độ cộng hòa. Cả hai lần đều đẫm máu: máu của người Việt và máu của hơn 2 triệu người dân Cambốt.

Cá sấu trắng do là vật linh trong thần thoại Khmer nên không hề có tuyến nước mắt.

NGÔ THẾ VINH
06/99

NGUYỄN TON NHAN

Chín bài thơ cũ

THỨ NHẤT
Hôm xưa trăng thượng cổ
Hôm nay nguyệt khai nguyên
The kỷ màu huyết dụ
Ráng khai đốm lửa sơ huyền

Huyền sơ mùa mưa sớm
Bàn chân thứ nhất rất hiền.

THỨ NHÌ
Hạ dương nguyệt khuyết thôi
Tay em con gái chao ôi

Tà dương củi lửa mặt trời
Tâm ơn băng giá ơi

MƯA NHỎ
Lang thang mưa cô liêu
Chiều đem hương lửa chín chiều
Hồn anh nhẹ bấc sắp xiêu

NHẸ NHƯ LÀ MÂY TRẮNG
Sao người đem hương lửa
Để trăng tinh huyết sa
Anh choáng ngợp hồn và
Xác thân thanh hiên vỡ

Sao người xa vạn thủa
Để mặt nhật tà

Mặt nhật tà ôi người xa
Mang mang hồn thôi như là...

CA TỤNG TÂM TƯ

Người đi vân tán đi
Khói xanh mấy cụm mỏng

Tâm tư ồ máu vân vi

Người về mây chưa về
Tâm ồ xương thịt phân ly

MẮT HƯƠNG RẤT DẠI LẠI HIỀN

Nụ hoa tầm gửi
Rụng bởi gió lay
Tóc xưa em cài
Đường mưa côi cút

Mắt môi của Phật
Độ lượng anh về
Mưa hiền giọt nước từ bi

Vú em nho nhỏ
Nụ đỏ nụ xanh
Em nhớ tình anh
Xới vun vườn cải
Trời mưa tháng bảy
Tro xám thái dương
Má môi em hườm

Anh đi để nhớ

Mây ơi từ độ
Khói sóng xây thành
Mắt hiền hoa cải còn xanh?

THƠ TẶNG HƯƠNG
Ngắt nụ chè dưới mành
Gửi Hương mùi thạch thảo
Trắng một bát mong manh

Tóc Hương tòa sen ngự
Đem nhớ cả chín chiều
Trăng một bát vàng xiêu

HOA KHẾ
Hoa khế ngày xưa đã rụng rồi
Tiếc không được nữa. Nuối hoài thôi
Chưa lên đến cõi vô sai biệt
Nên thấy hoa kia lại nhớ người

HUYỀN ĐỘNG
Một mình đến hỏi tử vi hoa
Trở lại thềm trên tự thưởng trà
Khói xanh hay trắng không sao biết

Ồ biết làm chi khói trắng xanh
Thực mộng cùng chung tiếng thở òa.

NGUYỄN TÔN NHAN



NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

Tình nhân Bá Linh



Quá nửa đêm khi cả ba vào Kumpelnest 3000. Diana Ross chìm lỉm. Upside down you turn me. Round and round. Inside out you turn me. Maria đã nói trước, nơi này chơi phần lớn nhạc Anh-Mỹ cũ, pop, disco, thập niên 70, thỉnh thoảng dăm bài đương thời thịnh hành. Không có cao điểm ở Kumpelnest 3000 vì lúc nào cũng ngợp người. Đây là điểm nhặt trong đêm. Sàn nhảy bé nhỏ đầy nghẹt. Một đám đông chen lấn xô đẩy nhau lắc lư qua lại trong một diện tích vô cùng khiêm nhượng thể như người thua cuộc là kẻ bị lấn ra ngoài.

Đi đến cuối quầy rượu nằm choán gần hết chiều dài của quán, Maria đứng lại. Tú và Mai cùng nhận ra gã người Tàu đang hút xì gà. Trước đó cả ba đã ghé ngang quán Mister Hu nơi hắn làm chủ, ngồi uống vài ly tán dóc với Theresa. ở đây hắn không là chủ nên có vẻ thân mật nói cười hơn một chút, vả lại, đầu đêm đã thấy nhau.

Mai ngồi lên chiếc ghế cao sau chót quầy. Không biết bao nhiêu cánh tay đã với ngang mặt, chồm ngang vai, lấy, gọi, trả tiền rượu. Phải có lý do khi đó là chiếc ghế trống duy nhất trong một quán rượu lắm người. Maria hỏi Mai, Tú uống gì rồi nói với người pha rượu đứng sau quầy.

Maria thúc Mai.

"Nó muốn được giới thiệu với mày."

Mai đưa tay bắt tay một người đàn ông trong góc, không rõ tên gì dù hắn có nói. Maria thân mật nói chuyện với Tú, Mai không để ý. Gã đàn ông chỉ bập bẹ được vài chữ tiếng Anh nên Mai không nói được gì ngoài thăm hỏi vớ vẩn. Are you having fun? Sure. And you? Maria lại gần Mai, một tay chống nơi quầy, hỏi.

"Ê, nói tao nghe, đàn ông Việt nam khác đàn ông Âu châu ở chỗ nào?"

Mai cười lớn, nháy mắt.

"Sinh lý hay tâm lý?"

Rồi hất hàm qua Tú.

"Hỏi nó mới đúng chứ sao lại hỏi tao?"

Maria lập lại. Tú nói, Mai nghe chữ còn chữ mất.

"Đàn ôngÂu châu tự nhiên hơn. Đàn ông Việt nam sợ bị thua nên hay tính toán trước. Cái gì chắc mẻm rồi mới nhảy vào. Đàn ông Âu châu không như vậy. Họ tự nhiên. Họ theo đà, sẵn sàng tiến tới, nếu hắn thích người đàn bà ấy và nhận ra tín hiệu. Được thì tốt. Không được, cũng không sao. Hắn không thiệt thòi gì khi lúc bắt đầu đã không có vốn trong tay. Đàn ông Việt nam không biết chấp nhận cái thua, không có tinh thần thể thao khi thua cuộc. Họ có cái tự ái đàn ông rất lớn trong việc cua gái. Mười thằng đàn ông Việt nam không chừng hết chín đã vỗ ngực tuyên bố, không theo thì thôi chứ theo cô nào là dính cô đó. Không dám khoe trước công chúng như Wilt Chamberlain nhưng khoe ngầm thì cũng lắm chàng."

Maria hỏi "Wilt Chamberlain là ai?"

Mai bật cười nghiêng ngã. Cả Tú lẫn Mai đều quên Maria là người địa phương, và nhạc Mỹ trong một hộp đêm đầy người đầy khói thuốc phần nào củng cố ảo tưởng quen thuộc như đang ngồi đâu đó, Los Angeles hay Manhattan Beach không chừng.

Tú giải thích "Lực sĩ bóng rổ Mỹ, khoe đã từng ngủ với trên hai mươi ngàn đàn bà."

Một bàn tay sỗ sàng từ phía sau vụt đỡ dưới nách, mấy ngón cố tình lấn sang vú, đẩy Maria sang bên. Maria rụt vội cánh tay đang chống quầy, quay lại trừng mắt. Gã đàn ông thản nhiên gọi bia, trả tiền rồi đi không một lần liếc qua Maria. Hắn đã biết trước hành động rẻ tiền của mình sẽ mang lại gì, chi bằng làm mặt chai.

Những người đàn ông ngồi ghế cao dọc quầy đều tựa lưng vào đấy. Chẳng qua sàn nhảy đối diện quầy rượu, và khách mới vào đều phải đi riễu ngang trước quầy. Ngồi thế có nhiều cái lợi. Vừa nhìn

người nhảy, vừa theo dõi được mọi khách mới trong đêm.

Gã Tàu ve vẩy điếu xì gà gần mặt Mai mỗi khi đưa tay cầm ly để nơi quầy lên uống. Mai lờ mờ không cảm tình với hắn nên không thèm nói chuyện trừ vài câu xã giao lúc mới vào. Hắn đã tỏ vẻ lạnh nhạt trước đó. Vẻ lạnh nhạt không thật, khi thấy Tú và Mai. Dường như người da vàng châu á chỉ có hai phản ứng khi thấy nhau nơi thành phố âu châu. Hai phản ứng cực đoan. Một là vồn vã cởi mở hết sức vô lý như thân quyến lâu ngày không gặp, hai là lạnh nhạt chối từ.

Tú nói chuyện với gã Tàu một lát quay lại thì thầm nơi tai Mai.

"Nó khoe nhờ mở bar nên có điều kiện làm thi sĩ! Nhắc Tú lát nữa xin một tập thơ có chữ ký của tác giả nghe!"

Mai cười nhìn lên thoáng thấy thằng tóc vàng dài chấm vai nhìn mình cười theo, vội nhìn đi nơi khác cười tiếp. Hắn đứng nơi cửa dẫn ra phần sau quán nơi có nhiều bàn nhỏ kê sát nhau cho khách ngồi dưới ánh đèn đỏ hồng tôi tối khó chịu mắt nhìn. Mai biết hắn đứng đấy đã lâu tuy trò chuyện với một thằng khác nhưng mắt lại nhìn Mai nhiều lần với nụ cười mời mọc. Mai không cười trả nhưng biết ánh mắt mình phản bội. 'cause music's in the air and lots of love in everywhere so give me the night. Giọng Randy Crawford thì thào. If we stay together, we'll find the rhythm of the night...

Maria vỗ nhẹ tay, Mai quay lại.

"Ê, có thêm thằng này muốn làm quen với mày."

Mai nắm phải một bàn tay mềm hơi ướt, nhìn lên. Gã đàn ông mang kính trắng gật đầu nhẹ. Hắn nói gì nhưng Mai không nghe rõ. Tiếng nhạc ồn ào. Won't you take me to... Funky Towwwn. Won't you take me... to... Funky Toooown. Rất tự nhiên hắn bước tới đứng cạnh Mai, tay trái cầm chai bia đu đua trước ngực. Gã Tàu đưa tay với lấy ly hớp một ngụm rồi để xuống. Mai hơi ngửa người ra sau tránh đầu xì gà. Hắn vẫy Maria chỉ ra ngoài sàn nhảy. Maria đi theo ngang qua Mai hỏi nhỏ.

"Nhảy không?"

Mai lắc đầu. Đi quanh phố từ sáng, giờ chẳng nhớ Charlie checkpoint ra làm sao, Mai thấy mỏi, chỉ muốn ngồi. Gã mang kính trắng nhìn Mai chăm chú. Mai nhìn lại tinh nghịch. Môi hắn mấp máy. Mai nghiêng đầu gần hắn để nghe. Nhạc quá lớn.

"Tao gốc Tây Đức. Tao không có vấn đề."

Bảng tuyên ngôn của người đàn ông trong đêm Bá Linh chín muồi. Mai không hiểu hắn muốn ám chỉ gì, nheo nheo mắt cười. Tú đang đứng dựa tường nhích lại gần. Gã kính trắng nhìn Tú, lập lại.

"Tao gốc Tây Đức. Tao không có vấn đề."
Tú cười, đùa.
"Tao cũng vậy, cũng không vấn đề, nhưng tao gốc Đông."
Day sang Mai, láu lỉnh.
"Đông. Phương Đông."
Người đàn ông kính trắng bỗng lập lại như đấy không là đùa.
"Tao gốc Tây Đức. Tao không có vấn đề."
Mai thì thầm với Tú.
"Thời buổi bệnh hoạn cần giáo đầu khi gặp gái."
"Hiểu đúng không đó?"
Mai nhún vai.
"Ai biết? Không có vấn đề là nghĩa làm sao? Gốc Tây Đức thì không có vấn đề? Đông Đức thì có vấn đề? Tường sụp rồi. Macy's cũng không còn bán mảnh vỡ của tường trong túi nhung với giá $9.99 thì thằng này còn phân biệt Đông Tây, chẳng lỗi thời thì là gì? Mọi gốc đều có vấn đề!"

Gã đàn ông chăm chú theo dõi Mai nói chuyện với Tú bằng tiếng Việt. Hắn có dáng vấp của một tư chức trung niên, tóc trên đỉnh đầu đã có chỗ thưa. Một loại kế toán, thảo chương viên trung bình nào đó nhan nhãn đâu cũng có, cặm cụi bàn giấy, ngày này qua tháng nọ. Không phải loại điên điên mê mệt chỉ số Down Jones hay thích nằm lòng phần mềm phần cứng kể cả serial. Thứ này là thứ cần cù đi về đúng giờ. Hộc tủ bàn ngủ đầy tạp chí cởi truồng. Cuối tuần vào quán rượu hộp đêm tràn trề hy vọng may mắn bất ngờ.

Maria trở lại từ sàn nhảy hỏi Tú.
"Không thích nhảy à?"
Tú giải thích.
"Hơn phân nửa dân số đàn ông trên thế giới không biết phối trí tay chân theo nhịp nhảy. Và tao là một trong số đó."

Dăm người len vào gọi rượu. Tú và Maria lùi sát vào tường tiếp tục nói chuyện. Mai hỏi người đàn ông mang kính trắng.
"Mày tên gì?"
"Thomas Diekemper. Tao ít đến đây. Đấy là vấn đề của tao."
Mai bật cười. Gã tưởng mình có duyên, nói tiếp.
"Tao gốc Tây Đức. Tao không có vấn đề."

Mai bật cười to hơn, quay đầu tìm Tú, vừa kịp thấy Tú đang hôn Maria. Gã đàn ông cũng nhìn theo rồi quay lại nhìn Mai dò hỏi. Mai tiếp tục cười đưa tay vén tóc, đuôi mắt theo dõi như đo độ dài. Roberta Flack dài giọng. The first time... ever I kiss your mouth. I felt the earth... moving in my heaaaart. Like a trembling heart... of a captive

bird... Cái hôn không dài nhưng đủ để Mai thoáng nghe hờn dỗi. Maria thẳng người lên với lấy bao thuốc túi áo Tú. Tú quẹt diêm. Maria rít một hơi, thở khói, đặt điếu thuốc nơi môi Tú rồi quay sang Mai.

"Trông giùm túi xách dưới ghế nghe."

Mai gật. Maria đi về cuối phòng nơi có tấm bảng vẽ hình đàn bà, mũi tên chỉ sang trái. Tú nhìn Mai.

"Thằng này đặt hết hy vọng vào Mai."

Gã đàn ông kính trắng nhìn Tú như muốn được giải thích Tú đã nói gì với Mai nhưng Tú thản nhiên tiếp tục hút thuốc. Gã lắc nhẹ chai bia xoay xoay tròn mỗi khi Mai nhìn đến. Mai không hiểu hắn muốn ám chỉ gì hay tại mình mang nhiều nghi ngờ ám ảnh. Rồi như sực nhận ra chai bia đã hết, gã nghiêng người với để chai lên quầy, hai bàn tay quờ vịn lưng ghế Mai ngồi. Mai ngồi nghiêng lưng chiếc ghế xoay tròn. Gã đàn ông vịn lưng ghế nhích sát gần. Hai bàn tay của hắn không xa đùi vớ đen của Mai. Thỉnh thoảng Mai thấy hắn nhìn xuống đùi mình, hơi lâu. I couldn't escape this feeling, my little China girl. I can feel the curves of my little China girl. I feel her heart beating louder than thunder... David Bowie ậm ừ. Mai nhìn xuống đùi, nhìn lướt qua quần của gã đàn ông. Quả thật hắn đứng càng lúc càng gần. Chỉ cần nhích tới một chút, hắn có thể cọ chân, không, cọ phần trên đùi nơi đầu gối Mai. Bàn tay thỉnh thoảng có ngón mọ mậy. Mai có cảm tưởng hắn rất muốn để tay lên đùi mình. Mai chờ đợi Mai. Phản ứng của mình. Mai rình rập hắn. Nếu hắn sờ đùi mình? Nhưng không ai sờ đùi Mai cả. Hắn chỉ dám bám chặt lưng ghế. Ừ thì không có vấn đề. Đã nói không có vấn đề. Mai chờ đợi gì nữa?

Maria trở ra bỗng cự nự hắn.

"Làm gì đứng gần nó quá vậy?"

Gã đưa hai tay lên trời như phân bua sự vô tội của mình, mắt nhìn Mai. Tú toa rập gì với Maria trong góc, bỗng lại gần Mai. Mai ngước lên chưa kịp hỏi, Tú nhẹ nhàng giữ mặt Mai trong tay rồi cúi hôn nồng nàn. Tóc Mai xoả lướt trên lưng bàn tay gã đàn ông. Hắn nhìn cả hai không chớp mắt. Mai ôm đầu Tú trong tay. Bono của U2. I have run I have crawled. I have scaled these city walls, these city walls. Only to be with you. Only to be with you. But I still haven't found what I'm looking for. Mai buông đầu Tú, nhìn lên. Gã đàn ông cười mỉm. Nụ cười hết sức nhỏ nhẹ như hỏi "Đến phiên tao?"

Maria hỏi Mai.

"Uống gì nữa không?"

"Thôi, nước lã được rồi."

Người sau quầy để ly nước suối soda sủi bọt miếng chanh lơ

lửng, trước mặt Mai. Cái ly còn ướt nước bên ngoài chưa kịp ráo. Mai bất giác nhìn đồng hồ, hơn bốn giờ sáng. Không thấy vắng bớt bao nhiêu người. Gã Tàu về lúc nào Mai không rõ. Tú hút thuốc đứng dựa tường nhìn Mai cười.

"Mai làm sao giữ được nó dai thế? Mấy thằng kia chạy hết cả rồi. Mai lơ là với tụi nó."

Mai lắc đầu cười. Maria lại chỉ ra sàn nhảy. Mai ngần ngừ rồi lắc. Maria lại gần, cả ba chụm đầu nói chuyện mặc gã đàn ông đứng cạnh Mai.

"Mai đuổi nó đi."

"Tú hết cách rồi à?"

"Kệ nó. Tội nghiệp."

"Nó chưa chán trò đứng đợi, kệ nó."

"Mai để nó đứng đó càng lâu nó càng tưởng Mai chịu nó. Lát nữa xin theo về khách sạn, rán chịu nhé, Tú không cứu nổi đâu."

Maria day sang bắt chuyện với gã mang kính trắng.

"Hồi nãy mày nói tên gì?"

"Thomas. Tao gốc Tây Đức. Tao không có vấn đề."

Hai câu sau rõ là nói với Mai vì hắn không nhìn Maria mà nhìn Mai. Mai nói với Tú bằng tiếng Việt.

"Hay nó không biết nhiều tiếng Anh? Chỉ có mỗi một câu học lóm từ thằng phải gió nào dành để cua gái ngoại quốc."

"Chắc nó nghĩ cứ đực mặt ra đấy thì Mai sẽ mủi lòng."

Maria thì thầm.

"Nó thích mày."

"Tao biết."

"Cái thằng dở, không dám hỏi gì hết."

"Tội nghiệp."

Mai trả lời Maria nhưng tự hỏi, giả như nó hỏi thì sao? Thì sao? Người ta thường có tính ác khi biết mình trên cơ. Mai gát tréo chân. Mai cựa quậy. Cử chỉ nào của Mai gã kính trắng cũng nhìn, hai bàn tay dính cứng nơi lưng ghế. Mai hất tóc ra sau rồi xoay người nâng ly uống. Mai nhìn ngang ngó dọc. Mai tìm thằng tóc vàng đứng sau lưng gã kính trắng nhưng nó đã bỏ đi chắc vì không kiên nhẫn đợi đến phiên. Nếu có phiên.

Maria hỏi tiếp.

"Mày thích chỗ này không?"

Mai gật đầu. Nhạc vẫn lớn. Nói gì cũng phải ngắn gọn và to tiếng, hoặc kê sát tai.

"Vui không?"

"Vui. Nhờ có thằng này!"

Maria hiểu Mai ám chỉ gì cười lớn. Tú bàn với Maria.

"Tao nghĩ ra cách đuổi nó rồi."

Maria nhướng mắt như hỏi. Tú nói tiếp.

"Tụi mình ba đứa, nó tưởng tao bồ mày..."

Maria với Tú cười rộ lên sau câu nói Mai không nghe ra đoạn cuối. Gã đàn ông không có vẻ bạo dạn quen tìm gái trong quán rượu hộp đêm. Những thằng khác, chẳng để phí thì giờ sau vài câu vớ vẩn đều đã bỏ đi. Dù sao quán đầy người, lắm lựa chọn, nếu cần, nếu muốn lựa chọn. Tú lại thì thầm tai Mai.

"Hai đứa mình là giống ngoại lai duy nhất trong quán đấy nhé!"

Mai gật đầu lẩm bẩm.

"Exotic!"

Tú đùa cợt.

"Mai là thứ ngoại lai hấp dẫn tóc đen mắt nâu tóc dài lại váy ngắn vớ đen ngồi vắt chân nơi quán rượu toàn người bản xứ. Chẳng trách thằng không vấn đề đứng đợi! Biết đâu lại đáng công."

Mai không muốn ra sàn nhún nhẩy dù có muốn đôi chút. Gã không vấn đề chỉ biết đợi chứ không biết tạo cơ hội. Maria cầm chai bia mới gọi đứng dựa sát tường. Tú lùi lại đứng cạnh to nhỏ. Gã kính trắng gọi chai bia khác, rồi đưa chai bia mới về phía Mai như mời. Không chừng hắn thuộc loại ít nói. Mai nghĩ vậy bèn cười rồi nâng ly nước suối cụng nhẹ chai bia. Thỉnh thoảng Mai nhìn về phía Tú và Maria, không rõ cả hai đang toan tính những gì. Nhạc lúc nào cũng lớn. Mai nhìn người nhảy uốn éo ngoài kia.

Tú nghiêng sát vai Mai.

"Thằng này mê Mai quá, làm sao tống nó đi?"

Rồi nghiêm giọng rất giả vờ đểu cáng.

"Thằng này cố đấm ăn xôi. Trong cái bar này chỉ có hai đứa Á châu. Của hiếm đấy nhé."

Tú gọi thêm rượu cho Maria rồi không nói không rằng, cúi hôn Mai lần nữa. Mai giữ đầu Tú trong tay hài lòng. Đêm Bá Linh đang đi qua. Rồi sẽ không còn nữa.

"Thằng này dai quá. Mình hôn nhau mà nó chẳng nản lòng."

Mai không nói gì chỉ xoay người cầm ly nước suối gần cạn lên uống. Tú hỏi.

"Mai uống vang nữa không?"

Mai lắc đầu. Tú chợt đưa tay xoa tóc Mai nơi trán. Cử chỉ bất thần âu yếm. Maria từ sàn nhảy trở lại. Tú thì thầm gì với Maria. Mai

nhìn nơi khác.

Bỗng có người chạm vai, Mai quay lại vừa lúc Maria cúi xuống, càng lúc càng gần. Mai không hiểu Maria muốn gì nhưng không hề cảm thấy đe dọa bởi mấy ngón tay nâng nhẹ cằm. Maria hôn Mai, tay vẫn giữ nơi vai. Mắt Mai bất giác nhắm lại. Tiếng ồn chung quanh vụt lắng xuống và giọng hát rõ lời với nhịp điệu nhún nhảy. Voulez vous couchez avec moi, ce soir. Voulez vous couchez avec moi, ce soir. Lưỡi Maria có vị bia đắng. Mai nhấm nháp môi Maria, quấn quíu vành môi dưới. Răng chạm. Lưỡi đụng. Cả hai cùng cười, cọ mũi. Tiếng động náo nhiệt quanh Mai trở lớn như cũ, khi tay Mai rời gáy Maria loáng thoáng nghe Melissa Etheridge. well it's 1:54 and it's such an unusual kiss. come on come on. over and over. the smell the taste the touch is so brand new. the thrill of you eyes that capture this forbidden view...

Gã đàn ông kính trắng tên Thomas vẫn đứng như chôn chân một chỗ. Có lúc gã lắc lư theo nhịp. Mai thoáng thấy cái bụng hơi lớn lấp ló sau vạt áo vét màu sậm. Đến phiên Tú bỏ vào phòng vệ sinh. Maria lại ra sàn nhảy sau khi cảnh cáo Thomas chớ đứng quá gần. Một thằng khác đang nhảy từ ngoài kia bỗng vừa quay lắc vừa tiến lại khoảng trống Tú và Maria vừa bỏ lại. Mai nhìn nó rồi búng tay theo nhịp, hơi đong đưa thân người. Thằng điên này mặc vét màu nhạt, vạt áo mở rộng theo hai cánh tay đưa lên như ôm một người trong tay. Thấy Mai nhìn, nó xoay xoay người tưởng tượng trong tay, mắt nhìn Mai không chớp. Bất chợt gã đàn ông kính trắng bỏ tay khỏi lưng ghế, bước chắn ở giữa, nhảy vài bước ngắn. The tide is high but I'm holding on. I'm going to be your number one. Number one. Number one. Giọng Blondie kể lể. Gã mang kính trắng tên Thomas Diekemper không muốn Mai chú ý đến người khác. Làm như hắn đã dán được hai chữ "Dành riêng" nơi trán Mai.

Tú trở lại.

"Sao?"

"Sao là sao?"

"Vẫn đợi Mai à?"

"Đợi tụi mình thì có!"

"Tú xúi Maria hôn Mai cho nó sợ mà đi cho rồi."

"Nó chẳng sợ mà còn hy vọng nhiều hơn trước. Đánh hơi được trò khác nên bám chặt hơn. Tử thủ đến cùng. Lỗi Tú đấy."

"Tú còn cú chót nhưng chắc không dám làm."

"Cú gì?"

"Maria nói là bây giờ đến phiênTú. Tú chỉ hôn nó là nó bỏ đi ngay lập tức nhưng Tú không có can đảm! Phải nó là đàn bà thì không

xúi Tú cũng hôn."

"Tú dở."

"Thì đã chịu dở rồi."

Maria trở lại dẫn theo một thằng cao gầy mặt xương tóc vàng hoe nói với Mai.

"Nó là ký giả báo địa phương."

Mai bắt tay. Gã kính trắng vội chêm vào.

"Ừ, nó ký giả."

Mai hỏi.

"Mày viết gì?"

"Phóng sự xã hội."

Gã kính trắng lại chêm.

"Nó có tiếng."

Mai tự hỏi, rồi sao, nhưng không nói ra và cũng không biết nên tiếp chuyện gì với hắn khi tiếng nhạc quá lớn dìm mọi tiếng động khác xuống. Nói gì cũng phải kê mặt gần nhau dù đã nói lớn. Gần đến nỗi Mai có cảm tưởng hơi thở nồng mùi rượu của gã ký giả phà trên mặt mình thô tục. Sau cùng rồi gã ký giả xoay ra nói tiếng Đức với Maria. Cả hai lấn dần qua chỗ của gã kính trắng. Mai thì thào với Tú.

"Tú thử lần nào chưa?"

"Thử gì?"

"Thử hôn đàn ông. Maria hôn Mai được mà Tú không dám hôn thằng không vấn đề là thiếu nhiều lắm Tú biết không?"

"Đàn bà có khuynh hướng bi-sexual trong tình dục. Tú không là đàn bà. Tú chỉ thích đàn bà như Mai thích đàn bà, vậy thôi."

Biết Tú đùa, Mai cười. Maria vẫn nói chuyện với gã ký giả. Gã kính trắng đâu mất. Mai không thấy hắn, nhìn quanh, cảm thấy có người dựa lưng mình. Quay lại. Gã đứng sau lưng Mai, một tay gát lên quầy, một tay cầm bia. Cả đêm hắn gọi ít ra cũng đã chín, mười chai. Chẳng ăn nhằm gì. Đàn ông lẫn đàn bà xứ này quen uống bia, ly cối.

Maria lại ra sàn nhảy. Đến đây không nhảy thì đứng làm gì, trừ phi đứng đợi lằng nhằng như gã đàn ông kính trắng và biếng lười ngồi một chỗ nghe nhạc như Mai. Bây giờ thì Mai hơi khó chịu vì có lúc hắn cố tình tựa bụng vào lưng Mai. Tú thì thầm.

"Nó ra sau lưng để sờ tóc Mai, có biết không?"

Mai lắc đầu, bất giác chồm người tới trước như tránh, tưởng tượng đến vạt tóc của mình trôi tuột qua kẽ tay của gã kính trắng. Đầu Mai chạm ngực Tú. Tú hôn nhẹ trán Mai. Mai hỏi.

"Trò chơi của Tú đến đâu rồi?"

"Nó còn đứng đây thì đã dứt đâu."

"Người kiên nhẫn có thừa, đợi cho kỳ hết đêm."

"Đêm hết từ lâu."

Mai ngẩng nhìn ra cửa. Ánh nhợt nhạt của một ngày mới đã đến bên ngoài.

"Sáng rồi."

Tú gật.

"Ừ sáng rồi."

Mai đùa.

"Ngày vui qua mau."

Tú sửa.

"Đêm vui qua mau!"

Mai thò chân quơ tìm túi xách của Maria nơi chân ghế, nói với Tú.

"Thôi về."

"Ừ, về. Vui thế đã đủ."

"Chắc đủ không đó? Tú là người tham lam."

Tú cười cười.

"Tri túc đãi túc hà thời túc."

"Ư, cũng biết xổ nho như ai. Tú làm gì với cái đủ đó?"

Câu hỏi Mai thừa biết Tú sẽ không trả lời. Không bao giờ trả lời. Imagine me and you. I do... Mc and you. You and me. No matter how they toss the dice. It has to be. The only one for me is you, and you for me. So happy together. So happy together. Maria trở lại, The Turtles vừa hết Happy Together. Thấy Mai quàng ví nơi vai, Maria ngầm hiểu cúi xuống lôi túi xách lên. Mai rời ghế, không nhìn gã đàn ông kính trắng sau lưng, biết rằng hắn đang ngỡ ngàng nhìn theo. Nhưng đi chỉ vài bước bất giác Mai quay lại nhìn, Tú đang bắt tay hắn.

Ra đến cửa, Sheryl Crow còn đuổi theo. When you go, all I know, you are my favorite mistaaake. My favorite mistaaake. Đứng lề đường, Maria cười rộ. Gã ký giả chạy theo lằng nhằng những gì với Maria bằng tiếng Đức. Maria lắc đầu liên tục. Mai nói với Tú.

"Coi chừng nó đi theo."

"Ai?"

"Thằng không vấn đề."

Gã ký giả trở vào quán. Cả ba cùng đứng nhìn. Ánh nhợt nhạt đầu ngày dần sáng. Đã thưa bớt người. Tiếng nhạc chỉ còn văng vẳng. Thành phố im lìm giấc muộn của sáng chủ nhật. Mặt trời chưa lên. Không khí se lạnh cuối xuân. Lề đường vỏn vẹn ba người. Maria hỏi.

"Đi bar khác không?"

Tú liếc Mai lắc đầu.

"Thôi. Tao mệt. Mày muốn đi nữa thì đi với nó."

Mai lắc đầu. Maria im bặt. Cả ba ngần ngừ nhìn nhau. Câu hỏi kế tiếp lảng vảng trong đầu cùng hiểu nhưng không ai chịu thốt ra. Sau cùng Tú nói.

"Tú về ngủ."

Với Mai, rồi day qua Maria, tiếng Anh.

"Tao về ngủ."

"Vậy tao cũng về. Gọi tắc xi nghe."

Tú lắc đầu.

"Tao đi bộ, khách sạn cũng gần. Gọi tắc xi cho nó, hơi xa."

Mai hỏi Tú.

"Nói gì với thằng không vấn đề vậy?"

"Tú cảm ơn nó đã giúp tụi mình một đêm vui hơn!"

Mai liếc xéo Tú.

"Bày đặt."

"Thật mà. Không có nó thì mình cũng vui, nhưng chắc không vui bằng vầy. Phải không? Những gì có thể xảy ra, chắc chắn có thể xảy ra, nhưng việc gì mình phải đi đến cùng khi đã biết trước. Biết, thế đã đủ, không phải làm cho bằng được."

Mai ngẫm nghĩ.

"Cái lý của Tú..."

"Cũng có lúc đúng, hả? Nó cũng vui mà tụi mình đứa nào cũng vui. Mai còn được thoả mãn tự ái đàn bà. Bộ tưởng kiếm một thằng đực mặt cả đêm chiêm ngưỡng mình dễ lắm sao?"

"Nữa! Nó chỉ nghĩ đến tình dục, đến một con đàn bà chứ có nhìn thấy Mai đâu."

"Đã sao nào? Một khoảnh khắc ngắn mơ tưởng cho nó. Một fantasy cực kỳ lý thú. Ở đời cũng chớ nên tham lam quá, gì cũng phần mình, không công bằng. Chia cho người vui với chứ. Trò chơi thật ra nằm trong tay mình. Thắng lợi tinh thần quan trọng hơn thắng lợi vật chất. Tú vui nhưng quả thật có mệt. Về ngủ là vừa. Bây giờ sáng rồi Mai, mình đi từ sáng hôm qua!"

Maria gát chân lên yên xe, cột túm ống quần, chân này rồi chân kia. Tú giúp mở khoá sợi xích quấn bánh sau xe đạp với song sắt chỗ dựng. Để túi xách nơi giỏ trước, Maria quay lại dang tay ôm cả Mai lẫn Tú. Cả ba chụm đầu, hôn má lẫn nhau từ giã.

"Thế nào mình cũng phải gặp lại. Ngủ ngon nghe."

"Ừ, thế nào cũng phải! Mày cũng ngủ ngon."

"Đừng ghé đâu nữa hết. Về thẳng nhà nhé!"

Tú đùa. Cả ba cùng cười rời nhau. Maria chợt đưa cao tay vẫy.

Tắc xi dừng bên lề, tài xế không xuống xe, quay người với tay mở cửa sau. Mai lên xe. Maria đạp xe băng ngang trước đầu tắc xi qua bên kia lề. Tú xốc túi xách của mình nơi vai, bước chậm bên này lề. Cả ba cùng đi. Rồi sẽ về đến nơi sau cùng, ba thành phố khác không cùng ngôn ngữ.

Tắc xi bắt đầu chạy. Mai quay vội cửa kính xuống, nhoài nửa người ra, gọi lớn.

"Hê. Tình nhân Bá Linh!"

Tú day nhìn. Maria đang dấn bước đạp, mông nhổng cao quá yên, ngoái đầu nhìn đi nhìn lại, cố giữ thăng bằng tay lái hơi loạng choạng.

"Một ngày nào đó!"

Tú đưa ngón cái, tay phải, đầu gật, miệng cười rộng. Maria cũng cười, cũng gật nhưng không đưa ngón tay nào lên, tiếp tục đạp, rẽ phải nơi ngã tư. Mai tựa đầu băng ghế, mơ màng. Biết đâu gã đàn ông kính trắng vẫn còn trong quán, sực nghe tiếng gọi, lời hứa hẹn của Mai, bất giác ngẩng đầu nhìn lên, mắt ngời hy vọng, môi mấp máy.

"I'm from West Germany. I have no problems."

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

7/991



PHẠM VIỆT CƯỜNG

Đường chân trời mùa hè

Đứng bên này đường chỉ mờ xanh như đường kẻ trang giấy học trò em viết bức thư tình đầu lần cuối xao xuyến nét chữ quen thuộc gửi anh đọc bên ngọn lửa cháy mặt hồ giả tưởng khi em ngó đăm đăm ly rượu đỏ hơi thở mình nén lại

Đứng bên này đường phân cách biển trời xanh xa chỉ tay về hướng nào cũng có thể nói bên kia là quê nhà là nơi em sắp trở lại là nơi anh muốn quay về lục tìm thành phố cháy tối khói men dốc nhà khuya đêm mù ghé ngồi trong bóng nhau nói chuyện đời buồn hay bước ra khu vườn nắng sớm trời Âu mấy nhánh hoa tím hường sẽ bắt nhớ một ánh đèn xa quá buồn căn phòng u khuất

Đứng bên này chiếc lan can trên chiếc cầu gỗ xa bờ gió ấm phựt cháy mùa hè sung mãn chung quanh Monterey Bay sương trắng mơ hồ tiếng chim biển kêu buồn hỏi thăm giấc mơ cùng năm tháng dấu nhau kiếp khác

Đứng bên này đường biên cương đời sống lắng nghe ra điều em ngầm chọn lúc nhìn thấy anh ngoài mộng tưởng lần đầu từ chiếc bao-lơn mới lớn để tất cả những đêm sau đó tinh khôi mối tình niên thiếu dù trì hoãn đi ba mươi năm vòng cung số mệnh hay bùi ngùi bảy năm một nụ hôn đầu trễ muộn

Đứng bên này một chân trời ngó vọng chuyến bay trắng mây bầu trời có hai cánh chim vỡ tổ đuối liệng trong gió đời hung bạo

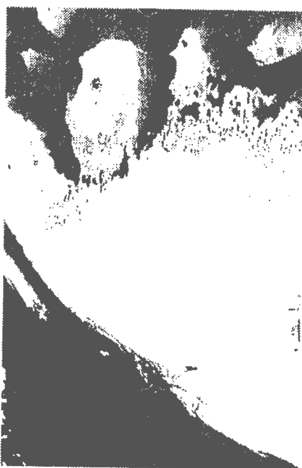
Đứng bên này một tình yêu riêng thầm qua môi nhau hôn lại bao nhiêu người yêu cũ

PHẠM VIỆT CƯỜNG



MAI NINH

Mây một ngày



Ba hồi chuông ngân dài đánh thức tôi vào năm giờ sáng. Mây vẫn ngủ say, nằm nghiêng người, đầu gối lên cánh tay tôi không biết tự lúc nào. Đỡ nhẹ đầu Mây đặt xuống nệm, tôi tìm chiếc áo rơi trên sàn mặc vào, rồi bước khỏi giường. Cánh cửa ra hiên vẫn mở suốt đêm, hôm qua trời vô cùng nóng bức và mãi về đêm, mưa xuống. Hương gió man mát thơm thơm mùi trầm quen thuộc thường thoảng qua căn phòng này vào sáng sớm. Cánh tay Mây đã gối đầu đâm nhưng nhức và một cảm giác hâm hấp ướt từ bụng kéo dính làn áo lụa mỏng manh. Ngoài hiên, bụi mưa còn đậu lại trên những thành gỗ ban công, tôi hít thở thứ hơi ẩm dịu dàng. Chỉ mới vài ngày về ở căn phòng vợ chồng người bạn cho mượn, tôi đã có thói quen dậy sớm vào lúc chuông chùa đổ lần thứ nhất. Không gian khi ấy tĩnh mịch, hương nhang lẫn mùi cây lá từ vườn dưới đưa lên mê hoặc tôi ngay tự buổi đầu. Một ngôi chùa cũ xưa giữa một thành phố ồn ào hỗn độn từ đường xá, kiến trúc tới cách sống với con người là một điều lạ. Chắc cũng chẳng ai thấy chướng ngại gì khi có chiếc ban công ngang nhiên vô lễ nhìn xuống các tượng Phật trầm tư trong sân chùa như vậy. Tôi dựa vào khung cửa, cây bàng cạnh hàng rào vươn tới tận tầng lầu tôi đứng với những chiếc lá to bản đã xanh mướt đi nhờ tắm đẫm sạch sẽ sau cơn mưa. Một cành xòe ngang góc mái chùa

ngói phủ kín rêu xanh, như thể lá đã che không cho nắng lọt xuống đấy bao giờ. Tất cả lắng im, chưa tiếng rao hàng, chưa tiếng honda bình bịch trong khu xóm chung quanh, cơ hồ có thể nghe ra cả hơi thở Mây đều đều sau tấm màn the phơ phất, cùng với nước róc rách trong hòn non bộ giữa sân chùa. Mọi thứ ở đó đều cũ kỹ đều mọc rêu nâu, xanh ủng, từ hòn núi nhỏ tới những chùm cây, thỉnh thoảng mới hé ra vài ánh sứ sành xanh ngọc hay trắng ngà của màu áo tiên ông hay ngư nhân thả thuyền câu cá. Xa hơn, sau hòn non bộ, qua mấy thước gạch tàu đỏ đã mòn trũng là những cánh cửa gỗ đưa vào chính điện, chúng hãy còn khép kín. Vậy mà nơi bốn góc sân, những miễu thờ đã bốc khói nhang.

Mùi hoa sứ nhè nhẹ dâng lên cùng cảm giác mệt mỏi, tôi định trở vào với Mây, bỗng cánh cửa nhỏ phía trái gần gốc cây bàng kèn kẹt. Một ni cô vất chiếc khăn trắng trên vai, tay xách cái chậu đi đến vòi nước cạnh hòn non bộ. Tôi nhìn sững vào màu áo vải nâu nổi bật cần cổ trắng, mắt tự nhiên hoa lên, tôi ngoảnh vào phòng, hơi thở nghẹn. Mây đã nằm ngửa lại, một cánh tay thả lỏng bên thành giường, ngực nàng thênh thang tốc khỏi tấm ra xanh đậm. Mây, Mây ơi, ra coi cô Ba, cô Ba đã ngủ dậy đang giặt đồ trong sân. Tôi gọi Mây rối rít, hình như có tiếng xe gắn máy của người đàn ông vừa ra khỏi nhà cô Ba bằng ngõ sau, khuất hẳn tầm nhìn từ chiếc ban công này. Cây gòn sừng sững trước ngõ nhà cô tới kỳ nở hoa, những đám bông trắng bay lùng bùng theo gió, lọt vào tận căn gác phòng tôi, bám trên bệ cửa. Nụ bông to, trắng tròn điểm hột gòn như ngực Mây với núm vú đã bày ra bung mở. Mây không dậy ra xem, Mây ú ớ dùi mặt vào gối, tay quờ quạng tìm kiếm. Mây không ra nhìn cô Ba vò quần áo trong cái chậu nhôm đầy bọt xà phòng, mái tóc cô vừa gội ướt rượt đen nhánh. Mây vẫn thích ngó cô Ba những lúc ấy, Mây cười nháy mắt, hai lúm đồng tiền xoáy hẳn vào, vành môi trễ xuống. Sao chỉ một ngày mà cổ xài nhiều quần lót thế hở mày? Ừ, phải, trên giây phơi, tôi và Mây cùng đếm ba bốn sáu bảy chiếc quần nhỏ đủ màu ren rua đong đưa. Cô Ba đứng dậy rũ rũ mớ áo quần vừa vắt. Ni cô rửa mặt xong lê tiếng guốc, cánh cửa nhỏ lại kèn kẹt khép. Cô Ba đã vào nhà và sắp sửa trang điểm. Chiều chiều, có khi cô trở ra sân, điếu thuốc lá hững hờ trên ngón tay. Giữa ánh nắng cô khác hẳn, rực rỡ hơn với mái tóc bới cao bỏ rớt lại vài sợi trên cần cổ, vẫn trong bộ quần áo đen muôn thuở nhưng môi son và móng tay đỏ chót. Tối tối nhìn sang, cô đã đóng chặt cửa liếp, kéo cả màn che, nhưng ánh đèn vẫn lọt ra ngoài vừa mang vẻ thân mật quyến rũ lẫn bí ẩn. Tôi còn quá ngây thơ, chưa hiểu mấy chuyện gì sau cánh cửa, Mây chẳng lớn hơn nhưng tỏ vẻ rành rẽ, thầm

thì vào tai khiến tôi đỏ mặt.

Tôi nhắm mắt lại rồi mở ra. Không còn sân nhà cô Ba, chỉ là vườn chùa ươm màu quá khứ u uẩn. Hoa gòn, cô Ba và thời gian mất bóng. Tôi thở ra, vào nằm cạnh Mây. Như thấy hơi người, Mây quay sang ôm chầm lấy tôi nhưng rồi bất động. Gương mặt Mây đằm thắm hiền hòa hơn đêm qua, hơn cả hôm tôi về gặp Mây lần đầu. Không hiểu Mây mơ gì mỉm cười vu vơ. Tôi cúi hôn rèm mi Mây cong vút, hai hạt nước trào ra từ khóe mắt.

*

Khi chiếc taxi đưa chúng tôi vào đến thành phố, Mây đã có vẻ mệt. Thủ-Đức Sàigòn có vài cây số nhưng ngang Hàng Xanh, chẳng biết bao nhiêu ngả mà xe cộ quay mòng, tưởng không bao giờ có được lối ra. Trước đó, trên đường về Mây ngồi không yên, chồm người ra trước, nhỏm nhìn sang bên. Thỉnh thoảng xe chạy sát những chiếc honda, Mây ngó chăm chăm vào mặt người đàn ông đang lái, rồi lắc đầu. Khi thì gần như sự thất vọng dịu dàng. Không phải ảnh, ảnh không đeo kính như ông này! Lúc Mây nổi cáu than phiền. Không giống hắn chút nào, sao ít đàn ông coi được như hắn vậy Vân? Tôi chỉ biết ậm ừ cho qua. Nhưng Mây xem vậy chẳng vừa, ngoảnh lại giương mắt bĩu môi. Sao Vân không thèm nói gì, từ ngày đi Tây đâm mềm èo như cọng nui! Tôi bật cười trước câu véo von của Mây. Mà cũng lạ, sau bao nhiêu năm xa cách, tôi đã thay đổi những gì để đến nỗi một người như Mây tự nhiên đổi cách xưng hô, không còn mày tao như hồi trẻ dại.

Sau khi ăn xong bữa cơm của bà cụ dưới lầu mang lên, Mây có vẻ tỉnh người, ngồi đong đưa chân trong chiếc ghế bành kê cạnh cửa. Từ trưa, trời oi và đứng gió, ấm ức mãi một cơn mưa chưa hả được. Chiếc quạt trần đẩy xuống hơi mát gượng gạo, thỉnh thoảng lay nhẹ hai tấm màn vải the thành lượn sóng. Mây đưa lưng bàn tay vuốt theo đùa nghịch. Mây cười. Tôi đem đến chiếc khăn ướt chùi mặt, Mây lẳng lặng cầm rồi vụt ném cao, chiếc khăn bay qua ban công rơi độp xuống sân chùa. Tôi vội vàng khép cửa. Mây dãy nảy nóng nóng, hai tay nắm ngay vạt áo giựt mạnh, hai hàng nút bóp bựt ra, Mây không có sú chiêng, lộ tung nửa người. Tôi qùi xuống cài áo, Mây bỗng chụp lấy bàn tay tôi áp vào ngực mình xoa xoa. Tôi rút tay ra nhưng Mây càng giữ chặt rồi cầm lên mân mê tròn tròn từng ngón, từ ngón cái tới ngón đeo nhẫn. Không khí hầm hập chùng nặng hơn như hơi thở Mây, trong khi tôi nghe rõ từng tiếng đập trong ngực mình. Cuối cùng Mây

chọn ngón tay trỏ của tôi, vuốt ve quanh đầu ngón rồi cúi xuống cho vào miệng, đôi môi chụm lại, vẫn đầy nét như năm xưa. Sao lại thế, sao thế được Mây ơi. Người tôi vừa run mà bầu ngực căng cứng, hai đầu gối qùi trên sàn như muốn vỡ vụn. Tôi mất thăng bằng chúi người vào Mây, nàng không để ý, mắt vẫn mở nhưng chẳng biết thấy gì chăng. Vài sợi tóc mai vương vấn hai bên thái dương đập phập phồng, Mây mải mê chậm rãi đẩy lưỡi vẽ quanh ngón tay tôi những đường tròn âu yếm. Từ bụng Mây bốc lên một thứ mùi nồng ngái không định được, mùi cỏ, mùi xà phòng rẻ tiền, mùi mây tre hay của đất bùn nắng gió ngoại ô.

Tôi vùng giật tay ra, đứng dậy kéo Mây theo. Tối rồi, đi tắm. Mây thảng thốt chùn lại. Tôi dỗ dành. Đi tắm rồi đi ngủ. Mây chợt nghe ra gục gặc đầu, dựa dính người và ôm sát cổ tôi, dịu dàng ẻo lả, nói như hát. Ngủ đi ngủ đi, ngủ sau cơn mưa ướt đẫm đời, sau cơn mưa móc. Vào tới phòng tắm, tôi giúp Mây cởi áo, nàng để yên ngoan ngoãn. Vừa vặn vòi nước, Mây ra dấu chỉ về phiá cửa xua tay, ý đuổi tôi. Mây tắm một mình được chứ? Nàng gật gật và đẩy mạnh tôi ra. Lòng chẳng yên, tôi bật chiếc truyền hình, đã tới giờ tin tức. Bên kia, thế giới của tôi đang bừng bừng sôi động, Gorbatchev tuyên bố perestroka, nơi bức tường Bá Linh người ta tiếp tục reo hò đập ra từng hòn gạch. Bên này, vài hình ảnh chớp qua mau chóng quá, như những lần sét loé nhanh ngoài trời. Tôi bước ra ban công, hy vọng tìm ngọn gió để dịu đi những bứt rứt kỳ lạ trong người. Một đường chân trời hẹp, đỏ ối đằng xa, cắt ngang bầu mây đen chùng thật thấp trên những khu xóm nhấp nhổm quanh đây. Cạnh ngôi chùa, vài cái cửa gỗ bong sơn cao thấp mở ra một con ngõ không rộng hơn một thước. Mấy mái tôn rỉ sét gập ghềnh chồng chất, chúc xuống con hẻm cùng những mảng ngói chênh vênh hỗn độn. Hẻm quá chật nên vắng người qua lại. Ngọn đèn vàng lù mù lơ lửng đong đưa trên sợi dây điện trần trụi, giăng ngang giữa hai cọc cây. Một người đàn bà mặc áo vải hoa ló ra từ một trong những cái cửa nhỏ, quẹt quẹt đôi dép nhựa vào hòn gạch ở thềm rồi đội chiếc nón lá lên đầu che mấy hột mưa. Dáng bà lẹt đẹt đi hàng hai, gầy thó giữa không gian vừa thấp vừa hẹp, không khác gì hình ảnh bà mẹ Mây tôi mới gặp hôm nào.

Căn nhà ấy nằm dưới cả mặt đường, tối tăm tưởng chừng có bước hẳn vào với cặp mắt cú cũng không thể nhìn ra vài thứ đồ vật lỏng chỏng bên trong. Người đàn bà đang nằm lặng im trên chiếc võng giăng giữa nhà nhỏm dậy tiến ra cửa, khi thoáng thấy bóng tôi. Bà lấy tay che ánh sáng hắt từ ngoài đường đất, mắt hiêng hiếng nhìn, rồi bất

ngờ sụp xuống oà khóc dưới chận tôi. Hốt hoảng tôi lùi ngay lại đưa tay đỡ lên. Mẹ Mây đó, người đàn bà cách đây hơn hai mươi năm còn điệu hạnh duyên dáng bây giờ ra đến thế này. Dưới những sợi tóc xơ xác là đôi tròng mắt bạc. Hai bàn tay nhăn nhúm khô đét, chấp lại vái vái. Bất giác không gian trước mặt tôi khoanh gọn, hút lại thành một mảnh vuông thẫm tối mang một đốm nâu ở giữa nhòa nhòa, là căn nhà và khuôn mặt lạc thần già nua ấy.

Mấy đứa trẻ đang đá banh bên vệ đường thấy tôi dáng dấp kẻ lạ, xúm lại chung quanh xì xào. Việt kiều, việt kiều da trắng nhỡn. Chà, cái túi xách coi bộ nặng dữ, chắc việt kiều sắp cho bà già đô la. Trật lất mày, tiền việt nam mới nặng, đô la nhẹ hều. Tôi không thể nào thở nổi được nữa. Cơn giận dữ lẫn hổ thẹn nhói tim và mắt cay sè. Bỏ bà cụ lại đó, tôi bước vội lên mặt đường, vừa đi vừa chạy về chiếc taxi còn đợi cách đấy một quãng. Tới được chiếc xe, thấy anh tài xế còn ngồi trong đó, tôi mới dừng lại nhìn trở lui. Bà mẹ Mây cũng đã leo lên đứng giữa đường, ngó về tôi trân trân. Đám trẻ con tiếp tục hò hét trêu chọc. Mấy chiếc xe gắn máy chạy ngang. Giữa đám bụi mù tôi chợt nhìn thấy Mây, nàng dang tay quay vòng, áo mở tung, quần phất phới. Mây đang lượn múa theo một điệu vũ, chân bước, miệng đếm, một hai ba. Tóc Mây dài, dài quá. Bao nhiêu năm tóc chảy hầu đã chấm chân, theo vòng múa tung ra như những nhành bạch tuộc. Không rõ bằng tay hay bằng tóc, Mây chụp lấy một gã thanh niên trên xe gắn máy, hắn né người hất mạnh, nàng chạy theo, chới với. Hàng xóm hai bên đổ ra, mấy người đàn bà xúm lại ôm Mây, kéo áo quần cho nàng. Bọn đàn ông hai bên chỗ mắt rồi nhìn nhau tủm tỉm. Lũ trẻ vỗ tay reo hò. Còn mẹ Mây, vẫn đứng yên, ngó sững vào những bụi nắng lung linh, hay có thể vào một điều gì không có hình ảnh. Tôi chui tọt vào xe, hối người tài xế. Chạy đi, chạy mau đi. Anh ta quay lại nhìn tôi, ngơ ngác.

Vài giọt mưa nặng đột nhiên độp xuống mái tôn, kéo theo tràng sấm ùng ùng chuyển ngang trên đầu cùng tiếng đồ vật rơi loảng choảng trong phòng tắm. Chết rồi, Mây. Tôi vội vàng chạy vào, đẩy cửa. Những chai lọ mỹ phẩm của tôi cùng thuốc gội đầu, cục xà phòng...bị Mây hất xuống sàn, tung toé trong vũng nước. Chiếc khăn tắm dầy cuộn tròn, kẹp giữa hai đùi, Mây đứng dưới làn nước, đang với với cái vòi sen trên cao. Mây không thèm để ý đến tôi, buông vòi sen, hai tay miết cuộn khăn chầm chậm lên xuống giữa đùi, nhắm mắt cong người theo động tác.Tôi đứng lặng ở cửa nhìn nàng trân trối. Chẳng ngờ thân hình Mây còn đẹp thế, những đường cong từ ngực

xuống bụng uốn lượn cân đối. Bao nhiêu sức sống như muốn bứt ra khỏi làn da căng hồng. Thảo nào, Mây đau khổ. Hồi xưa, tôi chỉ biết một Mây dậy thì tươi mát, thích ghé học bài với tôi và nhất là tò mò về cô Ba, người đàn bà ba mươi ở sau căn gác nhà tôi với những người đàn ông của cô vào ra dưới bóng cây gòn. Bây giờ Mây đàn bà, tràn đầy bức xúc đến thất thần đảo loạn. Đột nhiên, Mây quăng cuộn khăn vào góc phòng rồi ngồi bệt xuống vũng nước, đập đầu vào tường, hai tay vò tóc, rít giọng cười.

Lúc tôi choàng chiếc áo ngủ của mình cho Mây rồi đưa nàng vào giường thì trời sập tối nhưng mưa vẫn chỉ lộp độp vài hạt cầm hơi. Sau khi khóc xong, Mây như mệt mỏi, thụ động. Điện đã bị cúp như thường lệ. Tất cả chìm trong một thứ bóng tà thinh lặng. Tôi nằm xuống cạnh Mây, ngó mông lung ra khung cửa để mở. Trời thiếu gió, tấm màn đứng yên thõng thượt, nhưng hồn tôi không ngừng xao động ray rứt. Tôi quay sang Mây, nàng mở mắt ráo hoảnh, hai tay và chân duỗi dài trên nệm, gương mặt thật buồn và lạnh. Một nỗi xúc động dâng lên nghẹn ngực, tôi luồn những ngón tay vào mái tóc ngắn còn hơi ẩm, thơm mùi dầu tôi đã gội cho Mây. Ngày xưa Mây để tóc dài giống cô Ba, tóc một dòng chảy mượt sau lưng. Tôi hay nghịch cuốn quanh tay, búi thành lọn. Mây ghét ai sờ tóc mình nhưng với tôi, Mây làm ngơ. Tôi thầm thì. Tội Mây quá Mây ơi. Nàng như nghe thấy, quay sang, hai tay choàng qua cổ tôi từ từ thả xuống rờ rẫm bờ vai rồi luồn vào sau làn áo. Mây bây giờ đẫm mùi quen thuộc, mùi của chính tôi, của kem thoa da và nước hoa táo xanh tôi yêu thích. Cả người Mây rướn cong, áp sát, bàn tay dồn từng làn sóng từ lưng tôi ra trước ngực. Sóng trào dâng vươn lên phủ trùm đồi ngực rồi dừng lại ở đỉnh điểm cao nhất bằng những xoay tròn vuốt ve ngầy ngật. Tôi nhỏm dậy đẩy nhẹ Mây nằm ngửa, chầm chậm hôn sâu lên đôi mi khép, vành tai, viền môi rồi lút vào cổ nàng, trườn người lên Mây. Như chạm phải luồng điện Mây rung người, hai tay giật tung quai áo của mình rồi cấu chặt hông tôi qua làn lụa mỏng. Tôi lần xuống sâu hơn, mềm môi trên làn da căng ấm và đầu vú cứng tròn. Mây lấy tay tốc áo tôi, hai chân co lên ghì níu. Từ đấy, lúc Mây thảng thốt, lúc rền rĩ, và tôi đã nấc lên với nàng tiếng kêu sau cùng òa vỡ với cơn mưa.

*

Sáng nay tôi đã trả Mây về nơi nàng ở. Trên đường xa lộ, anh tài xế ngừng xe ở một quán phở có hồ sen còn sót lại vài bông màu đã nhạt quá mùa. Gần trưa mà quán chật ních, tôi và Mây ngồi đầu bàn,

nửa kia dành cho hai người đàn ông đến sau. Một trong hai có cặp mắt dài xoáy vào tôi rồi quay sang Mây. Người kia hay cười, hàm răng vàng nhựa thuốc lá, nhưng mắt nhìn thẳng ra ngoài hồ sen, tỏ vẻ không chú ý đến hai người đàn bà lạ ngồi bên. Tôi, trong quần jean và áo thun ngắn, khác Mây, với bộ bà ba vàng nhạt. Tôi vắt chanh vào hai tô phở, Mây lùa đũa vài ba lần, liếc gã đàn ông mắt dài làm tôi đâm bực, giục ăn đi. Mây bỗng đẩy ngang bát phở qua bên, giọng gọn lỏn. Không ngon bằng phở bà Lùn. Tôi bật cười. Sao không bằng. Mây chẳng đáp, cúi xuống mân mê cọng giá trắng muốt. Đột nhiên nàng nói to. Phở bà Lùn năm trăm một tô, mẹ bảo Vân gửi cho Mây một ngàn, Mây ăn năm trăm, còn để dành cho cu Tuấn. Rồi tự dưng Mây trợn mắt giận dữ. Mấy người nói láo, lường gạt, ta biết nó chết, nó chết lâu rồi phải không? Người đàn ông răng vàng không cười nữa, gã mắt dài ngó sững chúng tôi. Đặt vội mớ tiền lên bàn, tôi kéo Mây đứng dậy đẩy đi. Mây vẫn nhùng nhằng chưa nguôi. Tôi van xin. Đừng hỏi nữa Mây ơi. Tôi muốn ôm nàng vào lòng như buổi trưa hôm ấy, giữa sân đất đầy nắng và gió khi tôi đến tìm Mây sau nhiều năm trời.

Nắng hắt từ ngoài cánh đồng, chiếu sáng những mái tôn của hai căn nhà trệt thấp lè tè nằm thẳng góc, chừa ra một khoảng sân loang nắng dưới dàn mướp còm cõi. Thấy tôi vừa bước xuống honda vừa bỏ cặp kính mát, Mây đang ngồi đan giỏ tre trên chiếc chõng gần gốc cây đã toét miệng cười. Không có nụ cười này làm sao tôi nhận ra đứa bạn gái thân thuộc của mình ngày xưa. Tôi ngỡ ngàng chầm chậm bước đến gần Mây, nàng gọi nhỏ. Vân đã về. Chẳng ngờ Mây còn biết cười và nhìn ra tôi. Điều lạ, trong cảnh sống thiếu thốn mọi thứ nhưng Mây trông mập mạp hơn hồi con gái. Nước da hồng quân thủa nọ giờ càng đậm đà. Chung quanh nàng những lạt mây tre ngổn ngang. Một cô gái nhỏ mặt ngờ nghệch cũng ngồi đan ở đấy thấy tôi, nhe răng cười, đầu đẩy đưa như quả lắc đồng hồ.

Tôi ngồi xuống cạnh Mây, nàng xoè bàn tay trầy sát những lằn tre cứa vò vò bâu áo trắng của tôi. Nụ cười đã tắt. Tôi cảm động chưa biết nói gì, Mây bỗng hỏi. Sao Vân đi học không mặc áo dài. Rồi nghiêng đầu về phía người bạn đã chở tôi đến đó, đang châm điếu thuốc cạnh chiếc xe, nàng trách. Bữa nay gan bằng trời rồi nghe, mà hắn là ai sao chưa gặp. Mây cứ tự nhiên nhìn ngắm anh ta. À, không mặc đồ lính, ư, đừng thèm yêu lính. Thời này yêu lính đầu quấn khăn tang nhanh lắm Vân à. Tôi nghẹn ngào kéo ôm vai Mây. Hết chiến tranh, hòa bình rồi Mây ạ. Nàng ngả đầu, mái tóc đã vương dăm sợi bạc. Chẳng còn phân định thời gian, Mây lùi lại từ thủa tôi mặc áo dài

trắng mỗi sáng đến trường, đứng đợi Mây dưới gốc cây ngâu nở từng chùm hoa li ti thơm ngát, ở cổng nhà nàng. Mây xách cặp bước ra yểu điệu than thở. Đêm qua nóng quá tao ngủ không được. Chị người làm đang bới tóc cho bà mẹ Mây ở hiên cười hinh hích. Cô Mây thức đêm viết thư tình, anh chàng mặc áo lính trây- yi bữa nọ kia tề. Mây nguýt dài, kéo tuột tôi đi. Mẹ nàng dặn với. Này con Mây lo mà học như con Vân, đừng có lúc nào cũng mơ với mộng!

Gió nóng ngoài ruộng lốc lên làn bụi cỏ, lá khô và những vụn tre họp nhau chạy tròn trên sân đất. Mây bỗng đứng dậy, đi thoắt ra giữa cánh đồng chỉ toàn là cỏ may mọc cao. Ống quần bà ba rộng lất phất tới đâu, muỗi mòng bốc bay lên, cào cào bị động nhảy loi choi. Tôi sợ, gọi to. Đi đâu Mây ơi, cỏ may chích chân đau lắm. Mây tiếp tục bước, tay xua xua. Tôi mở lớn mắt. Ruộng cỏ đang dâng cao dần lên, cao mãi và Mây sắp ngập chìm mất hút trong dòng sông xanh dập dềnh bọt nước bạc. Hai bà sơ từ trong nhà nghe tiếng động chạy ra, một bà còn trẻ cùng người bạn tôi xông vào kéo Mây lại. Nàng vừa dằng co vừa hét. Khi Mây bị đưa trở lại chiếc chõng tre, nàng sừng sộ, giựt mạnh cánh tay khỏi sự kềm giữ, nhưng sau đó ngoan ngoãn ngồi xuống bên tôi. Mây lại hiền từ như trước, vẻ suy nghĩ đăm chiêu, cất giọng trầm trầm quan trọng. Này Vân, nghĩ xem, cu Tuấn học giỏi thật, nhưng mới mấy tuổi đầu mà đã được nhà nước cho đi du học rồi à, vô lý, ngày Vân đi, đã mười tám. Tôi sững người trước câu nói rành rẽ của Mây. Bà sơ già đứng ở ngưỡng cửa chắc lưỡi. Lúc này lúc khác. Tôi nói ngày mai trở lại đón Mây. Bà sơ ngần ngừ, rồi than phiền về hai căn nhà dột tứ tung cần thay mái, giỏ đan bán không đủ chi tiêu. Rất ít người được mẹ thăm nuôi như Mây, còn để lại tiền cho ăn phở quán bà Lùn, ở ngay đầu lối rẽ. Tôi đứng lên mở túi xách. Bà sơ lấy khăn chặm chặm cặp mắt lem nhem. Mây ngồi co chân cặm cụi gỡ những bông cỏ may bám đầy hai ống quần, trán lấm tấm mồ hôi. Tôi cúi xuống xiết nhẹ vai nàng. Ngày mai mình về, đi phố. Mây ngửng lên, lặng thinh, rồi mắt mênh mông hướng ra cánh đồng cỏ vẫn sáng rực. Bất chợt tôi nhớ và thèm hình ảnh hai đứa đèo nhau trên solex, trong chiều Sàigòn cuối năm khô và gió.

*

Gom nốt vài món đồ cuối trong tủ áo vất vào chiếc vali mở toang trên giường, đầu óc tôi lãng đãng. Bó cúc vàng một tuần qua cắm trong bình tàn quá mức, những cánh hoa rụng xuống mặt bàn cũng đã khô quăn. Không ngờ từ hôm gặp lại Mây, tôi bập bềnh trong

chuyến về quê hương. Chủ tâm đón nhận những cảm xúc, suy tư khách quan bị đẩy lui, mất biến. Tâm thức trôi giạt vào dòng sông ký ức, và hiện tại bị xoắn bện những sợi dây cước cứa rát vô hình. Mấy bộ áo quần mỏng manh đem về mặc xứ nóng, dăm ba món quà gom được trên con đường phố chính thướt tha nhộn nhịp những chiều thứ bảy năm nào, giờ vừa thân thuộc vừa lấn cấn như một người tình cũ. Tôi cúi xuống cầm lên xấp bưu ảnh quê hương, kỹ thuật in ấn còn lèm nhèm màu mè xanh đỏ. Trong đó lẫn một phong thư mang dấu bưu điện cách đây hơn ba năm, lúc bà mẹ Mây còn khá tỉnh để viết cho tôi về những năm tháng ấy. Ở phía bên kia đời sống, tôi làm sao mường tượng nổi giông gió nào đã thổi giạt cả hai người đàn bà đài các vào vùng mây mù lạc hướng. Trong sương trời dầy đặc, Mây mềm mại xưa có lúc chìm đắm, có khi bưng bưng bức xúc đoạn trường tới thênh thang thân xác giữa phố phường như một phản kháng tuyệt vọng. Như thể những cơn động đất này đã phá vỡ nhưng vẫn chưa đủ tan hoang sự sống nàng.

Sau tờ thư ấy, thỉnh thoảng mẹ Mây chỉ còn viết được dăm hàng, rồi bặt hẳn cho đến lúc tôi về, để thấy hiện tại và quá khứ nhập nhoạng chất chồng lên nhau như mảnh vuông u tối mang đốm tròn nâu chờn vờn chuyển động. Không gian vừa lung linh những bụi hoa cỏ may vừa tung hê từng mớ bông gòn trắng bung năm cũ. Ký ức bị cắt ngang bởi thực tại bằng những lạt mây tre chuốt sắc, Mây ngồi đan từng chiếc giỏ nơi căn nhà mái tôn nhòe nắng. Tôi xé toang bức thư ra làm hai, trọn gói trong phong bì, đứng dậy vào phòng tắm tìm sọt rác. Ánh sáng giữa trưa từ cửa sổ nhỏ rọi vào tấm gương cùng khuôn mặt tôi trên cái cổ cao gầy. Đôi mắt Mây nâu mơ màng có đuôi, trong khi mắt tôi đen hạt nhãn tròn. Bây giờ màu mắt Mây đã bàng bạc khói sương, còn tôi, vẫn mở to nhìn mình cùng mọi điều trước mặt. Nhưng hôm nay, tôi thấy được những gì, từ tôi, đột nhiên đã khác. Kéo chiếc áo tuột khỏi đầu, bất chợt đưa tay mân vòng khoanh bụng và khuôn người trắng trần mỏng mảnh. Mây đã xa rồi nhưng màu da và bộ ngực Mây thắm và đầy, rưng rưng nỗi sống còn dấy niềm rạo rực quanh đây. Lại khoác áo vào. Những lược gương, mỹ phẩm còn lỉnh kỉnh trên kệ. Bỏ tất cả lại hay đem đi. Từ hôm có Mây, tôi không còn trang điểm, phấn son tựa tuồng tích bên cạnh Mây tự nhiên bồng bềnh. Chỉ có mùi hoa táo xanh vẫn là một nỗi gì gần gũi. Liệu Mây biết chăng, tôi đã bỏ hương thơm đó vào túi quần áo nhỏ cho Mây khi đưa nàng về với cánh đồng cỏ may trưa ấy.

Tôi ra đóng hai cánh cửa ban công. Lung linh bóng lá trên sân gạch vườn chùa. Mấy chậu mai chiếu thủy thả đầy những bông hoa

trắng. Màu hoa sứ thắm hơn giữa nắng ban ngày. Hai ông Thiện và Ác mặc áo xanh đỏ, sừng sững đứng dính vào hai bờ tường bên ngoài chính điện. Ông Ác giương đao trợn trừng như sẵn sàng chém xuống người thế gian trần lụy. Ông Thiện dáng chừng bất lực, mắt buồn bã trầm ngâm trên chiếc chiếu hoa trải ra tận thềm. Hình như sắp là giờ khóa lễ, thấp thoáng những ngọn đèn hoa sen cháy đỏ và vài bóng người qùi gối sau khung cửa. Tôi loay hoay tìm dáng ni cô nhỏ nhắn. Có phải chính cô đã đổ những hồi chuông gióng dài trong hồn tôi một quá khứ. ''Đêm trước ngày đi nằm đợi tiếng chuông''. Bây giờ mới hai giờ trưa, không phải là đêm cuối cùng xưa, khi tôi và Mây đã vào giường bỗng nghe tiếng kẹt cửa vọng lên, vội tung mùng chạy ra. Bắt gặp cô Ba sắp bước vào căn nhà tắm nhỏ trong góc sân, tấm áo cô khoác lơ lửng trên người không cài nút. Ánh trăng lóng lánh trong vại nước và trên da thịt cô màu sữa đọng. Đã đôi lần, chắc không còn ai chờ đợi trong nhà, cô nhẩn nha đứng dựa gốc cây, thản nhiên phơi trần nửa người trong đêm hâm hấp. Khuôn mặt khuất trong bóng tối cành lá, chỉ có đầu điếu thuốc chập lên từng đóm sáng ma trơi. Bao nhiêu năm trời đã qua, hình ảnh cô Ba vẫn dậy trong tôi những cảm giác rộn rạo, nôn nao cùng bất an, lẫn lộn. Chẳng hiểu Mây còn nhớ gì về người đàn bà đã từng mê hoặc Mây không. Chỉ ngày rằm, mùng một, cửa nhà cô mở rộng. Cô thong thả ra sân bày hoa quả thắp hương, dưới ngọn đèn treo trên cành trứng cá. Khói nhang bay tỏa khuôn mặt cô thành khẩn. Cô nào biết rằng trên căn gác tắt đèn có cửa sổ xanh đối diện, hai đứa con gái đang nhìn cô khấn khứa.

Mây đứng sau lưng, phà hơi thở nóng vào gáy tôi, thỉnh thoảng ngưng lại như đang hồi hộp đợi chờ một điều gì bất chợt sẽ xảy ra. Hai bàn tay Mây dịu nhỉu xoa vai tôi rồi vuốt lần xuống cánh tay trần. Sao vai mình không tròn như cô Ba mày nhỉ. Rồi Mây tiếp tục suýt xoa. Giá cô Ba mặc quần áo trắng dưới trăng chắc ma quái lắm. Tôi gật đầu, trong bóng tối. Cổ mà thành ma sẽ bắt hồn mày trước. Mây bấu vai tôi cười khúc khích. Tao đi trước rồi mày theo sau. Tôi phản đối. Theo mày làm gì. Mây tỉnh queo. Thì, cho biết vậy mà. Tự nhiên tôi thấy lạnh người. Thôi đi, nghe mà sợ, mày làm tao tưởng nhà này ở phố Đạm Tiên. Mẹ tôi dưới nhà gọi lên. Hai đứa không ngủ đi, ngày mai con Vân ra phi trường sớm đó nghe. Mây bỗng thả lỏng bàn tay, im lặng bất ngờ. Tiếng cô Ba xối nước từng đợt rào rào trong đêm khuya. Đồng hồ bên nhà hàng xóm thong thả điểm hai hồi rõ rệt, buồn bã.

Không gian mòn cũ rêu phong và hai cánh cửa căn phòng này rồi cũng như quá khứ, phải khép lại. Nhưng ngọn suối trên hòn non bộ sẽ đổ mãi xuống dưới chân cầu dòng nước thời gian. Mây đã qua đây

một ngày. Những gì chúng tôi vừa chợt sống với nhau Mây có nhận biết chút nào chăng, trong khi nhiều chuyện ngày xưa vẫn rõ ràng tựa hồ hiện tại. Nếu có, Mây sẽ sống ra sao với cảm giác sâu hút lẫn tan tành, dấu vết của đêm mưa ấy, trong những ngày còn lại. Nhưng dù thế nào thì tôi cũng sẽ đi, bỏ Mây trôi mãi một mình trong chập chùng ẩn ức. Tất cả đã đóng chặt. Tôi lê chiếc vali tới gần cửa ra vào cạnh cầu thang, để chốc nữa người tài xế xách xuống cho tiện. Giờ, tôi đi chào một vài người thân trước khi ra phi trường. Không phải để rồi bay đến một thành phố, một xứ sở hoàn toàn xa lạ, như ngày mười mấy tuổi, lần đầu ra đi, có Mây mong manh vẫy tay tiễn biệt, mà để trở về nơi cư ngụ. Chẳng mấy chốc, tôi sẽ bỏ mình cuốn đi băng băng vào một dòng đời khác, như đã từng.

Khoá hai vòng cửa, đi xuống cầu thang rồi băng qua con hẻm nhỏ, tôi bước ra đường phố. Nắng bỗng dịu đi, những cuộn mây cuốn tròn trên đầu và một làn gió nhẹ hong khô mấy giọt mồ hôi rịn ướt trên trán. Con đường này khá yên tĩnh, buổi trưa càng thưa vắng. Anh taxi thường đón tôi đến muộn. Bên hè phố, gánh đu đủ đỏ cam, từng miếng cong cong xếp đều trên hai thỏi nước đá đầy vết trấu. Người đàn bà ngồi bán đang cúi đếm xấp tiền mỏng với hai bàn tay sạm cháy, nhác thấy bóng người liền ngửng lên chào mời. Một giọng nói thanh và nhẹ. Tôi giật mình hơn trước nụ cười tươi với hai lõm tròn sâu trên má. Chiếc xe đã trờ tới sát bờ, tôi mở cửa bước vào, ngoảnh nhìn cô thêm lần nữa. Anh tài hỏi đi đâu, tôi buột miệng thốt một câu rồi buông đầu vào thành nệm.

Mây mặc áo cánh trắng, đang lúi húi tưới rau với bà sơ trẻ trên mấy luống cải ở hông nhà. Mọi thứ nơi đây hầu như khô, trống. Ngay cả những vồng cải cũng chẳng đủ sức mọc cao, chỉ có đồng cỏ may xem chừng hớn hở. Bà sơ lăng xăng bên Mây, cười nói lép chép, nhưng Mây không trả lời, lặng lẽ ‑ê cái gáo dừa rót từng sợi nước, rồi lại đến thò vào cái lu dưới ống máng nghiêng vẹo, thõng xuống từ mái nhà. Thỉnh thoảng Mây đưa tay vén tóc ra sau tai. Tôi xót xa lặng nhìn, cử chỉ này thân thuộc quá. F ̃ng Mây ngửng lên ngó ra đường nắng. Tay vẫn cầm gáo dừa, nàng trân trối. Rồi tôi chỉ kịp nhận ra một bóng trắng ập tới, bao quanh, xiết chặ. lấy mình. Tôi chới với dang tay ôm lấy vòm mây, dúi mặt vào một điều rất thực. Nào ngờ, từ đó, mùi táo xanh rưng rưng, trên da thịt Mây nó đã hấp hương đằm thắm. Những ngón tay cuống quít níu chân tóc tôi, môi Mây lần quanh cổ gặm nhẹ vành tai. Bỗng dừng lại, thì thầm. Vẫn có điều kỳ diệu trên đời, tao tưởng sau đêm mưa, mày không đến nữa. Tôi sững sờ, đẩy



NGHĨA HÀ

Tự biết

Có những giọt nước mắt dâng lên và không bao giờ rớt ra ngoài
Vì hạnh phúc.
Hạnh phúc bắt đầu từ một bài hát cũ
Từ một câu thơ từ một dòng thư
Ta nhận được của một người bạn cũ
Những ngày bơ vơ.

Có những giọt nước mắt dâng lên và không bao giờ rớt ra ngoài
Vì đau đớn.
Ở một nơi nào đó trên thế gian này
Có những quả bom man rợ rơi xuống
Dưới đó là những con người yêu mặt trời
Là những tháp đền của tự hào và hy vọng
Ở một nơi nào đó trên thế gian này
Có những cuộc tự lưu đày vĩ đại
Có những đứa trẻ âm thầm thu vào trong đáy mắt
Những nỗi đau của nhân loại muôn đời
Đói khổ và chết chóc
Thành hành trang trong kiếp người

NGHĨA HÀ

Mây ra, nắm lấy hai bàn tay mềm nhưng ram ram vết cứa. Vẻ bàng bạc ngờ dại trong mắt đã bay đi, Mây nhìn suốt qua tôi. Có những giọt nước của cơn mưa đang rừng rực bốc hơi trong tia nắng cháy.

MAI NINH
tháng năm 99 với ND và TV.



HOÀNG XUÂN SƠN

Chia sẻ cùng chị Phượng Giang và các cháu

Cũng vẫn là Nghiêu Đề

Chưa muốn về? Thì thôi, ở lại
cái ngươc nhìn của bạn, chao ôi!
đía thêm vài chặp đêm khuya lắc
râm ran dưới đất chuyện trên trời

Cũng vẫn là Nghiêu Đề dạo trước
ngó con mắt thấy cười mỉm chi
vẫn tốt lành cái thân, cái vóc
tà tà theo, đời gấp gáp gì

Dữ thần chưa! Tháng năm vùn vụt
cây chuối trong tranh chắc đã già
ở ngoài này bọn ta còn trẻ
vẫn chích chòe miệng nói ba hoa

Xưa, mặc áo chim hoa cầm cọ
giong chơi ở Lê Thánh Tôn - Nguyễn Du
trưa khát cổ vỉa hè Công Lý
ra Cái Chùa làm một ly de

Bầy ngựa gỗ nhong nhong thời trẻ
vui bạn bè đàn đúm ca ngâm
hứng ôm đàn lên gẫy một khúc
cũng rượu, trăng rười rượi hồ cầm

Sáng phố nằm quấp sương còn ngủ
thấy mùa xuân cả đám anh em
thấy mơ màng con mắt đời sống
thấy tâm hoa một đóa rất mềm

Rừng có cây dày xanh chôm đất
mặt trời sớm mai ngực yên lành
đêm đại bác rung xa thành phố
bạn ở lính về một khúc quanh

Ngã rẽ lên tranh đường chia cắt
tháng bôi đen màu mực thiếu thời
nửa câu thơ đành rành xẻ áo
xó đất nằm ngụm nước cầm hơi

Gặp lại mười năm sau phố biển
thủng thỉnh nói cười như chưa hề
chiều hai đứa ngồi nhìn sóng tấp
bãi cát duyềnh xóa một chân đê

Phà khói ấm nhìn ra đời cũ
góc xô bày từ hơi hám quen
ngủ một giấc say vùi chén khổ
trưa trật trờ kết một chiều thêm

Cứ tẳng tẳng Nghiêu Đề thuở nọ
gặp đây rồi đi đâu mà xa
hai đầu huyễn xúm nhau thành thực
quanh quẩn đêm nghe một tiếng khà

HOÀNG XUÂN SƠN



PHAN HUYỀN THƯ

Chuyến tàu trong mưa



Lam thấp thỏm nghe ngóng tiếng còi tàu từ xa vọng lại. Cứ khoảng hai phút một lần, tiếng còi hú dài xa xăm. Trời mưa to, chui tọt vào cái quán cà phê sát đường tàu, Lam ngồi gặm nhấm những thù hận của mình. Con trai bà chủ quán thỉnh thoảng lại liếc trộm vào ngực nó phập phồng sau lớp áo mỏng ướt mưa. Vừa mới đây thôi, Lam đánh nguyên bộ đồ ngủ từ giường lao ra đường tàu giữa lúc trời mưa định bụng lao vào đoàn tàu nào sớm nhất. Vậy mà dễ đến chừng nửa tiếng rồi, chỉ có tiếng còi hú thao thiết trong đầu, ý định tự tử như đang nhỏ theo những giọt nước mưa chảy xuống từ những lọn tóc sũng ướt. Trong đầu Lam văng vẳng, lẫn lộn, giữa tiếng còi tầu và tiếng mẹ đay nghiến hoa mày chóng mặt đuổi theo, cả tiếng ba nó tát mẹ bôm bốp...

Nhấp một ngụm cà phê rồi nhăn mặt lại vì đắng, Lam nuốt đánh ực, rồi lại miên man. Thực ra nó chẳng nghĩ gì, chỉ văng vẳng trong đầu những thứ lộn xộn. Bắt đầu là cạnh khoé ấp úng đến giằng co xin lỗi, rồi kết cục là câu biểu dương truyền thống: " Đồ khốn nạn! " . Ba mẹ Lam thường xuyên biểu dương nhau bằng câu ấy, và sau đó sẽ là tiếng tát nhau đôm đốp, tiếng va chạm huỳnh huỵch và tiếng rền rĩ sẽ kéo dài đến sáng. Bây giờ Lam cũng quá mỏi mệt với chuyện tìm hiểu xem ai bắt đầu trước và ai trả đũa ai. Lam đã không nhớ từ đêm nào nó

khóc thầm. Giờ thì những đêm như vậy nó muốn chết quách đi còn hơn. Từ khi nhận ra mình là tấm bia đỡ những viên đạn cạnh khoé của ba và mẹ, Lam chỉ khóc và tức muốn chết thôi. Trong nhà này, hễ cứ cãi nhau là giơ hàng đống những trách nhiệm và nghĩa vụ với con. Dường như đó là điều tốt đẹp nhất ba mẹ Lam còn nghĩ ra được để mà tiêu diệt ham muốn của nhau. Là con một, Lam lùi lũi đơn độc bên cạnh những người nhân danh vì tương lai của nó như một cái cớ sống chung đụng, cho giống với một gia đình. Đêm nào cũng rỉa róc nhau xong lại huỳnh huych, lại rên rỉ đến sáng. Lam mơ hồ thấy cái chết là sự thèm muốn của nó. Chết là cách duy nhất nó kết thúc cho những nỗi buồn dai dẳng. Chính mắt Lam nhìn thấy ba đèo cô gái lạ phóng vút qua cổng trường . Vài lần thì cô gái ấy không còn lạ nữa. Lẽ ra Lam đã nhỏ to với mẹ nhưng nó cũng không chịu được kiểu lả lơi, nai tơ với một ông cùng cơ quan của mẹ . Rồi cũng đến lúc nó bắt gặp hai người quấp nhau trên sa lông một lần tan học về sớm. Lam câm nín và âm thầm chịu đựng. Dần dà, Lam sợ về nhà. Sau giờ học , nó lang thang với cái mini Nhật lúc thì hiệu sách, lúc thì công viên. Lam cứ lang thang đi tìm cho mình một cái gì, nó chẳng rõ lắm về cái nó đang tìm. Nhưng rồi cái quán cà phê bé tí bên cạnh đường tàu gần nhà cũng đã trở thành một nơi trú ẩn ấm cúng, nhất là khi nó buồn như hôm nay. Nhất là khi trời lại mưa rả rích như thế này.

Đã ngoài năm mươi, bà chủ quán cà phê chính thức biết tin mình trở thành thiếu phụ goá chồng sau ngày thống nhất đất nước. Cũng từ đó, bà ở vậy nuôi đứa con trai câm bẩm sinh. Anh con trai năm nay cũng phải ngoài ba mươi tuổi, cường tráng, phải cái mắt lúc nào cũng u buồn. Tại sao con người ta có nhiều cách, nhiều cớ để mà u buồn đến thế! Cũng không hiếm khi Lam cứ thầm ghen tị với tình cảm âu yếm gần gũi của mẹ con bà chủ quán. Nhìn rất nhanh anh con trai câm, Lam bất giác nghĩ: Có những khi tôi thấy anh với tôi thật gần. Có những khi tôi cũng là người câm. Tôi ước giá ba mẹ tôi cũng câm nốt. Không nói ra thì chẳng hại ai, nói ra rồi thì đẹp thành xấu, sướng thành khổ. Tại sao bố mẹ lại không chịu giải thoát cho nhau, giải thoát cho cả mình nữa?. Mệnh đề "Nếu không vì con thì..." luôn mở đầu cho mọi cuộc cãi vã của ba mẹ cứ bám chặt lấy đầu óc Lam, nếu không có nó, họ đã giải quyết rất nhẹ nhàng. Vậy thì lỗi là ở nó, ai bảo có Lam trên đời này.

Hải bảo:" Mày muốn chết thật hả? Phí, mười bảy tuổi đời trong trắng quá chưa biết gì, đến lúc đưa ma nại toàn hoa trắng ghê bỏ mẹ,

nại thấy xấu hổ nữa chứ, chưa có ma nào nó thèm rờ tới! ". Lam nghĩ, Hải thì biết gì ngoài mấy bài hát ỉ eo học được từ chiếc xe oang oang bán báo!

Hải và Lam chơi với nhau rất tình cờ . Quen mặt nhau từ lâu nhưng chẳng bao giờ Lam bắt chuyện. Hình như nó quen với Hải cũng trong một ngày mưa. Hải hơn Lam ba tuổi, nó là chị cả, lam lũ vất vả từ nhỏ. Cả nhà chuyển từ Hải Dương lên đây đúng năm Hải thi vào cấp ba. Không thi được trường nào ở Hà Nội, nó chấp nhận ở nhà nội trợ đôn đốc lũ em và kiếm sống giúp bố mẹ bằng cái cửa hiệu làm đầu lúc nào cũng bụi mù và rung bần bật sát ngay đường tàu.

Thực ra, ngay từ đầu, Lam không ưa giọng nói đặc sệt luôn lẫn lộn không phân biệt được đâu là nờ,lờ của Hải; đã thế Hải lại hay lý sự, giảng giải những việc nó chẳng hiểu là cái gì. Bây giờ, nó vẫn gọi Lam là Nam. Nhưng Hải là người có năng khiếu thích nghi với hoàn cảnh. Hải bắt kịp với nhịp sống thành phố rất nhanh. Nó đi đứng, ăn nói không khác gì các cô gái trên phố, tuy là vẫn ngọng. áo quần thì nhìn qua biết ngay cái nào "sịn", cái nào "đểu". Hải thuộc rất nhanh tất cả các xu hướng mốt sơn móng tay, lúc quả hạnh đào, lúc lại dũa móng vuông. Tóc nó cũng nhuộm uốn soành soạch. Nó luôn mồm khi gội đầu sửa móng cho khách chuyện trên trời dưới biển. Xôm nhất là khi có tiếng loa bán báo choang choác các vụ án đi qua dãy ki ốt sát đường tàu.

Bây giờ, Lam mới để ý thấy trong góc tối, một cặp trú mưa líu ríu rúc đầu vào nhau tỉ tê thỉnh thoảng lại cười ré lên như ai cấu. Nó gợn lên một nỗi buồn nôn trước cảnh rúc rích ấy. Trời vẫn mưa rả rích, Lam thấy lạnh, hắt hơi và gai người. Cảm lạnh mà chết quách đi cũng tốt, Lam nghiến răng nghĩ. Những hạt mưa đan xéo nhau rồ lên một đợt, tiếng mưa ròn rã trên thanh tà vẹt và đá cuội long bong, những âm thanh hồ hởi một cách lạc lõng. Một đợt gió mạnh làm cho hàng những giọt gianh ngoài hiên uốn lượn không còn rơi thẳng được nữa. Bà chủ quán bê chậu đầy nước mưa dột hứng giữa nhà ra ngoài hiên hắt đến xoạch. Bà đứng chống nạnh nhìn trời ngao ngán như định than vãn rồi lại quay vào lôi cái bếp than tổ ong trong góc nhà ra quạt. Khói mù mịt, mùi than mới bén ngột ngạt khó chịu rồi chậm chạp tản dần vào trong màn mưa mất hút.

Lam nhớ rất rõ, đó là một ngày mưa, Lam lao từ nhà ra cái hàng "Cắt- tỉa -nhuộm -gội -uốn -sấy -Thanh Hải" ngồi phịch xuống ghế để

nghị cắt đi cái đuôi sam rất mượt và dài của nó. Hôm ấy. Lam tròn 17 tuổi. Món tóc được cất cẩn thận trong một cái hộp buộc nơ dưới đáy tủ. Lam cứ tự tích góp những kỷ vật cho riêng mình. Hải và Lam nói chuyện với nhau từ đấy. Mỗi khi tâm trạng chán chường của Lam ùa về, Hải thường lên tinh thần cho Lam:

- Việc gì phải rầu rĩ quá thế! Ông bà ấy có cuộc sống của ông bà ấy, mày có cuộc đời của mày. Có người yêu chưa? Tao giới thiệu cho, đẹp giai, có cửa hàng riêng. Có xe có nhà rồi, nấy nhau ở quách luôn nhà ló, có về nhà mình lữa đâu mà buồn với chả no. Bố mẹ mày đạo đức giả bỏ mẹ!

-Em không thích chị nói thế đâu nhá. Lam nói giọng gần khóc.

-Không thích thì thôi. Cần thì vác áo quần đến ở với tao, đảm bảo đầu óc thoải mái. Mẹ mày chi cho mày mỗi tháng bao nhiêu?

-Không đáng kể, chỉ đủ tiền học thêm, tiền gửi xe và thỉnh thoảng ăn kem, thuê sách

-Hãm. Thế mà đòi đi ở riêng, tự nập!

-Nhưng ba em mới hay cho tiền mua sắm linh tinh.

-Ôi dào, lạ gì dăm ba cái con búp bê nhồi bông, vài cuốn sách với mấy cái dây lơ của mày! Thế mà cũng gọi nà mua với sắm. Ông già tao thì đòi gì phải có ngay, bằng không, tao mách bà già hết mọi phi vụ của ông ấy. Tao cũng nàm ra nhưng thỉnh thoảng cũng phải yêu sách cho bọn quỉ con một tí. Đáng gì ! Không bằng một bữa ông ấy đi thuê phòng.

- Cái chính là em không hiểu tại sao ba mẹ em cứ hành hạ nhau làm gì!

- Thôi dẹp những câu hỏi thiếu kinh nghiệm ấy đi. Đến núc rơi vào biển tình cay đắng, mày sẽ thông cảm cho ông bà ấy! Hải bụm miệng huýt sáo bài hát trong phim "Bao Thanh Thiên". Hải thích bài này đến nỗi, suốt ngày ná na...theo nhạc, không thì huýt sáo đến sốt ruột. Hải im bặt và quay sang hỏi Lam với ánh mắt tinh quái: Thế đã hôn nhau bao giờ chưa? Hải cười khanh khách. Lam thở dài đầy cam chịu.

Trong quán có thêm khách, một người bán báo mặc áo mưa lao cả xe đạp vào hiên trú, tiếng loa vẫn oang oang: "Báo công an thành phố... Một vụ án "Vợ giết chồng vì ngoại tình"... " Một bé gái 9 tuổi bị hãm hiếp đến chết", "Thất tình uống thuốc sâu không chết lại tạt axit vào mặt người yêu hai mươi năm tù "... Ôi! Ngày nào những tin tức giật gân nóng hổi như vậy cũng khiến cho các mâm cơm của khu tập thể nhà Lam ở lúc căng, lúc chùng, mệt mỏi. Ba thì im lặng , mẹ lại thở

dài sườn sượt.

Bỏ nón, rũ áo mưa xong, người bán báo tắt loa rồi phủ chiếc áo mưa lên xe đạp cẩn thận, anh ta châm lửa đánh xoẹt, que diêm toả mùi khen khét dễ chịu trong mưa. Khói thuốc bồng bềnh lơ đãng... Đưa mắt sang người bán báo vừa tò mò, vừa ác cảm. Anh ta cầm điếu thuốc run run, tay áo sắn vội có săm bông hoa hồng trên cánh tay phải lồng trong một trái tim. Lam nhìn xuống chân anh ta, ngón chân vàng khè, sứt mẻ trong đôi dép nhựa trong đã ngả màu vàng đục.

Rót cho người khách mới một cốc trà nóng, bà chủ quán quay sang Lam: “Cháu có lấy tạm áo của bác mà mặc không? ốm thì khốn!”. Như đã quen với sự có mặt thất thểu của nó, bà chủ quán không hỏi thêm, khoác lên người Lam một cái áo khoác mỏng rồi lẳng lặng về ngồi trầm ngâm bên cái bếp than tổ ong đang có ấm nước reo í éo. Con trai bà chủ quán giờ thôi không nhìn trộm Lam nữa, anh ta chúi mũi vào cuốn tiểu thuyết tình cảm nát bét không biết thuê được ở đâu.

Không khí trong quán cà phê ẩm lành lạnh, đôi trú mưa hình như cũng hết chuyện để đùa và dường như bắt đầu sốt ruột vì mưa dai dẳng. Tiếng mưa như được thể lại càng rả rích, cứa vào tâm can mỗi người. Người bán báo rít thuôc liên tục, dưới chân anh ta, năm bảy mẩu thuốc lá đã bị di nát. Như không chịu được không khí ủ xìu của cái quán chật chội này, người bán báo đứng dậy dắt thẳng xe đạp có lao thùng vào trong nhà, nước chảy ròng ròng trên tấm nilon, loay hoay một lúc, tiếng nhạc đã vang lên: “ Chào anh lính chiến, người bạn pháo binh. Anh rót cho khéo nhé khẻo nhầm vào nhà tôi, nhà tôi ở cuối chân đồi, có giàn thiên lý, có người tôi thương...” một giọng nam hải ngoại đã méo xẹo vì băng rão. Đôi trai gái trú mưa nhăn mặt quay vào nhau thì thầm cái gì rồi lại rúc rích. Cuốn băng kéo thêm một đoạn rồi bất chợt chuyển sang giọng đọc oang oang quảng cáo các báo trong ngày với đủ các loại tin tức rùng rợn. Như bắt được ý bất đồng của mọi người trong quán, người bán báo vội đứng dậy tất đài. Mưa đã nặng hạt hơn, bà chủ quán lấy thêm một chiếc xô bằng tôn hứng vào chỗ những giọt nước mưa mới rơi lộp độp. Giờ, những tiếng long tong của chỗ dột như đi nhịp chính cho tâm trạng của mọi người.

Lại có thêm một vị khách nữa. Một phụ nữ cỡ tuổi mẹ Lam bước vào quán. Mưa to như vậy nhưng cô không có vẻ vội vàng. Mớ tóc uốn quăn đang ướt nhỏ những giọt lăn tăn nước xuống nền nhà. Chẳng nhìn ai trong quán, gọi một cốc cà phê nóng, mấy điếu thuốc bạc hà, đặt chiếc túi xắc nhỏ trên mặt bàn, cô ta ngồi xuống cạnh Lam. Lam

nhìn người ngồi cạnh đầy xét Người phụ nữ trông cô không có vẻ gì là nghèo khổ, chỉ thấy cứ bợt bạt thế nào, nét mặt xanh xao mỏi mệt đã trôi hết phấn son của cô như vô hồn. Bà chủ quán bê cà phê ra, cô ta trả tiền trước rồi không nói không rằng chìa tay với mẩu thuốc dở của anh chàng bán báo châm lửa. Mọi người trong quán sau những cái nhìn soi mói vào vị khách mới lại như chạy ù về con đường riêng của mình đang túc tắc trong đầu.

Lam không nghe thấy tiếng còi tầu nào nữa, nó lại miên man những câu chuyện vẩn vơ . Người phụ nữ mới đến hút thuốc khe khẽ và thỉnh thoảng lại húng hắng ho. Bên mang tai Lam, cái đốm hồng nhỏ xíu cứ rực lên theo chu kỳ của nhịp thở phập phồng, lửa run run trong nhá nhem của góc tối cùng với nhịp lanh canh của xô nước mưa đã gần đầy trong góc.

Lam nhìn sang bên kia đường, nó chợt nhận ra cái ngôi nhà bé xíu đầu tiên của dãy nhà năm tầng, ngôi nhà có cái biển trắng vẽ chữ thập đỏ nhỏ xinh bên trên và hàng chữ viết tay bằng sơn cũng màu đỏ: "Phòng khám tư. Bác sĩ Nguyễn Hà giấy phép hành nghề số... Chuyên khám phụ khoa, nhận chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em. Xét nghiệm thai sớm...." Lam không đọc hết dòng chữ thì Hải đã kéo tụt tay nó vào trong. Một chiếc bàn con, vài chiếc ghế kê bên ngoài, ngăn đôi giữa phòng là tấm vải trắng làm ri đô, trông cũng giống với phòng khám của phường mỗi khi có đợt tiêm chủng. Tay bác sĩ tên Nguyễn Hà cỡ khoảng tuổi ngoài ba mươi, mặt trắng trẻo đang vặn vẹo trên nghế nặn trứng cá. Đứng dậy đeo cặp kính vào trông cũng ra vẻ, bác sỹ hỏi hai đứa lạnh tanh:

- Cần gì.

-Chậm kinh. Hải đáp gọn và nhẹ tênh.

-Ai?

-Tôi. Hải nói rồi tụt quần đi thẳng vào sau tấm ri đô trắng.

- Lại là cô à? Chậm bao lâu?

-Mười ngày hoặc hơn.

-Sao để lâu thế. Có vài bước qua đường tàu... Tôi chỉ làm lần này là lần cuối thôi nhé. Lần sau mời cô đến bệnh viện không thì tôi không có tiền đền đâu. Dạng chân ra!

Lam vụt ra khỏi phòng khám. Vừa đi nó vừa miên man lo sợ cho Hải, cho cả mẹ nó, cho tất cả những người đàn bà đang đùa dai với chính mình. Như vậy là nếu Hải chết, Hải sẽ không chịu nhận vòng hoa trắng đâu, một nỗi hổ thẹn! Nhưng mà Hải không phải là nó, Hải

không muốn chết , Hải rất yêu đời và rất hùng dũng thuyết giảng cho Lam bao nhiêu triết lý "thiên thạch". Mỗi ngày, loa bán báo đi qua cửa hiệu gội đầu là Hải lại có một triết lý mới: "Giết người vì hai trăm ngàn, mày thấy cuộc đời có ý nghĩa chưa?". "Tin khoa học nhé, một thiên thạch sắp rơi xuống trái đất và chúng ta sẽ bay lên lào, em bay lên lào, ngày vui toàn thắng tưng bừng pháo hoa ...." Lam đã đặt cho hệ thống triết lý của Hải là "Triết lý thiên thạch". Hải có câu cửa miệng: "lướt nhanh như vào in- tơ - lét". Ba mẹ Lam cũng thế chăng? Sau lần đó, nó ngại không muốn qua chỗ Hải nữa.

Mưa đã bớt nặng hạt, tiếng giọt gianh thưa hơn và tiếng hạt rơi ngoài đường ray cũng không rào rào như trước nữa. Đôi nam nữ yêu nhau gà gật, cô gái dựa đầu vào vai chàng trai thiêm thiếp. Hai mẹ con chủ quán chui vào tấm chăn len mỏng. Anh con trai câm vẫn đắm đuối với những mảnh tình rơi rớt chân mây. Người bán báo đã tự thu xếp cho mình một chiếc ghế để gác chân, nghẹo đầu trong tấm áo đại cán rách lỗ chỗ. Lam thấy ấm hơn và cũng buồn ngủ ghê gớm. Những ý nghĩ của nó cứ chập chờn, bồng bềnh. Rồi sau một hồi im lặng kéo dài trong tâm trí, Lam chợt nghe thấy tiếng còi tầu xa. Trước mắt nó hiện ra một đoàn tầu hơi nước nhả khói trắng phau. Chuyến tàu chầm chậm, chầm chậm rồi dừng hẳn lại trước quán cà phê. Như vụt quên hết mọi ý đồ tự tử lúc nãy, Lam hăm hở bước lên tàu. Nó vừa đưa chân ra thì hụt bước. Huỵch, Lam trượt chân và đoàn tàu lao đi vun vút, nó ú ớ muốn kêu lên mà không được.

Không khí nhốn nháo trong quán và tiếng la hét khiến Lam bừng tỉnh, cùng với tiếng đoàn tầu phanh ken két đang chạy chậm dần trước mặt khiến nó bàng hoàng. "Có người tự tử, bà con ơi!" Bước chân rầp rập trong mưa. Đoàn tầu đã phanh lại hẳn chỉ còn tiếng rơ moóc xô nhau ghê răng. Theo đoàn người chạy lên đầu tầu, Lam rụng rời chân tay, người phụ nữ hút thuốc cạnh nó lúc nãy, giờ đã nằm trên một lũng máu loang dưới mưa, chiếc xắc nhỏ văng ra sát đường ray. "Không cứu được nữa rồi!" Một người nhanh nhẹn mang ra một manh chiếu cũ và hương khói đã nghi ngút... "Cô ấy để lại một bức thư và mười lăm triệu đồng tiền mặt, nhờ mọi người hãy chôn cất mình cho tử tế". Một người bạo dạn đã đọc bức thư và giải thích cho mọi người hiểu :" Sáng nay cô ấy đi đến viện K lấy kết quả xét nghiệm. Ung thư vú giai đoạn cuối, bệnh viện trả về. Chồng lại đang đợi li dị. Hồng nhan mệnh bạc. Không biết đã con cái gì chưa. Địa chỉ đây, mau gọi công an đến nhanh lên kẻo mưa thế này bắt người ta nằm mãi đây tội nghiệp lắm". Máu trong chiếc chiếu bó bên đường tàu vẫn chẩy thành vệt loang trong nước mưa, hơi ấm dưới lớp chiếu như cố bốc lên lần



MAI Y TIẾN

Kosovo

ô hô, Cô sô vô
vô cố, nổ hồ đồ
xô bồ, ô, khốn khổ
Cô sô vô tô hô

Kosovo ồ Kosovo
hồ đồ vô cố nổ xô bồ
phố đổ, hồ khô, vô số khổ
Kosovo, ồ Kosovo

gô cổ, hồn cô, hồ cố thổ
lộ đồ hố mộ, Cô sô vô
ô hô
phổ độ

MAI Y TIẾN

cuối yếu ớt. Người vây quanh người chết mỗi lúc một đông và những lời bàn luận vòng trong vòng ngoài râm ran trong mưa.

Lam lết về sát bức tường để dựa cho vững. Tai Lam ù đặc, đoàn tàu nhoè nhoẹt trước mắt nó. Trong mưa, loang loáng ánh đèn ô tô, ngực Lam đau thắt, Lam không thể nghe thấy một âm thanh nào cả, nó như điếc đặc, miệng đắng ngắt, không nói được thành tiếng. Nó cố gắng hình dung lại gương mặt người thiếu phụ hút thuốc lúc nãy mà không thấy. Lẽ ra nó đã nằm trong cái chiếu kia với những lời thương tiếc của mọi người...

Lam cắm mặt, nức lên từng hồi chạy giữa những thanh tà vẹt ướt trơn nhẫn. Những hồi còi hú dài cùng với đá cuội lạo xạo đuổi theo bước chân Lam trên đường về nhà.

PHAN HUYỀN THƯ
6-99



NGUYỄN ĐỨC SƠN

Đêm thăm bạn sắp đẻ ở di linh

Sắp đẻ ở Di Linh, cây cối chào chị
Sắp đẻ ở hư không , rừng và chị ôm nhau hát
Tôi dấu mặt đi, ven hồ lạnh giá
Căn nhà gỗ phần mộ thanh xuân
Những ván thông dày đặc gỗ quan tài
Của tóc của chị của tình nhân
Của dương cầm bỏ phế đúng một năm

Sắp đẻ ở Di Linh cô đơn hùng dũng
Chị thu mình như một con mèo mun
Chị thu mình như một vũ nữ Ba Lan
Chị thu mình như một đĩa hát cũ
Oh , my tortured heart !
Buổi chiều chết trên cây thánh giá
Hãy quên tôi như một mũi tên
Hãy quên tôi như một loài chim đêm
Anh đưa chị về đây để tự vận
Chị thổ huyết ba lần tôi chứng kiến
Khi rừng già thấp xuống thấp xuống
Buổi sáng chị tấm sương mù
Buổi chiều chị đốt cỏ để hong đời chị
Hiu hắt như đời tôi
Chị đứng lên
Hai mươi bảy năm tuột mất thanh xuân
Ôi nắng vàng dòng thác Gougah
Rừng và chị ôm nhau hát
Sẽ đẻ ra một đứa con
Rừng và chị ôm nhau chết

NGUYỄN ĐỨC SƠN
(Nguyễn Đạt chép cho Thận Nhiên , Sài Gòn 21/11/98)



LÊ THỊ THẤM VÂN

Xứ nắng

(trích đoạn)



Mặt trời sáng rỡ. Mưa đêm còn sót ủ trên những tán lá. Trinh chở tôi trên chiếc xe máy hai bánh. Chúng tôi chạy ngược hướng mặt trời mọc. Tiến vào cõi âm. Thế giới của người khuất mặt. Men theo mùi tử khí. Lắc léo qua trăm, ngàn xe đủ loại. Tránh vô số ổ gà lớn nhỏ. Vượt qua không biết bao nhiêu khuôn mặt buồn vui. Nắng mới ban mai tua tủa vào mặt.

Trinh bỏ đường lớn, tách vào ngõ nhỏ, dài, thông hai bên đường rào rạt. Càng vào sâu, càng hoang vắng, tĩnh lặng. Đâu cũng thế, trên trái đất này, cõi âm bao giờ cũng hoang vắng, tĩnh lặng, bình yên.

Về Việt Nam ai cũng phải đi thăm người chết.

Ở Mỹ bao nhiêu năm tôi chỉ bước vào nghĩa địa vài lần.

Tôi nói.

Trinh im lặng, mắt dõi tìm mộ.

Mỹ hay Việt, ai cũng có chung niềm khát vọng. Không thích khổ, chỉ thích sướng. Đấy là mục tiêu của đời sống.

Tôi nói, chân bám sát chân Trinh. Mắt Trinh vẫn dõi tìm mộ.

Lịch sử nhân loại càng dài, khổ đau càng chồng chất, mộ chôn càng nhiều, riết rồi chẳng còn đất cho người sống.

Tôi nói, chân vẫn bám sát chân Trinh.

Mộ ở Mỹ bằng phẳng như bận đồng phục, mộ Việt Nam nhấp nhô to nhỏ như nhà tranh, nhà ngói lâu đài.

Trinh có nghe tôi lẩm bẩm như con mẹ khùng không? Tôi chẳng biết, chẳng cần. Hai cái bóng cụt ngủn đứng ngọ, giữa trưa. Hai cái bóng chẳng thể nhập làm một. Tôi nhìn bóng cụt của Trinh, thầm nghĩ, chắc phải lâu lắm Trinh mới vào lại nơi này.

Người tôi bắt đầu vã mồ hôi. Nắng châm chích trên da lưng.

Trở lui, trở ra, đi vào, đi loanh quanh... Nghĩa trang mịt mùng, bạt ngàn. Con số người chết chắc chẳng thua con số người đang sống. Trên sườn núi lác đác mộ bia mới. Hai ống chân tôi cỏ may bám trắng. Chẳng nhớ mộ nằm ở đâu à? Tôi bắt đầu mất kiên nhẫn. Trinh dừng, mắt quét bốn phía. A, đây rồi, chỉ vài bước... Tôi chợt lắc đầu, không hiểu, quá nhiều điều không hiểu.

Hai ngôi mộ nằm chẳng xa nhau. Cỏ dại bao phủ. Nhìn khuôn mặt cậu thanh niên non như quả bí đầu mùa. Hai má phúng phính, bất chợt tôi nghĩ, anh đã gần đàn bà chưa nhỉ?

Anh Tịnh chết oan nên thỉnh thoảng cứ về nhập vào người thằng Út, nó nhại y chang giọng anh.

Trinh nói.

Tôi im lặng nghĩ, trên đất nước này người sống và người chết bao giờ cũng níu ghì lấy nhau.

Trinh và tôi đi quanh mộ. Nhổ cỏ dại, biết bao giờ mới hết, mới sạch. Mộ nào cũng như mộ hoang, dân tứ xứ thì người chết cũng chung số phận, thiếu vắng nhang khói. Người sống còn lo chưa xong, sao có khả năng lo cho người khuất mặt. Những chậu hoa nhựa bạc màu úp mặt trên đất.

Bãi tha-ma-ngút-ngàn-mênh-mông-lung-linh trong nắng trưa.

Nắng chan hòa. Xứ sở không bao giờ thiếu nắng.

Ra mộ là phải mang theo nhang khói phải không?

Tôi hỏi.

- em quên mất.

Trinh trả lời.

Thế thì suốt ngày Trinh nghĩ gì trong đầu. Trinh không nhớ, làm sao tôi nhớ. Bánh trái, hoa quả, cúng vái, nhang đèn, bày biện... Tôi muốn hỏi, vì sao, nhưng nhìn sang Trinh đang ngồi cong lưng bứt cỏ dại. Trinh đang nghĩ gì trong đầu? Tôi tự hỏi. -, mà biết đâu hắn chẳng nghĩ gì. Tôi tự trả lời.

Cả hai đi lại ngồi dưới gốc cây thông lớn. Tôi phải gỡ hết những cọng cỏ may bám vào gấu quần, đâm xuyên thấu qua da.

Câu chuyện kể lại:

1. Đi nghĩa vụ ở Campuchia.

Sao Trinh không trốn?

Trốn không được. Đến tuổi phải đi. Nghĩa vụ của người dân. Bạn em đứa nào cũng phải đi, lúc đó làm gì có chuyện đút lót. Mà cũng chẳng ai có tiền.

Đánh nhau ghê lắm nhỉ?

Khỏi phải nói. Kinh khiếp lắm. Mỗi lần đụng trận là người bị chết, bị thương rãi ra như rạ. Có thằng nói chưa xong câu đã ngủm.

Trinh sợ không?

Sợ khiếp đi chứ.

.....

Tụi Khờ Me Đỏ ghê lắm, ác lắm. Tụi nó chạy nhanh như mũi tên phóng.

.....

Người Cam Bốt hận thù người Việt đến tận xương tủy. Bắt sống được người Việt nào là họ chỉ muốn đập vào đầu cho chết, đỡ phí một viên đạn. Họ hay nói 'cáp duồn', chặt đầu người việt, trả thù chuyện ngày trước cha ông mình chặt đầu tướng lãnh họ, đặt ba góc, làm lò đun trà.

.....

Nhớ nhà dễ sợ. Không biết khi nào mới về được, chẳng có ngày nghỉ, ngày phép gì ráo. Lắm lúc vừa buồn vừa tức vừa tủi thân. Đất nước thống nhất rồi mà mình còn phải bị đi lính . Hồi đó em có thằng bạn thân tên Nghĩa. Nó cứ nói, ngày trước bố tao đi bộ đội, bố mày đi quân đội, hai người bắn giết nhau, giờ tao với mày đi nghĩa vụ quốc tế, ngày sau con cái tụi mình chắc đi đánh người hành tinh quá.

.....

Tiếng súng ầm ầm trên đầu, đất rung rền dưới chân, tiếng la hét, cây ngã, người ngã, em ngã...ngất đi, tỉnh dậy thấy mình nằm trong bệnh xá.

Tờ giấy ghi tên tuổi em, đặt trên bụng, gió thổi bay, có người đi nhặt lại bỏ đúng trên bụng em. Kể ra cũng còn may chứ người ta bỏ lộn người khác là thường.

Kinh khiếp nhất là lúc khâu mặt. Họ chẳng tiêm thuốc tê. Cứ thế mà cắt, kéo, khâu, vá, xiết, bỏ...Em đau ngất người, nghe được cả

tiếng cắt da, kéo da, khâu da.

.....

Khát nước lắm chị ạ!

.....

Đau khủng khiếp. Đau lắm. Nói ra không ai hiểu được đâu, chị cũng không thể biết được đâu.

.....

Sau đó vài ngày thì rất tủi thân vì chẳng có ai ruột thịt quanh mình.

2. Đi núi.

Bên kia núi là gì Trinh nhỉ?

Những năm bố còn sống em thường đi núi. Mỗi chuyến đi kéo dài có khi cả tháng, cùng vài người có chung giấc mộng làm giàu. Đôi khi em cũng tự hỏi, nhưng khác chị, bên kia núi có gì?

Những tảng đá tím trong, đục mời gọi. Giấc mộng triệu phú, nếu gặp may, trúng được mánh. Những tảng đá đã chôn sập biết bao đàn bà, đàn ông, già trẻ ở cái đất Dục Mỹ này chị biết không? Chẳng chết vì súng đạn, mà chết vì giấc mơ làm giàu.

Chỉ vì vài người trong xóm khuân về mấy tảng đá bán cho người Đài Loan, họ mang về nước đúc tượng, lọ, bình bán cho triệu phú.

Em ở nhà chẳng biết làm gì, đi vô đi ra nghe bố say sưa chửi rủa, mẹ váng vất như cái bóng, thằng út vừa què vừa câm, trong xóm vài người bắt đầu gọi em là thằng ... té giếng.

Em đào đất, khuân đá. Trời sáng thì biết là ngày, trời tối thì biết là đêm, cứ đi, đi miết, khi nào hết gạo thì về...

Có những lúc băng qua đồi, suối, sông, lạch, phạt bao nhiêu cây, lá, cỏ dại tưởng tượng mình là người khai hoang, cũng kỳ thú, hồi hộp nữa. Lâu lâu thấy hoa rừng nở cũng đẹp, cảnh hùng vĩ cũng thích, trái cây lạ ăn cũng ngon. Chỉ sợ thú dữ rắn rít, với lại đất sụp.

Ở cái xứ Dục Mỹ này thì có công việc gì làm đâu. Tiền anh Đức lúc đó gửi về chỉ đủ để nuôi con sâu rượu của bố, thuốc thang cho mẹ, và mấy miệng ăn, giữ cái nóc nhà không đổ là may lắm rồi. Thân em, em lo, em leo núi, em đào đá, em phiêu lưu, em tự chọn, em đeo đuổi giấc mơ làm giàu như mọi người tỉnh táo quanh em. Khổ chứ, khổ lắm, khổ như chó. Nhưng nghĩa lý gì so với mấy năm đi nghĩa vụ....

Tôi đứng dậy, phủi đít quần, nhìn thẳng mặt Trinh. Tìm nét

"đẹp trai nhất nhà" của mẹ. Tôi tìm thấy nét hiền lành, nhẫn nhục trong đó.

Giấc mơ, tự nó chẳng là tội tình gì, chẳng oan nghiệt gì.

Tôi nói.

Tôi ôm chặt người Trinh, hai bầu vú áp sát lưng Trinh. Cho Trinh đỡ sợ và tôi không bị ngã. Một thoáng giây vụt hiện đến, tôi biết, biết mình không nên như thế.

Ở Việt Nam, nhiều điều không nên làm như thế.

Ở việt Nam, tại sao lại làm như thế.

Ở Việt Nam, không dự định, không sắp đặt, không biết trước. Bước chân kế có thể rơi lọt xuống hố sâu.

Giờ thì (tôi biết) tôi đang ôm sát người Trinh. Trên đường từ nghĩa địa về nhà. Nghĩa địa nơi có bố chồng, anh chồng đã rục xương rã thịt. Con dâu, em dâu sao chẳng thắp cho một nén hương. Khấn vái trò chuyện thủ thỉ đôi ba câu.

Mặt trời hung dữ. Đầu tôi nhức buốt. Tôi nhắm nghiền mắt, áp mặt vào vai Trinh. Tôi cần chỗ tựa. Nhưng sao...

Hai tai tôi sao vẫn vểnh như tai chó.

Hai mũi tôi sao vẫn thính như mũi chó.

.....

Quán ăn Mễ nằm cuối đường số Hai, giữa lòng phố. Nhạc guitar rộn ràng, sôi nổi. Soft Taco ở đấy rất ngon. Hầu như mỗi tuần Đức và tôi đều ghé lại. Những cái bàn lát gạch bông, sắp xếp những hình thù khác biệt, màu sắc tươi vui. Chai ớt tương đỏ cay xé lưỡi, in hình người đàn ông đội mũ rộng vành, râu mép đen dày, xương cằm bạnh, đôi mắt u uẩn, nhưng nghiêm khắc.

LÊ THỊ THẤM VÂN



ĐỖ KH.

Truyện Ngắn Viết Dở (1)... Giờ Phổ Thơ (2), Mai Kia Phổ Nhạc (3)

1
Biệt thự Hoa Lan ở trên đồi và Duyên thì cao.
Nàng ngả người tựa lưng vào ghế bành
và dang hai chân ra cho hắn vào.
Kiên vào.

2
Đồi nghiêng, dốc cao
Hoa em nở một nụ chào bấp bênh
Nhà trưa, lặng im

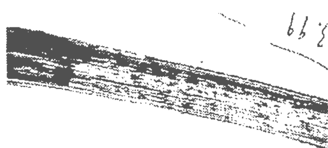
3
ò e
Tang tình

ĐỖ KH.
(12/04/99)



ĐINH LINH

Nhạc tây





Bên ngoài cánh cửa kính của bar Fish and Chick, tiếng động trắng của giòng xe gắn máy nổ phành phạch. Bên trong, Skinny and Dercum ngồi cạnh quầy bar, mồ hôi ráo dần bởi hơi lạnh từ máy điều hòa. Từ gian âm thanh nổi Curt Corbain đang gào. Đấy là vào đầu mùa hè, ngay trước khi bắt đầu những cơn mưa. Skinny đã bắt đầu ngà ngà bởi những ly Jagermeister. Hắn la lên: "Tao phát bịnh chỗ này rồi!"

"Tao cũng vậy!" Dercum nói.

"Tao phải đi khỏi đây."

"Tụi mình có thể lại Bar Nixon kiếm một ly bia nếu mày muốn."

"Không! Không! Không! Ý tao nói là tao phát bịnh cả cái Hanoi này rồi!"

"Mày muốn trở lại New York?"

"Tao không muốn về nhà. Chỉ cần đi khỏi Hanoi này là đủ."

"Tụi mình có thể đi Sapa."

"Không, tao không thích Sapa." Skinny kéo một hơi thuốc Sông Hương. Hắn ngoái cổ qua vai về hướng mấy gã Do Thái, Hà Lan, Đức, Áo và Pháp đang ngồi ở những bàn phía sau. " Tao chán trông thấy cái bọn Âu Châu rác rưởi đó lắm rồi!"

"Tao sẽ nói chuyện với ông Mai ngày mai xem sao"

Với giá 5 dollars một ngày, ông Mai đợi Dercum bên ngoài khách sạn Thắng Lợi để chở hắn đi bất cứ nơi đâu hắn muốn. Ông là tài xế xích lô riêng của Dercum. Mảnh khảnh, với nước da nâu đồng, ông Mai ở vào giữa tuổi năm mươi, và đã lên chức ông. Ông có vẻ hơi quá chải chuốt so với nghề nghiệp. Ông diện một cái áo sơ -mi may tiệm, quần tây polyester, một cái áo khoác cánh giả da. Không giống như hầu hết những người đàn ông cỡ tuổi ông, ông Mai không phải là một cựu chiến binh. Ông đã không được phép phục vụ trong quân đội bởi vì bố mẹ ông bị coi là phản động bởi Việt Minh, những người đã hành quyết bố ông trong cuộc cải cách ruộng đất năm 1955. Mẹ ông tự tử chẳng bao lâu sau đó.

Dercum bước ra khỏi phòng đợi khách sạn và như thường lệ, tìm thấy ông Mai đang ngả người trên xích lô dưới bóng mát tàn cây: "Chào ông!"

Ông Mai nhỏm dậy: "Ông khỏe không, ông Dirt1? Mình đi đâu đây?"

"Tôi chưa biết nữa. Chắc chẳng đi đâu."

"Không đi đâu càng tốt. Tôi chỉ việc ngồi đây uống bia." Ông Mai lại ngả người xuống ghế xe, nâng chiếc ly nhựa đựng bia lên môi. Mắt ông vằn những tia máu đỏ.

Dercum châm một điếu Malboro: "Thằng bạn tôi đang chán Hanoi."

"Skin Knee chán Hanoi?"

"Vâng, Skinny đang phát bịnh với Hanoi này."

"Bảo ông ta về nước"

"Nhưng hắn chưa muốn về nước"

"Bảo ông ấy đi đến khách sạn Hanoi Hilton"

"Thôi nào, đừng nói vậy. Skinny chỉ chán trông thấy bọn Âu Châu rác rưởi2."

"Rác một tuổi?"

"Âu Châu rác rưởi. Cũng giống như Mỹ rác rưởi," Dercum mỉm cười hiền lành, "kiểu như tôi vậy, nhưng là bọn Âu Châu."

Ông Mai uống cạn ly bia, ợ, rồi bắt chéo chân.

"Bọn tôi muốn đi đến một vùng quê nào đó, nơi không có Tây hay Mỹ gì xung quanh."

Ông Mai bóp chiếc ly nhựa: "Bao lâu, xếp?"

"Một tuần."

"Để làm gì thế?"

"Chẳng làm gì cả. Bọn tôi chỉ muốn nghỉ ngơi ở một vùng quê nào đó."

Ông Mai lại bóp chiếc ly, nghĩ ngợi một lúc rồi nói: "Chúng ta có thể về làng quê vợ tôi."

"Ở đâu vậy?"

"Cách Hanoi ba trăm cây số."

"Mất khoảng 9 tiếng lái xe hả?'

"Mười."

"Về hướng nào?"

"Hướng Tây."

"Vùng núi?"

"Vâng."

"Gần Sơn La?"

"Giữa Sơn La và Yên Châu."

"Có khách sạn nào ở đó không?'

"Khách sạn?"

Dercum gọi Skinny ở khách sạn Metropole: "Thu xếp xong rồi. Tụi mình sẽ vù đi một tuần."

"Ngon rồi."

"Mày nên mang theo mấy hộp thịt SPAM dự phòng."

"Đừng lo. Tao đã từng ăn cu bò và thịt chó."

"Mày đã từng?"

"Cả chim sẻ."

"Mày đã từng ăn cái quái gì nữa?"

"Thôi mày không muốn biết đâu."

"Tụi mình nên mang theo bảy két bia. Mỗi ngày một két."

"Tao thật sự mong chuyến đi."

"Tao sẽ mang giấy vệ sinh."

Dercum Sander và Skinny, mà tên thật là Dave Levy, gặp nhau ở đại học Columbia. Dercum chẳng bao giờ học xong đại học, hắn bỏ học sau năm thứ hai. Đầu tiên hắn làm người đưa công văn bằng xe đạp, rồi phụ bếp cho nhà hàng Coute Que Coute ở Midtown, rồi thì là người giao hàng cho hãng hàng không United, công việc mà nhờ đó hắn có cơ hội đi lòng vòng Á Châu miễn phí, rồi bà nội hắn mất... Trước khi rời New York, Decurm nói hắn sẽ đi Vietnam để dạy tiếng Anh, nhưng sau tuần lễ đầu tiên ở Hanoi, hắn tự nhủ, tại sao ta cứ phải cảm thấy có lỗi khi không làm việc? Tại sao không cứ chơi tà tà? Sau sáu tháng ở Vietnam, hắn gởi fax cho Skinny: "Mày phải qua ngay. Đây là một chốn điên cuồng. TUYỆT ĐỐI TỰ DO. Không có gì cấm đoán hết. Tao cảm thấy như hồi sinh. Tao giờ đây là một con người mới. Tao thật mong thấy mặt mày. Tao nghĩ về mày cả ngày lẫn đêm. Tao nói thật. Chẳng có gì khả dĩ ở New York. Giờ đây tao đang nhìn

thấy quá khứ trong một thứ ánh sáng mới. Mày phải qua đây ngay."

Phải mất ba ngày ông Mai mới thu xếp xong cuộc hành trình. Dercum và Skinny chia đôi phí tổn tiền mướn một chiếc xe jeep, giá 600 dollars một tuần, bao luôn xăng nhớt và tài xế. Cả bọn sẽ gồm Dercum, Skinny, người tài xế và ông Mai.

Để tránh giòng xe cộ, cả bọn quết định khởi hành vào sáng sớm. Khoảng 5 giờ sáng chiếc xe đến trước khách sạn Thắng Lợi. Đó là một chiếc Jeep Cherokee. Cả bọn bắt đầu chất đồ lên. Dercum nói với ông Mai: "Toàn bộ chỗ bia này là để cho ông đấy."

Ông Mai nhìn mấy két bia chất đầy trong thùng xe rồi lắc đầu nhăn nhó: "Không đủ."

"Không đủ." Dercum la lên ngạc nhiên và kích động. Mọi người phá lên cười, ngoại trừ người tài xế, một người đậm chắc có râu quai nón, mặc quần jeans và áo thun, trước ngực in hàng chữ "MOUTAIN EVEREST IS THE HIGHEST MOUNTAIN IN THE WORLD," ở phía sau lưng là hang chữ "SOLO FUCKER."

"Có muốn làm một lon bia không?" Dercum hỏi ông Mai.

"Chắc chắn." Dercum đưa cho ông Mai lon bia. "Một lon cho anh tài xế luôn."

Dercum đưa lon bia cho người tài xế.

"Cảm ơn ông bạn!" người tài xế nói.

"Ông Mai, làm ơn nói với anh tài xế là chúng tôi không phải dân Úc Đại Lợi."

"Mấy người này không phải dân Úc."

"Tôi là Dercum." Dercum bắt tay người tài xế.

Ông Mai xía vô: "Tên hắn là Dirt."

"Thật ra là Dirk."

"Dirt" người tài xế nói.

"Còn đây là Skinny."

"Skin Nee."

"Anh tên gì?"

"Long." Nhìn gần, Long vào khoảng 30 nhưng bộ râu quai nón và vẻ mặt nhăn nhó khiến anh ta trông già hơn nhiều.

"Long?"

"Long"

Skinny nhìn Dercum với ánh mắt tinh quái. "Dài bao nhiêu?" hắn buộc miệng. Dercum phá lên cười. Long nhìn ông Mai, mặt lạnh lùng.

"Đừng để ý," Dercum nói.

"Tao không biết là mày có thể uống bia vào lúc năm giờ

sáng," Decurm nói trong khi đưa lon Heineken cho Skinny.

"Skin Knee đang trở nên người Vietnam," ông Mai tuyên bố.

Dercum và Skinny ngồi ở ghế sau. Ông Mai phía trước. Ngoại trừ Long, mọi người đều vui sướng khi xe chuyển bánh. Vào giờ này, đường phố đã đầy người đủ mọi lứa tuổi: đi, chạy bộ, tập khí công, đá bóng, đá cầu, đánh cầu lông. Họ vượt qua một đội quân nhỏ những người cụt chân đang lăn xe một cách bất cần đời xuống đường Lê Hồng Phong. "Cựu binh đấy," ông Mai nói. Long nhấn còi ngắt quảng như đánh morse trên tay lái. Từ trong máy hát phát ra giọng Louis Amstrong: "What did I do...to be so black and blue?"

"Ông có thích Louis Amstrong không ông Mai?" Dercum hỏi.

Ông Mai không trả lời. Ông có vẻ thình lình trở nên xa vắng, thu mình lại, như đang thưởng thức khung cảnh thành phố quê hương. Cảnh vật như trở nên mới lạ nhìn tù một chiếc xe đang lao nhanh.

"Tôi thích nhạc jazz và blues," Long nói.

Hầu hết xe cộ trên đường đi từ hướng ngược lại: mọi người đang đổ vào thành phố từ những làng quê phụ cận. Trong khoảng hai mươi phút, nhà cửa hai bên đường thưa dần. Long nhấn còi liên tục, vượt qua những chiếc xe gắn máy, xe tải, xe buýt, xe du lịch, lạng lách tránh heo gà, trâu bò, chó, và người. Sau khoảng ba tiếng, đường xá trở nên gồ ghề. Ông Mai quay cửa kính xuống bốn lần nôn thốc hết cảba lon bia ra ngoài.

Long nói: "Từ từ bố già."

Ông Mai rên rẩm: "Tôi không quen đi xe."

Dercum nói: "Mình tìm chỗ nào ăn trưa, Long."

Long quay đầu về phía sau: "Hai mươi phút nữa, chỗ ăn ngon." Chiếc xe cán một con chó. Long có thể thấy rất nhanh hình ảnh một khối đen đang oằn oại trong kính chiếu hậu.

"Được."

"Hai mươi phút."

"Trời, tôi nghĩ bọn mình vừa cán một con chó!" Skinny la lên.

"Bọn mình vừa cán một con chó phải không Long?" Dercum hỏi.

"Không."

"Cho tôi lon bia nữa được không?" ông Mai nói.

Long tấp xe vào bên đường. Quán ăn nhỏ với chiếc bàn lớn ở phía trước, tấm vải nhựa bạt được chống đỡ bằng những cây cột tre. Cả bọn đi ngang một tủ kính đựng rượi và thuốc lá ngoại, bước qua một con chó vàng ngái ngủ, tiến vào một căn phòng sáng sủa và

thoáng mát. Trên bức tường màu vàng chanh, những tấm quảng cáo chụp hình mấy phụ nữ da trắng đang ôm những chai bia khổng lồ. Trong một góc cao là chiếc bàn thờ: phía trước bức ảnh chụp lại một sinh viên sĩ quan đẹp trai, mặt mịn màng, mắt nai, là chiếc ly cát đầy những chân nhang, một đĩa quít và một đĩa gà luộc. Nơi cuối góc phòng, một bà cụ rất già, ngồi thu mình bất động trên một chiếc chõng tre, trước một màn ảnh tivi rất to, đang xem hài kịch. Cả bọn ngồi lên những chiếc ghế đẩu nhỏ bằng nhựa cạnh chiếc bàn thấp. Họ là những thực khách duy nhất trong quán. Cô gái phục vụ bước ra từ nhà bếp nói: "Hôm nay bọn em có cá rô chiên và thịt lợn rừng."

Ông Mai gọi: "Mang mấy món đó lên, em gái, cho thêm đậu hủ chiên, rau muống luộc, hai tô canh."

"Mấy người này là người nước nào vậy bác?"

"Mỹ."

"Trông cứ như người Nga."

"Dân lại cái đấy."

"Lại cái!"

"Nhanh lên đi em gái, chúng tôi đang đói rã người ra đây!"

Cô gái đi trở vào bếp.

"Ông nói gì với cô gái vậy?" Skinny hỏi ông Mai.

"Cô ấy bảo trong các ông giống người Nga. Tôi bảo các ông là người Mỹ."

Dercum hỏi: "Mình đang ở đâu vậy?"

"Thảo Nguyên."

Long nói với ông Mai: "Hai người này là dân lại cái thật à?"

"Dĩ nhiên!"

Một đám trẻ con đứng ngoài cửa quán nhìn chòng chọc Skinny và Dercum. Skinny cười với chúng và nói: "Boo!" Một đứa can đảm nhất trong bọn tách lên, rồi với sự thúc giục của những đứa phía sau, gào lên câu tiếng Anh "I love you" trước khi quay lưng bỏ chạy. Cả đám chạy tản ra, cùng gào lên: "I love you! I love you!"

Mọi người ngoại trừ Skinny đều xỉa răng bằng tăm sau bữa ăn. Cô gái phục vụ lau bàn bằng một miếng giẻ với vẻ tò mò, đẩy những mẩu xương cá nhỏ xuống nền nhà. Cô ta mặc một chiếc áo sơ -mi màu hồng gợi cảm có những bông hoa đỏ và những chấm nhỏ màu đen. Một chiếc nơ lớn màu vàng tươi trên tóc. Long bảo cô gái: "Em gái, có muốn đi lên núi với bọn anh không?"

"Chẳng có gì ngoài ma quỷ và bọn man rợ trên núi ấy!" Cô gái mỉm cười rồi đi trở vào bếp.

Lúc ở đại học, Skinny và Dercum chưa phải là tình nhân. Cả

hai đều trốn chạy cái sự thật không thể chịu đựng nổi, rằng cả hai dều cảm thấy thu hút lẫn nhau, bằng cách cố gắng làm những người đàn ông bình thường. Mỗi tên đều cặp bồ với phụ nữ, đôi khi hai ba cô một lúc. Nhưng cả hai vẫn giữ quan hệ bạn thân với nhau, tìm kiếm niềm an ủi lẫn nhau sau mỗi lần thất bại trong quan hệ với phụ nữ. Lúc Dercum rời Vietnam cũng là lúc Skinny bắt đầu công khai về tình trạng đồng tính luyến ái của hắn. Dercum thì hãy còn chưa quyết định. Mối tình của hai tên lên đến đỉnh điểm trong căn phòng của Skinny ở khách sạn Metropole vào ngay sau cái ngày Skinny đến Vietnam.

Chiếc xe leo dốc một cách vững vàng. Đoạn đường hầu như chỗ nào cũng tệ, lổn nhổn đá dăm, nhựa đường và bụi. Cả bọn vượt qua những trại chè, một cánh rừng trái vải, những cánh đồng ngô và thuốc lá. Họ lái qua những khu phố của người Kinh với những ngôi nhà làm bằng gỗ và đá rửa; những bản của người Thái đen với trâu bò dưới chân nhà sàn; một ngôi làng của người Khả Mú với những túp lều tranh vách nứa. Trong mỗi khu phố của người Kinh đều có ít nhất một quán cà- phê trương bảng karaoke. Họ gặp một toán những người Mường Hoa. Một trong những người đàn ông vác một khẩu súng kíp. Những người đàn bà bện lông ngựa vào tóc tạo thành những búi khổng lồ. Suốt cả một khoảng đường, cả Skinny và Dercum chẳng nói lời nào. Long nhìn vào kính chiếu hậu: cả hai người đàn ông đều ngái ngủ người tựa vào nhau.

Ông Mai hỏi: "Anh làm tài xế được bao lâu?"

"Chỉ mới một năm."

"Có vẻ tốt việc đấy nhỉ."

"Được đi đây đi đó."

"Và gặp gỡ người nước ngoài."

Long chắc lưỡi: "Có những người nước ngoài cao cấp, nhưng cũng có lắm bọn không chịu nổi."

"Như bọn nào?"

"Tuần truốc tôi lái cho ba tên Hàn Quốc. Bọn chúng rất khó chịu."

"Người Mỹ thì thế nào?"

"Không tệ. Phần lớn đều cho tiền boa."

"Có kiếm được em nào không?"

"Hả?"

"Anh có gặp em nào không?"

Long chặc lưỡi: "Vài em."

Ông Mai đợi cho Long tiếp tục. Long nối lời: "Phần lớn đi du lịch vói chồng hoặc bồ. Có cả mấy cặp lớn tuổi mộ đạo, nhưng thỉnh

thoảng cũng gặp một vài em dộc thân."

Ông Mai đợi cho Long tiếp tục. Long nói: "Ví dụ cách đây vài tháng, tôi có lái cho ba người New Zealand: một cặp tình nhân và một cô độc thân, cả ba đều là sinh viên. Tôi lái cả bọn lên Sapa, nơi họ lấy hai phòng ở khách sạn Auberge. Tên của cô em là Hillary. Cô nàng làm tình nhân của tôi suốt một tuần."

Với vẻ mặt đau đớn, ông Mai không kìm được một cái nuốt ực trong cổ họng.

"Tôi thậm chí cũng làm bàn được vài quả, bác biết đấy."

"À," ông Mai thở dài, "tôi thì già quá rồi, đã lên chức ông rồi còn gì."

"Có một cô ả, người Mỹ, tên Becky. Sau chuyến lái xe chở cô ả đến vịnh Hạ Long, suốt một tháng trời, tuần nào tôi cũng đến khách sạn cô nàng ở Hanoi ba bốn lần. Tôi không phải là người tình của anh, cô ả nói. Tôi chỉ muốn tình dục thôi. Tốt thôi, tôi nói. Tôi biết cô ả ngủ ít nhất cũng với hai ba tên nữa. Ả này thì bao nhiêu cũng không đủ. Thật là một ả điên. Ả hỏi tôi, 'Tôi có xinh không,' 'Nhất định rồi" tôi bảo. Mà ả xinh thật đấy. Có lẽ không thật xinh, nhưng cũng khá lắm. Một tối ả bảo tôi, 'Tôi là một cô gái rất xấu xí, rất xấu xí.' Rồi ả thậm chí òa khóc, ả điên như vậy đấy.

"Có lẽ ở Mỹ người ta không nghĩ là cô ta đẹp."

Long nhíu mày khó chịu. Anh ta không biết là có nên tức giận hay không.

"Anh biết đấy, cũng tương tự như với mấy cô Vietnam mà anh thấy cặp tay với mấy thằng Tây đấy. Chúng mình thì thấy mấy cô này xấu nhưng bọn Tây thì lại cho là đẹp. Nhiều cô còn được chúng cho là những người đẹp nhất địa cầu đấy." Ông Mai đưa mắt về phía sau: "Ít nhất hai gã này," lão thấp giọng, " là chưa có đầu độc chị em đứng đắn Vietnam với những ô nhiễm vật chất đế quốc suy đồi của bọn chúng!"

"Ha! ha!"

"Thật sự thì hai tên Mỹ này không giống như bọn da trắng khác. Chúng bảo tôi đưa chúng đến chỗ nào không có người Mỹ."

Long mừng vì câu chuyện đã không còn xoay quanh đề tài tình dục của anh ta. Thật là một lão khọm bẩn thỉu, Long nghĩ. "Nhưng bọn Mỹ bây giờ lan tràn khắp nước."

"Đúng vậy."

"Nếu không phải là bọn sống thì cũng bọn chết."

"Đúng vậy."

"Làm sao bác biết là không có tên Mỹ nào ở làng Muồn?"

"Tôi đã lên đấy ba lần. Quê vợ tôi đấy mà."

"Thế sao bác gái cuối cùng lại ở Hanoi?"

"Tôi bắt cóc bà ta đấy."

"Ha! Ha!"

"Thật ra thì bà vợ tôi phục vụ trong quân đội. Đấy là lý do tại sao bà ấy cuối cùng lại ở Hanoi."

"Tôi hiểu rồi."

"Trong gia đình tôi, người cựu chiến binh được tặng thưởng huy chương là một phụ nữ!"

"Ha! Ha!"

"Này, mọi chuyện xảy ra tốt đẹp cho tôi: nếu bà vợ tôi mà ở gần gia đình bà ấy thì họ không để cho tôi cưới bà ấy đâu."

"Thế bây giờ họ đối xử với bác ra sao?"

"Như cứt ấy!"

"Ha! Ha!"

"Dừng lại một giây."

Long dừng xe cho ông Mai bước ra. Dercum mở choàng mắt, nhìn thấy chiếc gáy của Long, quên mất hắn đang ở đâu, hoảng hốt, trấn tĩnh, rồi nhắm mắt lại. Long nghĩ: quả là một khái niệm: Mỹ lại cái!!! Nhưng bọn họ trong rất gồ ghề! Rất đàn ông! Những cái khối thịt đầy lông lá, mồ hôi và to con ấy. Để xem nào, có lẽ tên Skinny thì không như thế... Những kẻ lại cái có được phép phục vụ trong quân đội Mỹ không? Có thể nào có cái gọi là những tên đế quốc lại cái? Ông Mai trèo vào xe: "Tôi cảm thấy khỏe hơn nhiều."

Lúc xe lại chuyển bánh, ông Mai bảo: " Anh biết không, có một con ma Mỹ ở làng Muồn đấy."

"Thật à?"

"Bà vợ tôi kể, vào năm 69, một chiếc máy bay bị bắn rơi ở làng Muồn và người ta tìm thấy một cái chân của tên phi công ở trong rừng."

" Chỉ cái chân thôi à?"

"Vâng, nhưng là một cái chân rất lớn. Bà vợ tôi bảo nó cũng cao đến ngang ngực người đấy. Tên này là một gã khổng lồ."

"Tất cả bọn họ đều khổng lồ."

"Nhưng tên này thì thật sự là một gã khổng lồ."

"Người vùng núi thì lại thường thấp bé hơn."

"Thiếu chất dinh dưỡng."

"Thiếu chất muối."

"Đúng thế. Dân làng chôn cái chân đúng vào chỗ họ phát hiện ra nó, nhưng con ma này bắt đầu xuất hiện vào ban đêm, gõ cửa dân làng xin nước uống."

Long nhấp một ngụm Heineken: "Sao ma quỷ lại hay đòi nước uống nhỉ?"

"Không phải tất cả ma đều vậy. Chỉ những con ma mất máu khi chết thôi."

"Người ta thấy cả cái xác của hắn hay chỉ cái chân?"

"Anh bảo sao?"

"Thì khi gõ cửa vào ban đêm, người ta thấy nó như thế nào: một cái chân, hay là cả người?"

"Anh không biết thật à?"

"Không"

Ông Mai cao giọng: "Khi anh chết, ngay cả khi anh không còn lại gì ngoại trừ lỗ đít, anh cũng luôn trở lại như một người đầy đủ."

"Tôi thật không biết thế"

"Đấy là vì anh lớn lên ở thành phố."

"Bác nói đúng. Chẳng có ma quỷ nào ở thành phố."

"Cũng có, chỉ một vài. Không có nhiều ma trong thành phố là bởi vì ánh sáng đèn điện."

"Bác kể tiếp chuyện con ma Mỹ đi."

"Gã tiếp tục quấy nhiễu dân làng, luôn xuất hiện vào ban đêm xin nước uống, thế là họ quay trở lại chỗ chôn cái chân dựng lên một miếu thờ nhỏ. Sau đó thì hắn thôi."

"Hắn thế là được nhiều hơn cái gì hắn xứng đáng được hưởng cho cái việc dội bom lên dân làng," Long chặc lưỡi.

"Nhưng anh không thể tính toán với người chết được. Tôi đã trong thấy cái miếu thờ này: có một chai rượu và một máy hát."

"Một máy hát?"

"Vâng, một máy cassette mở nhạc Liên Xô."

"Sao lại là nhạc Liên Xô."

"Đấy là bởi vì họ không tìm đâu ra một băng nhạc Mỹ. Ấy là vào năm 1989, ở cái nơi 'khỉ ho cò gáy,' 'chó ăn đá gà ăn muối' như thế."

"Thế ai nghĩ ra cái trò mở nhạc cho hắn nghe như thế?"

"Chẳng biết. Nhưng nghĩ lại thì cũng có lý. Có lẽ họ cho rằng vì hắn xa quê lâu ngày nên có lẽ hắn sẽ lấy làm cảm kích để được nghe một chút nhạc Tây."

Dercum gây một tiếng động nhỏ. Không mở mắt ra, hắn hỏi: "Gần đến nơi chưa ông Mai?"

"Gần rồi."

"Những người Mỹ duy nhất tôi muốn thấy tuần này là hai người Mỹ ngồi ở đằng sau kia," Long nói, "tôi không muốn thấy bất

cứ con ma nào."

"Đừng lo."

Nhưng ông Mai đã không giải thích cho Long nghe tại sao con ma Mỹ không chịu trở về nhà. Có lẽ chính ông cũng chẳng biết, sau cùng thì ông cũng là dân thành phố.

Khi tên phi công Mỹ bị bắn rơi, thi thể hắn văng nát xuống những ao hồ. Và một con ma, như những người nông dân hay nói, không thể vượt qua bất cứ ao hồ nào, kể cả những vũng lạch bé xíu, trừ khi thi thể hắn nguyên vẹn. Thế là tên Mỹ này chẳng thể đi chỗ nào khác được. Từ đấy trở đi, làng Muồn trở nên làng của chính hắn. Việc hắn hỏi xin nước chỉ là một cái cớ để được phép vào nhà ai đó. Ấy là cho đến khi họ dựng cho riêng hắn một ngôi nhà: một cái miễu. Cái mà những người nông dân nhìn thấy khi mở cửa cho tên Mỹ thật ra đơn giản là ước muốn của hắn được trở lại toàn vẹn thân thể. Họ để ý, chẳng hạn như, quân phục của hắn vẫn nguyên vẹn và không vấy máu.

Cả bọn vượt qua một chiếc cầu ghép bắt qua một khe sâu đầy lá, rồi quẹo vào một con đường đầy bụi dẫn xuống một thung lũng hẹp. Hai bên đường dầy đặc cỏ voi, những mảng hoa cúc, ổi, tre, và hàng trăm loại dây leo mà ngay cả những người địa phương cũng không biết tên. Một dòng sông màu đồng thoáng ẩn hiện sau những nhánh lá. Những vệt sáng nhạt xuyên qua những đám mây xám ảm đạm trên bầu trời. Một chiếc diều của ai đó đang lượn vòng. Bây giờ thì cả bọn nhìn thấy người dân làng đầu tiên: một đứa con gái nhỏ đang đi từ hướng ngược lại bên cạnh một con trâu bạch tạng. Lúc cả bọn vượt qua, đứa con gái nhìn chăm chú nhưng không vẫy tay. Rồi thì đến lược bản làng: ba mươi ngôi nhà tụm lại, bao bọc bởi những nương lúa. Những ngọn núi xung quanh phủ một lớp hơi sương mờ mờ.

PHAN NHIÊN HẠO *dịch.*
(nguyên tác tiếng Anh)

---

1 Trong truyện ông Mai phát âm tên Dirk (tên gọi ngắn của Dercum) thành Dirt, có nghĩa là "bụi đất" và tên Skinny thành Skin Knee có nghĩa là "đầu gối da." (PNH)
2 "Âu Châu rác rưởi" nguyên văn là "Eurotrash," ông Mai nghe thành "Year old trash," có thể phỏng dịch là "rác một tuổi" (PNH)
3 "Long" trong tiếng Anh có nghĩa là "dài," "lâu." Skinny chơi chữ với tên Long bằng cách hỏi "How long?" (PNH)



KHOA HỮU

Vĩnh biệt Mai Thảo

Người sao vội vã chia tay
trăm năm vuốt mắt, một ngày để tang
quê nhà đâu, cỗ áo quan
núi đau thân thế, oán tràn mặt sông

Bãi dâu xanh cỏ tang bồng
chữ văn chương viết mấy dòng bia phai
đất dung thân, mộ thiên tài
bó hoa ta viếng đặt ngoài hư vô.

Người đi đâu trốn hận thù
bước chân đã chạm ngàn thu, thôi đành.

(Ngày được tin MT mất)

Đêm say cùng hương hồn Nguyễn Đông Ngạc

Ta còn ly rượu cầm tay
mời ta ân oán rót đầy ly tan
ta còn vò rượu trên bàn
mềm môi cay đắng đổ tràn trăm năm
buồn ta say, buồn ngậm tăm
buồn nghiêng buồn ngả buồn lăn lóc đời
buồn này uống cạn chưa vơi
buồn xanh buồn xám mặt người mặt ta.

Một thằng say chết đêm qua
hỏi kèn hỏi trống khóc ta bao giờ.

Cùng Phạm Ngọc Cung

Này, đây tóc cỏ phù du
gió se môi đá sương mù áo xanh
này, mây khói ngọn mưa thành
đầu trời cuối đất thôi đành, một ta
này, thời lãng tử chưa xa
bỏ chân mấy núi, bọc da mấy rừng
thốt cười, như sấm chớp rung
thốt buồn, thét tiếng vỡ tung, vẫn buồn.

Ta say rồi, rượu hoàng hôn
ta buồn rót xuống biển đông, đã tràn

Về một bức họa
của Khánh Trường

Mặt ta tua tủa tóc râu
mấy dòng máu nhỏ giọt châu, bao giờ?
trán băng buồn lạ giấc mơ
lời đau phế phủ, môi bờ khói sương.

Mặt ta, người thú dị thường
mảnh da tuẫn tử đã vàng trăm năm.

KHOA HỮU
(Sài Gòn)



NAM DAO

Yasmina

Tặng TV, để nhớ những ngày đáng nhớ...



" Yasmina, em nhớ chứ ? Gió biển thốc vào tôi, cái ghềnh đá chân núi cắm xuống nước, làm vỡ không biết bao nhiêu bọt bèo, lềnh bềnh rồi tan tác...''.

Này già dịch, hắn lẩm bẩm, vỡ thì ắt là tan tác, rồi bật cười " Pauvre vieux con ! Tuổi này mà còn nhoài người ra viết thư tình à ? ". Hắn thẳng tay gạch "rồi tan tác'', ngẫm nghĩ, xóa thêm chữ " làm'', buột miệng "...đánh, đánh vỡ hay hơn làm vỡ ! ''. Quay nghiêng người nhìn vào tấm gương để góc phòng, hắn ngắm nghía chớm tóc ngả bạc trên thái dương, tay vuốt, chép miệng rồi ra ngả mình xuống giường. Lôi dưới gối một chiếc khăn mù xoa mầu tím nhạt, hắn áp mặt vào, phổng mũi lên hít hà, mắt nhắm lại...

Yasmina bỗng đâu xồ ra trong nhịp trống tiếng kèn. Mảnh vải thưa mầu lục có viền chỉ vàng buộc phần trên cơ thể nàng rung bần bật như sắp rách toạc ra. Phần dưới, chiếc váy sắc đỏ thẫm đính những mảnh kim mạ bạc ngoáy lên bay lượn, nhịp nhàng uốn éo trên đôi chân chắc nịch. Sà thấp xuống đất, nàng giơ hai tay múa theo đường một vòng cung. Cứ mỗi lần nàng ngửa mặt hất lượn tóc đen nháy về phía sau rồi quay ngoắt người lại, nàng lại cười, bóp hai mảnh đồng

kẹp ở đầu ngón cái và ngón trỏ, nhịp lên một tiếng chiêng cho dàn nhạc phía sau. Năm bẩy nhạc công, quần áo sặc sỡ, đầu lắc lư, mắt nhắm hờ, tay trống, miệng kèn, tấu lên những thanh âm vừa lê thê vừa giục gọi. Lê thê tiếng kinh cầu Allah wa akbar, La Illah ill Allah, ê a vẳng lại từ đỉnh cao những tòa mosquées đâm ngỏng lên trời hình dạng phần dục thể của giống đực mang tiếng là trì kéo khả năng hướng thượng siêu nhiên. Giục gọi như bộ ngực Yasmina, tròn lẳn, kiêu căng, rung bật lên mặc dầu tất cả phần còn lại của cái thân thể giống cái nhày nhụa mồ hôi kia vẫn ở thế hoàn toàn bất động. Nhạc công đánh trống bỗng tăng tốc, nhịp dùi nhanh hơn tiếng vỗ tay. Yasmina đảo mắt, cặp mắt viền nhung thăm thẳm mầu ve chai, liếc qua liếc lại, sáng rợn ánh một lưỡi dao mài sắc. Yasmina bất chợt ngưng người lại, ưỡn bụng ra, nhịp nhàng quay tròn bụng, lấy trung tâm điểm là cái rốn, vết gấp lớp da xoáy sâu, mịn màng, khiêu khích. Khán giả có kẻ la lên, cùng nhau vỗ tay, nhịp bắt đầu thưa, rồi nhanh dần. Yasmina cười, nheo mắt, chỉ để những thớ thịt ngực rung lên bật xuống, nhịp vào tiếng vỗ tay và tiếng trống.

Hắn nhìn nàng, đầu mê muội như bị thôi miên, người rừng rực như chực bắt lửa. Bỗng hắn oặn người, phần dưới cơ thể không còn kiểm tra được, bắt đầu ướt dầm. Co chân bắt chéo lại, hắn vật người ngả vào chiếc nệm đặt lưng ghế bành. “ Đồ già dịch ! ‘’, hắn mắng thầm.

Khi tiếng vỗ tay đã thưa, Yasmina đi từng bàn, miệng cười chào và cám ơn khách. Hắn móc ví. Yasmina nói, hắn không nghe rõ, ghé tai vào, mùi phấn son ùa lên mũi. Hiểu ra, hắn bảo “ Không, tôi không là người Nhật ‘’, tay dúi cho nàng hai trăm dirham. “ A ! ông nói tiếng Pháp, ông thích balladi chứ ? “. Hắn gật đầu, rồi mời nàng uống nước. Nàng tiếp tục sang bàn bên cạnh, chỉ nói “... chút nữa ‘’. Một lát sau, nàng quay lại. Nhẹ nhàng ngồi xuống, nàng mỉm cười, rút chiếc khăn mù xoa màu tím nhạt ra chấm mồ hôi, trên mặt, trên ngực. Hắn hít nhè nhẹ mùi thơm son phấn, hỏi : “ Làm sao ngực cô rung được như vậy trong khi toàn thân lại có thể bất động ?”. Yasmina cười : “...tập, cứ tập thì bắp thịt nào cũng co thắt được như ý muốn “. Hắn chợt nghĩ đến những cơ tròn, cơ vòng, uốn lượn, bóp nhả, rồi lại khẽ oặn người, không kiềm chế. Nàng nhìn hắn, mắt mầu ve chai ánh lên thứ sắc xanh của mắt rắn lục. Một tay giằng chiếc khăn tím nhạt trong tay Yasmina, tay kia hắn chìa cho nàng tờ năm trăm dirham. Nàng kêu : “ Không, không được ! Cái khăn này mẹ tôi cho tôi . Trả đây...”. Hắn lắc đầu, đưa thêm năm trăm dirham, cầm chiếc khăn tím nhạt đi vào toilet.

Đóng cửa, hắn áp mặt hít hà chiếc khăn, tay cởi khuy quần. Rồi hắn chậm rãi lau phần cơ thể ướt dầm, mắt ngắm nghiền, miệng lẩm bẩm " Vieux con, đồ già dịch !".

*

Sau buổi tối hôm đó, hết công hết việc, hắn lại chiều chiều ra biển, vào ăn tối trong những tiệm ăn ven bờ dọc theo đại lộ Corniche, chờ khuya khuya mới đến Club le Tube. Hắn nếm đủ loại thức ăn địa phương, bụng bảo dạ, cái nét văn hóa gần gụi thiết thân nhất luôn nằm trên thực đơn của mỗi giống dân. Cay, mặn, ngọt, bùi đều dính dấp đến địa lý, đến lịch sử, thậm chí đôi khi quyết định ngay cả cái tâm thức một dân tộc. Hôm đầu, hắn gọi couscous, một loại ngũ cốc gần như tấm, ăn với gà hầm nước sốt có cà rốt, cà chua, mùi hăng nửa như cà ri, nửa như tương ớt. Cũng được. Hôm sau, hắn thử Tagines, thịt trừu nêm với những trái mận khô ngọt lịm, mềm đến như tan đi trong miệng. Khá đấy. Rồi hắn ăn mechoui, thịt cừu non còn để da, tẩm mật nướng dòn, vị thanh hơn thịt quay ba Tàu, xứng đáng với danh vị cái Đế quốc Hồi giáo đã áp đảo thiên hạ năm, sáu thế kỷ. Nhưng cái món bồ câu với hột điều này, nó đất mà vẫn thiếu một cái gì ấy, hẳn là uy lực thế quyền đã có chiều lụi đi hav sao mà ăn vào cứ óc ách làm sao. Thôi thì đèo vào harissa, thứ ớt nghiền cay thất họng, ăn vào là nhớ đến cơm Đại Hàn, cơm Thái Lan. Nuốt vào, kêu một chai nước, uống cho dịu cái lưỡi rát bỏng, rồi nhìn đồng hồ. A, đã mười giờ đêm, Yasmina sắp đến. Hắn ưỡn vai, thả bộ, mò về phía Club le Tube. "Salamalek ", tên giữ cửa cười với khách quen. Hắn chọn đúng chiếc bàn quen thuộc, gọi rượu, nhấm nháp mấy quả ô-li. Và đợi. Yasmina lúc nào đến cũng ghé xuống ngồi cạnh hắn chào hỏi rồi mới ra phòng thay đồ phía sau.

Yasmina, Yasmina. Màn nhẩy balladi chỉ mào đầu vào nửa đêm. Tiếng trống kèn . Tiếng chuyện trò. Khói thuốc. Những cặp mắt trong bóng tối, khiêu khích, vẫy gọi. Hắn ngả người, ngó quanh. Yasmina rồi cũng xuất hiện. Chiếc nịt vú và mảnh váy buộc bụng chặt căng, nàng bước, mỗi bước là một khúc nhạc leng keng những mảnh kim mạ vàng mạ bạc va vào nhau. Yasmina cúi đầu chào, mỉm cười, rồi cong người lên lắc qua lắc lại. Tiếng trống nổi lên. Nàng quay một vòng. Tiếng kèn nổi lên. Anh chàng ca sĩ hát đệm cúi rạp xuống nói điều gì đó, rồi cất giọng hát, điệu hát lê thê, âm sắc than van kể lể, rất nhiều âm a, âm ê. Yasmina uốn éo. Lại chuyển động tròn của bụng quanh trung tâm là rốn, và thế là giục gọi, thế là mê đắm quay cuồng vào cái đêm của ngàn lẻ một đêm. Bụng Yasmina thót lại, cơ bắp nổi cuồn

cuộn, nhịp nhàng co thắt theo nhịp kèn. Và cặp mắt ve chai vẫn đảo qua liếc lại cái ánh xanh mắt rắn lục. Khác trước, bây giờ nàng chấm mồ hôi trên trán, trên ngực bằng một chiếc khăn mầu hồng.

Hắn gọi nước cho nàng, rồi lấy giọng thân thiện " Tôi mời em đi ăn cơm tối ngày mai nhé ?". Nàng lắc đầu. " Thế thì ngày kia vậy !". Nàng lại lắc đầu. Hôm sau, hắn lại đến. Hắn lại lập lại lời mời. Nàng nhỏ nhẹ " Ở đây đối với tôi là công việc, anh là khách và việc của tôi là tiếp khách. Đi ra ngoài là chuyện khác. Đàn bà xứ Hồi chúng tôi không nhận lời mời đi ăn thế đâu". Hắn cười, giọng có chút tức tối " Thế thì Yasmina mời tôi đi vậy !". Nàng phá lên cười. Hắn mỉa mai " Đàn bà xứ Hồi có quyền mời người khác đi ăn chứ ? ". Nàng gật đầu, tinh nghịch nhìn. Hắn còn đang ngạc nhiên thì nàng nói " Nhưng không đi ăn ở khu quanh đây đâu. Em mời, ta đi ăn chỗ khác !".

Chiều hôm sau, hắn đến chỗ nàng hẹn, nhưng không hy vọng gì, trong bụng đã sẵn sàng chấp nhận để cho nàng đùa rỡn với mình như với một đứa trẻ con. Kìa, Yasmina đã ở đó tự bao giờ, quần bò Levis, áo thun Nina Ricci, tóc chải ngược ra đằng sau. Nàng không còn là một người đàn bà xứ Hồi. Mời hắn lên xe, nàng nhấn ga chạy dọc bờ biển. Nhìn nàng, hắn cười tỏ vẻ cám ơn, khẽ nói " Chok khan". Yasmina lắc đầu, không phải khan mà là krhan, âm này khàn khàn, và phải nhấn âm r và kh cho rõ ràng. Hắn lập lại. Nàng lại ngặt nghẽo, lắc đầu. Hắn cũng cười, vặn cửa kính xe xuống, ngửa mặt hứng những cơn gió biển có vị muối và hơi tanh tanh mùi rong rêu.

Bước vào một quán ăn Âu, Yasmina chỉ về phía một chiếc bàn trong góc phòng ăn, tươi cười " Chỗ đó anh có thể nhìn thấy sóng biển...". Và cũng ở đấy, hắn đã thốt lên Gió biển thốc vào tôi, cái ghềnh đá chân núi cắm xuống nước, đánh vỡ không biết bao nhiêu bọt bèo...''. khi bỗng

dưng hắn tóm lược lại cái mảnh đời hắn năm chìm bẩy nổi, tủi thân nhận ra sự cô đơn không ai cứu vãn được của mình. Đến mười một giờ khuya, Yasmina lái xe về Club le Tube, bảo "...thôi anh về đi. Để em đi làm. Anh có vẻ mệt và buồn". Hắn hốt hoảng "...về thì biết làm gì bây giờ ?". Nàng cương quyết " Về đi, trưa mai ta gặp nhau ở quán Café de la Ligue Arabe, góc đường Moulay Youssef và Brahim Roudani". Nói xong, nàng nhìn quanh rồi bất chợt hôn vội lên má hắn, tay đẩy hắn ra khỏi xe.

*

Đêm hôm ấy, hắn khó ngủ, đầu đầy ắp Yasmina. Nhưng không phải là Yasmina với bộ ngực tròn lẳn rung bật lên và những cơ bụng

uốn lượn khiến đám mảnh kim mạ bạc mạ vàng leng keng chạm vào nhau. Bây giờ, là một Yasmina khác, ngồi yên nghe hắn lảm nhảm chuyện đời mình, chỉ thỉnh thoảng mỉm cười, rồi lẳng lặng rót rượu cho hắn. Hắn lại bật miệng " Già dịch vô duyên, chẳng hỏi về người ta lấy một tiếng !" . Rút trong túi chiếc khăn tím nhạt, hắn ngắm nghía, đưa lên mũi hít hà, rồi nhắm mắt lại. Bỗng đâu lời kinh lại vẳng lại, kéo dài ra trong cái tịch mịch thanh vắng, Allahl wa akbar...La Illah ill Allah...Mohamed...rassuol ....Allah. Lời kinh ép vào màng nhĩ tất cả cái uy lực một Thượng Đế, duy nhất, với Mohamed là nhà tiên tri của ngài, trên phận người mỏng mảnh. Hắn nhủ thầm, thế là đã gần bốn giờ sáng. Vùi đầu vào chăn, hắn lại nhủ thầm, thế là đã ba phần tư một đời. Nhanh thật. Hắn kêu khẽ, Yasmina, Yasmina ơi...Cái phần tư còn lại sẽ nhanh ít ra là gấp ba đấy ! Hắn nhổm đậy bật đèn. Nhìn vào gương, hắn vuốt lấy vuốt để chòm tóc ngả bạc trên thái dương.

Sáng ra, hắn đi thẳng đến một tiệm hớt tóc. Lấy giọng tự nhiên, hắn bảo " nhuộm, nhuộm cho tôi ". Cô bé cắt tóc mau mắn " Dạ. Ông chọn mầu đen có pha chút hung hung đỏ trông mới tự nhiên". Hắn lửng lơ " Cũng được !" như chẳng thèm để ý. Cô bé xoa thuốc, móng tay nhọn cào đến tận chân tóc, mùi thơm của thuốc nhuộm thoảng qua. Hắn hỏi, hình như là mùi Yasmina, hoa nhài. Cô bé lắc đầu. Hắn lại hỏi, xứ cô ở đây, khi người ta nhắc đến mùi hoa nhài, người ta hay nói thế nào ? Cô ta đáp Yasmina, rihatouki tamlas el dounia wa laken inti khafifatou kal rih. Nghĩa là làm sao ? Nghĩa là chỉ thoảng qua nhưng hoa ướp hương cho cả vũ trụ này. Hắn lẩm bẩm nhắc lại cho đến thuộc lòng.

Đến trưa, hắn đi lại chỗ hẹn, chọn một chiếc bàn dưới tàn cây, rồi kêu một bình trà lá bạc hà, lòng lâng lâng như màu vàng tươi của nắng tháng tư nhuộm đầu cây ngọn cỏ. Chung quanh, những chiếc bàn đặt rải rác cạnh những gốc cây chà là, đám sinh viên đang gò người học thi cho kỳ tháng năm tới này. Họ chăm chú trên những trang sách, thỉnh thoảng lại bàn tán xì xào, đôi khi rúc rích cười với nhau. Hắn cũng cười, tay vuốt mái tóc mới nhuộm, châm thuốc hút.

Thời gian chờ đợi từ từ biến thành chất lỏng đặc sệt. Yasmina, Yasmina đâu ? Mặt trời đứng bóng như bị trói chặt đến không nhúc nhích trên cao, bắt đầu ập xuống thứ ánh sáng lúc một chói chan đến hoa mắt. Hắn ngó ngược ngó xuôi. Phía trước mặt quán Café là cái trường tiểu học nằm cạnh công viên. Đến giờ tan học, trẻ con ùa ra, nói cười inh ỏi. Chúng tíu tít ùa về phía đám phụ huynh đến đón con. Các bà mẹ che mặt, chỉ hai con mắt lộ ra, dấu thân thể trong bộ áo Jellaba trông chẳng khác gì áo thụng nhà dòng bên Công giáo. Tay dắt

con, tay sách giỏ đi chợ, họ qua đường như chẳng để ý gì đến đám xe cộ cứ lao vùn vụt, bất kể đến ai. Café mở nhạc. Lại thứ nhạc ê a, khó phân ra nốt ra gam, cứ dài lê thê não ruột. Và những câu hát, nhiều âm r , h và kh , nghe như ru ngủ.

Nhưng Yasmina, Yasmina đâu ? Hắn bắt đầu sốt ruột. Rồi thất vọng. Hắn tự rủa mình " Già dịch đáng đời. Tuổi này mà còn trơ ra, độ dày da mặt tăng lên như váng mỡ bát nước phở để trong tủ lạnh... Pauvre vieux con !" . Một bà già ở đâu lết đến chân hắn, chìa bàn tay ngón đen dủi khẳng khiu, miệng rên La Illal ill Allah. Bực bội, hắn nhìn ra lộ. Bà già ăn xin lì lợm lấy tay khều khều. Hắn đứng bật dậy, vẫy bồi bàn tính tiền, tay lấy kính dâm ra đeo lên mắt.

Vào đúng lúc đó,Yasmina hiện ra. Lần này, lại là một Yasmina khác. Nàng quấn một chiếc khăn mầu xám trên đầu, thân choàng áo jellaba cũng mầu xám từ đầu tới chân, tay ôm một chồng sách. Miệng cười, nàng nói "...xin lỗi. Mẹ em đau nên em đến chậm. Chắc anh chờ lâu rồi ''. Hắn dằn lòng, nhưng vẫn cục súc " ...chỉ hơn một giờ, và tôi chưa chờ ai lâu đến thế. Ai lại dại dột đi chờ một người đàn bà xứ Hồi giáo nhỉ ? Inch ! Allah, đúng như ý trời muốn mà, phải không ?". Yasmina nhẹ nhàng ngồi xuống. Mắt nàng vẫn mầu ve chai, nhưng không kẻ viền đen, nên mất đi cái ánh xanh của mắt rắn lục và trở nên trong suốt, trong như nước biển buổi sáng sớm. Nàng cắn môi, giọng ngậm ngùi " Mẹ em sáng nay bỗng ngã vật xuống đất hôn mê, em phải chở mẹ em vào nhà thương ''. Nàng tỉ mỉ kể lại cho hắn nghe cái buổi sáng chật vật hôm đó, nước mắt chạy quanh, đầu cúi xuống, hai tay xoắn vào nhau. Hắn nghe, im lặng, đoán ra độ rung của cơ bắp bụng và ngực, nay được dấu kín dưới lớp áo jellaba cổ truyền. Chiếc áo ấy trắng trợn áp đặt lên thân thể căng bức của người đàn bà sự khắc khổ bề ngoài nhằm che mắt bọn đàn ông dẫu tin vào Allah vinh hiển nhưng vẫn còn đầy dục vọng.

Có Yasmina, buổi trưa hóa dần ra chất lỏng, không còn đặc sệt như ban nẫy, nay trôi nhanh như những ngụm trà lá bạc hà qua cổ họng. Lẳng lặng nhìn xuống, nét mặt phảng phất vẻ chịu đựng, Yasmina nâng chiếc ấm bằng thau vàng chóe lên cao ngang mặt rồi rót xuống, trà trong cốc sủi bọt trắng lên. Hắn mủi lòng. Hắn quay về phía nàng, nhìn chồng sách, ánh mắt dò hỏi. Tay với lấy một cuốn sách, Yasmina nói ngượng nghịu " Em sắp thi cuối năm, nay đang làm một tiểu luận tốt nghiệp môn văn chương tiếng Anh ...". Hắn ngước lên, vẻ ngạc nhiên. Yasmina bẽn lẽn " Anh muốn biết chứ, đề tài em chọn là mối tương quan giữa kỹ thuật bí nhiệm của Edgar Poe và dòng huyền thực trong tác phẩm của Luis Borges ". Hắn giật mình. Xuất thân chuyên

môn tính toán độ dai của hợp kim làm cầu trong xây dựng, hắn xấu hổ chẳng hề biết Poe và Borges là ai. Hắn đành cười lảng, rồi nhẹ nhàng để tay lên vai Yasmina. Nàng hốt hoảng đẩy vội tay hắn ra, nhìn quanh và nói nhanh " Đừng làm thế nơi công chúng. Em là một thiếu nữ xứ Hồi giáo chưa có chồng".

*

" Thằng già dịch", hắn lẩm bẩm rồi cười một mình, tiếp tục nắn nót "...khi từ quán Café de la Ligue Arabe em không cho tôi đưa em về, tôi đứng nhìn theo bóng dáng em lúc chiều rơi, lập lại câu em dậy tôi, fai aynek ba shouf dounia. Đúng thế, nay tôi nhìn cả vũ trụ này qua cặp mắt em, người thiếu nữ chưa chồng xứ Hồi giáo có cặp mắt mầu ve chai trong xanh như nước biển buổi sớm mai, một buổi sớm chưa hề có bất cứ sự vẩn đục nào như từ giây phút thứ nhất trong giải ngân hà này. Tôi nhìn theo, và em chớ giận, tôi đoán ra từng nhịp co thắt của các cơ bắp, kể cả cơ vòng, đang nhịp nhàng gầy nên sự sống, cho hôm nay và những ngày mai ...". Hắn thở ra, khoái trá đọc lại. Nhăn mặt, hắn gạch bốn chữ kể cả cơ vòng, lầu bầu một mình " Già dịch, đến là sỗ sàng !". Hắn lại nhoài người ra, nắn nót " ...Yasmina, tên em là hoa Nhài, một loài hoa trắng tinh thánh thiện. Vào dịp lễ trong Phật giáo, người ta thường kết những vòng hoa nhài, choàng lên cổ nhau, để hồn thanh thản chấp cánh bay lên, bay lên thật cao. Yasmina của gió mặn và nắng biển. Em là gì ? Em đã trở một hiện thực khiến tôi không còn cái ám ảnh xưa, nỗi ám ảnh niềm hạnh phúc không có trên cõi nhân gian này, tôi, cái ghềnh đá chân núi cắm xuống nước để sóng gió dập vùi bao nhiêu là bèo bọt...". Hắn lại ngừng viết, tay vê râu cằm, mắt ngó nghiêng vào trong gương. Mái tóc xưa nhuộm mầu đen hung nay ngả trở lại mầu muối tiêu loáng thoáng những sợi bạc trông như làm bằng bạch kim. Hắn vuốt tóc, ngần ngừ nhìn chồng sách. Với tay lấy quyển " Les nouvelles extraordinaires'' của Poe do chính Beaudelaire đã dịch sang tiếng Pháp, hắn lật qua lật lại rồi bỏ xuống.

"... về tương quan giữa Poe và Borges, tôi quả thật có đọc nhưng chưa nắm bắt được bất cứ một điều gì. Lâu nay, tôi nào có chú gì đến văn chương, cứ tưởng nó phù phiếm như đồ trang sức, có thì đeo,không thì thôi. Nhưng tôi lầm. Fai aynek ba shouf dounia. Em đã dậy tôi ra cách nhìn vũ trụ. Có cố cũng không thể tưởng tượng ra một thế giới từ Đông sang Tây mà không hề có đồ trang sức bao nhiêu vạn đại này. Kể từ những bộ lạc sơ cổ cho đến những nền văn minh rực rỡ

Trung, Ấn, Ai Cập và nền văn minh Hồi giáo, trang sức là biểu hiện của trí tuệ để phục vụ cái Đẹp. Đấy, em thấy có tội nghiệp cho tôi không, tôi lại nghĩ nó là phù phiếm..., tôi, le pauvre vieux con !".

Ngẫm nghĩ thế nào, hắn xóa bốn chữ cuối, nhưng giữ nguyên dấu than. Bỗng hắn ngồi thẳng dậy, nét khẩn trương, rồi cắm cúi viết, nước mắt ròng ròng chảy. Bức thư cứ thế dài ra, dài như muốn vươn qua Đại Tây Dương để đáp xuống cái bờ biển ấy nằm dọc thành phố Casablanca. Thành phố đó trắng như sữa dê đang nằm ngủ trưa, trở mình thức giấc khi tiếng cầu kinh Allah wa akbar...La Illah ill Allah...từ những Mosquées vòi vòi vọng lại vào lúc ba giờ trưa, vừa lê thê, vừa giục gọi.

*

Hắn hấp tấp mở chiếc phong bì trên có dán cái tem hình ông hoàng Hassan II, miệng tủm tỉm cười. Có thế mới phải chứ, hắn thầm thì một mình ! Cẩn thận, hắn lấy kéo cắt dọc, tay lôi ra một bức thư. Hắn chúi mũi vào, nhẩn nha nhâm nhi từng chữ. Đoạn đầu, chỉ những câu thăm hỏi, tuồng chữ tròn trĩnh, hơi nghiêng về phía trái, viết bằng thứ bút mực. Đoạn sau nhắc lại dăm kỷ niệm. Hắn dán mắt đọc tiếp

".....Buổi sáng hẹn với anh ở Café de la Ligue Arabe, nào đâu có chuyện mẹ em hôn mê phải vào nhà thương. Em mồ côi mẹ từ nhỏ, sống với bà dì, và dì em nuôi em như người ăn người ở trong nhà. Sở dĩ em cố tình bắt anh chờ hôm ấy là vì em muốn đo lường xem anh ao ước sở hữu em đến độ nào. Và nói thật, khi anh dám bỏ hai tờ năm trăm dirham ra để đổi lấy một chiếc khăn tím nhạt, em lúc đầu nghĩ là anh khùng, sau em lại tính rằng thân xác Yasmina để cho anh có thể đấu giá lên tới mười nghìn, thậm chí nếu khéo thì hai mươi nghìn dirham. Vì thế, một công đôi ba việc. Em đã định tiếp tục nói dối anh rằng mẹ em ung thư sắp chết, tiền lại không có nên bó tay, mấy ngày nữa phải rời bệnh viện. Rồi em sẽ khóc, nhưng chỉ khóc rấm rứt cho anh an ủi vỗ về em. Cứ thế, em ngả giá một cách tế nhị, khiến anh mua thân xác em như một nghĩa cử. Dĩ nhiên, một người đi du lịch như anh, anh sẽ rồi tiếc của. Còn em, có xá gì, em sẽ quên anh ngay, quên như quên một người qua đường...Thế là xong một cuộc đổi trao trong đó em xử dụng đến độ tinh tế nhất tất cả nghệ thuật tình yêu mà ảo tưởng là động cơ giúp ta thăng hoa. Nhưng đã là nghệ thuật thì chỉ có nghệ thuật, làm gì có được tình yêu, phải không anh ! Tình yêu chỉ có trong đời thường. Và trong đời thường, rất hiếm khi ta thấy được sự kết hợp với nghệ

thuật....

...Còn cái tương quan giữa Poe và Borges, nó chẳng quan hệ gì. Ở xứ em, học miễn phí nên cứ ghi tên, đến kỳ thi thì chạy chọt hoặc nhờ người thi hộ. Anh có biết vì sao em học tiếng Anh không ? Ví em tính sau đó sẽ mồi chài một thằng Mỹ nào đó làm trong Ngoại Giao đoàn. Một thằng Đại Sứ góa vợ chẳng hạn. Nó phải cưới hỏi em đàng hoàng, rồi nó sẽ hiểu thế nào là tính bí nhiệm trong nghệ thuật của em cũng đẩy em vào cái huyền thực của Borges. Và anh cứ tưởng tượng mà xem, Yasmina, Đại Sứ phu nhân nước Hoa Kỳ, sẽ có dịp chiêu đãi ông hoàng xứ Hồi giáo " dân chủ " nhất. Lúc đó, không ai nhớ, hay đúng hơn không ai dám nhớ, một Yasmina đã múa balladi ở Club le Tube nằm trên Boulevard de la Corniche. Nàng không mặc áo chùng jellaba và bắt buộc phải che mặt như những người đàn bà xứ Hồi đã có chồng, nhìn thẳng vào mắt ông hoàng, kêu lên bằng tiếng Ả Rập " Allah vinh hiển, công lý đã sáng soi trên xứ sở này của chúng ta, nếu ngài biết Yasmina là ai ?". Tất nhiên, ông hoàng ngạc nhiên, hỏi " I beg your pardon, what do you say, Madam ?". Yasmina liền ghé vào tai ông ta, miệng cười tươi như hoa, thì thầm " Fuck you, bastard !" để trả oán cho những người khốn khổ. Ông hoàng uy vũ sinh sát kia tái mặt, cắn răng mỉm cười, nói cho qua " Yes, madam, of course !" để tránh mọi phiền hà giữa đám có thế quyền ....

...Nhưng trên trái đất khốn khó này, ta chỉ tính được một và Allah sắp đặt tới mười. Sau buổi trưa ở Café, em chờ nhưng anh biệt tăm. Em nghĩ bụng, thế là toi mất hai mươi nghìn dirham rồi, một món tiền em thừa để nuôi con em trong sáu tháng. À, quên nói để anh biết, xưa em đã dại dột yêu thương trong cuộc đời thường rồi đẻ một đứa con gái năm nay lên sáu. Lần đầu nhận được Post Card anh gửi, báo là vì đi quá gấp nên không kịp đến chào em, em chỉ tiếc hai mươi nghìn dirham, rủa " quel con !" rồi vứt ngay vào sọt rác. Lần sau, anh viết dài hơn, mơ mộng lãng mạn. Em cũng vứt vào sọt rác. Em làm gì có thời gian để mơ mộng vô bổ. Em quên béng anh, chắc rồi chỉ ít lâu anh cũng quên em, như mọi người thường vẫn quên nhau. Nhất là anh, khách qua đường, và em, một vũ công balladi, kiếm ăn bằng cách ưỡn ngực ra và thóp bụng lại.

Nhưng Allah lại làm phép lạ : đọc bức thư thứ ba của anh, đến đoạn anh hỏi cưới em làm vợ, em khóc, khóc thật, rồi la to, lậy Thượng Đế vinh hiển, làm sao lại có chuyện này ! Em đang sống một cuộc đời thường, hay là em đang u mê lú lẫn trong cái huyền thực của Borges? Hay đây là một huyền thực khác ở trong đó cách xử dụng kỹ thuật bí

nhiệm của Poe trở nên cái đời thường vốn tự nó đã diệu ảo khôn cùng ? Em quì xuống, hướng về phía Mosquée Mohammed, em hỏi thế còn cái huyền thực làm một bà Đại Sứ, em phải làm sao đây ?

Sau đó, em nhịn đói cả tuần, cho thân xác em trở về với trong sạch, để lắng tai nghe Allah. Em đã nghe, và vì thế, viết cho anh báo với anh rằng Yasmina này đã trở về với Yasmina xưa, biết yêu như trong đời thường, và biết chấp nhận đời thường như phép lạ. Em quyết không biến sự tồn sinh của mình thành nghệ thuật.

Bởi vì đã là nghệ thuật thì còn gì là tình yêu. Không tình yêu, ta tìm đâu ra lẽ sống ? ''

...

Hắn đọc đến đấy, ôm mặt, lẩm nhẩm " Pauvre vieux, già dịch ! ", rồi đặt lá thư xuống bàn. Hình như nước mắt hắn dàn giụa ứa ra. Hắn rút chiếc khăn tím nhạt đưa lên chùi mặt. Mùi chiếc khăn hăng hắc, thoảng chút hương phấn xưa, trộn với mùi mồ hôi toát ra từ một bộ ngực tròn lẳn rung bật lên theo nhịp trống tiếng kèn.

Hắn định hôm sau đi hỏi mua vé máy bay.

NAM DAO

Quebec 26-05-1999



HÀ QUỐC HUY

Tạc đá lưu dung

Xưa tôi ở cuối đông hàn
ngụ trong lều cỏ
sương lan dịu dàng

em mang vạt nắng chói chan
động trên rêu phủ
thảo trang lạc về

tôi đồng thiếp giấc hôn mê
xin
chân bước nhẹ
cận kề vô biên

em khoan mở ngực hồn nhiên
mùi thiên địa
đã
triền miên vô cùng

ngày tôi tạc đá lưu dung
vàng đau
đá sắc
cực cùng
chia tan

đừng lay tôi
giấc
đông hàn
vì trăng đã lạc dặm ngàn
gót xưa

HÀ QUỐC HUY
31.5.1999



ĐẶNG HIỀN

Lục bát, em

Em về qua góc phố xưa
Lật trang thơ cũ giấc trưa tội tình
Em về theo gió lặng thinh
Nắng hoang mang lạ mới tinh vô thường

Tiếng chim kêu suốt đêm trường
Hôm qua tôi vẫn bình thường nhớ em
Em về theo ánh sao đêm
Bãi sông bến cũ đâu thềm hiên xưa

Em về trắng xóa cơn mưa
Ròng ba năm gọi lần đưa chân người
Tiếng chim hay tiếng em cười
Mùa thương cúc tím tháng mười mới lên

Em về như nhớ như quên
Tôi con chim sẻ bên thềm nắng trưa
Em về, về đến về chưa
Mờ đôi mắt đợi như chưa lần về.

ĐẶNG HIỀN
(Cali July 03, 1999)



NGUYỄN VY KHANH

Về truyện dị thường, nhân đọc Đoạn Đường Hốt-Tất-Liệt của Lâm Chương



Những truyện ngụ ngôn, thần tiên, hoang đường, quái đản hay dị thường đã xuất hiện từ nhiều thiên niên kỷ trong văn học thế giới cũng như Việt Nam. Có những truyện nặng ngụ ngôn, có truyện huyền hoặc, quái dị, siêu nhiên, triết lý, mang hình thức dụ-ngôn của Kinh thánh, có không gian tuyệt vời thơ mộng, có những hí họa phúng thích cuộc đời, có truyện là hợp loại cả hai ba thể hoặc hơi rời xa đến gần thể giả tưởng (science-fiction). Một cách tổng quát, có thể chia làm hai loại chính: truyện huyền thoại liên hệ đến bộ lạc, giống nòi, tập thể, trong khi loại thứ hai, chúng tôi tạm gộp chung dưới danh xưng "truyện dị thường" (fantastic), lấy con người làm đối tượng, dị thường từ những sự việc và cuộc sống bình thường. Huyền ảo, hoang tưởng nhưng không xa thực tại, truyện dị thường ở giữa trực giác và kinh nghiệm, giữa mơ ước và thực tế khó khăn, là một phối hợp huyền sử và thực tại. Huyền sử chứa đựng những ẩn số văn hóa của một quá khứ thật và hoang tưởng cũng bắt nguồn từ tâm thức con người, từ những xúc tác

của cuộc sống trên con người. Về nội dung, các tác giả kể chuyện người xưa, chuyện súc vật, cây cỏ, nhưng đa số đều có ngụ ý, có tâm tình, u uẩn hoặc nhẹ nhàng, và ý vị hiện tại. Có thể là chuyện hoàn toàn riêng tư của tác giả hoặc của một thế giới mà người đọc không biết đến hoặc không thể hình dung được nếu tác giả không nói đến. Sau 1986, vì nhiều lý do lịch sử, xã hội và văn học, thể truyện dị thường đã nẩy nở, nhiều tác giả mới, kể cả tác giả đã thành danh trước đó cũng đã chuyển qua thể này. Nguyễn Huy-Thiệp, Trần Vũ, Trần Long Hồ, Hồ Minh Dũng, Nam Dao, v.v. và nay Lâm Chương với Đoạn Đường Hốt-Tất-Liệt do nhà Văn Mới xuất bản cuối năm 1998 đã xử dụng thể loại đặc biệt này. Tác phẩm của họ như những nhắc nhở vị thế làm người của mỗi người và thực tại đất nước quê hương. Chúng có những bức xúc, thao thức, nhiệt tình, văn chương lôi cuốn, tài tình và nhiều tính thuyết phục. Dĩ nhiên tác giả chúng phải công chính, cương nghị và trên hết là tình yêu chân lý và một thành thật trí thức !

Có thể nói có một hiện tượng truyện dị thường trong văn học Việt Nam đương đại. Truyện dị thường trở thành phương tiện viết chuyện hôm nay, cho phép tác giả nhìn vào cuộc sống trước mặt, kể cả những bất thường và phi lý. Qua chúng, tác giả tỏ thái độ với thời cuộc, với hôm nay, với quyền bính và kẻ thù. Tác giả không thể tránh bàn đến tâm lý con người ở một giai đoạn lịch sử, một giai đoạn mà tác giả nghĩ đã đến lúc phải đưa ra ánh sáng, đưa ra công luận, đã đến lúc mà con người không thể sống như cũ, nên sống bằng tình nghĩa hơn là sống một cuộc đời thế gian bị bủa vây bởi những phỉnh gạt to lớn của tập thể nhân danh một lý tưởng nào đó. Hôm nay có lý tưởng tưởng chắc như đá đã rõ ra mù mờ, trở thành phương tiện cho những ý đồ tối ám, hèn kém, ... Những con người và sự việc vẫn hay bị hay được cái nhìn "sử thi", nhị nguyên, xếp loại là tàn ác, thù nghịch, quỷ ma,... Nay dưới con mắt con người hôm nay và các tác giả truyện dị-thường xếp loại lại, nhìn lại, họ rơi vào loại đối nghịch. Thiện ác vô lường và thuyết tương đối được hiện đại hóa. Qua những việc và người mà tác giả thấy "có vấn đề". Viết chuyện hiện thực qua cách dị thường, các tác giả còn nhắm kêu gọi cải đổi, giải phóng bằng cách cho thấy thực trạng của hôm nay, của con người sau bao lầm lỗi và hy sinh. Ở nhiều tầng lớp xã hội khác nhau! Chuyện dị thường không đến từ cốt truyện hãi hùng, mà đến từ cảnh đời xáo trộn tàn nhẫn, qua cái nhìn trực giác, thông suốt của tác giả xuyên qua cái bình thường, cái hiện thực, từ thời gian bị cắt đứt, từ hiện tại hay từ một thời điểm có hay không có liên hệ với quá khứ gần xa.

Trong *Lên Rừng Thăm Bạn*, anh Khan sống làm rẫy trên rừng, xa

vợ con, sống "một mình như người ở ẩn". Nơi đây đời sống con người khó khăn vì thú rừng hay đến rẫy phá hoại. Con người lúc nào cũng trầm tư, lo lắng, "trông giống một hình tượng cô đơn, im lặng ngồi chịu đựng với thời gian" (tr. 15). Khan từng bị tù học tập lâu năm, khi được thả, anh đã đổi lối sống. Nay anh giữ thế thủ và mạng sống. Như ngụ ngôn con sáo. Nhưng nào yên, vì đám heo rừng và khỉ cứ đến quấy phá. Loài khỉ phá phách cũng như con người, cũng đi theo bọn, cũng có tiền sát, thứ lớp; những chiếc thùng thiếc khua động cũng hết làm chúng sợ sau những lần đầu. Người tuyệt vọng đành tìm cách bắt khỉ làm sao để chúng hết còn trở lại quấy phá. Con nào bị bắt được, người cắt lông trên đầu rồi sơn màu lên đầu lên mặt rồi thả: chúng sẽ hết thể nào nhập bầy trở lại vì những con cùng bầy nay không còn nhận ra bạn nữa, mà những con bị sơn càng đuổi theo xin nhập bầy thì lại càng bị bọn kia cao chạy xa bay nhanh hơn, chúng bị tránh như những con vật quái đản! Anh Khan tự xem mình như những "con khỉ người" bị đồng loại xa tránh: "giữa vùng rừng núi Việt Nam, có những 'con khỉ người' đang bị sơn mặt, họ có bảo vệ được chăng?" (tr. 24). Họ ở đây là Hội Bảo Vệ Súc Vật thường có ở những xã hội văn minh Âu Mỹ.

Truyện *Người Khách* có một ẩn dụ khác. Xóm Gò Chùa nghèo khó sống với đầy tai họa bất trắc vì bị đủ thứ võ lực kiểm soát (liên minh giáo phái Cao-Đài, Việt Minh, Tây và cả trộm cướp): con người đày đọa con người. "Kiểm soát, bảo vệ, tuyên truyền, trộm cướp cũng đều là kẻ mượn hình giả danh. Bên ngoài ai dám vô đây lộng hành... Mạng người lúc bấy giờ rẻ như heo chó" (tr. 26). Hai Diên đến với xóm như người khách nhưng sự hiện diện của ông đã "như giải tỏa được cái áp lực vô hình đè nặng tâm can": dân ngủ yên hơn, làng xóm thật an bình. Người khách dù được xem là "hùm thiêng", lang sói có kiêng dè tạm thời, cũng có lúc không cãi được mệnh trời, vẫn bị bí mật thủ tiêu, bởi người cùng giống: "Không biết phe nào?" (tr. 29). Phe Ác, phe quỷ !

Địa ngục trần gian hay địa ngục quá khứ bàng bạc khắp tuyển tập gồm 17 truyện của Lâm Chương vẫn là chiến tranh. Cuộc chiến đã tàn nhưng tro vẫn âm ỉ như chưa lụi tắt và có những mảnh củi có lúc vẫn bừng lửa cháy, kể cả khi con người đã xa cách một đại dương. Lâm Chương phê phán mọi phía. Một bên là những tên đồ tể "nằm trên bụng đàn bà mà xua quân vào trận mạc. (...) Bao giờ thấy những phường cẩu trệ bất nhân, chiếm giữ những ngôi vị trọng yếu quốc gia, là điềm báo trước một chế độ suy tàn. Đó là quy luật của mỗi lần lịch sử sắp sang trang" (tr. 189). Một cuộc chiến tranh phức tạp, không lằn ranh rõ rệt. *Đoạn Đường Hốt-Tất-Liệt* chính là đoạn trường cay đắng. Những

người lính địa phương phải đối đầu với một đối phương không rõ mặt, dùng tình báo điều tra gì rồi thì kẻ thù đích thực vẫn là bất ngờ. Tên du kích bị trung đội bắn bị thương không ai khác hơn là "thằng Hon" con Tám Đê chủ lò đường trong vùng, hắn trốn lính và suốt ngày mọi người tưởng hắn chỉ chẻ trúc đan lồng để đi gát cu. Bạn thù không biên giới, nhưng hận thù và những cái chết thì lại không tránh được!

Xóm Ven Rừng là bức tranh của một vùng xôi đâu mà biên giới không chỉ ở bìa rừng cứ ngày mỗi lấn vào sâu mà còn ở lòng người dân. Sự "chiến thắng" của một bên rồi cũng không như lòng người mong đợi: "Những người cùng đi một hướng với ba tôi ngày ấy, trở về trong sự huênh hoang, nhưng chẳng giúp ích được gì cho dân trong xóm. Xóm tôi đã nghèo, bây giờ càng nghèo hơn. Bọn nhỏ chúng tôi đã trưởng thành, phải cật lực cày xới đất đai để kiếm miếng ăn từng bữa. Không có đám trẻ nhỏ nào như chúng tôi ngày ấy, chạy theo đuổi bắt những trái dầu rơi rụng, cánh xoay tít mù bay trong gió. Cái trường học mái tôn bên cây dầu, bây giờ, trở thành nơi nhốt bò của dân trong xóm. Sự đổi thay lạ thường này, làm cho cái trường chỉ còn là dấu tích của chuyện một thời quá khứ xa xăm" (tr. 75). Trường mái tôn là công trình dân sự vụ của phe chính quyền cũ và trái dầu không khác gì những ảo tưởng của người lớn trong xóm. Thân phận con người bị chiến tranh vùi dập. Sống giữa những lằn đạn, "làm người thời này, khổ như chó hoang. Phải tản cư đến một nơi tương đối an toàn hơn" (*Xóm Cũ*, tr. 129). Họ sẽ phải tản cư nhiều lần mà thảm kịch cuộc đời cứ vẫn tiếp diễn!

Tàn bạo của phe kia trong chiến tranh đã trở thành hài hước, hụt hẫng sau "chiến thắng". Những mệnh đề "dân tộc sẽ thắng", "xứ sở quật cường", "chính nghĩa", v.v. không đưa đến kết luận đương nhiên. Sau một dâu bể, mọi lời nói, hành động, kết luận đều gây suy nghĩ, có sức mạnh bủa vây làm nhức nhối những vùng nhận thức quen thuộc hay nếp nghĩ "chính thức", bình thường đã quen. Mụ Kên là người của "cách mạng" đã trở thành sát nhân vì tự trở thành nạn nhân của chính mình, của huy chương thổi phồng vì nhu cầu. Hai Quấn trong *Giải Quyết Cấp Thời* cả đời hy sinh cho cùng lý tưởng như mụ Kên, cuối cùng chỉ mơ ước "cái đít có gân của gái miền Nam" như chị Tư Rô, không được, bèn dùng đại đít bò trong chuồng của hợp tác xã. Người Thượng đơn sơ khi đã bị lợi dụng, họ thấy "những ai đến với buôn bản vùng cao, mang cái dáng dấp phi lao động, chỉ biết đứng nhìn, hỏi những câu ngớ ngẩn, và chỉ trích phê bình , lý thuyết suông mà chẳng làm được gì, họ đều gọi là cán bộ" (tr. 21).

"Chiến tranh như con quái vật khổng lồ, theo nó thì bị nó ăn nuốt, cưỡng lại thì bị nó chà đạp. Đàng nào cũng chết, chỉ có điều chết trước hay sau mà thôi" (tr. 16). Lâm Chương ở lứa tuổi kinh qua đã nhiều, ông đã dám nhìn thẳng nói thẳng nhiều trục trặc khó nói. Anh chuẩn úy mới ra trường nhát gan nhưng hay liều mạng trong *Định Số* được nhiều dịp ca tụng là anh hùng gan dạ. Cái tâm của Lâm Chương ở đó: thành thật, tự xét, tự trách trước khi trách người và ngoại giới cũng như quyền lực và định mệnh bủa vây. Khi lâm trận, một thiếu uý trung đội trưởng bị cấp chỉ huy bỏ rơi, đến lượt ông cũng bỏ rơi thuộc hạ để thoát thân nhưng khi đã an toàn, người sĩ quan đó "dửng dưng như kẻ mất hồn. Không buồn, không vui. Mọi cảm xúc đã bị tê liệt hết rồi" (*Một Vùng Hung Bạo,* tr. 145). Người lính hay người tù học tập ở Lâm Chương không ăn to nói lớn, không giả hình cũng không tự cao tự đại, có chăng là những khuất phục định mệnh, những bất lực vì bị trói tay, những tìm vui tạm bợ trong nhục nhã cuộc đời! Tìm cách sống còn, "dưỡng sinh", thay vì cứ chắc lưỡi như những con Thạch Sùng thời đại "nằm trần trọc nuối tiếc hoài một thời quyền uy son vàng đã mất. Cánh cửa quá khứ đã khép lại. Nhưng cái dư âm vi vu còn đủ sức ném bao người qua cửa tử. Nuối tiếc và thống hận là chất cường toan bào mòn tâm phế"(tr. 189), hay trở thành nạn nhân của "sự vô vọng giết người" vì "không thấy được ánh sáng phía cuối con đường vô vọng" (tr. 187).

Trong chiến tranh, con người bị chà đạp đã đành, nhưng khi hòa bình đã "vãn hồi", con người vẫn bị thời đại nghiền nát, tha hóa đến độ phi lý. Những tàn bạo và bi kịch nhỏ lớn vẫn còn đó, giữa người với người! Trong truyện *Mây Bay Qua,* người tù học tập được thả về với người cha và một người con gái vẫn ao ước thành vợ gã, nhưng hoàn cảnh éo le, trong đợi chờ, Mây đã phải bán thân. Để người cha già khỏi buồn, dù "thương cuộc đời" Khang, nàng đã phải bỏ đi xa một cuộc tình mới chớm nở.

Trong *Chỉ Còn Một Nơi Trở Lại*, một đứa nhỏ mười hai tuổi vì đánh con một ông xã ủy mà phải ở tù, đến khi được thả, về nhà thì người thân đã bỏ vào Nam, đành "xin vô tù lại" bằng cách đánh cắp xe đạp đúng ngày "Chúa ra đời để chuộc tội, cứu rỗi cho loài người" nhưng đứa nhỏ thì nghi ngờ "Sao cháu vẫn khốn khổ? Cháu không tin đâu!". Người tù học tập "nhìn theo cái dáng gầy còm, thất thểu của nó, nghĩ thầm, không biết bây giờ Chúa đang ở đâu?" (tr. 68).

Con người đối với con người "nham hiểm và gian trá. Họ biến tù nhân thành những con ma đói, và hạ xuống ngang hàng với súc vật" (tr. 16). Trong *Chuồng Người,* người tù học tập đã phải sống chung

đụng với tù hình sự sống như con người thời tiền sử đến độ ăn thịt sống để tồn tại. Tù hình sự được đi mổ lợn được xem như một đặc ân, do đó "phải nạp cho thằng đội trưởng hai cục thịt bằng ngón chân cái. Không có, tụi nó thụi vào bụng cho mà thổ huyết". Nhưng bằng cách nào? "Thằng Ný móc họng, ụa mửa. Đồ ăn nhớt dãi, tuôn trào xuống thau. Thằng bưng thau, bóc lên những miếng thịt còn dính lòng thòng nhớt dãi, đưa lên miệng, ăn. Một thằng khác, đang đói, cũng ăn. Có thằng nhăn mặt: "Gớm quá!" Thằng bưng thau, nói : "Gớm gì? Từ bụng kia sang bụng này thôi!" (tr. 176). Ngay cả đồ ăn người nhà đi thăm đem đến cho tù cũng theo cùng phương pháp, không thể để dành ăn từ từ: "Nếu đem vào trại, mấy thằng đầu gấu, chúng nó giành giật cả. Thế nên cháu xơi hết tại chỗ" (tr. 176). Và khi đã ở đáy vực thì con người có lương tri cũng phải đành đoạn mất cả lòng thương hại đối với đứa trẻ tù hình sự: "Không! Tao thương tao còn chưa đủ. Có đâu thương tới mày. Thằng quỷ!" (tr. 66). Rồi sau lại tự xỉ vả mình "Khốn nạn! Nó trở lại tù, sao tôi lại mừng?" (tr.67). Quelle misère humaine! Địa ngục trần gian về một khía cạnh nào đó nằm ngay trong tâm thiện hay ác của con người! Nhưng trong tập truyện *Đoạn Đường Hốt-Tất-Liệt*, vẫn có những tình cảm cao quý sót lại, dù từ kẻ chiến thắng, như Sao Nhót, bạn thời tuổi nhỏ của Lâm Sún, nơi riêng tư đã khuyên bạn thuộc phe "thua": "Ở lại đây, mày bị chuyện gì, tao không đỡ nổi. Mày nên lánh mặt đến địa phương khác, khai man lý lịch, tạm sống một thời gian, chờ tình hình xem sao. Tao "đánh hơi" thấy việc xử lý bọn mày không đơn giản đâu" (*Vật Đổi Sao Dời*, tr. 59).

Hoang dã trong chuyện hiện thực! *Thượng Du, Niềm Thương Nhớ,* thượng du tức Hoàng Liên Sơn, là nơi người thua trận bị vùi dập thân thế và thể xác. "Ở đây, không đo thời gian bằng kim đồng hồ. Trưa nghe bắt-cô-trói-cột kêu trên đầu núi, biết đang mùa hạ. Đêm nằm nghe cú rúc ngoài đầu hồi, biết đang mùa đông. Thung lũng ít chịu mặt trời. Âm khí núi rừng pha trong sương đục, nhòa nhòa lán trại. Cái lạnh rờn rợn nhiễm vào người, lâu dần thành quen. Thiên nhiên tập cho con người biết chịu đựng. Về với thiên nhiên, thở cùng cỏ cây(...) Quên chuyện ngày trước. Bỏ chuyện ngày sau. Sống đời hoang dã. Thú rừng vô tâm, không biết buồn. Ai nặng thất tình lục dục, dễ bỏ mình giữa chốn thâm sơn" (tr. 184). "Không vì mặc cảm đọa đày, mà con người ghét cả thiên nhiên". Người tù chấp nhận số phận, xem cực hình hành xác đốn cây cuốc đất như "một cách tập dưỡng sinh" rồi lâu đến nỗi anh "tưởng như hồn và xác chẳng dính dấp gì nhau". Anh trở nên vui sống với người hoang dã hồn nhiên "thương những hồn cô quạnh" "về đậu trên ngọn rừng tru thảm khốc", anh "thấm thía muốn

trở thành người Tày người Dao", sống giữa những ngọn lửa khói, "tin bất cứ điều gì huyền bí" vì "trong tuyệt vọng tinh thần còn có chỗ thiêng liêng làm chỗ dựa" (tr. 186). Hoang dã mà thấm thía! Ở đâu những lý tưởng cao siêu mà con người vun xới? Và văn minh? "Nơi miền cao thôn bản, súng đạn là thứ duy nhất tượng trưng văn minh của người miền xuôi"" (tr. 184).

Trong *Quỷ Loạn*, thần thánh, hồn ma được nhiều lần nói đến. Khi con người bắt đầu thành công như Điệt, tưởng mình là nhất, mắng cả thần thánh sau một lần bị "thánh" phạt: "Làm thần, thụ hưởng hương khói. Không lo vun bồi công đức phù trì dân làng. Chỉ gây nỗi sợ hãi, lấy sự hành tội người khác làm điều linh hiển. Mai sau ta thành đạt, sẽ ra lệnh phá bỏ miếu này". Khinh đời ngạo thế, Điệt sẽ thi rớt, trốn lính vào chùa tu cũng không được lâu vì theo hắn nơi đó "chỉ là những thứ dung tục thối tha không ngửi nổi. Giáo chủ đã chết mấy ngàn năm rồi. Bọn đệ tử đang lao đầu về địa ngục". Và quỷ đỏ sẽ hoành hành. "Khí thế Cách Mạng như dầu sôi. Cuộc đổi dời diễn ra nhanh như cướp cạn. Nền tảng xã hội bị bứng tận gốc. Vô lại, đầy tớ, ăn mày nhảy lên làm ông chủ. Trí phú địa hào bỗng chốc hóa thành tên đầu đường xó chợ. Sấm ký rao truyền quỷ loạn. Nhà nhà đóng cửa. Đêm đêm nghe tiếng ma tru rợn tóc. Quỷ đỏ hiện hình giữa ban ngày, quấy nhiễu. Dân tình ta thán. Âm khí xung thiên. Mây mù vần vũ. Mống trời vắt ngang đỉnh núi. Điềm báo thiên tai chết chóc...". Khắp nơi là nhà tù, dĩ nhiên Điệt bị bắt, vẫn giữ tính ương ngạnh, bị đi làm xâu công trường thủy lợi. "Thời Cách Mạng, ai mang tiếng Ngụy, ba đời con cháu không ngóc đầu lên được. Điệt còn độc thân, quyết không lấy vợ, tuyệt đường con cái, khỏi chịu cái di họa đời sau. Ngày kia Điệt vung xẻng đắp đê chém tét đầu một tên đốc công, tên kia bắn gục Điệt, lôi trong túi áo có "bức thư ngắn như một lời nguyền: "Ta chết, thề làm ma báo oán kẻ phũ nhận thiên địa quỷ thần". Miếu Thành Hoàng bị phá bỏ sau đó nhưng những kẻ phá miếu "bỗng nằm lăn ra, hộc máu mà chết. Có người nói, chúng ăn bị trúng độc. Cũng có người nói, chúng bị hồn ma của Điệt vật chết" (tr. 181). Ma quỷ sẽ tiếp tục quấy phá người tù nay đã tị nạn ở xứ người, ma quỷ trở về thật hay ảo ảnh, hay từ tâm tưởng (*Chuyện Không Bình Thường*) ?

Sống thời nhiễu nhương, nội tâm và ngoại cảnh mấy khi như một, mấy khi gặp gỡ! Cảnh vật thiên nhiên cũng tàn bạo như chiến tranh, như bất khả cảm thông. Thiên nhiên trở thành những cái bẫy tàn nhẫn, trở thành kẻ thù. "Chiến tranh đã làm cho con người sợ hãi cảnh trí thiên nhiên, e dè mọi sự câm nín, lặng im. Tất cả đều như đang đợi chờ một đột phá tan hoang.Con người bây giờ, chỉ muốn làm rạp hết

những cỏ cây, san bằng những gò nổi, lấp hết những hố hầm để xua đi những rình rập, ẩn nấp, đe dọa chết chóc hằng ngày" (*Một Vùng Hung Bạo,* tr. 137). Khi đã ở chốn tù đày trên vùng ngược Thượng du, người tù chiêm nghiệm mới nhận ra "Thời gian lặng lẻ trôi qua" và thiên nhiên có biến đổi dù chậm chạp. " "Thiên địa vô nhân". Núi rừng không vì một ai hết. Trời đất lặng thinh. Bốn mùa vẫn luân chuyển nắng mưa. Hoa lá trên ngàn vẫn xanh thắm. Không vì mặc cảm đọa đày, mà con người ghét cả thiên nhiên" (tr. 194). Vì thiên nhiên sẽ là nơi trú ẩn của những tâm hồn bị đày đọa!

Chuyện cứu rỗi ư? Trong thế giới của *Đoạn Đường Hốt-Tất-Liệt,* Chúa, Phật đều như vắng mặt! Chỉ còn con người với nhau. Chỉ có tác oai tác quái, không nhân nhượng! Còn người nữ? Nếu người nữ của Nguyễn Huy Thiệp là tinh hoa, là tình người, là cứu rỗi, thì với Lâm Chương, người nữ như bóng mờ, có khi như một ám ảnh hay ham muốn trong hoàn cảnh bất khả dĩ như chị Tư Rô với Hai Quấn trong *Giải Quyết Cấp Thời,* như chị Ban đẫy đà trong *Xóm Cũ*. Riêng cô Năm trong *Mây Bay Qua* là một cứu rỗi trễ tràng, bi đát, con người bị hoàn cảnh vùi dập ngay cả trong tình cảm!

"... Thế nhân ơi, đổi đời, trông thấy
mặt trời chân lý cháy như rơm" (tr. 95).

Tác giả triết lý về lịch sử, tuyên chiến với độc quyền chân lý, dù giọng văn nhẹ nhàng, dù với giọng của kẻ thua thiệt. Đề tài kỳ dị hay bất-bình-thường, chi tiết hoang đường hay có-thể-có, tác giả dùng những hình ảnh khi ảo khi thực của đời sống để phê phán hay đập vỡ những ảo tưởng. Với mục đích đưa ra ánh sáng những kinh nghiệm của quá khứ, dù là của một thời đại vừa trải qua, tác giả cố đưa ra cái hằng số, cái bất biến từ những sự việc và biến cố lịch sử và thời sự, cố đưa ra cái chân lý bất biến của con người dù ở dưới chân trời nào. Tác giả thể loại này còn có thể "xúc phạm" người từng cùng phe, người trên hoặc người đã chết - những anh hùng và những người đã gieo nhân, nghiệp. Các truyện dị thường có giá trị dự báo lịch sử, và giá trị báo động cũng như nhận định lại lịch sử, từ những tro tàn của quá khứ và huyền sử. Sự thật lịch sử có thể cần đến thời gian dài, nhưng văn chương có thể đóng vai trò đặt vấn đề lịch sử gay gắt và nhanh chóng hơn, nhờ tro chưa tàn, lửa lòng chưa nguội. Văn chương "giải mã" lịch sử sớm dù chủ quan và đầy cảm tính.

Hoán chuyển dị thường của thực tại vào văn chương, nhiều dị

thường của cuộc đời tưởng bình thường đã được Lâm Chương đưa ra trước công luận. Nói chung, ngòi bút ông cẩn trọng và nhạy bén, xuất từ kinh nghiệm sống. Giọng văn đơn giản, trong sáng, dĩ nhiên bên trong chất chứa nhiều phức tạp và tầng lớp tâm linh. Chính kinh nghiệm và tâm cảm chân thành của tác giả đã đưa đến sự tinh tế, cô đọng. Như đoạn tả sự việc "thân bị kiềm chế, mà ý chí thì phất phơ như chuyện đùa. Tưởng như hồn và xác chẳng dính dấp gì nhau". Một cai tù đã phê bình cách lao động khá "thiền" của tù cải tạo: "Giơ cuốc lên, cò ỉa. Hạ cuốc xuống, mối xông". Nhưng anh tù lại lấy làm lý thú vì câu nói ngộ nghĩnh mà quên cái hậu quả tai hại sau khi bị phê bình. Anh tù đã sửng sốt vì câu phê bình đó. "Diễn tả động tác chậm, không có cái chậm nào bằng. Từ từ giơ cuốc lên, chậm như ngừng lại, thời gian lâu đủ để con cò đậu trên cái cuốc và ỉa. Hạ xuống cũng chậm, đến nỗi trước khi nhấc cuốc lên, thì mối đã xây thành tổ. Một lối diễn tả độc đáo. Rất bình dân mà cũng rất tuyệt vời." (tr. 188-189).

*

Thể truyện dị-thường đương đại mở ra một chân trời mới, cho người viết cũng như người đọc, một tự do văn chương tuyệt vời. Các tác giả đã chứng tỏ tài huyễn hóa văn chương, như một trở về với người xưa văn hóa cũ, với nền tảng, nhưng vẫn là một thẩm mỹ văn chương mới, chứ không phải chỉ vì muốn trốn thực tại hay tránh những vấn đề của xã hội hoặc những tranh luận khoa học nhân văn cấp bách của hôm nay. Thực vậy, truyện dị-thường là cách bám chặt thực tại có hiệu quả lớn, bám và định nghĩa lại các quan hệ. Ban đầu chúng có vẻ là hình thái hình thành bởi ám ảnh quá khứ hoặc ảo tưởng của tập thể. Đám đông không thể sáng suốt nhận chân ra cái ám ảnh đang hủy hoại tập thể, họ sẽ có thể mở mắt nếu phải đi đường vòng qua ngã văn chương, qua ngã truyện dị-thường. Thể này do đó có thể nói là dấu hiệu của một xã hội trưởng thành, đang-trưởng-thành, trưởng thành khi tự mở mắt với những hài kịch nghĩa luôn bóng bẩy.

Khác với văn chương "minh họa, sử thi" và "tâm lý chiến", truyện dị-thường có thể không phục vụ cho một ý thức hệ hay tín ngưỡng, nhưng tự nó, loại truyện này nuôi dưỡng nhiều tin tưởng về một thời đại dù bị lột mặt nạ nhưng chưa chắc có thể thay thế. Truyện dị-thường dùng những chiếc mặt nạ làm nên bởi thực tại tái dựng, cốt để dễ tra vấn, làm rung chuyển chính nền móng tưởng vững chắc, mà không hẳn có thể đưa ra những thay thế. Truyện dị-thường do đó hình như có vẻ liên hệ với những giai đoạn giao thời, khủng hoảng, con

người và tập thể phải tìm lại bản ngã, khi mọi giá trị đã gẫy đổ. Nước Việt Nam sau 1986 đã cần có "những ngọn gió Hua-Tát" thổi mạnh trên một xã hội trì trệ, dở bết, để giải phóng con người khỏi những bế tắc của ý thức hệ và văn hóa lỗi thời. Ngọn gió "truyện dị-thường" chứng tỏ sự trưởng thành tái sinh của xã hội đó. Cũng như *Tướng Về Hưu, Con Gái Thủy Thần, Những Người Thợ Xẻ*, v.v. của Nguyễn Huy Thiệp, *Ông Kỳ Lân, Áo Thanh Cao, Sư Phụ, Thầy Bắt Bóng*, v.v. của Trần Long Hồ, *Lên Rừng Thăm Bạn, Thượng Du, Niềm Thương Nhớ,* v.v. của Lâm Chương đã mở rộng thế giới dị thường đồng thời đẩy con người vào vực tối của lý trí, đã cung cấp cho tưởng tượng tập thể với những quỉ quái và địa ngục mà bình thường không ai dám nghĩ tưởng đến. Đáng sợ, nhưng chính những con ma này đến để giải phóng những hãi sợ tập thể, cũng là dịp khiến người viết phải tân tạo nghệ thuật thẩm mỹ của mình, hiện đại hóa văn chương. Thành ra truyện dị-thường là một giải phóng!

Tác giả truyện dị-thường có thể mơ mộng thiết tha hay nghiêm khắc lạnh lùng, cái chủ quan của tác giả vẫn có thể động đến nhiều người. Mặt khác, tác giả không những "thấy" và "hiểu" con người và việc đương đại, ông/bà còn phải đồng cảm, thấu hiểu, "dính" vào người và việc đang là đối tượng của tác phẩm. Của người ở trong cuộc! Truyện hư cấu hay giả định, độc giả không cần biết bao nhiêu phần trăm sự thật hay hư cấu, họ chỉ cần "theo" văn chương tác giả, "tin" vào kinh nghiệm của tác giả! Mặt khác, truyện dị thường phúng thích và châm biếm chính trị và xã hội, *Đoạn Đường Hốt-Tất-Liệt* có yếu tố khả dĩ "phiền" chế độ vốn nghi ngờ mọi trào phúng, hí họa ngoài những minh-họa-được-phép.

Điểm-đến của *Đoạn Đường Hốt-Tất-Liệt* theo chúng tôi là đã gióng lên tiếng nói đích thực của con người hôm nay, cho bây giờ và mai sau, khi còn có thể lên tiếng và sau một thời gian đã không thể lên tiếng. Truyện của Lâm Chương như có sức mạnh giải thoát của tâm thức, tâm thức ông, tâm thức những người cùng cảnh ngộ và "kinh nghiệm" như ông. Thay vì tụng A-di-đà hay lạy-Chúa, Lâm Chương lên tiếng nói của ông qua nghệ thuật viết của con người từng sống trong bùn đen của những cơn kinh hoàng đất nước, của chiến tranh, của trại cải tạo, trở về nhà tù lớn và lạc lõng giữa một nước hợp chủng xa lạ! Tác giả đã xử dụng ngôn ngữ như hệ thống tín hiệu và xử dụng văn chương nghệ thuật như khả năng của cảm xúc. Lâm Chương nhận thức được bi hài kịch của cuộc đời và ông chia xẻ với người đọc, có

người cùng hoàn cảnh, tâm cảnh, với một ngôn từ trực tiếp dù phải dùng dụ ngôn, hình ảnh, v.v. Chính cái dị thường đã đưa người đọc tìm lại, nhìn lại, nhận chân những thực tại của dời sống bình thường và của vũ trụ nhân sinh. Trong truyện dị thường, ngôn ngữ thường là một hệ thống tín hiệu cao độ với những ẩn dụ đa nghĩa. Đọc truyện của Lâm Chương không thể ngừng ở câu chuyện hay khúc ký ức đó. Người đọc phải hiểu cái tiềm ẩn sau những sự việc, hành động dù bình thường đến thế nào, hoặc cái nguyên nhân hoặc hậu quả không thể tả. Khi người đọc như bị bỏ rơi vì chuyện lửng lơ thì biết đâu đó là cái Vô ngôn, cái thông điệp, cái nhắn nhủ. Người đọc *Đoạn Đường Hốt-Tất-Liệt* bình thường sẽ thương cảm thân phận con người, người Việt Nam một thời, nhưng nếu tâm cảm xâu xa sẽ nhận ra cái tâm của tác giả, ông nói với mọi người mà như đồng thời ông tìm tri kỷ! Những truyện khác của Lâm Chương đăng trên các tạp chí gần đây như *Gió Ngược, Cận Kề Biên Giới Tử Sinh*, ... cho thấy ông càng đi sâu vào ngõ kiếm tìm này, xét con người vì con người thay vì phân biệt nhị nguyên, bạn và địch !

*

Truyện dị thường hiện đại trở nên một hiện tượng và là một nghệ thuật thẩm mỹ của phúng thích mơ mộng là chính thể loại tiên báo chủ nghĩa biểu hiện đương đại, một loại thẩm mỹ hiện đại, một nghệ thuật mời gọi tác giả cũng như độc giả cùng sống một kinh nghiệm của quá khứ, một kinh nghiệm ở biên giới của thực và giả, giữa hợp lý và phi lý, giữa bi và hài, giữa xấu và đẹp, giữa sướng khoái và hãi hùng, qua trung gian các nhân vật của tác phẩm. Một sống chung nhiều khi rất căng thẳng hay gây ra những cái hụt hẫng giữa phát và nhận, giữa bày và đón. Vậy là sau 1986, văn chương Việt Nam như cũng góp phần vào việc tra vấn quá khứ để tìm lại năng động đang-tìm-lại của tập thể. Phải chăng đây là nguyên lý "cùng tắc thông!" đã được nói đến trong Đạo đức kinh?

NGUYỄN VY KHANH
Old Quebec, 12-1-1999



ĐỨC PHỔ

Soi gương

nhìn qua tưởng khóc. Mà cười
mặt không giống mặt của người vô tư
tầm ruồng. Thế sự. Hồ như
tháng ngày thong thả đánh nhừ kiếp tôi.

Sơn nữ

qua đồi chạm cánh sim rơi
có cô sơn nữ nằm phơi sơn tình
chút lòng hoang dã mong manh
treo trăm nỗi mộng trên cành chiêm bao.

Muộn phiền mang theo

rồi đây sẽ có một lần
thân rơi xuống cuối mộ phần nằm yên
đất lành trăn trở hai bên
vô tình đụng gánh muộn phiền mang theo.

Hiểu ra chữ nghĩa

một mình ngồi đứng. Ngó quanh
rặt ròng những kẻ mắt xanh môi hồng
muốn trao câu nói tâm đồng
hiểu ra chữ nghĩa khôn cùng. Chịu thua.

Chịu chơi

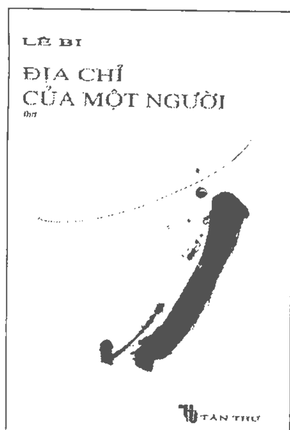
ước chi còn tuổi lên mười
ở truồng tắm giếng coi trời như không
mấy cô con gái tròn trăng
mĩm cười ngó trộm. Cái thằng chịu chơi.

ĐỨC PHỔ



LÊ MINH HÀ

Một Người Thơ Và Địa Chỉ Của Mình



Bìa bốn tập ***Địa Chỉ Của Một Người*** (Lê Bi - Nhà xuất bản Tân thư - 1996) có in:

... Đã xuất bản:

- ***Ngẩng mặt nhìn trăng sáng...***
- ***Thi ca Việt Nam 1975-77...***
- ***Quê hương và lưu đày...***

Chưa hết. Và khi chưa đọc những tác phẩm ấy mà đã viết về tác giả của chúng trong sự hiện diện duy nhất ở một tập thơ thì ắt hẳn là liều. Sẽ không tránh khỏi những võ đoán trong thẩm định. Hoặc cũng có thể làm tủi lòng nhà thơ vì không thấu hết nỗi niềm và những khát khao sáng tạo của ông. Bởi thiếu một cái nhìn chung nhất về trường xúc cảm của thi sĩ, và...

Nhưng người đọc có quyền kiếm tìm. Ở ***Địa Chỉ Của Một Người.***

Tiếp cận với thế giới ngữ nghĩa của Lê Bi là tiếp cận với một năng lực khái quát nghệ thuật cao. Điểm độc đáo này của Lê Bi là điều ít thấy trong thơ ca Việt Nam hải ngoại, theo sự đọc và sự hiểu còn hạn hẹp của người viết [(1)]. Tâm thức lưu vong là một thuộc tính của văn học hải ngoại, hình thành trên cơ sở hoàn cảnh sống và viết của những người cầm bút và không chịu sự chi phối của một thể chế chính trị nào. Có thể vì thế, và cũng có thể vì người viết được quyền ý thức sâu sắc về con người cá nhân của mình mà biểu hiện của thuộc

tính này thật vô cùng phong phú. Nhưng nếu như không chỉ "lặng chuồi theo dòng cảm xúc"[2] thì cũng dễ nhận thấy rằng mặt mạnh của nhiều nhà thơ hải ngoại là giãi tỏ ngọn ngành những trạng huống xúc cảm của mình, và dừng ở đó, nghĩa là tự đồng nhất về thi pháp. Hiểu theo một nghĩa nào đó thì đây cũng là một cách mặc đồng phục trong thơ (chữ dùng của Nguyễn Hưng Quốc), dù rằng kiểu cách đồng phục thơ ca hải ngoại khác thơ ca trong nước.

Trên mặt phẳng thơ ca ấy, tôi mê cái gồ ghề, gân guốc, cái ngạo nghễ rã rời của Cao Tần, và lạ lùng trước những triết lý nghệ thuật của Lê Bi.

Với một số ngòi bút đi quá xa trong việc đào xới tâm thức lưu vong, xa nước đồng nghĩa với mất nước. Thế giới thơ ca cho phép, chấp nhận, đòi hỏi nhà thơ phải biết dao động giữa những cực xúc cảm, để thể hiện chân xác đời - sống - nhìn - thấy và cảm - thấy. Tuy nhiên, có một giới hạn nhất định trong sự cảm đòi hỏi nhà thơ phải ý thức cho được. Nếu lưu vong là mất nước thì nước ấy đã được đồng nhất với một chính quyền, một thể chế. Theo tôi, dù có vẻ khác thì đây cũng chỉ là biến thái của một cách nhìn lầm lẫn phổ biến trong nước, kiểu vì Tổ quốc là phải vì Chủ nghĩa xã hội.

Trong cảm quan nghệ thuật của Lê Bi, đất nước bao giờ cũng được xác lập trong chiều sâu lịch sử, một lịch sử sống động, quẫy cựa và có khi còn lem luốc. Cảm thức lịch sử kiểu "lòng ta là những hàng thành quách cũ - tự ngàn năm còn vẳng tiếng loa xưa" (Vũ Đình Liên) không phải là cảm thức của Lê Bi, dù Lê Bi thường, rất thường day dứt về quá khứ. Trong khi xác lập ***Địa Chỉ Của Một Người*** (cho người đọc?), nhà thơ đã chỉ rõ: Nếu Phải Tìm Mình:

... Xưa huyền thoại mẹ cha đã có trăm con
nay trăm con không còn là huyền thoại
đứa vô thần đứa thấm đầy Chúa Phật
thậm chí, mặc dầu, những kẻ gì đâu
có chia năm xẻ bảy
tôi cũng thấy bình thường
họ cũng là thịt xương
của mẹ cha mình đấy.

...
Tôi sinh ra là người Việt, sống như người Việt
và cũng mong được sống như người Việt
nhưng căn cước của mình
chẳng bao giờ rõ nét...

Khi nói vậy, Lê Bi đã ý thức lịch sử Việt Nam như một thực thể không thuần nhất, có du nhập và phân cách, và mỗi tụ và tán ấy đều làm phong phú thêm cho Tổ quốc mình. Điều ấy đúng. Có cái nhìn sự vật trong chiều dịch biến ấy chẳng phải là dễ, và có thế thì mới có thể nhìn ra những đóng góp mới của một quá khứ cũ.

Cảm thức lịch sử của Lê Bi ở ***Địa Chỉ Của Một Người*** dồn tụ trong cảm thức thời gian. Ở nhiều nhà thơ hải ngoại, thời gian nghệ thuật thường mang bóng dáng của những thời khắc xúc cảm. Với Lê Bi, đó lại là thời gian lịch sử. Không nên bỏ qua một hiện tượng ở ***Địa Chỉ Của Một Người***: nhà thơ hay nhìn thời gian trong cả chiều dài thế kỷ và thời đại. Cái nhìn này thấm đượm màu sắc chiêm nghiệm, với những day dứt và ý hướng tự vượt. Nhà thơ có hẳn một bài mang tên là *Thế Kỷ*:

... Đầu thế kỷ này đã vội vã như đám trẻ thơ
đạp lên tất cả
chúng tôi chưa sinh ra
khi nhân loại háo hức vươn mình
mang đôi giày quá lớn vượt qua hết niềm đau
để mọi người cùng tiến thành Phù Đổng...
...
Cuối thế kỷ này đã mất bao sự thật
lịch sử vẫn độc lập
ý chí vẫn chỉ là mơ...
... những đứa trẻ xưa hát đồng ca đi tới
đi chưa hết những cơn mưa hoang đường...

... Thế kỷ này gần tôi như một bạn già
đã mang tất cả lãng mạn
trên vai
như chiếc thập tự
đầy quá khứ
cắm trên những giấc mơ không bao giờ trưởng thành
và chỉ truyền lại cho chúng tôi
lời chép miệng
giữa tiếng trống canh
gõ bên ngoài cánh cửa trời
đã khép...
...
...và tôi vẫn tiếp tục sống

giữa những nỗi buồn dị ứng...

Mang những dằn vặt, tự nghiệm này, dễ hiểu vì sao cái thời khắc của niềm vui sinh nở, thời khắc ra đời của đứa con, với Lê Bi, cũng lại là thời khắc "Nhân loại mở cửa - Đón thêm một tiếng khóc của chính mình" (*Thế An, ngày 4 tháng 1 - 1991*).

Câu thơ không bi quan. Cao hơn những yêu thương thường thấy trong tình cha con, đó là sự đồng cảm định mệnh giữa con người, không cầu viện những cảnh huống bi thảm, trong một vũ trụ mà rồi ra nỗi đau cũng sẽ là định mệnh.

Tôi hình dung như thế khi đọc câu thơ ấy. Có thể là bắt đầu từ đây chăng mà Lê Bi đã viết những câu thơ chua chát, ngậm ngùi, bình tĩnh *Khi Gặp Bùi Tín* - Tên một bài thơ:

... Mười bảy năm sau khi cả chúng ta chỉ còn đủ thời giờ
quay lại ngậm ngùi
tôi ngạc nhiên là mình chỉ tội nghiệp cho ông
kẻ hôm nào thắng trận
tôi cũng tội nghiệp cho một mảnh đất nhỏ bé
vẫn chứa quá nhiều thù hận
tôi cũng tội nghiệp cho sự hiện diện của chúng ta
như những vết sẹo nối dài của một lịch sử chưa lành...

Và cả *Những Giọt Nước Mắt Cùng Tên, Những Người Đàn Bà Việt Nam Ở Hồng Kông, Da Non...* có phải cũng bắt đầu từ sự đồng cảm như một định mệnh ấy của Lê Bi?!

Không có một số phận cá nhân Việt Nam nào - ít nhất là ở thế kỷ này - nằm ngoài số phận dân tộc. Nhưng sự ý thức về nó thì không thể quy đồng. Tôi nể lối tự ý thức về đất nước, nhân dân, về mình của Lê Bi ở ***Địa Chỉ Của Một Người.***

Trong tập thơ này, có một cấu trúc hình tượng lặp đi lặp lại. (Hình tượng chứ không phải là hình ảnh, bản thân nó đã bao hàm một - gì - đó chứ không phải chỉ gợi ra một - gì - đó. Nhấn mạnh.) Ấy là hình tượng căn cước và địa chỉ. Với Lê Bi, căn cước và địa chỉ không phải là những thông số xác lập một thân thế, một không gian địa lý đơn giản. Căn cước kia là căn cước tâm hồn Việt, là một phức hợp được tạo bởi những thăng trầm lịch sử mà nhiều khi chỉ đơn giản là "dăm câu thơ đối diện ở tâm hồn" hay "những bài thơ vượt qua chiều sâu thù nghịch - ta đọc để biết mình cũng chỉ là nhau" (*Kiều*), là cái đã được "in từ ngàn năm cũ - giữa khoảng trống đọc ra cái nhớ" (*May Mà*). Và

Địa Chỉ Của Một Người trong thơ Lê Bi - kẻ xa nước hai mươi năm vẫn giữ cho mình căn cước tâm hồn Việt - như thế chỉ có thể, chỉ duy nhất là một "đất nước gầy đang mọc da non" (*Da Non*), "địa chỉ lòng tôi vẫn là Việt Nam" (*Địa Chỉ Lòng Tôi*). Đau đớn thay cho kẻ tự biết mình như thế cũng lại tự biết rằng: "Địa chỉ hôm nay là phương trời - địa chỉ hôm xưa là dân là đất" (*Bài thơ gửi quê hương*); "cái giá của ra đi - là không chỗ trở về" (*Những Người Đàn Bà Việt Nam Ở Hồng Kông*).

Nằm trong mạch cảm hứng này về đất nước của Lê Bi còn rất nhiều bài. Tình yêu đất nước xót xa của ông sẽ được ông diễn dịch thành rất nhiều sắc thái xúc cảm khác, có cuồng nộ, có ngỡ ngàng, có tin tưởng, có thiết tha trong khát khao... (đọc *Tân Kiều, Hà Nội 95, Sài Gòn Vẫn Mọc Lên, Bài Thơ Sám Hối*). Riêng tôi, tôi thiết tha có một ngày người yêu thơ trong nước được đọc những bài thơ như thế của Lê Bi, và cả những bài thơ dào dạt nỗi niềm khi về thăm nước mà lại cục cục hòn hòn như một đặc điểm về thi pháp của Đỗ Khờ(?!). Bao giờ nhỉ?

Đa dạng trong sắc thái cảm xúc mà vẫn nhất quán ở lối khái quát nghệ thuật, ở những tự nghiệm đầy tính triết lý, Lê Bi đã xác lập tâm thế của một bộ phận thế hệ mình, lưu vong mà không tự coi mình mất nước. Một cách nhìn tích cực, sáng suốt, riêng biệt như thế sẽ làm giàu có cho thơ Việt Nam hải ngoại nói riêng, và sớm muộn cũng sẽ được thừa nhận như là một đóng góp làm phong phú trường xúc cảm của người Việt nói chung.

Nhưng đó chưa phải là tất cả diện mạo thơ Lê Bi. Ở phần đầu tập - *Nếu Phải Tìm Mình* - cảm xúc của Lê Bi còn mang xu hướng hướng ngoại. Tới phần sau - *Đến Khi* - nhà thơ đã chuyển hẳn sang hướng nội. Nếu ai ưa một lối triết lý tài hoa từ những hiện tượng tưởng chừng bâng quơ thì hẳn sẽ rất thích phần Đến Khi này. Riêng tôi, tôi thích những bài thơ thật ngắn, giản dị của Lê Bi. Ở đó, nhà thơ đã phát hiện lại cho ta bao nhiêu là chân lý của đời thường.

Từ một **Mộng Đời:**
Anh tưởng còn nhiều điều phải làm tận chân trời góc bể
khó khăn nào anh cũng cố vượt qua
đêm rửa chén, pha sữa nhìn con ngủ
bao mộng đời chợt ở với con ta.

Cho tới **Sinh Nhật:**
Là dịp ngó kỹ mình
Tóc bạc và cỏ xanh

Cả hai đang thống nhất.

Lê Bi có nhiều câu dễ nhớ mà không dễ dãi. Đơn cử:

Chỉ một lần muốn lấy trăng làm chỗ gối đầu
Ta đã phải mang mối sầu muôn kiếp
Kiếp Trăng

Lấy thơ ra vồ bắt
Cả nghìn khoảng không.
Khoảng Không

Ngay quanh tôi thiếu gì điều không thể dịch
Như dịch cho đời nghe trăm vạn tiếng mưa rơi.
Thơ Dịch.

Dù sao, với riêng tôi, nếu được hỏi về những ấn tượng có được từ ***Địa Chỉ Của Một Người***, tôi vẫn muốn dừng lâu hơn ở phần *Nếu Phải Tìm Mình*. Những triết lý, những chiêm nghiệm của Lê Bi ở phần sau của tập thơ sắc sảo và tài hoa, nhưng phải ở phần đầu, nơi hội tụ nhiều nhất những cảm thức về đất nước con người, trong ba chiều thời gian lịch sử, cái riêng có ở Lê Bi mới bộc lộ rõ nhất, mới có sức lay cảm nhất. Giọng triết lý như thế trong thơ Việt Nam hiện đại không nhiều, trước đây chỉ được bộc lộ thường xuyên, triệt để như một phong cách nghệ thuật ở Chế Lan Viên.

Nhưng thôi, mọi bình, giảng bên ngoài tác phẩm luôn là sự thu hẹp những vang âm mà nghệ sĩ muốn có trong sáng tạo. Càng là không cần thiết đối với một nhà thơ đã ý thức về sự phê bình:

Phê bình thơ thì ác như bắt chim trời nhốt vào lồng
dù có khen chê đưa đẩy
hoặc mạ vàng sơn son lộng lẫy
cũng chỉ là một thứ ghéttô
thi sĩ nào không ngỗ nghịch
chim nào không muốn bay
trang giấy phải ở ngoài kia...
Phê Bình Phê Bình

Vậy thì hãy đọc thơ Lê Bi, trước khi đọc những bài viết như thế này.



PHAN NI TẤN (N.D.)

Em Rạch Giá

Nước trôi mất ngọn cây dừa
Cuốn theo Rạch Giá chỉ chừa mình em
anh từ núi xuống không quen
nổi trôi, em vớt thây lên tới giờ
mấy kỳ gặp em ngồi mơ
mặt sao giống hệt bài thơ anh làm

Nước trôi trớt quớt bông tràm
cuốn câu vọng cổ miền Nam mất rồi
nghe anh khóc đứng khóc ngồi
em dưới miệt biển cố trồi lên coi
tay cầm bó đuốc săm soi
mặt sao giống hệt như người trăm năm.

PHAN NI TẤN (N.D.)

Và có thể không cần đọc những bài viết như thế này!

LÊ MINH HÀ
1996.

---

(1) Người viết (LMH) mới chỉ được tiếp xúc với văn học hải ngoại hơn một năm nay
(2) Thơ Xuân Diệu



PHAN NHIÊN HẠO

Di cư mùa hè

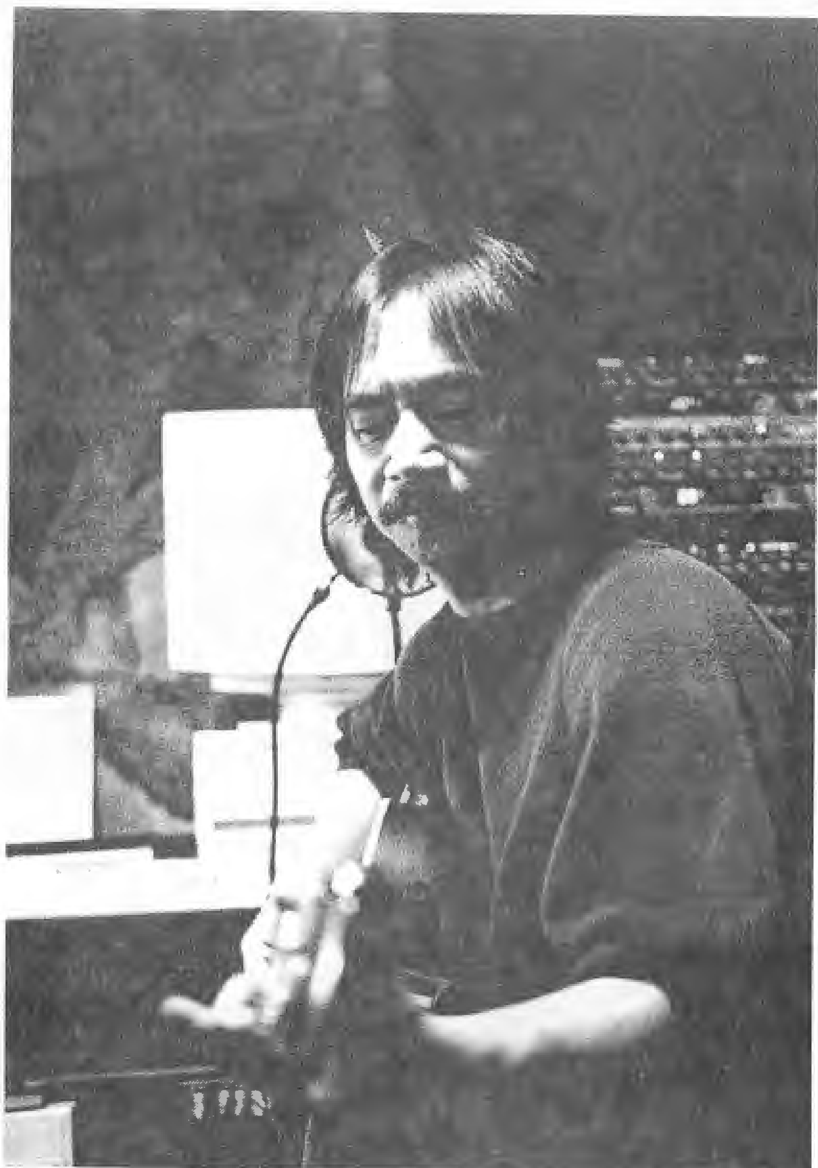
tặng Như Huy

Tất cả các chuyển động dừng lại
nhầm lẫn quanh chiếc đồng hồ chảy nước ở ngã tư
một con chim cánh cụt bị đánh thức
trời mùa hè, băng tan
những chuyến bay chật chội
tôi không còn chỗ nào để di cư

Tôi bước đi trên lề, cố giữ một khoảng cách
giữa cái nhìn đe dọa của người cảnh sát
và sự giận dữ của tôi
tôi ngồi trong công viên đọc báo
mực dính tay lèm nhèm
đứng ở góc đường là một người rất thẳng
chiếc kèn cũ trong tay
gợi nhớ một người bạn chung phòng
một người mê John Coltrane và hơi nghiện rượu
bây giờ ở Chicago
bỗng nhiên tôi nhớ chuyến xe bus tôi bỏ quên dù
một ngày mưa với người tài xế có vết sẹo dài trên mu bàn tay
phải
giữa các phương hướng khác nhau các bản mặt không đồng nhất
tôi đã trả một đồng để được chở đi

Tôi đọc hết mục rao vặt, tôi ăn hết một ổ bánh mì
tôi nhìn hai con chó vật nhau trên thảm cỏ
rồi tôi kêu lên những tiếng kêu cao và ngắn
của loài chim cánh cụt
một ngày mùa hè đẹp trời ở Santa Monica.

5/1999



ảnh Brian Doan

VĨNH BIỆT LÊ UYÊN PHƯƠNG



MAI NINH

Lê Uyên Phương



Bolsa, hơn mười một giờ trưa, nơi chiếc bàn dài kê ngay trên vỉa hè một quán cà-phê, ồn ào tiếng chuyện trò giữa những con người văn nghệ, có lạ có quen. Bỗng dưng trong bầu nắng chan hòa tới chói mắt, xuất hiện một dáng người nhỏ nhắn và nhanh nhẹn. Khuôn mặt rạm nâu dẫu chưa tiếp xúc bao giờ vẫn thấy như đã có lần quen biết. Hoá ra đấy là người viết nhạc và ca sĩ từng làm mình xúc động qua lời hát và dòng nhạc của anh ta vào những năm tháng còn biết yêu thương những điều lãng mạn. Không cần ai giới thiệu cũng nhận ra, nét mặt bên ngoài hiền lành chân chất hơn tấm chân dung đã được KT vẽ và in trên bìa một tập nhạc LUP. Nhưng chính trên bức họa này, loài thú đau thương đắm đuối trong vũng lầy hiện lên mạnh mẽ, cô đơn và trầm thống.

Đấy là mùa hè trước, đã qua và xa nhưng lại rất gần. Mọi người quanh chiếc bàn nhựa chông chênh vẫn tiếp tục tranh cãi về một chữ 'sẩn' vừa hiện hình trên một tập thơ gây nên vài dấu hỏi. Anh đến

cạnh bàn, đứng đấy, càng nhỏ hơn trong chiếc T-shirt rộng. Người cạnh tôi nhắc, ngồi xuống chơi. Anh loay hoay tìm một chiếc ghế. Giá không có đông người, tôi đã buột ra câu hát hết sức quen thuộc. Hãy ngồi xuống đây, trên lưng cuộc đời, thách đố thương đau. Can đảm thay sự thách đố này, lẫn thêm chút gì kiêu ngạo. Cho nên, dù anh ngồi trên cái ghế đẩu cập kênh, dù dưới mái tóc cháy thiêu trong nắng là hai con mắt hiền từ, tôi vẫn thấy nhập nhòa những nét vẽ man dại. Vẫn lẫn lộn với hình ảnh từng sợi tóc cong thô ánh bạc, đầy cá tính mà KT đã uốn rải trên vầng trán màu thạch cao với rèm mi xám, chụp xuống cuộc đời. Nền đằng sau là những nhành cây nâu mỏng của một thứ vườn khô.

Không khí chẳng ồn hơn cũng không lặng hơn từ khi anh đến. Sự có mặt bình thường như hằng ngày anh đều qua đấy. Tôi hơi ngạc nhiên, trước đó đã nghe nói, độ sau này anh ít đến chốn thị phi. Một số lưu dân trong giới nghệ thuật đã chọn cách sống tách rời ở ẩn, vì nhiều lý do, nhưng hình như đa số vẫn cần những gặp gỡ tụ hội. Ngạc nhiên rồi tự cười mình, sao lạ. Người ta có thể đến ngồi ở một quán cà phê để '' không nghĩ gì cả, không muốn gì cả. Ngồi ở đó và chừng như cả vũ trụ chìm trong cái im lặng khủng khiếp... để nhìn thấy sự di động chung quanh, đông đảo, vội vàng, ngơ ngác, nhưng không nghe ra âm thanh, tiếng động đến từ đó...Như một người đang làm nhạc phim, nhìn sự việc chuyển động chung quanh nhưng nghe những âm thanh trong đầu. Theo dõi những âm thanh đó và xúc động với cái não nề, cái bất nhất, cái rời rạc của chuỗi âm thanh đang có...''. Từng dòng suy nghĩ tiếp tục lan đi trong cơn nắng vẫn trắng rang trên nền xi măng khô khốc của cái parking trước mặt. Những suy tư không của tôi mà thuộc về người đàn ông thu nhỏ ngồi bên kia chiếc bàn, tay đang lật giở vài trang nhạc viết tay hay bản nháp một lời ca. ''Âm nhạc đang làm gì cuộc đời anh ta? '' Tôi chỉ lập lại cho mình những câu hỏi đã một lần bắt gặp trên một thành phố không có mây của anh.

Thật sự, tôi muốn nhìn thấy người nhạc sĩ này trong những giọt mưa hơn là trong nắng cháy. Tôi muốn gặp anh trong một quán nhạc mà vòm ánh đèn tròn dường như chỉ cố tình chiếu sáng người đàn bà rạng rỡ hát chung với anh, để khuôn mặt anh càng chìm hơn trong mờ tối, đến nỗi tôi cứ nghĩ chưa bao giờ biết mặt. Trong không khí nóng hốt buổi trưa này, mọi liên tưởng về những điều lãng mạn bị cưỡng bức. Tôi khó lòng níu kéo hình ảnh đôi song ca đã dính liền thật thân thuộc với thời tôi tuổi trẻ. Một thứ tuổi trẻ của chiến tranh, được nó nuôi dưỡng và tàn phá, bị nó cướp mất bao nhiêu tin yêu hồn nhiên nhưng đồng thời đem đến những ước mơ vừa thơ mộng vừa thôi thúc.

Từ đó, chiến tranh như chất xúc tác làm thăng hoa tình yêu lẫn dâng hiến cho nó độ thiêu cháy hủy diệt của chất cường toan. Vào những ngày tháng mà người Saigòn chìm đắm trong những bài hát về thân phận, trôi nổi theo những bản nhạc tình, thì tình ca của anh mang tính chất cá biệt. Nếu tình ca của Trịnh Công Sơn ray rứt buồn hay có khi mênh mang sương khói, thì tình ca anh là đam mê ngây ngất và hoang dại của loài thú yêu nhau trần truồng. Nó cũng là nỗi ngao ngán trước cái lêu bêu của thân phận cuộc đời cỏ rác.

Nhiều bài nhạc của anh viết trong cung trưởng, nhưng không hiểu sao, ít nhất vào những năm tháng tôi còn nghe nhiều nhạc tình anh, tôi cứ mải miết nghe ra âm thanh của một cung thứ ngang ngang, mềm mại như tiếng thở dài, dù cũng có lúc bị ngắt đi, nấc lên thành tiếng kêu đau đớn và dồn dập. Phải chăng cách hát song ca và hát bè của Lê Uyên và Phương đã đem đến cho tôi cảm giác ấy? Tôi luôn luôn thích nghe hát song ca, vì sự giàu có trong âm thanh và vì hình ảnh giao cảm đồng điệu quận quyến, một khi cặp song ca nam nữ biết cách trình diễn. Không có gì tước đoạt, đối ngược nhưng lại thu hút hơn khi dùng hình ảnh hạnh phúc này để diễn tả những cô đơn, chia lìa, bất hạnh của tình yêu. Sau này, bẵng đi nhiều năm, tôi ít có dịp nghe nhạc anh. Bỗng một hôm nhận được món quà từ nơi xa. Trong gói sách có tập nhạc LUP. Chỉ cần ngồi lại gõ lên phím vài nốt, âm thanh ấy, hình ảnh ấy đã tràn về, xao động cả một quá khứ mà đôi lần mình đã muốn cất đi trong một ngăn tủ đời.

Ngồi đây, Bolsa, không còn không khí mù mờ của quán nhạc với đèn màu hay sân khấu của những sân trường đại học năm xưa. Bạch nhật thanh thiên hiện rõ người nhạc sĩ mộc mạc điềm đạm. Mọi người đã chán nói thơ, quay sang nhạc. Cặp mắt anh đang bình thản thoắt linh động hẳn. Với giọng nói nhỏ nhẹ, âm hưởng chút đồi núi cao nguyên, anh hào hứng nói về bốn mươi bài thơ của các tác giả trong và ngoài nước đã phổ nhạc đang muốn in, đang muốn phát hành. Về đĩa CD sắp ra và dự định lưu diễn từ tiểu bang này sang nơi khác. Tôi ngồi yên nghe anh, nhủ thầm, đấy, mơ ước của người du ca, của người đem âm nhạc đi hát những bài thơ. Và tự nhiên tôi ngẫm nghĩ, không hiểu trong bối cảnh, trong đời sống đã cướp mất những mộng mơ lãng mạn để thay thế bằng những điều vô cùng thực tế, trong cuộc chạy đua hụt hơi nhà to xe lớn này, một người như anh mà tôi xem là 'chantre', chuyên hát nhạc lễ cho một thứ 'tôn giáo', chờ đợi gì ở người nghe, và người nghe còn nghe nữa không và nghe ra những gì từ lòng kẻ 'hát dạo'? Cả bọn đứng lên, từ giã bàn cà phê đầy nắng. Chỉ

còn anh ngồi lại. Tôi vẫn chưa nói với anh một câu gì ngoài cái gật đầu chào khi anh mới đến.

Mùa hè rong chơi rồi cũng qua. Ngày tháng bay vùn vụt trên những chiếc lá phút chốc vàng úa, đỏ ối rồi tung đi trong cuộc sống. Không ngờ, một mùa hè khác lại đến với nắng mở đầu chiếu sáng những đọt cây xanh. Tôi chợt nhận được mấy dòng thư viết về cơn đau của người nhạc sĩ có lớp vỏ mềm mỏng phủ che một trái tim nóng bỏng, cương cường. Thư buồn dự báo anh sắp về gần hơn với mặt đất, nơi mà anh đã viết trong tâm sự gửi cho một người bạn gái Thụy Sĩ: "mặt đất có thể là thiên đường hay địa ngục. Điều thảm họa đang đến với một số người thì đối với một số người khác chỉ là những điều được nghe nói đến ở đâu đó thôi. Cũng có những điều chẳng dính líu gì đến ta hôm nay, ngày mai bỗng trở thành cái sống, cái chết của ta.'' Vâng, vô tình, thờ ơ sao khi mất mát khổ đau đó chưa thực sự chạm đến những của cải tinh thần hay vật chất của chính mình. Định nghĩa về tác phẩm nghệ thuật, qua tâm trạng trăn trở của anh, đã trở thành một lời cảnh cáo : '' những gì xảy ra cho tôi hôm nay, có thể lắm, nó sẽ xảy đến cho anh ngày mai- nếu nhận thức được điều này, con người sẽ hành động với sự cảm thông và giải quyết những vấn đề của mình trên căn bản đó. Lời cảnh cáo. Sự cảm thông. Phải chăng là những tiêu đề chính của nghệ thuật? ''. Trước thân phận lưu đày của dân tộc Do Thái, anh cho rằng những người Thụy Sĩ hiền hòa, trăm năm xem chuyện con người bị hủy diệt như chuyện thần thoại cổ tích, đều lý luận rằng: '' Các anh đáng được đối xử bằng lòng nhân đạo, nhưng những thống khổ của các anh rất xa lạ đối với chúng tôi. Tôi hiểu các anh là những người bất hạnh, nhưng tôi không đau cái nỗi bất hạnh của anh, bởi tôi không hiểu nó là gì cho đến khi chính tôi là nạn nhân của nỗi bất hạnh đó''.

Tôi nhớ buổi chiều ngồi đọc những dòng chữ anh gửi gắm trong tập truyện, vừa cảm thông suy tư ấy vừa ngậm ngùi trước lòng tin phát xuất từ trái tim chân thật đến tưởng chừng có lúc thơ ngây của anh. Điều anh tin quá giản dị, có biết bao sự vật hay sự kiện trên mặt đất này mang nhiều lớp vỏ. Lớp vỏ của xứ Thụy Sĩ yên bình như một vùng đất bất khả xâm phạm, mà những tên độc tài hiếu sát trên thế giới vẫn còn đủ sáng suốt (như anh đã viết) để giữ gìn làm nơi ngồi xuống nói chuyện, thương thuyết với nhau, sau khi đã châm ngòi cho các lò thuốc súng ở khắp nơi, có thể che đậy những gì? Sau khi đã lột lớp vỏ hồng mềm mại, liệu người ta có thể phát hiện ra cái hột bên trong, tự lâu rồi, ươm mầm gieo giống những thảm họa. Bởi vì anh biết đâu, mảnh đất bình an ấy, trong mắt con người thường dân chúng ta, là một

trong những quốc gia mua bán chuyển giao và cung cấp vũ khí nhiều nhất cho những cuộc chiến tranh trên mặt đất này. Đấy cũng là thảm kịch, là thứ mà anh đã gọi là trò múa rối, là sân khấu của những màn kịch với đủ hoạt cảnh: hòa bình, chiến tranh, tình yêu, thù hận.

''Ta biết rằng đã hơn một lần
đã rung động bằng trái tim thơ ngây''

Phải chăng, đó là một mảnh tin yêu màu xanh phát sinh từ tâm hồn hướng về cái thiện và mỹ của người nghệ sĩ muốn đem đến cho cuộc đời này một thông điệp nhỏ về sự cảm thông, hay một lời cảnh cáo: '' Người ta hiểu thế nào về bức Guernica của Picasso ? Học được điều gì trong Docteur Jivago?...Nếu chỉ để khen chúng, chê chúng rồi xếp chúng qua một bên và quên chúng đi thì tốt hơn đừng nên biết đến sự có mặt của những tác phẩm đó...''. Thông điệp ấy truyền đi được đến ai và đến đâu, chắc anh xem như một điều nói ra chỉ để toại lòng.

Còn lại với tôi, mãi mãi anh là người hát dạo, là kẻ đã đến đây để 'rong chơi trong cuộc đời này'. Dù theo dòng nhạc anh tôi cảm thấy, dường như có lần, anh đã đi tới tận cùng con đường trần và đã mỏi, nhưng âm thanh của anh còn hát lên lời gọi kêu độ lượng đến ngậm ngùi. Hãy ngồi xuống đây. Bên con vực này. Ngó xuống thương đau.

MAI NINH
tháng bảy 99

Những đoạn văn của LUP được trích từ 'Không có mây trên thành phố *Los Angeles'*, Lê Uyên Phương, nxb Tân Thư (Hoa Kỳ) 1990.

CÙNG VĂN HỮU & BẠN ĐỌC

Trong tương lai gần, tạp chí HỢP LƯU sẽ thực hiện một số đặc biệt về nhạc sĩ

LÊ UYÊN PHƯƠNG

Rất mong nhận được đóng góp của quí văn hữu & độc giả, để số báo này thêm phong phú, giá trị.
Bài vở xin gửi về tòa soạn ngay từ bây giờ.



TRẦN MỘNG TÚ

Có tiếng chim hót ngoài cửa sổ

Những nụ hồng mới nở
trong mảnh vườn nhỏ sáng nay
Nắng đã bắt đầu tràn vào cửa sổ
Ông nội ngồi uống cà phê
ở cái bàn trong bếp
mấy sợi tóc trắng lơ thơ
Ông lắp lại chiếc máy nghe
Có tiếng chim hót ngoài cửa sổ

Thật là tuyệt vời
Bây giờ ông chỉ còn nghe tiếng chim hót
và tắm mình trong nắng
Ở tuổi 83
ông không còn bận tâm về một bài thơ
đọc lên nghe đau cả tai
ông không còn thắc mắc
về bộ quần áo đang mặc của mình màu gì
ngay cả những trận đấu banh
họ cứ việc làm nổ tung màn ảnh
Thật là tuyệt vời
Bây giờ không còn ai khen ông những lời giả dối
và không còn ai muốn kéo ông xuống khỏi
cái ghế ông đang ngồi
Vì họ biết
ông không còn ngồi được bao lâu nữa

Thật là tuyệt vời
không còn ai tranh giành với ông
một danh xưng trống rỗng

không còn ai nghĩ đến chuyện
đội cho ông một vòng nguyệt quế
hay một cái nón cối
Họ giữ lại cả hai
và đội cho một nhân vật khác
hấp dẫn hơn

Thật là tuyệt vời
ở tuổi 83
Ông lắp lại cái máy nghe
có tiếng chim hót ngoài cửa sổ
và nắng đã tràn vào

TRẦN MỘNG TÚ
6/99



GIANG

Nhân duyên

Chẳng nợ nần nhau mà ta trả
Một triệu lần hơn điều ta có
Những phút trong mắt người nồng nàn
Là lúc tim em đầy hãi sợ
Có phải em, bạo tàn như gió
Cuồn cuộn trong đêm bừng những lửa
Và, ẩn sâu trong cõi dịu dàng
Và khuất chìm, trong phút trăm năm
Ta sáng như trăng, đèn rực rỡ
Rọi soi đời trong đêm tối tăm

GIANG



NGUYỄN KHÁNH LONG

Sinh hoạt văn học nghệ thuật



Cuốn phim thứ ba của Trần Anh Hùng

Ngày 25 tháng 5 vừa qua, nhà đạo diễn Pháp gốc Việt Trần Anh Hùng đã khởi sự quay tại Hà Nội cuốn phim thứ ba của ông, *A la Verticale de l'Été (Những Ngày Nắng Hạn).*

Cả ba tác phẩm đều lấy khung cảnh Việt Nam, với những nhân vật Việt Nam; nhưng cuốn phim đầu tay của ông, *Odeur de la Papaye Verte (Mùi Đu Đủ Xanh),* đoạt giải Camera vàng tại Đại Hội Điện Ảnh Cannes năm 1993, đã thực hiện trên đất Pháp. Cuốn phim thứ hai, *Cyclo*, đoạt giải Sư tử vàng tại đại hội điện ảnh Venise năm 1995, đã được thực hiện tại Sài gòn. Nghe nói mới đây Trần Anh Hùng thổ lộ rằng ông không thể làm phim nếu không phải tại quê hương.

Nếu *Odeur de la Papaye Verte* dựng lại một thế giới xa vời của thập niên 1950, *Cyclo* là một bức tranh của Sài gòn vào thập niên 1990. Và vì lý do đó Trần Anh Hùng lần này đã phải vận động nhiều tháng mới được nhà cầm quyền Hà Nội cho phép quay cuốn phim thứ ba mà giới mộ điệu vẫn chờ đợi.

Đề tài của *A la Verticale de l'Été* vẫn được giữ kín, các nhà sản xuất chỉ cho biết "đó là một hài kịch xã hội hiện đại, một cuốn phim tâm tình gợi nhắc đến các truyền thống Việt Nam từ ngàn xưa."

Phim được quay tại một đường phố Hà Nội, cũng như sẽ quay tại vịnh Hạ Long và tại di tích lịch sử Ao Vua (Hà Tây), và dự tính hoàn thành vào cuối tháng 7.

Diễn viên đa số là người Việt, trong đó có hai diễn viên nổi tiếng của Việt Nam, Như Quỳnh và Lê Khanh, và bà vợ của nhà đạo diễn, Trần Nữ Yên Khê.

Tây Ban Nha vinh danh văn hào Đức Guenter Grass

Ngày 2/6/1999, tin từ Oviedo (Tây Ban Nha) cho hay văn hào Đức Guenter Grass đã được trao tặng giải thưởng Văn học Hoàng tử Asrturies ("Hoàng Tử Asturies" là tước vị của đông cung thái tử Tây Ban Nha), một trong những giải cao quý nhất của xứ này. Đây là lần đầu tiên giải thưởng trị giá 5 triệu pesetas này được tặng cho một nhà văn không viết bằng tiếng Tây Ban Nha.

Ban giám khảo, do vị giám đốc Hàn Lâm Viện Hoàng Gia chủ toạ, đã chọn Guenter Grass trong số 35 nhà văn tiếng tăm thuộc 24 quốc tịch khác nhau, như Ernesto Sabato xứ Argentine, Augusto Monterroso xứ Guatemala, Umberto Eco nước Ý, v.v.

Ban giám khảo đã vinh danh Guenter Grass là "nhân vật xuất chúng của văn học, của tinh thần nhân bản phê phán, và của sự dấn thân đạo đức của thời đại chúng ta." Họ nói thêm rằng ông đã dùng văn chương — "với phẩm chất thẩm mỹ ít ai bằng" — để "say mê phụng sự các giá trị của tự do và bênh vực kẻ yếu, cũng như kiên quyết hỗ trợ các hệ thống dân chủ hiện đại." Guenter Grass, "công dân của Âu châu, một tác giả cả thế giới đều biết đã không bao giờ tách rời nghệ thuật với đạo đức."

Văn hào Guenter Grass, năm nay 70 tuổi, là tác giả của nhiều tiểu thuyết, kịch và khảo luận. Tác phẩm của ông luôn luôn gây nhiều tranh luận. Những năm gần đây, ông đã chống lại việc thống nhất vội vã nước Đức và bênh vực những di dân gốc Thổ Nhĩ Kỳ tại Đức.

Nên nhắc rằng ông có ảnh hưởng không nhỏ tới nữ sĩ Phạm Thị Hoài.

Hai trăm năm Pushkin
— Một trăm năm Hemingway — Một trăm năm Borges

Ngày 5 tháng 6 vừa qua, cả nước Nga sôi nổi kỷ niệm 200 năm ngày sinh thi hào Pushkin. Không phải chỉ là những tổ chức do chính

quyền chủ trương, không phải chỉ trong giới trí thức văn nhân, nhưng là cả quần chúng Nga đủ mọi thành phần đã tham gia.

Từ mấy tháng trước ngày kỷ niệm, nơi đâu người ta cũng gặp hình ảnh Pushkin, từ tủ kính các hiệu buôn cho đến các hộp diêm. Bất cứ góc phố nào tại Moscow cũng dựng bảng ghi lại một câu thơ, có khi nguyên một bài thơ của ông. Từng câu thơ trong kiệt tác *Eugene Onegin* được ngâm ngày này qua ngày khác trên đài truyền hình.

Bên bờ Thái Bình Dương, một người dân thành phố Vladivostok, trước nay chưa từng làm thơ, đã giam mình trong phòng riêng 20 ngày để viết 200 bài thơ tưởng niệm và ca ngợi nhà thi hào dân tộc. Một người dân thành phố Arkhangelks đem cầm cố cả nhà cửa để có tiền xuất bản cuốn sách *Pushkin tại Arkhangelks* của mình, tuy rằng thực ra đây là chuyện một hậu duệ của Pushkin chứ nhà thơ chưa hề đặt chân tới thành phố này.

Một đài truyền hình tổ chức một cuộc thi tuyển kiến thức về Pushkin, và hơn 10 ngàn người từ 200 thành phố đã ghi danh tham dự. Cũng đài này mỗi sáng nhắc nhở khán giả "còn X ngày nữa là tới ngày sinh Alexander Pushkin."

Ngày 21 tháng 7 năm nay là dịp kỷ niệm sinh nhật thứ 100 của nhà văn Mỹ Ernest Hemingway. Tại sinh quán của ông ở Oak Park, Illinois, tổ chức The Hemingway Foundation of Oak Park cử hành lễ kỷ niệm kéo dài một tuần từ 14 tháng 7 tới 21 tháng 7, gồm nhiều tiết mục, trong số đó có một cuộc hội thảo văn chương kéo dài ba ngày với sự tham dự của các học giả quốc tế chuyên nghiên cứu về nhà văn đoạt giải Nobel này. Đồng thời, trong lễ kỷ niệm ở Oak Park nhà xuất bản Scribner cũng phát hành cuốn tiểu thuyết *True at First Light* của Ernest Hemingway chưa hề được xuất bản, do con trai ông là Patrick Hemingway nhuận sắc.

Và ngày 24 tháng 8 sắp tới sẽ là dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh văn hào xứ Argentine Jorge Luis Borges, qua đời năm 1986 tại Thụy Sĩ. Bà quả phụ Borges, Maria Kodama, cùng với hai nhà văn tên tuổi của châu Mỹ La-tinh, Gabriel Garcia Marquez và Carlos Fuentes, đã được nhiều thành phố trên thế giới hưởng ứng để tổ chức một cách ý nghĩa ngày kỷ niệm này. Buenos Aires sẽ tổ chức một hội nghị các nhà phê bình chuyên nghiên cứu văn nghiệp của Borges; bà Maria Kodama đã lập ra ở đây một Quỹ Borges với mục đích sưu tập tất cả những sách báo bình khảo về Borges cũng như tất cả những phim đã thực hiện dựa theo văn phẩm của ông. New York sẽ xuất bản toàn bộ truyện, thơ, khảo luận của ông dịch sang tiếng Anh, góp lại thành ba tập. Các thành phố Paris, Madrid, Lisbonne cũng sẽ tổ chức những

cuộc hội thảo.

Karl Krolow và Mario Soldati không còn nữa

Nhà thơ Đức Karl Krolow đã từ trần ngày 21/6/1999, thọ 84 tuổi. Ông được coi là một trong những thi sĩ lớn nhất của nước Đức thời hậu chiến, ngang hàng với Ingeborg Bachmann và Paul Celan.

Karl Krolow xuất bản tập thơ đầu tiên năm 1943, và nổi tiếng sau khi trận Thế Chiến Thứ Hai chấm dứt. Ông từng được trao tặng nhiều giải thưởng lớn như các giải Georg Buechner và Rainer Maria Rilke.

Ông để lại rất nhiều tác phẩm, và ngoài ra còn dịch sang tiếng Đức thơ của nhiều thi sĩ Pháp, nhất là Apollinaire và Verlaine.

Nhà nghệ sĩ Ý đa tài Mario Soldati đã mệnh chung ngày 19/6/1999, thọ 92 tuổi. Ông từng là tiểu thuyết gia, thi sĩ, đạo diễn cũng như viết truyện phim cho điện ảnh và truyền hình.

Từ 1931 đến 1960, ông đã đạo diễn khoảng 30 phim, và từ điện ảnh ông đã dễ dàng bước qua ngành truyền hình ngay từ những năm đầu thập niên 1950.

Cuốn sách đầu tiên được hoan nghênh nồng nhiệt của ông là cuốn *Lettere da Capri (Những Lá Thư Viết Từ Capri)*, viết năm 1953. Các tiểu thuyết của ông, gần 40 cuốn, đã đoạt nhiều giải thưởng của Ý.

Trong số các phim nổi tiếng nhất của ông, người ta phải kể đến *Piccolo Mondo Antico (Thế Giới Nhỏ Bé Ngày Xưa)* và *La Provinciale (Người Đàn Bà Tỉnh Nhỏ)* phỏng theo tiểu thuyết của Alberto Moravia.

Đại hội văn hóa quốc tế tại Huế

Ngày 29 tháng 6 vừa qua, ông FranVois Gauthier, tùy viên văn hóa tòa Đại sứ Pháp tại Hà Nội, loan báo nước Pháp, cộng tác với chính phủ Việt Nam trong khuôn khổ chương trình Năm Du Lịch năm 2000, sẽ tổ chức Đại Hội Huế 2000. Trong những cuộc trình diễn tại Đại hội sẽ có mặt các nghệ sĩ Pháp và Việt thuộc các ngành múa, phối cảnh, xiếc và kịch đường phố.

Phía Pháp, cho đến nay được biết các nghệ sĩ sau đây sẽ tham dự Đại hội: Philippe Decouflé với vở "Triton" phối hợp tất cả các bộ môn xiếc (múa, nhào lộn, ảo thuật...), Régine Chopinot và đoàn vũ Le Ballet de l'Atlantique, nhà phong cảnh Phéraille. Ngoài ra công ty

Carabosse sẽ đảm nhận một đêm pháo bông trên sông Hương vào ngày kết thúc.

Đại hội sẽ kéo dài từ ngày 9 đến ngày 20 tháng 4 năm 2000.

Alexandre Zinoviev trở về Nga

Nhà văn và triết gia Nga Alexandre Zinoviev đã trở về quê hương ngày 30/6/1999 —sau 21 năm lưu vong — cùng vợ, bà Olga, và cô con gái Xenia. Trước khi rời nước Đức, ông đã tuyên bố: "Tôi muốn có mặt bên đồng bào tôi để chống lại các kẻ thù của nước Nga; để dành lại độc lập cho nước Nga đang chịu ách thực dân của Tây phương."

Sinh ngày 29 tháng 10 năm 1922, Zinoviev từ khi còn là sinh viên đã lên tiếng tố cáo sự tôn thờ Stalin, và đã bị khai trừ khỏi đoàn thanh niên cộng sản. Trong trận Thế Chiến II, ông là phi công của không quân Liên Xô, và sau khi hết chiến, ông trở lại học tại đại học Mạc-tư-khoa, tốt nghiệp và trở thành giáo sư luận lý và tâm lý.

Năm 1954 ông được bầu vào Viện Triết Học của Hàn Lâm Viện Khoa Học, và bị trục xuất năm 1977, sau khi cho xuất bản bên Tây phương tập sách "Những Đỉnh Cao Rỗng Tuếch". Tập sách chống đối chế độ này đã khiến ông bị tước hết văn bằng, tước vị, huân chương. Năm 1978 ông được phép sang Đức, và sau đó bị truất quốc tịch Liên Xô.

Chống đối chế độ nhưng Zinoviev cũng đồng thời chống đối chủ nghĩa tư bản. Ông đả kích mạnh mẽ Gorbachev và Boris Yeltsin vì họ đã ngả theo đường lối Tây phương.

Bây giờ trở về quê hương, ông có tham vọng "dậy cho đồng bào tôi hiểu thế nào là thế giới ngày nay." Câu nói đó khiến người ta nhớ tới lời của nhà văn và nhà cách mạng Cuba José Marti (1853-1895) khi từ Mỹ về nước: "Tôi đã từng sống trong lòng con quái vật."

Giải thưởng Remarque
tặng cho nhà văn Iran Huchang Golchiri

Ngày 2/7/1999, giải thưởng Hoà bình Erich Maria Remarque — do tên nhà văn Đức tác giả cuốn tiểu thuyết "Phía Tây Không Có Gì Lạ" — đã được trao tặng cho nhà văn Huchang Golchiri, người Iran, 62 tuổi.

Ông Golchiri là một trong những nhà văn danh tiếng nhất Iran, mặc dầu các tác phẩm của ông từng bị cấm một thời gian dài. Ông đã xuất bản khoảng 15 tiểu thuyết, tuyển tập truyện ngắn, khảo luận

và thơ. Tác phẩm *Ông Hoàng Ehtedsab* của ông, xuất bản vào cuối thập niên 60, được coi là đánh dấu khúc quanh của văn học Iran.

Dưới chế độ quân chủ, ông đã từng vào tù nhiều lần; và sau cuộc cách mạng Hồi giáo, ông bị mất chức giáo sư tại trường Nghệ Thuật; trước sau đều vì lập trường đòi hỏi tự do ngôn luận. Ong hiện vẫn sống tại Teheran.

Giải Remarque của thành phố Osnabruck (Đức), trị giá 12,700 euros (khoảng 13,000 mỹ kim), cứ hai năm lại được tặng cho một nhân vật tranh đấu cho hoà bình hoặc viết về chủ đề hoà bình.

Bức tranh Odalisque của Matisse được trả lại cho chủ nhân

Mới đây, hội đồng quản trị của Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Seattle đã bỏ phiếu tán thành việc trao trả một bức tranh của họa sĩ trứ danh phái ấn tượng Henri Matisse cho những người thừa kế của nhà sưu tập tranh người Pháp gốc Do Thái Paul Rosenberg.

Viện bảo tàng này đã quyết định như vậy sau khi tổ chức bất vụ lợi Holocaust Art Restitution Project (chuyên giúp tìm kiếm để đòi lại những tác phẩm nghệ thuật bị Đức Quốc Xã vơ vét đem về nước), sau 16 tháng khảo cứu, đã xác nhận rằng bức tranh sơn dầu "Odalisque" mà Matisse vẽ năm 1928 là thuộc tài sản của gia đình Rosenberg và đã bị Đức Quốc Xã lấy năm 1941 khi họ chiếm đóng nước Pháp. Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Seattle đã được tặng bức tranh này năm 1991, theo di chúc của một nhà triệu phú đã mua nó tại phòng trưng bầy tranh Knoedler & Co. ở New York năm 1954 với giá 19,000 đô la. Năm 1997, gia đình Rosenberg đã đòi hỏi viện bảo tàng phải trả lại cho họ bức tranh. Lúc đầu viện bảo tàng từ chối và nói rằng họ cần phải kiểm chứng về nguồn gốc của nó; và năm 1998, gia đình Rosenberg nạp đơn kiện tại một tòa án liên bang Hoa Kì. Điều này thúc đẩy viện bảo tàng kiện nhà trưng bầy tranh Knoedler & Co. để đòi lại tiền vì họ đã bán sản phẩm bị ăn cắp. Bây giờ viện bảo tàng nói rằng họ sẽ tiếp tục vụ kiện để đòi bồi hoàn theo thời giá của bức tranh vào khoảng hai triệu đô la.

J.D. Salinger được trả lại 14 bức thư tình

Như mục này đã nói trong Hợp Lưu kì trước (số 47), ngày 22 tháng Sáu vừa qua, 14 bức thư tình của nhà văn J.D. Salinger viết cho Joyce Maynard năm 1972 đã bị đem ra bán đấu giá ở New York. Ông

Peter Norton, người sáng lập công ti Peter Norton Computing Inc. — nổi tiếng với những nhu liệu Norton Untilities và Norton Anti-Virus — đã trả 156,500 đô la để mua, với chủ ý sẽ gửi trả những bức thư này cho người viết. Joyce Maynard, 45 tuổi, cho biết sẽ dùng số tiền bán được để cho các con học đại học. Nhưng nàng đã bị nhiều người chỉ trích nặng nề về hành động "kiss and sell" đó. Nhà bỉnh bút Maureen Dowd của báo The New York Times so sánh nàng với Monica Lewinsky và gọi họ là "leech women" — những con đỉa cái chuyên bám vào những người đàn ông nổi tiếng để hút máu (và cũng hút cả danh tiếng của họ...) Dù sao, hành động hào hiệp của ông Norton đã giúp cho hai nhân vật chính trong cuộc đều vừa lòng: J.D. Salinger vẫn giữ được sự riêng tư mà ông coi trọng, còn Joyce Maynard thì có tiền cho con đi học...

"Bố Già" Mario Puzo đã qua đời

Tác giả của *The Godfather* vừa từ trần ở New York ngày 2 tháng Bẩy, thọ 78 tuổi. Là con của các di dân người Ý mù chữ, nhưng bẩy cuốn tiểu thuyết của ông đã bán được tổng cộng hàng chục triệu ấn bản. (Riêng *The Godfather* đã bán được hơn 21 triệu ấn bản trên khắp thế giới và trở thành một trong những cuốn sách bán chạy nhất trong lịch sử. Với sự thành công của cuốn tiểu thuyết viết về Mafia này, nhiều người đã nghi rằng ông có liên hệ với giới anh chị gốc Ý cho nên mới biết rõ về họ như vậy. Nhưng Puzo luôn luôn phủ nhận chuyện đó và cho biết ông đã khảo cứu về Mafia trong các thư viện. Năm 1996 ông nói trong một cuộc phỏng vấn: "Nếu nhập bọn với Mafia thì có lẽ khỏe hơn nhiều. Tôi hài lòng rằng mình là nhà văn, nhưng đây là công việc khó khăn. Không ai thích làm chuyện khó khăn." Trong cuộc phỏng vấn đó của hãng thông tấn AP ông cũng nhìn nhận rằng cái huyền thoại Mafia mà ông đã "lãng mạn hóa" — và nhấn mạnh vào danh dự và tình gia đình — trong tiểu thuyết của ông, thật ra không giống các băng đảng tội phạm thứ thiệt ngoài đời. Trước khi từ trần ông Puzo đã viết xong cuốn tiểu thuyết cuối cùng nói về một gia đình Mafia hoàn lương, nhan đề là *Omerta* — sẽ được xuất bản vào năm 2000. Ngoài sự nghiệp viết tiểu thuyết ông cũng đã viết hơn mười truyện phim — và được tặng hai giải Oscars dành cho truyện phim hay nhất.

Viện Bảo Tàng Van Gogh

Khi Viện Bảo Tàng Van Gogh ở Amsterdam khai trương năm

1973, ban giám đốc đã ước lượng mỗi năm sẽ có khoảng 60,000 khách tới viếng. Nhưng chẳng bao lâu sau họ thấy con số ước tính đó quá khiêm tốn. Vào năm 1997 số người tới xem tranh của Van Gogh từ khắp nơi trên thế giới đã tăng lên tới con số một triệu người. Bây giờ, sau gần một năm đóng cửa để nới rộng, tân trang, và cải thiện hệ thống ánh sáng, viện bảo tàng vừa mở cửa lại vào ngày 24 tháng Sáu vừa qua. Chương trình nới rộng và tân trang này là nhờ một hãng bảo bảo hiểm Nhật Bổn đóng góp tài chánh và do kiến trúc sư người Nhật nổi tiếng Kisho Kurokawa đảm nhiệm. Van Gogh và người Nhật có nhiều duyên nợ với nhau: Thuở sinh thời ông có một bộ sưu tập những ấn bản tranh Nhật Bổn, và có lẽ ông đã chịu ảnh hưởng về những tương phản mầu sắc trong các bức họa đó. Ngày nay người Nhật cũng rất mê tranh Van Gogh. Viện bảo tàng này trưng bầy nhiều tác phẩm của Van Gogh nhất thế giới: khoảng 200 bức tranh, 500 bức phác họa và 700 lá thư. Ngoài ra, họ còn trưng bầy cả bộ sưu tập ấn bản tranh Nhật Bổn của ông và tác phẩm của các họa sĩ đương thời của thế Kỉ 19.

Nhạc sĩ Lê Uyên Phương từ trần

Tin buồn đến quá đột ngột, cho hầu hết mọi người, từ thân bằng quyến thuộc đến thính giả yêu nhạc.

Có lẽ do bản chất nghệ sĩ, Lê Uyên Phương không mấy khi chịu thăm viếng các phòng mạch, do đó, dù mang mầm bệnh ưng thư từ lâu, ông vẫn không biết. Đến lúc sức đề kháng của cơ thể yếu đi, ông ngã quỵ, người thân đưa vào cấp cứu thì mọi sự đã muộn.

Hai giờ chiều ngày 29 tháng Sáu năm 1999, tại bệnh viện UCI (California, Hoa Kỳ), nhạc sĩ Lê Uyên Phương trút hơi thở cuối cùng.

59 năm có mặt trên trần thế, nhạc sĩ Lê Uyên Phương đã để lại cho đời những tình khúc lạ lẫm nhất, mê đắm nhất, đẫm ướt dục tính nhất (hiện tượng cá biệt, xuất hiện lần đầu tiên trong âm nhạc VN).

Nhiều ca khúc trong các tập nhạc Yêu Nhau Khi Còn Thơ, Vũng Lầy Của Chúng Ta, Khi Loài Thú Xa Nhau, Uyên Ương Trong Lồng, Bầu Trời Vẫn Còn Xanh xuất bản trước 1975 đã trở thành Kinh Tình Yêu của tuổi trẻ. Sau này, tại hải ngoại, dòng nhạc của Lê Uyên Phương chuyển hướng, xoáy vào các lĩnh vực siêu hình, triết học, đạo học, như các tập: Con Người, Một Sinh Vật Nhân Tạo - Biển, Kẻ phán Xét Cuối Cùng - Trái Tim Kẻ lạ - Lục Diệp Tố.

Ngoài âm nhạc, Lê Uyên Phương còn viết văn.Tập truyện ngắn và tùy bút *Không Có Mây Trên Thành Phố Los Angeles* (Tân Thư xuất bản 1990) đã được đón nhận nồng hậu từ phía độc giả.

Lê Uyên Phương tên thật là Lê Văn Lộc, sinh ngày 02 tháng 02

năm 1941 tại Đà Lạt.

Trong một bài phỏng vấn mới đây của ký giả Trường Kỳ, Lê Uyên Phương đã tiết lộ nhiều bất ngờ liên quan đến cái tên của mình. Ông cho biết tên nguyên thủy của ông là Lê Minh Lập. Vì sinh ra trong thời kỳ chiến tranh, giấy tờ hộ tịch thất lạc, nên phải làm lại giấy khai sinh. Lần đầu, các viên chức hộ tịch biến Lê Minh Lập thành Lê Minh Lộc, Lần thứ hai, lại thành Lê Văn Lộc . Từ đó, anh không đổi nữa. Ngay cả họ Lê cũng do thân sinh của ông tự "cải biên". Vào thời cụ Phan Bội Châu làm cách mạng, rồi bị bắt, bị tù dầy, nhiều người mang cùng họ với cụ sợ liên lụy, đã đổi tên thay họ. Ông nội của Lê Uyên Phương lấy họ mới là họ Dương (thay cho họ chính là họ Phan), riêng cụ thân sinh ra ông, giang hồ xiêu dạt vào Nam, chả hiểu vì lý do gì, "cải biên" thêm một lần nữa, thành họ Lê.

Lê Uyên Phương mất đi, để lại nỗi đau lớn cho gia đình ông, nói riêng, bằng hữu thân thiết và những thính giả ái mộ tài năng của ông, suốt mấy thập niên qua, nói chung.

Ra mắt tạp chí Việt số 4

Để hâm nóng không khí văn nghệ trong cộng đồng Việt Nam tại Úc, vào chiều Thứ Bảy 10 tháng Bảy vừa qua, Tạp chí Việt đã tổ chức buổi ra mắt số 4 về chủ đề “Tình yêu, tình dục và vấn đề phái tính trong văn học”. Buổi ra mắt được tổ chức tại đại học Victoria University, với sự tham dự của khoảng 150 người, hầu hết là những độc giả của Việt. Ngoài ra, còn có sự tham dự của giới văn nghệ sĩ hiện đang định cư tại Úc, như điêu khắc gia Lê Thành Nhơn, hoạ sĩ Lê Văn Tài, nhà thơ Thường Quán và Đông Phương... cũng như giới truyền thông, các phóng viên báo chí tại địa phương, các phóng viên đài SBS, Radio Australia và 3ZZZ.

Mở đầu chương trình, nhà thơ Phan Việt Thuỷ, chủ nhiệm tạp chí Việt, đã nhấn mạnh tạp chí Việt là một trong những nỗ lực phát triển văn học Việt Nam mà Ban Ngôn Ngữ và Văn Học Việt Nam tại đại học Victoria University thực hiện, bên cạnh việc giảng dạy tiếng Việt cho người ngoại quốc cũng như nâng cao trình độ tiếng Việt của sinh viên Việt Nam và đào tạo các giáo viên dạy tiếng Việt tại Úc. Ông cũng cho biết chương trình Tiếng Việt tại Victoria University hiện nay được xem là mạnh nhất ở hải ngoại; đây là đại học duy nhất trên thế giới (không kể Việt Nam) vừa dạy tiếng Việt ở trình độ sơ cấp lẫn trình độ cao cấp (với 7 trình độ khác nhau) nơi sinh viên có thể ghi danh học Tiếng Việt như một môn chính (major) trong văn bằng cử nhân.

Tiếp theo, nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, chủ bút của Việt, đã giới thiệu Việt số 4. Ông cho biết, trong ba vấn đề đặt ra trên Việt 4, hai vấn đề "tình dục" và "phái tính" là những điều rất tế nhị, viết đã khó, nói lại càng khó hơn nữa, do đó, ông chỉ xin tập trung nói về vấn đề đầu tiên, là chuyện tình yêu trong văn học Việt Nam. Trong đề tài này, do thời gian giới hạn, ông chỉ tập trung vào một luận điểm chính: tình yêu không phải là một đề tài vĩnh cửu như chúng ta thường tưởng. Trong văn học Việt Nam, tình yêu chỉ thực sự xuất hiện như một đề tài văn học từ đầu thế kỷ 18. Nhưng trong suốt thế kỷ 18 và thế kỷ 19 cũng như trong mấy chục năm đầu của thế kỷ 20, tình yêu thường bị đồng nhất với tình nghĩa, với hôn nhân; nếu không, bị xem như một trò đùa. Do đó, có hai hình thức chính để diễn tả đề tài tình yêu: một là thể truyện (để có khả năng kéo dài thời gian nhằm chứng minh các tình nhân sống có "nghĩa" với nhau); hai là viết về tình yêu với giọng bỡn cợt (tiêu biểu nhất là Nguyễn Công Trứ, Dương Khuê, Tú Xương và thậm chí cả Tản Đà nữa). Trong Thơ Mới thời 1932-45, tình yêu được trình bày hoàn toàn khác: một là, các nhà thơ tách tình yêu ra khỏi tình nghĩa và hôn nhân, chỉ tập trung vào khoảnh khắc nóng bỏng nhất của tình yêu; hai là, họ viết về tình yêu với giọng say sưa, tự hào và sùng kính như một tôn giáo. Sau năm 1945 thì đề tài tình yêu càng lúc càng thất thế, ở cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Sau năm 1975, ở hải ngoại, mặc dù trên các báo tuần, báo ngày số lượng thơ viết về tình yêu cũng còn khá nhiều, nhưng trong giới cầm bút chuyên nghiệp, đặc biệt những cây bút xuất sắc và có ý hướng cách tân, đề tài tình yêu cứ ngày một vắng bóng; hơn nữa, cũng mất hẳn vẻ thi vị như xưa. Nguyễn Hưng Quốc kết thúc bài thuyết trình bằng câu hỏi: Những nguyên nhân nào đã dẫn đến sự thất thế của đề tài tình yêu? Tại sao con người vẫn tiếp tục yêu nhau nhưng họ lại không hoặc hiếm khi viết về tình yêu? Nguyễn Hưng Quốc đặt ra những câu hỏi trên để kêu gọi những người tham dự cùng nhau thảo luận.

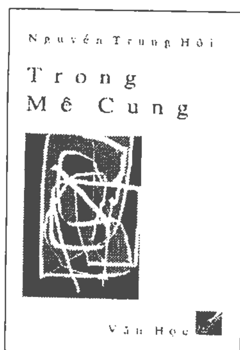
Tuy nhiên, trong phần thảo luận tiếp theo, vấn đề được nêu lên nhiều nhất không phải là chuyện tình yêu trong văn học mà là vấn đề thơ hay và thơ dở. Một số người nêu vấn đề: dường như giới phê bình chỉ chú ý đến những tên tuổi lớn mà lại thờ ơ trước giới làm thơ nghiệp dư. Nhà lý luận văn học Hoàng Ngọc-Tuấn, phụ tá chủ bút của Việt, đã trả lời thoả đáng thắc mắc ấy. Ông cho phần lớn các bài thơ đang đăng tải trên các tờ nhật báo, tuần báo hiện nay đều hay hơn Thơ Mới thời 1932-45. Hay hơn, nhưng chúng lại không thể tồn tại được với thời gian. Lý do chủ yếu là chúng chỉ là những sự biến chế lại những công thức đã có sẵn. Nghĩ cho cùng, những bài thơ ấy không do

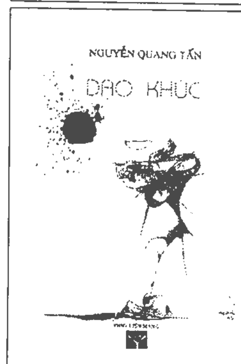
tác giả chúng viết ra, mà do những ông như Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử... viết ra qua tay của họ. Người đọc thấy rõ những bài thơ ấy hay nhưng lại cũng thấy rõ cả bóng dáng các nhà thơ đi trước sau lưng các bài thơ ấy. Bởi vậy, theo Hoàng Ngọc-Tuấn, viết văn hay làm thơ là nỗ lực chống lại những ảnh hưởng đã nhập tâm vào mình, là chống lại các công thức đã có sẵn. Chỉ trong ý thức sáng tạo như thế, người ta mới có thể tạo nên những tác phẩm độc đáo.

Hoàng Ngọc-Tuấn chinh phục người nghe không phải chỉ bằng kiến thức uyên bác cũng như khả năng lý luận chặt chẽ của mình mà còn bằng tài năng âm nhạc của anh. Trong phần văn nghệ, với chiếc đàn guitar trong tay, anh đã chinh phục mọi người tham dự bằng những bản nhạc do anh sáng tác hoặc phổ thơ và bằng tiếng hát hừng hực lửa của anh.

Cũng trong phần văn nghệ, ngoài tiếng hát của Hoàng Ngọc-Tuấn còn có sự đóng góp của Ban Dân Ca Giao Chỉ, một ban nhạc trẻ tại Melbourne. (Thi Thi *ghi*)

NGUYỄN KHÁNH LONG







NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Giới thiệu sách mới



VĂN HỌC MIỀN NAM, Truyện I, truyện II, Truyện III, Võ Phiến, Văn Nghệ xuất bản. Giá mỗi cuốn 18MK.

Nằm trong bộ Văn Học Miền Nam, thể loại truyện.

Mỗi tác giả đượcđề cập qua ba phần: giới thiệu, nhận định và trích văn.

Truyện I: Bình Nguyên Lộc, Doãn Quốc Sỹ, Chu Tử, Duy Lam, Duyên Anh, Dương Hùng Cường, Dương Nghiễm Mậu, Đỗ Thúc Vịnh, Đỗ Tiến Đức, Hoàng Ngọc Biên, Hoàng Ngọc Tuấn, Lê Tất Điều, Lê Xuyên, Linh Bảo, Mai Thảo, Mặc Đỗ.

Truyện II: Ngô Thế Vinh, Nguyên Sa, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Hoạt, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Xuân Hoàng, Nhã Ca, Nhất Linh, Nhật Tiến, Phan Du, Song Linh, Sơn Nam, Thanh Nam.

Truyện III: Thanh Tâm Tuyền, Thảo Trường, Thế Uyên, Tô Thùy Yên, Trần Thị NGH., Trùng Dương, Túy Hồng, Tuyết Hương, Tường Hùng, Văn Quang, Viên Linh, Võ Hồng, Vũ Bằng, Vũ Hạnh, Vũ Khắc Khoan, Y Uyên.

MÊ CUNG, tập truyện Nguyễn Trung Hối, Tựa Trần Hồng Châu,

thơ cảm đề Hồng Khắc Kim Mai, bạt Nguyễn Mộng Giác. Văn Học xuất bản. Giá 13MK. Liên lạc: Tạp chí văn Học, P.O.Box 1359. Garden Grove, CA 92842. USA.

Gồm mười truyện ngắn.

"... tôi thiết tưởng có thể tạm xếp Nguyễn Trung Hối ngồi chung với những tác giả thường xuyên đi ra ngoài bản ngã, nhập vào da thịt người khác, thổi sinh khí vào những nhân vật hoàn toàn khác mình. Nói thế để nhấn mạnh khả năng hư cấu của tác giả, điều kiện không thể thiếu vắng nơi người viết truyện ngắn, truyện dài."

"... có thể nói, bằng tâm hồn và kỹ thuật (cái know-how mà hiện nay người ta luôn luôn đòi hỏi), ông đã thành công về nhiều mặt trong lựa chọn của mình." (Tựa - Trần Hồng Châu)

GÌN VÀNG GIỮ NGỌC, Doãn Quốc Sỹ, bìa Ngọc Dũng, Văn Hóa xuất bản. Giá 15MK. Liên lạc: Văn Hóa Publisshing & Distributing CO., 1005 ST. Emanuel St # 205, Houston, TX 77003.

Tập III, trong bộ DOÃN QUỐC SỸ TOÀN TẬP, gồm nhiều truyện ngắn, dưới hai tên chung Gìn Vàng Giữ Ngọc & Gánh Xiếc.

Các tập đã in:

Truyện dài: Dòng Sông Định Mệnh, U Hoài, Cúi Đầu.

Cổ tích: Sợ Lửa, Hồ Thùy Dương.

GOM LẠI NHỮNG DÒNG TRĂNG, tuyển tập thơ, bìa Chinh, Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng xuất bản. Không ghi giá bán. Địa chỉ P.O.Box 452512, Garland, TX 75045-2512.USA. email vhnt@saomai.org

Gồn những sáng tác thơ ca đã xuất hiện trên Internet, của nhóm Liên Mạng, do nhà văn Phạm Chi Lan chủ trương từ nhiều năm qua.

Tập thơ là một cố gắng, chứng tỏ lòng say mê của các tác giả với thơ ca. Tuy nhiên, có lẽ muốn giới thiệu đầy đủ mọi khuôn mặt đã làm nên diễn đàn Văn Học Nghệ Thuật liên mạng, bài vở được chọn in, về phẩm, không đều. Nhiều bài xuất sắc bên cạnh những bài tầm thường, nhiều khám phá trong cách tân ngôn ngữ, tư tưởng, bên cạnh những ước lệ sáo mòn,˜ thậm chí non nớt đến ngô nghê.

MẶC NIỆM CHIẾN TRANH, tập truyện Trần Hoài Thư, tranh bìa Vũ Đức Thanh, tác giả xuất bản. Địa chỉ lên lạc: P.O.Box 58 S. Bound Brook, NJ 08880. USA. Giá 12MK.

Gồn 20 truyện ngắn.

Tác phẩm thứ chín của Trần Hoài Thư.

In trước 1975 tại miền Nam VN: Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang

- Những Vì Sao Vĩnh Biệt - Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi - Một Nơi Nào Để Nhớ.

In sau 1975 tại hải ngoại: Ra Biển Gọi Thầm - Ban Mê Thuộc Ngày Đầu Ngày Cuối - Về Hướng Mặt Trời Lặn - Thơ Trần Hoài Thư.

Trong "Thay lời mở" của tập truyện này, Trần Bang Bách đã viết như sau: "Trần Hoài Thư một ngòi bút đang viết vẽ lại một định mệnh cũ, những cảnh, những ngườ cũ, những thiết thân cũ, những xa xót cũ...".

Nghĩa nào đó, văn chương Trần Hoài Thư là loại văn chương của hoài niệm.

DẠO KHÚC, thơ Nguyễn Quang Tấn. Biên tập Phạm Chi Lan, phụ tá biên tập Phạm Anh Việt, Lilian Nguyễn, trình bày bìa Chinh, phụ bản Đinh Cường, Chinh. Nhạc bản Nguyễn Quang Tấn. Tựa Thận Nhiên. Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng xuất bản. Không ghi giá bán.

Trên dưới 60 bài thơ, chỉ một nhan đề chung :Dạo Khúc, được đánh số thứ tự 1,2. 3....60, 61...

Theo Thận Nhiên: "hầu hết thơ Nguyễn Quang Tấn là thơ tình. Chỉ một ít bài có tính siêu nhiên. Và tuyệt đối không có một bài nào có tính thế sự, thời sự."

Nhẹ nhàng, êm ả, bàng bạc tình yêu với con người, với thiên nhiên, tạo vật, thơ Nguyễn Quang Tấn, đúng như Phạm Chi Lan nhận xét, "đã dẫn đưa tôi vào một nơi chốn lắng đọng bình yên, nghĩ đến một cánh đồng xanh êm, gối đầu lên cỏ ngủ như trẻ thơ..."

Chẳng có sự mất mát nào không được đền bù
Nên khi người lìa bỏ
Tôi tìm ra ngọc dấu nghìn thu
Dưới chân trường thành thiên cổ.

MÊ CA, thơ Phạm Kỳ Đăng, bìa & phụ bản của tác giả. Nhà xuất bản Hội Nhà Văn (Việt Nam nội địa). Giá 30.000 $VN.

Mấy năm nay, hiện tượng các tác giả hải ngoại về nước in thơ là khá phổ biến (với điều kiện các thi tập này không liên quan gì đến chính trị), qua công thức: tác giả chịu toàn phần chi phí ấn loát, một nhà xuất bản nào đó chịu trách nhiệm xuất bản. Chúng tôi không biết các thi tập này có được phổ biến rộng rãi ở nội địa hay chăng, và mãi lực thế nào.Tuy nhiên, một điều chắc chắn, đôi bên dùng có... lợi: các nhà xuất bản trong nước, dù ít dù nhiều, cũng có thêm một ít lợi nhuận

(chúng tôi có biết một tác giả về nước in thơ, đã tốn gần hai nghìn đô la cho một tập thơ chỉ nhỉn hơn 100 trang, với1000 ấn bản. Bằng giá thành này, ngay tại Mỹ, chúng tôi có thể in được... hai tập rưỡi, và chắc chắn chất lượng khá hơn gấp bội), Về phía các tác giả, tên tuổi được cầu chừng, đối khi, dưới "bảng hiệu" của các nhà xuất bản mang tầm cỡ quốc gia. Tốn kém, nhưng... vẻ vang chán.

Tập Mê Ca chia làm hai phần: Nguyện Hồn Thi Nhân & Mê ca

CON GÁI NGƯỜI GÁC ĐỀN BIỂN, tập truyện Nguyên Nhi, Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng xuất bản. Giá 15MK.

Gồn 21 truyện ngắn.

Ở bìa sau, tác giả trích văn của mình "... Anh, nhà văn, có thể tự đắc về sự sáng tạo của mình. Có thể anh tự xem mình là một đấng sáng thế. Anh có thể tự cho mình là đấng cứu chuộc. Cái cao ngạo của anh, nhà văn, đã làm anh quên bẳng đi những bi kịch của chính mình. Anh nhảy qua những vực thẳm có thực của đời mình bằng... sự quên lãng. Anh... kẻ bất lực..."

Phải chăng, đây là "tuyên ngôn văn chương" của tác giả ?

CHÂN MANG GIÀY SỐ 6, tập truyện ngắn Song Thao, bìa Khánh Trường, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 10MK.

Tập truyện thứ tư sau Bỏ Chốn Mù Sương, Đong Đưa Cuộc Tình, Còn Đó Bóng Hình.

Khác với nhiều tác giả cùng thời, cho đến hôm nay, sau hai mươi lăm năm tàn cuộc chiến, vẫn nhất định "không còn cầm súng thì cầm bút, tiếp tục chiến đấu" (nghe, như lời diễu dở của một anh hề hết thời. Cuộc chiến tương tàn được điều động bởi các thế lực ngoại bang, đã như một kỷ niệm ô nhục mà các phe phái chủ chốt thực sự muốn quên, thì những con tốt thí, vẫn tiếp tục gào thét "xung phong", giữa các phần đất ăn nhờ ở đậu ngoài quê hương, hay ngay trong lòng đất nước, khi chung quanh chả còn bóng dáng "quân thù"!), thì văn chương của Song Thao, như Nguyễn Mộng Giác nhận xét "không còn là tù nhân của bất cứ getto nào, bất cứ mặc cảm nào, bất cứ hoang tưởng nào".

Bối cảnh, nhân vật trong truyện ngắn Song Thao, là bốn cảnh, nhân vật bây giờ, tại đây, nơi ông đang sống. Nó gần gũi, nó thiết thân, nó vui, nó mang ý hướng lạc quan. Người đọc, khi gấp sách lại, sẽ cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng, thoải mái.

QUẢNG ĐÀ, Đặc san biên khảo văn học nghệ thuật (1999), tranh bìa Đing Cường. Sông Thu xuất bản.

Chủ trương Thái Tú Hạp, Ái Cầm.

Dày trên 500 trang, qui tụ hầu hết các cây bút gốc Quảng Đà hoặc ít nhiều liên hệ đến Quảng Đà.

Nhiều biên khảo giá trị, sáng tác thơ văn phong phú.

VĂN TẬP, ấn phẩm của câu Lạc Bộ Văn Hữu (Canada), số 2, Xuân Hạ 99. Dày 360 trang.

Biên khảo. lý luận, sáng tác thơ văn.

Địa chỉ liên lạc: 174 Forward Ave., Ottawa, Ontario, Canada, K1Y, 1L2.

VIỆT, sáng tác, phê bình, lý luận văn học, số 4, chủ đề "Tình yêu Tình Dục & Vấn Đề Phái Tính Trong Văn Học"

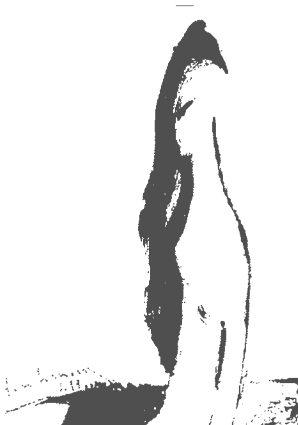
Tạp chí ra mỗi năm hai số, chủ nhiệm Phan Việt Thủy, chủ bút Nguyễn Hưng Quốc, phụ tá chủ bút Hoàng Ngọc Tuấn. Tòa sạon đặt tại Úc, phát hành khắp thế giới..

Trong số này, phần tiểu luận rất phong phú, cộng với thơ truyện ságn tác của những ngòi bút tên tuổi, đã tạo cho Việt một vị trí vững vàng trong sinh hoạt văn hộc nghệ thuật hải ngoại.

THỜI ĐẠI, tạp chí nghiên cứu và thảo luận, số 3, 1999.



Với văn hữu và độc giả



Việt gian

Tôi từ Pháp sang Cali nghỉ hè, đọc báo thấy có biểu tình tại viện bảo tàng Bowers, thành phố Santa Ana. Lý do để phản đối âm mưu tuyên truyền của CS.

Đây là chuyện khá lạ với tôi, nói riêng, và người Việt Âu châu, nói chung. Tại Pháp, hầu như vài năm lại có một cuộc trưng bày tranh tượng của VN nội địa. Phải thành thật nhận định, về mặt nghệ thuật, các cuộc triển lãm này chưa đạt tiêu chuẩn cao, khiến khách thưởng ngoạn không mấy lưu tâm. Giả dụnhằm mục đích tuyên truyền, thì những cuộc triển lãm này thất bại. Trình độ nghệ thuật quá khiêm tốn, làm thế nào thuyết phục được ai.

Nhằm thỏa mãn tò mò, tôi nhờ người thân đưa đến viện bảo tàng Bowers. Cậu em lắc đầu: "Đi làm gì, không khéo lại bị chửi là Việt gian". "Việt gian? Sao lại Việt gian?" Cậu em cười: "Chữ nghĩa của người Việt... quốc gia bây giờ nó lạ lắm anh ơi, trắng thành đen, đen thành trắng, không thể hiểu nổi." Càng nghe tôi càng tò mò, đòi đi bằng được. Cuối cùng, cậu em đàng phải chiều tôi.

Đến nơi, tôi hơi ngỡ ngàng. Bên ngoài, dọc hè đường, nhiều người cầm cờ (Mỹ và ba sọc đỏ), biểu ngữ hò hét khi tôi đi qua, "Đả đảo Việt Gian." "Đả đảo cộng sản khát máu." Một người đàn bà, mặt mày đằng đằng sát khí, nhổ nước bọt vào mặt tôi. "Đồ đội quần." Một gã đàn ông khác, "ĐM mày, ngu như heo." Cô gái đi bên cạnh tôi mặt

xanh dờn, khi thấy một chị đàn bà khác chồm tới, trong tư thế sẵn sàng "làm thịt" kẻ thù: "Đồ đĩ chó", chị ta hét. Một gã nữa đi thụt lùi trước mặt tôi, quay phim. Cậu em nói nhỏ giọng trách móc, "Anh thấy chưa, đã bảo mà, đi làm gì". Tôi chợt nhớ đến ngày ba mươi tháng tư. Cũng những khuôn mặt, những biểu hiện sân si hung hãn như thế này, với vòng băng đỏ quấn quanh bắp tay, lũ du thủ du thực nhân danh "cách mạng" đã túa ra đường, gây nên bao cảnh cười đau khóc hận. Ngày đó, tôi từng bị một thằng oắc con miệng còn hôi sữa chận bắt, dùng kéo cùn cắt nham nhở mái tóc của tôi, vì cho rằng "để tóc dài là biểu hiện không lành mạnh."

Vào trong, xem qua một vòng, tôi lại thất vọng, như đã từng thất vọng. Chả có gì mới lạ, nhiều bức tranh dưới mức trung bình. Điều này tôi đã tiên đoán trước. Duy tôi lấy làm lạ, không có bức tranh nào có ý đồ tuyên truyền cho chế độc CS như báo chí, truyền thanh truyền hình đã đưa tin. Tôi tò mò lật cuốn lưu niệm đặt ở cuối phòng, xem thử. Bên cạnh những phê phán vô thưởng vô phạt, hoặc khen chê thuần túy vì nghệ thuật của người Mỹ, tôi đọc thấy khá nhiều "góp ý" của người Việt Nam.

Mới chỉ đọc vài trang, tôi đã kinh ngạc, rồi đỏ mặt, xấu hổ. Không nói đến thứ tiếng Anh sai be bét và rất bồi, tôi chỉ đề cập đến nội dung những phê phán này.

Ví dụ. Bức *Những chiếc ghế (Chairs)* của Đặng Thị Khuê. Họa sĩ vẽ bốn chiếc ghế, một cái màu đen, một cái màu trắng, hai cái màu vàng, trên nền đỏ, đã được một ông Việt Nam "diễn nghĩa": bốn chiếc ghế tượng trưng cho bốn nước CS. Hai cái màu vàng là VN và Trung Quốc (*góp ý của tôi, người viết thư: bà họa sĩ này dốt, lẽ ra phải thêm một cái màu vàng nữa cho Bắc Hàn!*) Cái màu đen là... Cu Ba, cái màu trắng đích thị... Liên Xô (*còn CS ư, trời ạ!)* Bốn chiếc ghế đặt trên nền đỏ. Tác giả "lời bình" kết luận: ý "con mẹ Việt Cộng" này muốn nói bốn nước cộng sản sẽ... xích hóa thế giới. Tham vọng ngu xuẩn!

Kinh khủng hơn nữa là "lời bình" về một bức tranh khác của Pham Viet Hong Lam (không bỏ dấu) nhan đề *Mèo với âu cá (Cat with Fishbowl).* Họa sĩ vẽ một con mèo ngồi bên cạnh một âu nước, bên trong âu có năm con cá hồng. Lời bàn như thế này: Bọn Việt Cộng vẫn thường tuyên truyền Mỹ là con cọp giấy. Vậy, mèo là... cọp giấy. Năm con cá màu hồng trong chậu tượng trưng năm nước CS. Ý họa sĩ muốn nói thằng đế quốc Mỹ đúng là cọp giấy, chả làm quái gì được năm nước Cộng sản, chúng vẫn nhởn nhơ... bơi lội trong cái "thiên đường" của chúng.

Còn khá nhiều "lời bàn" khác, nhưng tôi không đủ can đảm kể

lại. Càng kể càng cảm thấy như chính mình tự bôi tro trét trấu vào mặt mình! Tôi xót xa nghĩ, cuốn lưu niệm này sẽ được giữ ở bảo tàng Bowers, nó sẽ trở thành một chứng tích tiêu biểu cho "trí tuệ" của cộng đồng Việt Nam tại Mỹ. Ôi chao, còn hãnh diện nào bằng!

Tôi không biết trong ban chủ trương HL đã có ai đi xem triển lãm tại Bowers chưa? Nếu chưa, hãy cố đến đó một lần, để... hâm lại tinh thần đấu tranh... bất khuất. Biết đâu nhờ vậy HL sẽ khá hơn, sẽ không còn bị chụp mũ, bôi bẩn.

Nguyễn Van Kh (Paris - Garden Grove)

Ông chủ biên KT đã đến rồi, thưa anh, và đã bị "dàn chào" khá cẩn thận.

Theo lời kể của ông PN và NQĐ (cùng đi với chủ biên chúng tôi) thì qua điều động của Ngô Kỷ, đám biểu tình đã vây lấy KT, réo đích danh tên họ ra mà chửi. Nào là "KT, Việt gian", "KT, Việt cộng khát máu". "ĐM mày KT" "KT uống máu què", "Đả đảo KT tay sai VC." "Đả đảo báo Hợp Lưu bồi bút"...

Nếu không có sự can thiệp của cảnh sát, e rằng tờ báo bồi bút này đã theo "chàng" vào nhà thương nghỉ ngơi, vì cứ chiếu theo sự cố tại hiện trường, thì "chàng" đã nhổ nước bọt, tỏ thái độ khinh miệt khí thế hung hãn kia. Thể nào cũng bị tẩm quất cẩn thận.

Điều không hiểu nổi là đám đông cuồng tín, mông muội đó lại được điều động bởi Ngô Kỷ.

Ngô Kỷ, Hắn là ai?

Đó là một gã vô gia cư, vô nghề nghiệp, chuyên sống bằng nghề... biểu tình. Bất cứ nơi nào có sự cố ắt có gã cùng một số đàn em. Dư luận đã nhận xét đám này là gánh hát xẩm... dơ và tởm nhất nước. Trong cuộc "đấu tranh" trước quán Viễn Đông, có đứa đã... tụt quần, chổng mông xoay về phía cửa quán hò hét man rợ như Chí Phèo, đến nỗi trong trát tòa ban ra (đã yết thị rộng rãi), cấm chỉ bọn này không được biểu tình trước cơ sở làm ăn của chủ quán kiêm nghị viên thành phố Tony Lam trong vòng 300 yards, có ghi thêm: "không được cởi quần, phô trương bộ phận sinh dục và chửi tục."

Điều đáng buồn là những cái được mệnh danh truyền thông, báo chí hải ngoại. Đã hèn nhát, mũ ni che tai, sợ bứt dây động rừng, nên đã quay lưng giả câm giả điếc trước hành vi bêu rếu của tên Chí Phèo kia, dù họ biết tỏng nó là thằng vô lại, cần phải loại bỏ.

Số sau, anh nhớ đón đọc Ngày... Tháng..., *Kim Thi sẽ trực diện với vấn đề. Thân mến.*

HỢP LƯU

ĐÍNH CHÍNH CHO TRÒ CHƠI
NHẬN DIỆN VĂN THI SĨ

1. Chúng tôi xin lỗi quí vị về những lỗi xếp chữ và xin sửa lại như sau:

Trong phần 52 câu hỏi:

- Phần xếp chữ các câu thơ xin quí vị tác giả các đoạn thơ được trích dẫn tha lỗi cho vì người xếp chữ đã không theo đúng chỗ ngắt câu và xuống hàng.
- Có vài lỗi ở các câu như sau:

* câu 26 thiếu số 26 và mất một đoạn ở đầu:

Hạnh phúc và bất hạnh
vui và buồn, nhớ và quên
cọ vào nhau xiết vào nhau
bốc lửa
(cách hàng)
Cháy tiêu đi....

* câu 28 bị thu nhỏ và không xuống hàng
* câu 41 bi thu nhỏ số 41
* câu 44 bi lập lại số 43
* câu 46 bị thu nhỏ số 46 và không xuống hàng

Trong phần bảng trả lời xin sửa chỗ chữ UU là Nguyễn Huy Thiệp (không phải Trần Hoài Thư)

2. Hiện tại chúng tôi có nhận được nhiều thư trả lời của quí vị đã gởi qua bưu điện và e-mail. Danh sách quí vị vì quá nhiều nên không thể ghi ra tất cả.

3. Hạn chót nhận câu trả lời là ngày 10/31/99. Chúng tôi dành thời gian qua 4 số Hợp Lưu 46-47-48-49 và kết quả sẽ công bố trên số Hợp Lưu số 50.

Thành thật cám ơn quí vị đã hưởng ứng cuộc chơi Nhận Diện Văn Thi Sĩ.

TRẦN LONG HỒ

PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được hung tin

Ông LÊ ĐÌNH ĐIỂU

pháp danh TỈNH GIÁC

Nguyên tổng cục trưởng Tổng Cục Thông Tin Quốc Nội, bộ Dân Vận.
Nguyên chủ bút nhật báo Người Việt.
Nguyên chủ nhiệm nguyệt san Thế Kỷ 21.
Chủ tịch hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA).
Tổng giám đốc đài phát thanh Việt Nam California Radio VNCR.

đã từ trần hồi 21 giờ 59 phút, thứ Hai ngày 24 tháng Năm 1999
tại Bellflower, California, USA, hưởng thọ 61 tuổi.
Xin thành kính chia buồn cùng tang gia
cầu chúc hương hồn ông Lê Đình Điểu sớm tiêu diêu miền vĩnh phúc.

Tạ Ty, Nghiêm Xuân Hồng, Phạm Duy, Thái Tuấn, Võ Phiến, Nguyễn Văn Trung, Ngô Thế Vinh, Võ Đình, Thế Uyên, Trương Đình Nho, Kỳ Hùng, Bùi Vĩnh Phúc, Ngọc Dũng, Duy Thanh, Vũ Quang Ninh, Trần Như Tráng, Bùi Bảo Trúc, Trần Long Hồ, Trang Châu, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Đức Quang, Bùi Hồng Sĩ, Phạm Quốc Bảo, Trần Duy Đức, Du Tử Lê, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Quý Toàn, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Văn Moch, Vi Vi, Nguyên Khai, Đinh Cường, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Ann Phong, Nguyễn Việt, Nguyễn Trung, Nguyễn Phước, Phạm Hoàng, Trịnh Cung, Nguyễn Văn Trung, Dương Văn Hùng, Lệ Chi, Đỗ Xuân Chính, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Nguyễn Ri, Khuất Duy Trác, Nguyễn Đình Toàn, Giang, Doãn Quốc Sĩ, Ngô Bảo, Ngô Mạnh Thu, Mỹ Sương, Hằng Nga, Rừng, Huỳnh Hữu Ủy, Lê Thọ Giáo, Võ Thắng Tiết, Viên Linh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Kiều Chinh, Thái Thanh, Nguyễn Đức Quang, Cao Bá Minh, Khế Iêm, Phạm Việt Cường, Cao Xuân Huy, Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Hoàng Chính Nghĩa, Nguyễn Hương, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Vy Khanh, Nguyễn Hữu Lê, Hoàng Chiều Nhân, Miêng, Nguyễn Triệu Luật, Hồ Đình Nghiêm, Song Thao, Luân Hoán, Hoàng Xuân Sơn, Lưu Nguyễn, Phan Ni Tấn, Nguyễn Hưng Quốc, Thường Quán, Phùng Nguyễn, Lê Tất Luyện, Thụy Khuê, Lê Tài Điển, Nguyễn Cầm, Phan Nguyên, Trần Vũ, Hồ Minh Dũng, Phan Tấn Hải, Trần Diệu Hằng, Đào Trung Đạo, Trịnh Y Thư, Đỗ Kh., Thân Trọng Mẫn, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Hoàng Ngọc Tuấn, Mai Ninh, Triều Hoa Đại, Thận Nhiên, Trương Vũ, Vũ Thùy Hạnh, Lê Văn, Vũ Huy Quang, Trần Mộng Tú, Nguyễn Văn Hưng, Quỳnh Hương, Đoàn Duy Hiệp, Nguyễn Xuân Nghĩa, Quỳnh Giao, Nguyễn Trọng Khôi, Hà Dương Dực, Nguyên Vũ, Phạm Long, Nguyễn Hữu Công, Định Nguyên, Nguyễn Hùng Vũ, NgngDung & Khánh Trường...

PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được hung tin

Nhạc sĩ LÊ UYÊN PHƯƠNG
(LÊ VĂN LỘC)
Pháp danh QUẢNG PHƯỚC

đã từ trần hồi 14 giờ ngày thứ Ba 29 Tháng 6 Năm 1999
(nhằm ngày 16 tháng 5 năm Kỷ Mão)
tại bệnh viện UCI, California, USA,
hưởng thọ 59 tuổi.

Xin thành kính chia buồn cùng tang gia
cầu chúc hương hồn LÊ UYÊN PHƯƠNG sớm tiêu diêu miền vĩnh phúc.

Tạ Tỵ, Nghiêm Xuân Hồng, Phạm Duy, Thái Tuấn, Võ Phiến, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Mộng Giác, Ngô Thế Vinh, Võ Đình, Thế Uyên, Bùi Vĩnh Phúc, Ngọc Dũng, Duy Thanh, Bùi Bảo Trúc, Trần Long Hồ, Trang Châu, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Quang, Bùi Hồng Sĩ, Phạm Quốc Bảo, Trần Duy Đức, Du Tử Lê, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Quý Toàn, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyên Khai, Đinh Cường, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Ann Phong, Nguyễn Trung, Nguyễn Phước, Trịnh Cung, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Khuất Duy Trác, Nguyễn Đình Toàn, Giang, Doãn Quốc Sĩ, Ngô Bảo, Rừng, Huỳnh Hữu Ủy, Nguyễn Trọng Chức, Nguyễn Trọng Khôi, Lê Thọ Giáo, Võ Thắng Tiết, Viên Linh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Kiều Chinh, Thái Thanh, Nguyễn Đức Quang, Cao Bá Minh, Khế Iêm, Phạm Việt Cường, Cao Xuân Huy, Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Hoàng Chính Nghĩa, Nguyễn Hương, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hồ Đình Nghiêm, Song Thao, Luân Hoán, Hoàng Xuân Sơn, Lưu Nguyễn, Trang Châu, Phan Ni Tấn, Nguyễn Hưng Quốc, Thường Quán, Phùng Nguyễn, Lê Tất Luyện, Thụy Khuê, Trần Trúc Giang, Phan Tấn Hải, Trần Diệu Hằng, Đào Trung Đạo, Trịnh Y Thư, Đỗ Kh., Lê Thị Huệ, Vũ Quỳnh Hương, Vũ Quỳnh Nh., Thân Trọng Mẫn, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Hoàng Ngọc Tuấn, Triều Hoa Đại, Vũ Thùy Hạnh, Lê Văn, Vũ Huy Quang, Nguyễn Văn Hưng, Quỳnh Hương, Đoàn Duy Hiệp, Nguyễn Xuân Nghĩa, Quỳnh Giao, Nguyên Vũ, Phạm Long, Nguyễn Hữu Công, Trầm Tử Thiêng, Nhật Ngân, Đặng Hiền, Trúc Hồ, Trúc Sinh, Lê Đức Long, Lâm Nhật Tiến, Lâm Thúy Vân, Nhật Hạ, Khánh Ly, Nguyễn Hoàng Đoan, Nguyễn Thành Út, Cẩm Hằng, Nguyễn Trọng Khôi, Huy Tưởng, Nguyễn Trọng Chức, Trần Quảng Nam, Nguyễn Hùng Vũ, NgngDung & Khánh Trường...

PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin Thân mẫu & Nhạc mẫu của
Họa sĩ NGUYỄN THỊ HỢP & & Họa sĩ NGUYỄN ĐỒNG

Cụ bà quả phụ NGUYỄN TĂNG LÂM
Nhũ danh NGUYỄN THỊ TRINH
Pháp danh DIỆU TIẾT
Từ trần lúc 8:15 sáng ngày 8 tháng 7 năm 1999
Nhằm ngày 25 tháng 5 Kỷ Mão
tại Gardena, California. USA, hưởng thọ 96 tuổi.

Ban chủ trương, các văn hữu cộng tác với tạp chí Hợp Lưu
cùng Hội Nghệ Sĩ Tạo Hình Việt Nam Hải Ngoại
thành kính chia buồn cùng tang gia.
Cầu chúc hương hồn cụ bà Nguyễn Tăng Lâm
sớm tiêu diêu miền cực lạc.

PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin Thân mẫu & Nhạc mẫu của
Nhà văn TRẦN DIỆU HẰNG & Họa sĩ NGUYÊN KHAI

Bà quả phụ TRẦN MẠNH PHÚC
Nhũ danh HOÀNG THỊ NHUNG
Pháp danh PHỔ NHÀN
mãn phần vào lúc 5:48 sáng ngày 10 tháng 7 năm 1999
Nhằm ngày 27 tháng 5 Kỷ Mão
tại Orange County, California. USA, hưởng thọ 89 tuổi.

Ban chủ trương, các văn hữu cộng tác với tạp chí Hợp Lưu
cùng Hội Nghệ Sĩ Tạo Hình Việt Nam Hải Ngoại
thành kính chia buồn cùng tang gia.
Cầu chúc hương hồn cụTrần Mạnh Phúc
sớm tiêu diêu miền cực lạc.

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

NGUYỄN XUÂN QUANG

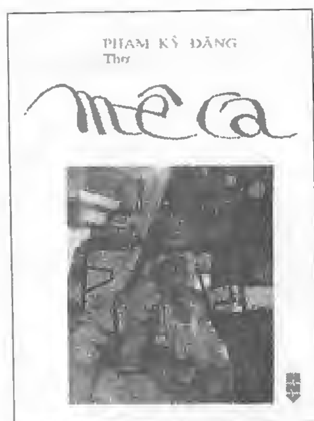
KHAI QUẬT KHO TÀNG CỔ SỬ HÙNG VIỆT



Y HỌC THƯỜNG THỨC

Giá 30MK. Ngoài Mỹ 40MK (bao cước phí Air mail)
Công trình nghiên cứu công phu và kiên nhẫn
trải dài trên hai mươi năm.

Y HỌC THƯỜNG THỨC xuất bản
P.O.Box 18983
Anaheim, CA 92817 - 8983. USA
Tel & Fax: 714-897-9413

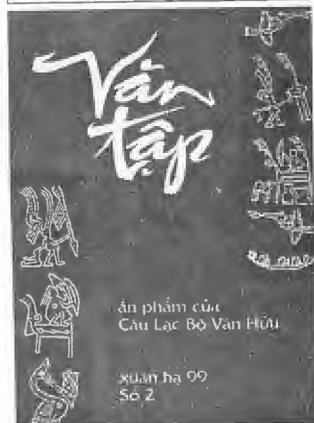


PHẠM KỲ ĐĂNG

mê ca

thơ

nhà xuất bản HỘI NHÀ VĂN



văn tập

xuân hạ 99
số 2

CÂU LẠC BỘ VĂN HỮU



NGUYỄN NHI

con gái
người gác đèn bão

tập truyện

VHNT Liên Mạng xuất bản




KHÚC CỦA




k.khúc của lê
với các tiếng hát
Thủy Dương
Tuấn Ngọc
Mai Khanh
Anh Dũng
Lê Uyên
Lệ Thu
Huân Ngữ



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

Âu châu (Europe):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.